

ĐOÁ SEN HỒNG

KIM LIÊN kể

Lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ, đó là ngày 21 tháng 5 năm 1963, khi Bác về thăm tỉnh Nam Định. Hôm đó, Đoàn văn công Nam Định được biểu diễn phục vụ Bác tại hội trường nhà máy dệt. Chúng tôi biểu diễn màn *Chị Tâm đi tìm Đảng* trích trong vở *Cuộc đời theo Đảng* của Đặng Thục. Tôi đóng vai chị Tâm, người con gái của Đảng. Lần đầu tiên trong đời được biểu diễn phục vụ Bác, tôi vô cùng xúc động và đó cũng là lần biểu diễn thành công nhất của tôi. Sau buổi diễn tôi được Bác khen và tặng cho bó hoa tươi. Bác nói: "Cháu diễn tốt, nhưng cần cố gắng hơn nữa để xứng đáng là người con gái của Đảng". Sau buổi diễn, chúng tôi được chụp ảnh chung với Bác.

Lần thứ hai, ngày 20-12-1968 Đoàn chèo Nam Hà của chúng tôi được Bộ Chính trị gọi lên biểu diễn vở *Trần Quốc Toản ra quân*. Diễn xong, chúng tôi chuẩn bị trở về thì sáng 21-12-1968 anh Vũ Kỳ mà chúng tôi gọi là "anh guốc mộc" (vì anh hay đi guốc mộc) đến thăm anh chị em chúng tôi, tại nhà khách số 8 Chu Văn An. Anh Kỳ vui vẻ hỏi: "Các em lên Hà Nội biểu diễn cho Trung ương xong, bây giờ có nguyện vọng gì nữa không?". Một số anh em nói là muốn được đi thăm chùa Một Cột và xem các bảo tàng. Riêng tôi, thì tôi thưa rằng: "Ngoài việc đi tham quan, đặc biệt xin anh tạo điều kiện cho chúng em được vào biểu diễn để Bác xem. Được vậy là chúng em mừng nhất". Anh Kỳ nói: "Tôi về xin ý kiến Bác, chiều tôi sẽ báo lại". Thế là ngay chiều hôm đó chúng tôi được báo là bốn chị em: Kim Liên,

Thúy Ngân, Thúy Nga, Kim Chung được vào thăm Bác và hát cho Bác nghe. Chị em chúng tôi mừng quá, quên cả ăn uống buổi chiều. Chúng tôi được đưa vào nhà sàn của Bác. Vừa tới nơi, tôi đã thấy Bác đứng phía sau, tay chống ba-toong. Mới thấy Bác, tôi oà lên khóc vì thấy Bác đã già và yếu đi. Mới năm 1963, chính tay tôi cầm tay Bác và nói: "Bác béo khoẻ quá". Vậy mà hôm nay Bác đã gầy đi quá nhiều, tay lại phải chống ba-toong, chắc Bác phải lao tâm suy nghĩ nhiều vì đất nước còn bị chia cắt, quân thù còn giày xéo miền Nam? Thấy chúng tôi đều khóc, đều buồn, Bác nói: "Gặp Bác không được khóc, phải vui lên nào, ngồi xuống đây uống nước, ăn kẹo rồi hát cho Bác nghe". Bốn chị em chúng tôi ngồi xung quanh Bác. Bác hỏi: "Kim Liên, chồng cháu làm gì và đã có con chưa?". Tôi thưa với Bác: "Chồng cháu là bộ đội hiện nay đang chiến đấu ở chiến trường B. Cháu đã được hai đứa con gái, đứa thứ nhất tên là Ngọc Bích. Lúc cháu biểu diễn để Bác xem ở Nam Định là lúc cháu Bích được ba tháng rồi ạ! Còn cháu thứ hai tên là Hồng". Bác hỏi tôi: "Cháu có biết Bích là màu gì không?". Tôi nói: "Thưa Bác, cháu không biết!". Bác giải thích: "Bích là màu xanh, Hồng là màu hồng. Kim Liên là sen vàng". Bác hỏi tiếp: "Ai đặt tên cho các cháu?". Tôi trả lời: "Thưa Bác, cháu đặt đấy ạ! Nhưng khi đặt tên cho con, cháu cũng chẳng biết màu sắc gì, bây giờ được Bác chỉ dẫn cháu mới biết". Bác còn ân cần hỏi đến tiền lương và sinh hoạt ăn ở của văn công. Chị em cùng đi giới thiệu tôi là đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh. Bác liền nói đùa: "Cháu cố gắng lên làm ty Quốc hội thì mới có lương". Chúng tôi cùng cười vui. Thế rồi chị em chúng tôi lần lượt hát để Bác nghe. Cứ mỗi bài hát là được Bác thưởng một cái kẹo. Bác vừa cho kẹo vừa nói:

- Có lao động là có hưởng thụ.

Chị Kim Chung ngâm thơ. Trong bài thơ có câu: "Ai gọi tên xưa dãy núi Giăng Màn". Bác hỏi luôn:

- Tại sao lại gọi là núi Giăng Màn?

Chị Kim Chung đáp ứng. Bác giải thích ngay:

- Đó là dãy núi Trường Sơn, nó trùng trùng điệp điệp như người ta giăng cái màn này sang cái màn kia...

Chúng tôi đều nói: "Bây giờ cháu đã hiểu rồi". Cuộc ngâm thơ lại tiếp tục. Bác nghe rất hào hứng.

Vì để đảm bảo sức khỏe cho Bác, chúng tôi xin được tạm biệt Bác, mặc dù vẫn muốn được ở lâu hơn bên Bác.

Lần thứ ba tôi được gặp Bác vào giữa năm 1969. Hôm đó tôi cùng với Đoàn nghệ thuật Trung ương đi biểu diễn ở Pa-ri về. Chúng tôi có 78 người gồm các bộ môn: chèo, cải lương, múa hát, nhạc, và công nhân hậu đài, chia làm sáu tổ. Tôi là một trong 6 người được bầu ra để Bác Hồ tặng huy hiệu của Người. Để được nhận phần thưởng cao quý đó, ngày 16-7-1969 toàn đoàn chúng tôi được vào nhà khách trong Phủ Chủ tịch biểu diễn. Bác vui vẻ chúc mừng thành công của chúng tôi ở Pháp và Bác tự tay tặng huy hiệu cho chúng tôi. Trong đó gồm có:

- 1 - Ái Liên - nghệ sĩ cải lương;
- 2 - Kim Liên - nghệ sĩ chèo;
- 3 - Thanh Huyền - nghệ sĩ hát dân ca.
- 4 - Đinh Thìn - nghệ sĩ nhạc dân tộc.
- 5 - Thanh Bình - nghệ sĩ múa.
- 6 - Văn Phụng - công nhân.

Đến nay những huy hiệu của Bác đã tặng cho chúng tôi đều được giữ kỹ như một bảo vật thiêng liêng.

Lần thứ tư tôi được gặp Bác là ngày 17-7-1969. Tôi được Bác cho phép vào ăn cơm với Bác tại phòng riêng, có cả anh Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác cùng ăn. Bác hỏi tôi:

- Kim Liên đi Tây về chắc là thêm canh cua lắm nhỉ? Tôi thưa với Bác:

- Cháu thêm lắm, Bác ạ.

Bác lại bảo:

- Ủ hôm nay Bác cho cháu ăn cơm với canh cua.

Thế là Bác cháu ngồi vào mâm cùng ăn rất vui. Bác lại hỏi:

- Cháu ăn được mấy bát?

Tôi thưa:

- Cháu ăn được bảy bát ạ.

Bác quay sang phía anh Vũ Kỳ nói đùa:

- Thế là nó ăn hết phần của hai bác cháu ta đấy.

Tôi vội thưa lại ngay:

- Thưa Bác, mọi khi cháu ăn được bảy bát nhưng hôm nay được gặp Bác cháu mừng quá, cảm thấy no nên cháu chỉ ăn ba bát. Thế là Bác cười rất vui và chan canh cho tôi - Cữ chỉ ấy giống như người ông chăm sóc đứa cháu yêu.

Trong mâm cơm của Bác hôm đó có canh cua, có cà, một đĩa phèo lợn, một đĩa rau xào, một đĩa thịt nạc xào và một bát dấm ớt. Tôi ngồi ăn nhưng vẫn không ngừng quan sát xem Bác ăn có ngon miệng không. Còn Bác thì không quên gấp thức ăn cho tôi. Thấy Bác ăn ít quá, tôi cố mời Bác ăn. Bác nói:

- Khi Bác ăn được thì không có cái để mà ăn. Khi có cái ăn thì ăn không được.

Tôi xúc động đến nghẹn ngào vì thương Bác!

Bác hỏi tôi:

- Chồng cháu có hay viết thư về không? Bích và Hồng có khoẻ không?

Tôi sửng sốt và xúc động đến nghẹn ngào, không ngờ một Chủ tịch nước bận trăm công nghìn việc mà vẫn còn nhớ đến chồng đến con của một người như tôi. Tôi ấp úng trả lời:

- Dạ thưa Bác, đã sáu năm rồi cháu chưa được gặp chồng cháu. Còn hai cháu Bích, Hồng vẫn khoẻ ạ.

Bác lại hỏi tôi:

- Chú Xuân Thuỷ tặng cho cháu bài thơ thế nào, cháu đọc đi cho Bác nghe.

Tôi buông đũa xuống mâm và đọc bài thơ *Đóa sen hồng*:

Kim Liên quê ở Nam Hà...

Bác ngắt ngay ở đó và bảo:

- Kim Liên vốn ở Nam Đàn chứ.

Nói xong, Bác bảo tôi đọc tiếp.

Tôi đọc một mạch trong giọng ngâm xúc động:

Kim Liên vốn ở Nam Đàn

Mênh mông đồng lúa đậm đà biển khơi

Xinh xinh em nở nụ cười

Khoan khoan em múa dẻo mười ngón tay

Tiếng em cao vút tầng mây

Bông trâm em hát càng say lòng người

Nhớ nhung đôi lúc bồi hồi

Yêu anh chiến sĩ giữ lời thủy chung

Kim Liên như đóa sen hồng

Nam Hà như nước hồ trong mùa hè

Đêm trường thơm ngát Pa-ri

Tai nghe ai hát mà mê giọng chèo.

Bác chăm chú nghe tôi đọc thơ. Còn tôi thì chăm chú nhìn Bác suýt nữa quên cả lời thơ. Tôi đọc xong, Bác gật đầu khen hay. Tôi vô cùng sung sướng và nói:

- Cháu thấy Bác đẹp như ông tiên vậy.

Bác liền quay sang nói với anh Vũ Kỳ giọng rất vui:

- Nó lại nịnh Bác để Bác thưởng kẹo cho nó đấy.

Ôi! Câu nói sao mà giống hệt như những người ông nói với cháu mà tôi vẫn được nghe ở gia đình hoặc ở đâu đó trong làng quê Việt Nam.

Ăn cơm xong, Bác dặn anh Vũ Kỳ:

- Chú nhớ gửi kẹo cho hai cháu Bích - Hồng nhé.

Sau đó Bác cho phép tôi được lên thăm nhà sàn của Bác. Tôi theo chân Bác hồi hộp bước lên cầu thang. Bước vào phòng

riêng của Bác tôi đưa mắt quan sát khắp gian phòng đơn sơ mà lòng trào dâng lên một niềm thương cảm. Tôi không ngờ Bác Hồ, vị Chủ tịch nước kính yêu và vĩ đại của dân tộc, lại ở trong một gian phòng nhỏ, tiện nghi quá giản đơn, của cải chẳng có gì! Như hiểu được ý nghĩ của tôi. Bác nói giọng trầm buồn:

- Bác chẳng có gì cho cháu cả! Bác chỉ có cái thước mà lúc còn nhỏ đi bôn ba các nước. Bác có nhặt được mảnh gỗ, tự tay đẽo thành một cái thước kẻ để dùng, nay Bác cho cháu để làm kỷ niệm.

Tôi cầm cái thước mà rơm rớm nước mắt vì không ngờ Bác lại nghèo đến thế. Tôi phát hiện trên cái thước có ghi ba chữ cái: S - N - K (Suy Nghĩ Kỹ). Một lần nữa tôi lại hiểu thêm cuộc đời và nhân cách vô cùng trong sáng của Bác. Đến uyên thâm và vĩ đại như Bác mà khi viết và nói gì cũng phải "suy nghĩ kỹ". Cho đến nay tôi vẫn giữ cái thước của Bác Hồ như giữ một báu vật thiêng liêng nhất. Hôm nghe tin Bác mất tôi rụng rời, nước mắt cứ trào ra. Tôi lại cầm cái thước ra ngắm rồi đặt lên bàn thờ có ảnh của Bác, miệng thì thầm tưởng niệm:

- Bác Hồ ơi! Bác đã đi xa rồi, cháu xin nguyện sẽ làm theo lời của Bác để xứng đáng là đứa cháu đã được vinh dự mang cái tên đẹp đẽ "Kim Liên", cái tên mà Bác đã nhắc như một phần thưởng là:

- Kim Liên quê ở Nam Đàn.

Nam Đàn và Kim Liên đều là quê hương của Bác mà đến hôm nay cả nhân loại đang hướng về đó với tấm lòng sùng kính đối với một vĩ nhân - một anh hùng giải phóng dân tộc, một nhà văn hoá lớn, một người ông, một người cha vô cùng kính yêu của những người làm nghệ thuật chúng ta.

HOÀNG CHƯƠNG ghi

HOÁ TRANG NHÂN VẬT BÁC HỒ TRÊN SÂN KHẤU

NHỮ ĐÌNH NGUYỄN

Cho tới nay, sau gần 30 năm tiến hành công trình nghiên cứu hoa trang hình tượng nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh, tôi đã tạo hình thành công trên 20 nghệ sĩ, diễn viên được trao trách nhiệm thể hiện nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và điện ảnh trong các tác phẩm khác nhau.

Về điện ảnh:

1) Bộ phim truyện *"Vùng trời"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ quá cố Tuấn Tú.

2) Bộ phim tài liệu nghệ thuật thiếu nhi *"Câu chuyện tháng năm"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ Văn Hoà.

3) Bộ phim tài liệu nghệ thuật thứ hai *"Ông tiên trong tù"*, người đóng vai Bác là nghệ sĩ Ngọc Thuỷ.

Về sân khấu:

- Vở kịch *"Người công dân số 1"*, thể hiện vai Bác là nghệ sĩ Sỹ Hùng và nghệ sĩ Quang Văn.

- Vở kịch *"Lịch sử và nhân chứng"* do Đoàn kịch nói Hải Phòng dựng, thể hiện vai Bác là các nghệ sĩ Ngọc Thuỷ, Thăng Long, Trần Vinh.

- Vở tuồng *"Những năm tháng không thể nào quên"*, thể hiện vai Bác: Nghệ sĩ Tiên Thọ.

- Vở kịch *"Hành trình người chiến sĩ"* do Đoàn Tổng cục Chính trị dựng, thể hiện vai Bác là diễn viên Tiến Mộc.

- vở kịch "Đêm trắng" do Đoàn kịch Quân khu Hai dựng, thể hiện vai Bác: diễn viên Tiến Hợi; do Nhà hát kịch dựng, thể hiện vai Bác: diễn viên Trần Thạch và Trung Anh.

Ngoài ra còn một tiểu phẩm khác "Một kỷ niệm cao quý", người đóng vai Bác: diễn viên Văn Tân.

Với lòng kính yêu Bác Hồ, vị cha già của dân tộc, một vị lãnh tụ vĩ đại của cả những người dân Việt Nam và thế giới, với một tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp, tôi đã từng say mê nghiên cứu thể nghiệm. Đặc biệt là gần đây (trong tháng 5 và tháng 8, 9/1992) tôi đã có vinh dự được tham gia phục vụ tạo hình các hình tượng Bác Hồ trong Đoàn nghệ thuật sân khấu vào thành phố Hồ Chí Minh với chương trình biểu diễn đặc biệt về hình tượng Bác Hồ qua các thời kỳ lịch sử, do sáng kiến của Viện Nghệ thuật Sân khấu (chủ trì là đồng chí Viện trưởng Hoàng Chương), và đây chính là một dịp tôi được góp phần cùng các nghệ sĩ khác trong đoàn đưa đến cho những khán giả miền Nam mến yêu các hình tượng về Bác Hồ kính yêu của chúng ta qua các buổi diễn nghệ thuật.

Việc hoá trang hình tượng nhân vật Bác Hồ không phải là công việc hoá trang với những phương pháp bình thường, mà nó là một công trình tạo hình nhân vật rất công phu, phức tạp và phải dựa trên cơ sở khoa học về nhân chứng và giải phẫu học, dựa trên cơ sở lý luận thẩm mỹ, lý luận nghệ thuật về mọi mặt.

Phải nói rằng những suy nghĩ về việc xây dựng một công trình nghệ thuật tạo hình nhân vật lãnh tụ của dân tộc ta được nảy nở trong tôi từ khi xem những bộ phim truyện về Lenin, với một niềm tự hào dân tộc, với một lòng kính yêu đối với các vị lãnh tụ của ta, nhất là đối với Bác, đồng thời với một tấm lòng tự tin và trình độ chuyên môn của mình, với cương vị là người phụ trách bộ môn nghệ thuật hoá trang điện ảnh - từ những năm của thập kỷ 70, tôi đã mạnh dạn xây dựng công trình nghiên cứu này

- mặc dầu chưa có tác giả nào viết về Bác. Chưa có kịch bản nào đề cập tới hình tượng Bác Hồ trên màn ảnh cũng như sân khấu.

Khi tìm hiểu kinh nghiệm của Liên Xô cũ, trong việc xây dựng hình tượng nhân vật Lenin, chúng ta thấy rằng:

Âydanh Stanh là người đạo diễn đầu tiên làm phim truyện về Lenin, và người mà ông chọn đóng vai là ông công nhân Nikandrôp, bởi vì anh ta trông giống Lenin. Tuy ở các cảnh quay xa, bộ phim đã gây được một xúc động lớn đối với người xem. Nhưng những cảnh quay gần, đặc tả, cần đòi hỏi khả năng diễn xuất của diễn viên thì không đạt vì Nikandrôp không phải là diễn viên chuyên nghiệp.

Việc làm của Âydanh Stanh đã mở ra cho nền điện ảnh cũng như sân khấu sau này một số kinh nghiệm khá bổ ích - một trong những kinh nghiệm đó là: vai lãnh tụ phải do các nghệ sĩ, diễn viên chuyên nghiệp từng trải, tài năng đóng.

Bộ phim truyện đầu tiên thường hay nhắc đến và được coi là cái mốc lịch sử của nền điện ảnh Xôviết cũ, về việc xây dựng hình tượng Lenin là *"Lenin hồi cách mạng tháng Mười"* do nghệ sĩ Sukin sắm vai Lenin.

Sau sự khai phá của Sukin là các nghệ sĩ Stra Úc, Ulianốp, Kirin Lavrôp, Tro Sannôpsky...

Về mặt sáng tạo ra ngoại hình của Lenin, công sức của nhà hoá trang điện ảnh đầy tài năng Andjan đã được nhà đạo diễn tên tuổi Yutskevich mô tả bằng những dòng ngắn gọn và trân trọng trong hồi ký của ông như sau:

"Lần đầu tiên trong lịch sử điện ảnh và sân khấu, trong đêm khuya lặng lẽ, tại phòng hoá trang của Lenzilm, nghệ sĩ hoá trang Andjan cùng Sukin vui đùa trong đồng ảnh tranh phiên bản, ngồi hàng giờ liền để tạo những nét đầu tiên của hình tượng Lenin".

Sau sự mở đầu này, hàng loạt các bộ phim truyện về Lenin ra đời: *Lenin năm 1918*, *Người cầm súng*, *Những mẫu chuyện về Lenin*, *Lenin ở Ba Lan*, *Theo con đường của Lenin*, *Lenin ở Pari*, *Bản nhạc Appassionata*...

Cùng với sự ra đời của những bộ phim đó, cũng đã xuất hiện nhiều nghệ sĩ hoá trang tên tuổi của ngành điện ảnh Liên Xô cũ, như Andjan, Eimolóp, Emelianops và của ngành sân khấu: Gôndốp, Macximốp... họ đã được coi là tác giả của những hình tượng sống động về Lênin trong lĩnh vực tạo hình.

*

* *

Bắt tay vào xây dựng công trình hoá trang thể nghiệm hình tượng nhân vật lãnh tụ của Việt Nam, trước tiên là hình tượng Bác Hồ, một kinh nghiệm đầu tiên và quan trọng là tìm chọn diễn viên *chuyên nghiệp*, mặc dầu ở ngoài xã hội số người chúng tôi đã gặp có nhiều đặc điểm giống Bác, hoặc có nhiều thuận lợi để tạo đặc điểm rất giống Bác. Nhưng theo suy nghĩ của chúng tôi việc nghiên cứu hình tượng các lãnh tụ là một việc làm có tính tổng hợp, không chỉ đơn thuần là vấn đề xây dựng ngoại hình, mà phải có sự phối hợp giữa trình độ khả năng diễn xuất của diễn viên.

Một mặt khác, trong những bước đầu thể nghiệm, chỉ có những diễn viên chuyên nghiệp mới có thể chịu đựng được và làm quen với những phương pháp tạo hình đặc biệt, với thời gian lâu dài từ ngày này qua ngày khác để đi đến kết quả cuối cùng.

Các đồng chí đầu tiên được chúng tôi mời thử là đồng chí Văn Hoà và đồng chí Tuấn Tú.

Có vấn đề đặt ra làm mức độ giống như thế nào? Thế nào là giống?

Các đồng nghiệp Liên Xô cũ, khi xây dựng hình tượng Lênin trên màn ảnh có người có quan điểm cho rằng: cần phải sao chép nguyên xi những chi tiết về đặc điểm ngoại hình của Lênin - sau những tìm tòi nghiên cứu và sự tranh luận của các nhà chuyên môn, cuối cùng là về mặt tạo hình, vấn đề nghiêm trọng là cần làm nổi bật được những nét điển hình, và đặc trưng nhất của lãnh tụ làm cho người xem nhận ra ngay được hiệu quả

tạo hình đó. Đây cũng là kinh nghiệm quý báu của các đồng nghiệp của chúng tôi.

Sau một thời gian dài công tác cùng hai đồng chí Văn Hoà, Tuấn Tú (hiện đã quá cố), cùng với sự tìm hiểu nghiên cứu qua tranh ảnh và xem một số phim tư liệu về Bác, cùng với đồng chí nhiếp ảnh Lưu Xuân Tú, vất lộn ngày đêm rất say sưa miệt mài, tìm tòi mọi góc độ khác nhau, cuối cùng cho đến 1 đêm tới 2 giờ sáng tôi mới chụp xong được một số tấm ảnh, mà là mấy tấm ảnh cho thấy có triển vọng tốt đẹp về mặt tạo hình.

Kết quả tạo hình này sau đó được ứng dụng ngay vào bộ phim *"Vùng trời"* do đồng chí Huy Thành làm đạo diễn, hình ảnh Bác Hồ do đồng chí Tuấn Tú đóng tuy vậy cũng chỉ thoáng qua trong một số cảnh. Và chất lượng tạo hình còn hạn chế chưa đảm bảo được tính chân thực của điện ảnh.

Tuy nhiên sự mở đầu đã giúp chúng tôi tìm ra được những đặc điểm về hình thể và khuôn mặt của Bác qua những tấm ảnh tư liệu, về mặt nhân chủng học, đồng thời chúng tôi cũng tự tìm ra một số giải pháp trong việc tạo hình, nhằm biến đổi bộ mặt ở dạng polyné diêng.

Chính những điều này đã trở thành những yếu tố cơ bản trong việc nghiên cứu hoá trang hình tượng Bác Hồ trên các khuôn mặt khác nhau sau này.

Và điều quan trọng hơn nữa cho việc mở đầu công trình nghiên cứu tạo hình tượng nhân vật Bác Hồ lại chính là tạo một tiền đề thuận lợi cho các nhà sáng tác kịch bản mạnh dạn viết về Bác Hồ.

Sau đó xuất hiện vở kịch *"Người công dân số 1"* do Nhà hát cải lương Trung ương dựng. Như chúng ta đều biết, đây là một vở kịch đầu tiên về Bác Hồ, vai Bác do nghệ sĩ Sỹ Hùng và Quang Văn thể hiện. Tình cảm của khán giả cũng như giới nghệ sĩ như thế nào, các đồng chí đã rõ, và giới báo chí đã viết đủ cả, chúng tôi xin phép không nhắc lại.

Và niềm xúc động rất lớn đối với tôi mà cho mãi tới bây giờ tôi còn nhớ lại như mới xảy đến ngày hôm qua, là được nhìn thấy tận mắt một số khán giả khi thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra trên sân khấu với nắm đấm trên tay, họ đã sứt sùi nước mắt khóc lên thành tiếng. Như vậy có nghĩa là những sự đóng góp của tôi trong việc tạo hình vai Bác Hồ cho vở diễn đã có một thành công nhất định. Hình tượng Bác Hồ đã được sống lại trong lòng khán giả với một giá trị nghệ thuật tốt đẹp.

Và tôi cũng xin gửi lời cảm ơn nghệ sĩ Ái Liên (đã quá cố) người nữ Phó giám đốc Nhà hát chèo chút lo ăn uống cho chúng tôi (tôi và Sĩ Hùng) từng ngày trong suốt cả một quá trình nghiên cứu hoá trang phục vụ vở diễn "*Người công dân số 1*".

Trong vở kịch, cả 2 giai đoạn lịch sử về cuộc đời hoạt động của Bác (lúc mới bước vào hoạt động cách mạng tại Pháp và lần đầu tiên Bác trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng tại nước nhà) đều là những giai đoạn không hề có những tấm ảnh tư liệu về Bác.

Vậy làm thế nào để xây dựng hình tượng Bác cho hợp lý và khán giả có thể chấp nhận được.

Đồng chí Dương Ngọc Đức, đạo diễn, đã trao đổi với chúng tôi, khi thấy những khó khăn lớn đó, nói vui rằng chỉ cần tạo hình giống độ 60% là được rồi.

Tôi căn cứ vào những tấm ảnh sẵn có, trong từng giai đoạn khác nhau, dựa vào cơ sở giải phẫu học, và tính toán một cách hợp lý những đặc điểm của Bác được phát triển theo quy luật khoa học với một sự sáng tạo riêng, để tạo nên một ngoại hình của Bác có sức thuyết phục đối với người xem.

Sau hơn 2 tháng nghiên cứu, thử nghiệm trên bộ mặt thực của diễn viên, hình tượng Nguyễn Ái Quốc ở Paris và hình tượng Hồ Chí Minh đã được tạo hình với một hiệu quả tốt đẹp.

Có một điều khó khăn, là tất cả những đường nét, hình khối được tạo nên trên bộ mặt của Bác với những dáng vẻ tự nhiên nhân hậu, lạc quan... đều bắt nguồn từ trạng thái thể chất bên trong, kết hợp với sự rèn luyện ý chí của Người qua quá trình

hoạt động cách mạng, cho nên khi khắc hoạ những đường nét đó trên một bộ mặt khác, đều phải cân nhắc, giới hạn đến mức độ nhất định, đồng thời đối với diễn viên thì sự rung động của cơ mặt khi nói cười, người hoá trang phải nghiên cứu để định cho họ như thế nào là vừa phải, nếu không những hiệu quả hoá trang sẽ bị phá mất hẳn trước ánh sáng của sân khấu. Ở đây tôi cũng xin gửi lời cảm ơn các nhà nhiếp ảnh tên tuổi Đinh Quang Thành, Hoàng Kim Đáng đã tận tình giúp đỡ chúng tôi để có những tấm ảnh nghiên cứu cho những lần thử tranh tiếp theo.

Và điều lo lắng nhất về phần tạo hình đã được giải đáp: giải phẫu học là cơ sở khoa học chủ yếu cùng với sự sáng tạo của hoá trang đã là hai yếu tố quyết định cho việc xây dựng hình tượng lãnh tụ vĩ đại của dân tộc trong vở kịch "*Người công dân số 1*". Và vở diễn đã có tiếng vang lớn.

Tiến hành công trình nghiên cứu tạo hình tượng Bác Hồ, ngoài việc tiếp tục sưu tầm những tư liệu những tấm ảnh đặc biệt về Bác để nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn, tôi cũng đã dự định thể nghiệm hoá trang các nghệ sĩ đã từng quen biết với khán giả, vì vậy sau khi xây dựng hình tượng Lenin do nghệ sĩ Mạnh Linh trong các vở *Khúc thứ ba bi tráng* (1978), *Người cầm súng* (1980), *Những con ngựa xanh thắm cỏ đỏ* (1982) chúng tôi đã có một suy nghĩ rất mạnh bạo là hoá trang đồng chí Mạnh Linh thành nhân vật Bác Hồ. Đã từ lâu, tôi rất quý trọng tài năng của đồng chí. Với ý định bằng những phương pháp tạo hình và sức sáng tạo của mình, chúng tôi muốn tạo những điều kiện thuận lợi đặc biệt để qua kết quả tạo hình của hoá trang đồng chí Mạnh Linh có thể đi sâu vào thể hiện nhiều nhân vật lãnh tụ vĩ đại của chúng ta và của cả thế giới như: Lenin, Bác Hồ, Phidên Catstrô, Đimitrôp...

Và ở đây chúng tôi muốn chứng minh cho lời nói của nhà nghệ thuật sân khấu Stanilapsky: "Hoá trang là sự mở đường cho người diễn viên đi sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật". Và câu nói này đã được chúng tôi cho là cảm nang cho nghề nghiệp của mình.

Chính vì lẽ đó, nên sau khi hoàn thành vai Lenin cho đồng chí Mạnh Linh, ngay từ giữa năm 1983, giữa chúng tôi và đồng chí Mạnh Linh đã có sự cộng tác âm thầm, nghiên cứu thể nghiệm tạo hình vai Bác Hồ.

Nhưng kết quả tạo hình qua mấy tháng trời đều chưa thấy đạt kết quả qua các tấm ảnh đã chụp. Tuy nhiên, niềm tin tưởng tuyệt đối của đồng chí Mạnh Linh vào vai trò sáng tạo của hoá trang trong việc chúng tôi đã cộng tác nhiều lần với đồng chí xây dựng hình tượng Lenin, đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều, đồng thời đồng chí cũng đã dành rất nhiều thời gian và điều kiện thuận lợi để chúng tôi tiếp tục và chủ động đặt kế hoạch nghiên cứu thể nghiệm tạo hình vai Bác Hồ cho đồng chí.

Và những kết quả tạo hình tiếp theo đó đã có nhiều triển vọng tốt đẹp.

Năm 1984, để kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, Nhà hát kịch nói Việt Nam đã xây dựng một công trình lớn *Bài ca Điện Biên*, trong đó nhà viết kịch đã sửa lại kịch bản trước đây "*Bài ca viễn chinh*" và lồng vào một đoạn mới: Bác Hồ đi thăm đoàn dân công ở Đèo Khế theo yêu cầu của Nhà hát kịch.

Đây lại là cái mốc đánh dấu sự xuất hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu. Bác Hồ do nghệ sĩ Mạnh Linh đóng bước ra sân khấu, với những bước đi nhanh nhẹn, dáng vẻ đôn hậu. Sự xuất hiện của Bác chỉ trong vòng mười phút, đã gây nên một sự xúc động đặc biệt đối với người xem, đồng thời ít ai có thể cảm thấy đó là nghệ sĩ Mạnh Linh với cái lưng hơi gù, tấm thân dài đôi chân ngắn... Vì tất cả thân hình đã được khắc phục để nâng cao giá trị thẩm mỹ của hình tượng, từ việc sửa đôi vai cho thanh, cho đến việc đặt làm đôi dép cao su cao tới 11cm... Về bộ mặt, thì tạo hình Bác trong những năm tháng còn chiến tranh cũng đã đem lại một hiệu quả đáng kể, khác hẳn bộ mặt thực của nghệ sĩ Mạnh Linh.

Như vậy trong việc tạo hình này, nhà hoá trang không chỉ chú trọng tạo hình bộ mặt nghệ sĩ cho giống Bác mà còn phải chỉnh đốn thân hình bảo đảm một tỉ lệ cân đối trên cơ sở giải phẫu học, thì hình tượng lãnh tụ mới được xây dựng một cách hoàn chỉnh.

Đồng chí Ngọc Thuỷ, một trong số nghệ sĩ mà tôi cho rằng có nhiều điều kiện thuận lợi để tạo hình vai Bác Hồ trong giai đoạn trước, thì một điều may mắn là các đồng chí lãnh đạo Đoàn kịch Hải Phòng cũng có những nhận định như vậy khi lựa chọn phân công đồng chí thể hiện vai Bác Hồ trong vở kịch "*Lịch sử và nhân chứng*" do đoàn dựng năm 1985.

Với tài năng diễn xuất của đồng chí Ngọc Thuỷ, những kết quả tạo hình được kết hợp một cách nhuần nhuyễn tạo nên một hình tượng Bác Hồ rất thông minh trí tuệ, lại rất gần gũi, rất thân thương.

Chính những thành công trong việc xây dựng hình tượng Bác Hồ này, đã làm cơ sở tốt đẹp để đạo diễn Bùi Thị Hiền của chúng tôi quyết định mời đồng chí Ngọc Thuỷ tham gia đóng vai Bác Hồ trong bộ phim nghệ thuật "*Ông tiên trong tù*".

Để đảm bảo tính chân thực của điện ảnh, sau khi tạo hình tượng Bác, tất cả các chất liệu tạo hình cho phim như đôi tai, sống mũi, vàng trán đều được các đồng chí đồng nghiệp Liên Xô cũ đúc bằng chất liệu cao su để thuận lợi cho việc hoá trang, vì ở ta chưa xây dựng được cơ sở flastic để phục vụ cho các yêu cầu tạo hình này.

Riêng phần môi trên, sau khi nghiên cứu, chúng tôi thấy cần đắp thêm, để đảm bảo giá trị chân thực của hình tượng, sau khi tranh luận với các đồng chí chuyên gia bạn, cuối cùng vấn đề đó được giải quyết một cách tốt đẹp. Và hình tượng Bác Hồ trong bộ phim "*Ông tiên trong tù*" về mặt tạo hình đã có một giá trị nghệ thuật khá cao.

Cũng trong năm tháng này, đồng chí Văn Tân ở Đoàn kịch nói Hà Bắc, người đã ôm ấp ước vọng đóng vai Bác Hồ trên sân

khẩu, đã đề nghị chúng tôi xây dựng hình tượng Bác Hồ cho đồng chí đó đóng.

Sau một thời gian nghiên cứu, chúng tôi nghĩ đồng chí Văn Tân chỉ có thể được tạo hình vai Bác Hồ ở giai đoạn Bác tuổi đã cao (vì người đồng chí Tân to béo). Cuối cùng những ngày tạo hình thể nghiệm đã được kết thúc bằng những tấm ảnh do nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định chụp (ở đây tôi cũng xin cảm ơn nghệ sĩ Đinh Đăng Định, đã không quản đường xá xa xôi, đêm hôm mưa rét, lặn lội cùng chúng tôi trong cuộc thể nghiệm này tại Hà Bắc).

Nhân vật Bác Hồ đến thăm trận địa pháo phòng không trong một hoạt cảnh do tôi cùng đồng chí Văn Tân xây dựng: "*Một kỷ niệm cao quý*", đã có một giá trị nghệ thuật nhất định.

Qua việc thực hiện công trình nghiên cứu tạo hình nhân vật Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh này, kể từ ngày bắt đầu (những năm 70) tới nay đã gần 30 năm chúng tôi đã rút ra được một số kinh nghiệm phong phú và bổ ích, từ việc dựa trên cơ sở nhân chủng học và giải phẫu học để tìm hiểu những đặc điểm về khuôn mặt và hình thể của Bác, cho đến việc nghiên cứu phong cách, tư thế, tác phong sinh hoạt của Bác... một cách khoa học. Những kinh nghiệm này chính là những yếu tố cơ bản giúp chúng tôi có phương hướng để tiến hành công trình thể nghiệm tạo hình cho những nghệ sĩ, diễn viên sau này.

Phải nói rằng hầu hết các nghệ sĩ, diễn viên được vinh dự đóng vai Bác, đều do các đồng chí lãnh đạo nhà hát, các đoàn kịch lựa chọn và quyết định trên những cơ sở tiêu chuẩn nào đó... Đối với người tạo hình thì đây quả là một thách thức rất lớn, về riêng khuôn mặt đã không ai có được một số điểm thuận lợi nào. Còn về mặt hình thể thì người quá cao, người quá thấp, hoặc gầy, hoặc béo quá.

Một mặt, việc xây dựng hình tượng nghệ thuật sống động về Bác trên sân khấu cũng như màn ảnh, như các bạn đã biết, không thể chỉ tạo cho giống Bác là đã đạt, đã hoàn chỉnh. Chưa

nói đến chuyện "phải phối hợp chặt chẽ giữa ngoại hình và diễn xuất nội tâm", vì hầu hết các đồng chí được phân công đóng vai Bác, từ khi nghiên cứu kịch bản, cho tới các buổi công diễn chính thức, già dặn lắm chỉ trong vòng 3, 4 tháng, và với thời gian đó làm sao họ có đủ điều kiện để nghiên cứu về Bác, một nhân vật lịch sử, vĩ đại về tư tưởng, tinh thần, đạo đức, uyên bác về trí tuệ, phong cách ung dung, đĩnh đạc, tràn đầy niềm tự tin, lạc quan vào sự tất thắng của cách mạng. Maxim Stra Úc, nghệ sĩ của Liên Xô cũ, chỉ nhận đóng vai Lenin sau khi ông đã bỏ ra mười năm trời để nghiên cứu về Lenin...

Để nâng cao một phần hiệu quả hoá trang của mình, tôi thấy không ai khác ngoài nhà hoá trang, phải đi sâu vào nghiên cứu cả tư thế, phong cách, dáng dấp cũng như từng động tác sinh hoạt của Bác, theo những tư liệu mà mình đã nghiên cứu, qua những thước phim tư liệu, các cuốn sách viết về Bác làm cơ sở cho việc hướng dẫn, chỉ đạo và khắc phục cho người diễn viên thể hiện Bác được đúng và chính xác hơn về hình dáng cử chỉ, thái độ... của Bác.

Tôi tin là các đồng chí lãnh đạo cùng các nghệ sĩ diễn viên đã được tôi tạo hình thành vai Bác Hồ, cũng chấp nhận vai trò của tôi trong vấn đề này.

Cũng chính vì vậy khi nghiên cứu tạo hình vai Bác cho các đồng chí Tiến Thọ, Tiến Mộc, Tiến Hợi, Phùng Cứ, Trần Thạch, Trung Anh sau này, những kinh nghiệm trên đây đã giúp cho tôi khỏi những khó khăn mà tôi đã gặp.

Qua việc tiến hành *Công trình thể nghiệm tạo hình tượng Bác Hồ* trong những năm qua, chúng tôi đã có dịp nghiên cứu xây dựng hình tượng Bác qua nhiều giai đoạn lịch sử, tuổi tác khác nhau của Bác, góp phần cùng các đồng chí đạo diễn, nghệ sĩ diễn viên tạo những thành công, những tiếng vang cho các công trình, các vở diễn về Người. Đồng thời việc xây dựng *Hình tượng Bác Hồ* một mặt nào đó còn góp phần phát huy tài năng của các nghệ sĩ, diễn viên được phân công đóng vai Bác làm cho

hình tượng Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh ngày càng trở nên gần gũi thân thương đối với nhân dân.

Có người cho rằng việc xây dựng hình tượng nhân vật Bác Hồ chỉ là đòi hỏi và chỉ có giá trị với những người đương đại, được sống trong thời đại Bác Hồ, rồi giá trị nghệ thuật cũng như giá trị lịch sử của nó sẽ giảm dần.

Nhưng chúng tôi xin nêu lên đây ý kiến của nhà đạo diễn điện ảnh Liên Xô cũ Bônđasúc khi ông nói về việc xây dựng hình tượng Lênin như sau:

Chúng ta chớ coi thường việc xây dựng hình tượng Lênin cho lớp khán giả trẻ tuổi xem. Họ còn khó tính và nghiêm khắc hơn chúng ta nhiều (cuốn Le film Soviétique số 3/1983).

Ở đây chúng ta lại thấy rõ một điều là đối với hình tượng Bác Hồ thì sự phối hợp giữa nội dung và hình thức, giữa diễn xuất nội tâm và ngoại hình là một phạm trù rất quan trọng đôi khi sự thành công về ngoại hình đã đem lại một giá trị nghệ thuật có tính chất quyết định cho toàn bộ vở diễn, vì một điều rất dễ hiểu là toàn bộ hình ảnh và cuộc đời hoạt động của Bác từ lúc bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước cho đến ngày Bác đã đi xa đã ăn sâu vào tâm trí của người dân Việt Nam. Từng chi tiết nhỏ nhất về hình ảnh Bác Hồ: vầng trán cao, người thanh thanh, mắt như sao, râu hơi dài... (lời của một bài ca của các cháu thiếu nhi) đã trở thành huyền thoại khó mà quên được.

Hêlen Tuốcne - một nữ sĩ Pháp đã nói trong cuốn sách Livrejiune (trang 105) về chân dung của Bác Hồ như sau: Người là sự kết hợp sự khôn ngoan của Đức Phật, lòng bác ái của Đức Chúa trời, triết lý của Các Mác, tinh thần cách mạng của Lênin và những đức độ của một vị cha già dân tộc. Tất cả những điều đó được bao bọc một dáng vẻ tự nhiên. Khi ta gặp Người, những suy nghĩ đầu tiên đến với ta là:

"Sự bình dị sáng ngời".

TÔI CẢM THẤY HẠNH PHÚC KHI ĐƯỢC ĐÓNG VAI BÁC HỒ TRÊN SÂN KHẤU *(Trích)*

SĨ HÙNG

Như nhiều người đã biết, lần đầu tiên hình tượng Bác Hồ xuất hiện trên sân khấu nước ta là trong vở kịch tư liệu *"Người công dân số 1"* của hai tác giả Hà Văn Cầu và Vũ Đình Phòng hợp soạn, anh Dương Ngọc Đức và tôi làm đạo diễn, hoạ sĩ hoá trang Nhữ Đình Nguyên tạo hình tượng Bác, phục vụ Đại hội lần thứ tư Đảng Cộng sản Việt Nam họp tháng 12 năm 1976. Đơn vị được giao trách nhiệm dàn dựng vở kịch nói trên là Nhà hát cải lương Trung ương. Tôi và anh Quang Văn được phân công thể hiện hình tượng Bác Hồ qua hai thời kỳ: năm 1911 Bác từ cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, và năm 1941 Bác về Pắc Bó cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng trong nước. Kết thúc vở kịch là cảnh Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào chuẩn bị Tổng khởi nghĩa toàn quốc tháng 8 năm 1945.

Thể hiện hình tượng nhân vật Bác Hồ là một niềm vinh dự, niềm hạnh phúc lớn nhất trong đời hoạt động sân khấu của chúng tôi nhưng những khó khăn gặp phải tưởng như không sao khắc phục nổi.

Bác là người hoàn chỉnh và vĩ đại quá. Bác là biểu tượng những tinh hoa đẹp đẽ nhất của dân tộc, của đất nước. Hình ảnh Bác đã định hình hoà quyện vào từng người dân Việt Nam. Mọi người đều nhận thấy Bác vừa là vị lãnh tụ tối cao, sáng suốt, tề

nhị, giản dị, khiêm tốn nhất, và bất kỳ ai được gặp và làm việc với Bác thì cảm tưởng đầu tiên thấy ở Bác là người cha hiền từ, nhân ái, rộng lượng mà không biểu hiện là vị Chủ tịch nước, nên ai cũng mong được gần Bác.

Bản thân tôi thì quá nhỏ bé, hiểu biết về Bác, về cách mạng đã quá ít ỏi còn nông cạn nữa, làm thế nào có thể diễn tả được một cách chân thực, sâu sắc dù chỉ một phần nhỏ về con người đã đi vào lịch sử, đi vào huyền thoại như Bác? Các bạn Can Trường, Mạnh Linh đóng vai Lê-nin, có một thuận lợi khá cơ bản là đã được sang Liên Xô nghiên cứu, được xem và học tập các nghệ sĩ điện ảnh sân khấu thể hiện vai Lê-nin, nên đã có kinh nghiệm nhất định! Tôi được đóng vai Bác Hồ đầu tiên, chưa được xem ai đóng trước để học tập rút kinh nghiệm, thật là một thiệt thòi lớn, nên rất lúng túng. Chắc các bạn đã biết: Người sáng tác kịch bản hoặc đạo diễn hoặc là diễn viên, vấn đề vốn sống thực tế làm cốt lõi để hiểu biết về con người mình phải miêu tả vô cùng cần thiết và quan trọng đến mức nào? Đảng này, con người cụ thể để nghiên cứu thể nghiệm ứng dụng vào nhân vật quy định trong kịch bản thì đã về cõi vĩnh hằng... Chỉ còn cách duy nhất dựa vào vốn sống gián tiếp, tức là: tìm đọc tác phẩm của Bác để hiểu phần nào về Bác. Đọc những hồi ký và tìm tòi những người đã từng ở gần Bác. Vào bảo tàng và xem phim tài liệu, vào Lăng viếng Bác, nghe băng ghi những lời Bác nói, v.v..

Những vấn đề trên đây sẽ làm chỗ dựa làm bộ phận cho mình phát huy tưởng tượng trong luyện tập, từ cách đi, đứng, nói năng và một số đặc điểm điển hình sinh hoạt của Bác. Phân diễn xuất ngoại hình sao cho giống Bác đã là khó, những khó nhất là phân diễn làm nổi bật cái thế giới nội tâm, là cái "Thần", cái "Nhân cách" thông qua những lời đối thoại sinh động, rung cảm được người nghe..., đó là mục tiêu chính của nghệ thuật diễn xuất. Cái khó khăn chủ yếu trong quá trình thể nghiệm là như vậy. Qua nhiều ngày đêm tu dưỡng tôi đã học được ở Bác cách

nói bộc lộ ở ngôn ngữ, hành động trong lúc tiếp xúc với quần chúng. Khi nói phải đầm ấm, khúc chiết và âm vang. Bước chân đi nhanh, thoải mái, ung dung, không tỏ ra gấp gáp vội vàng. Đặc biệt tiếng nói của Bác không thuần chất Nghệ Tĩnh nữa, tôi phải lựa chọn chữ nào, từ nào Bác còn giữ âm sắc Nghệ Tĩnh, và mỗi câu nói Bác ngắt câu như thế nào, v.v..

Khi hoá trang cũng phải thử 4 lần. Mỗi lần 5 tiếng. Cả vở, gồm hai hồi 11 cảnh. Tập duyệt liên tục 28 ngày. Mỗi ngày ba buổi sáng chiều tối (tất cả 9 tiếng). Hoá trang biểu diễn chính thức: từ 15 giờ chiều đến 19 giờ 30 mới xong. Mỗi buổi diễn từ cảnh 1 đến cảnh cuối: 2 tiếng 45 phút (kể cả 15 phút giải lao). Như vậy tổng cộng thời gian dàn tập, và hoá trang thử: 240 tiếng để thu hoạch lấy 2 tiếng 30 phút thành tựu về nghệ thuật, quả là không đơn giản chút nào!

Vở kịch *"Người công dân số 1"* ra đời lúc ấy, đã được dư luận khá rộng rãi khẳng định là một sự kiện mới của sân khấu nước ta và thành công tốt đẹp. Đồng đạo anh em đồng nghiệp phấn khởi, đồng tình. Nhiều tờ báo hàng ngày, hàng tuần luôn nhắc đến và cổ vũ thành công ấy, và cho là một việc làm bổ ích, đã khai thông cho những người sáng tác, đạo diễn, diễn viên và các đoàn sẽ mạnh dạn đi vào đề tài xây dựng hình tượng Bác Hồ và cách mạng nói chung. Riêng cá nhân tôi rất cố gắng, làm việc hết mình, khả năng có hạn nên cũng chỉ đạt được một thành quả nhỏ nhoi bước đầu, không đến nỗi phụ lòng nhân dân ta và bạn đồng nghiệp vốn đã nhiều năm ấp ủ niềm kính yêu Bác và nghệ thuật sân khấu.

Sau đó bảy năm, một loạt vở kịch có hình tượng Bác Hồ xuất hiện, cũng lần lượt thành công tiếp theo. Đó là các vở *"Bài ca Điện Biên"*, *"Lịch sử và nhân chứng"*, *"Đêm trắng"*, v.v..

Ba ngày 18-5, 30-5 và ngày 4-6-1992 do sáng kiến đặc biệt của Viện Sân khấu (có sự hợp tác rất đẹp của Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh) đã tổ chức hình tượng Bác Hồ nhân kỷ niệm 102 năm ngày sinh của Người. Thật là một cuộc hội tụ quý hiếm, một số

lớn các nghệ sĩ con cháu của Bác vô cùng vinh dự và vui sướng biểu diễn, sáng tạo, tái hiện hình tượng Bác để đóng góp một phần vào công trình của mình đền đáp công ơn trời biển của Đảng, của Bác Hồ đã tái sinh dân tộc và toàn thể giới văn nghệ sĩ cũng được tái sinh.

Sau 3 buổi biểu diễn nói trên, nhân kỷ niệm mấy ngày lễ lớn của cả nước là ngày 19-8 và ngày 2-9 năm 1992, sáng kiến đặc biệt của Viện Sân khấu lại tiếp tục được triển khai tại thành phố mang tên Bác. Với 19 buổi diễn liên tục, không nghỉ (có 3 ngày diễn 2 suất) tại mấy điểm: Nhà hát lớn Thành phố, trên Bảo Lộc (Lâm Đồng) kết quả rực rỡ thật không ngờ...

Đợt 1 diễn 3 buổi *"Hình tượng Bác Hồ"* tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh tháng 5 năm 1992 vừa qua. Sau khi xem đồng chí Đỗ Mười vẫn còn xúc động, đã nói: "Tôi thật sự vui mừng và đánh giá cao sự cố gắng của các đồng chí. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay mà chúng ta làm được như vậy là tốt lắm, là tỏ rõ lòng kính yêu, trân trọng đối với tư tưởng của Bác và niềm tin sâu sắc vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Bác đã chọn cho dân tộc ta"... Chủ tịch Võ Chí Công ôm hôn chúng tôi và các đồng chí đóng vai Bác Hồ, khoé mắt Chủ tịch còn rung rung, nói: "Tốt lắm, xúc động lắm. Đây là một công trình quý báu, cần được phổ biến rộng rãi cho nhân dân xem, để hiểu thêm về Bác Hồ của chúng ta...". Và Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ cùng đến xem với 24 chiến sĩ tử tù buổi diễn ngày 4-6 cũng nghẹn ngào nói: "Tôi muốn phát biểu ý kiến của một người chưa được gặp Bác Hồ. Đó là một thiệt thòi, một nỗi đau buồn trong cuộc đời tôi. Tuy vậy, tư tưởng sáng ngời của Bác luôn luôn thấp sáng trong tâm hồn tôi, soi đường cho tôi hoạt động cách mạng. Tôi luôn băn khoăn không biết các nghệ sĩ làm thế nào giống Bác? Nhưng hôm nay được nhìn thấy Bác trên sân khấu, cho dù đó là hình tượng do các nghệ sĩ tái tạo nhưng tôi vẫn cảm thấy rất thật, rất giống, dường như tôi đã được gặp Bác thật. Tôi đã xúc động đến ứa nước mắt nhiều lần khi nhìn thấy Bác qua các

thời gian khác nhau, tình huống và hoàn cảnh khác nhau. Tóm lại là tôi đã thoả mãn". Đồng chí Hà Minh Trí đại diện cho 24 chiến sĩ tử tù xúc động nói nhiều lời tương tự, đoạn cuối đồng chí kết luận: "Chúng tôi được vào lăng viếng Bác, được nhìn thấy Bác qua lồng kính, tưởng đã thoả mãn rồi, nhưng hôm nay tại Bảo tàng mang tên Bác lại được nhìn thấy Bác bằng xương, bằng thịt, bằng tiếng nói, bằng hành động, những việc làm vô cùng cao cả của Bác qua tài nghệ tái hiện của các nghệ sĩ, đó là niềm hạnh phúc lớn của chúng tôi. Qua sân khấu, chúng tôi lại được học thêm nhiều bài học sâu sắc và sống động về tư tưởng Hồ Chí Minh", v.v..

Còn đợt biểu diễn liên tục 19 tối tại thành phố Hồ Chí Minh cũng gặt hái được kết quả hết sức khả quan. Buổi biểu diễn đầu tiên ngày 25 tháng 8 năm 1992 có các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Ca Lê Thuần và nhiều vị lãnh đạo các tỉnh phía Nam cũng có mặt. Đồng chí Võ Trần Chí thay mặt các đồng chí đến xem phát biểu: "Đây là một việc làm vô cùng có ý nghĩa, qua đó mỗi chúng ta càng kính yêu Bác, nhớ thương Bác, ra sức phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh - một hệ tư tưởng dẫn đường cho chúng ta đi, chẳng những trong giai đoạn cách mạng đã qua mà cả trong thời đại ngày nay", v.v.. Và trong lúc ngồi xem rất nhiều người đã xúc động nước mắt lăn trên gò má. Tiếp đến những buổi diễn sau, mỗi tối có các đối tượng khác nhau: công nhân xí nghiệp Ba Son; Liên hiệp Công đoàn Thành phố; Hội nông dân tập thể; Báo công an Thành phố; Lực lượng Công an và Quân đội; bà con nông dân Hóc Môn; Củ Chi; bà con người Việt gốc Hoa và các bạn Hoa kiều quận 5, các bạn đồng nghiệp Hội Sân khấu thành phố, v.v., tất cả đều nhiệt liệt hoan nghênh và đều có những cảm tưởng như ý kiến của đồng chí Võ Trần Chí.

Nhắc lại lời động viên, cổ vũ rất trân trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các chiến sĩ tử tù cũng như các đồng chí lãnh đạo và nhân dân thành

phố mang tên Bác là nhắc đến thái độ xã hội hiện nay với sân khấu. Chúng ta càng đổi mới nhiều mặt, đặc biệt là đổi mới về kinh tế, xã hội thì vấn đề tiếp thu và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là mục đích kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho dân giàu nước mạnh theo ý nguyện của Bác là mong ước lúc sinh thời cũng như bản di chúc nổi tiếng của Người.

Với 6 trích đoạn *"Người công dân số 1"*, *"Giai điệu tháng 5"*, *"Đêm trắng"*, *"Không còn đường nào khác"*, *"Lịch sử và nhân chứng"*, *"Bác Hồ gặp anh hùng dũng sĩ miền Nam"*, diễn tại Hà Nội và trong thành phố mang tên Bác, kết quả thật tuyệt vời. Chúng ta vô cùng phấn khởi và tin tưởng. Sân khấu của chúng ta về *"Hình tượng Bác Hồ"* vào thời điểm này rất hợp lòng dân. Những vở diễn sẽ là đòn bẩy cho công tác tư tưởng thấm sâu vào tâm hồn, tình cảm của quảng đại quần chúng kính yêu Bác nhiều hơn...

10-1992

TỪ KỂ "XUỐNG CA VÔ LOÀI" ĐẾN NGƯỜI "KỸ SƯ TÂM HỒN" (Trích)

NGÔ THỊ LIỄU

... Hạnh phúc lớn lao nhất của đời tôi, cái ánh hương trong tâm trí tôi mãi mãi không bao giờ phai lạt, là tôi đã được gặp Bác Hồ! Tên Bác đã rung động hàng triệu triệu con tim. Ngày tạm biệt miền Nam, lên đường tập kết, bà con, cô bác giao cho tôi một nhiệm vụ, đơn giản mà rất thiêng liêng: "Có gặp Bác Hồ thì thưa giùm với Bác rằng bà con trong này ngày đêm trông Bác về thăm!". Tuy gật đầu lia lịa sẵn sàng nhận lời, nhưng tôi vẫn thầm nhủ rằng không dễ gì có được vinh dự ấy.

Vậy mà tôi lại được gặp Bác! Năm 1954, Đoàn Tuồng khu Năm được vào Phủ Chủ tịch, diễn tuồng *Chị Ngộ*. Anh chị em trong đoàn ai cũng náo nức bốn chôn, nguyện đem hết sức mình diễn cho Trung ương, cho Bác xem. Đứng trên sân khấu, tôi lách nhẹ tấm màn nhung, nhìn ra qua kẽ hở: Bác Hồ! Đó, Bác ngồi đó! Bận quần áo nâu giản dị, ung dung thanh thản, hiền cách chỉ là hiền! Tôi tưởng như thuở nào mình đương đóng vai nường Xuân Hương mà gặp được Tiên ông ban phép thần để có sức mạnh xua tan quân giặc. Rồi chẳng hiểu sao, tôi thấy rào rào trong tim mạch và nước mắt trào ra lúc nào tôi đâu có biết.

Khi diễn lớp chị Ngộ bị giặc bắt buộc phải ôm đầu anh Tài quăng xuống cống, tôi nhìn thấy Bác chống tay lên cầm nghiêng đầu cúi xuống. Tôi lo lo. Đến khi buông màn kết thúc, Bác nắm tay chúng tôi động viên, cổ vũ, đồng chí Trường Chinh mới cho biết là xem lớp đó, Bác nói với các đồng chí ngồi bên rằng:

"Thấy giặc quăng đầu đồng chí mình như vậy, Bác đau nhói trong tim, chịu không nổi!". Lời Bác nói đã làm chúng tôi giật mình nhìn kỹ lại, khiến ai cũng ghê sợ lớp tuồng đó. Bác đã thức dậy trong chúng tôi, đã dạy chúng tôi một cảm xúc thẩm mỹ mới. Từ ấy không ai có thể diễn nổi lớp đó nữa, và cũng từ ấy lớp đó được cắt bỏ.

Qua năm 1959, chúng tôi lại được Bác gọi lên lần nữa. Lần này ông Tảo và tôi diễn lớp Trại Ba nín chồng là Định Thanh. Theo lời đồng chí Lê Văn Hiến kể lại, thì Bác thích lớp tuồng này lắm.

Diễn xong, tôi được nắm tay Bác và được nghe lời Bác dạy. Tôi quên sao được cái nhìn trìu mến như cha nhìn con, tiếng nói đượm hơi ấm tình thương của Bác.

"Hay lắm! Nghệ thuật của cha ông để lại hay lắm. Phải giữ cho được, nhưng chớ gieo vừng ra ngô!".

Có lần Bác đến khu Văn công thăm chúng tôi bất ngờ đến mức chẳng ai kịp ra mở cửa đón Bác vào nhà. Bác phải ngồi ngay ở bậc thềm, chờ chúng tôi y như cha mẹ đến nhà chờ lũ con cháu. Chúng tôi đổ ra quây quần bên Bác, một chú lùn của đoàn xiếc cũng lồm thồm chạy đến thật nhanh để được kề sát bên Bác. Chẳng biết chú thích thú mê mẩn đến thế nào mà chú sờ hết tay chân đến đầu Bác, rồi còn kéo những sợi râu của Bác như đùa nghịch. Ấy thế mà Bác vẫn âm giọng từ tốn nói đùa:

- Đừng kéo đứt râu Bác! Một sợi râu một xâu bánh!

Chúng tôi cười ồ lên một lượt, vui cái hồn nhiên, nhân hậu từ con người Bác tỏa ra.

Cũng có lần Bác đến mang theo cả kẹo, già trẻ xúm đông quá, ai cũng chìa tay ra chờ Bác chia kẹo cho mình. Bác nói... Già thì một, trẻ ăn hai, bé ăn ba bốn. Cứ vậy, Bác phân phát hết cả túi kẹo.

Hôm ấy, tôi được hai cái, và có cháu được đến cả năm.

Lại có năm, mùng hai Tết. Bác đến mà cả khu văn công vắng ngắt. Thờ thần đạo quanh chẳng gặp ai, nghe tiếng nhị réo

rất từ trong một căn nhà lá dột ra, Bác lần bước tới. Vào nhà, Bác đã đứng sát bên cạnh anh Phát đang kéo nhị mà anh chẳng hay biết gì. Bác lên tiếng:

- Hay quá! Chà! Chà!

Anh Phát vẫn làm thình, Bác liền tiếp:

- Nghệ sĩ say sưa quá hê!

Tưởng đâu bạn bè đến đùa nghịch, anh Phát xẵng giọng:

- Đi đi, chỉ được cái tổ phá khuấy người ta!

Bác lại vỗ vai anh như muốn báo cho anh biết là Bác đến thăm. Không ngờ anh vẫn mãi mê vào đàn, gạt bàn tay rồi kêu:

- Khổ quá, khuấy mãi thế!

Bác liền quay người đứng trước mặt anh và cúi xuống hỏi:

- Chỉ có mình chú ở nhà thôi?

Anh liền ngừng nhìn lên, thình lình quăng cây nhị đi, rồi reo tướng như la làng:

- Bác! Trời ơi! Bác!

Nghe tiếng anh la, tôi mới lật đật chạy sang ôm chầm lấy Bác, nước mắt cứ trào ra. Thế đấy, Bác đã đến với chúng tôi và chúng tôi đến với Bác như thế đấy, không lần nào gặp Bác mà tôi nín được nước mắt.

Tôi khóc vì tình thương của Bác quá lớn; đó cũng là những giọt nước mắt tiễn đưa cái kiếp "xương ca vô loài" thời nô lệ, để đón nhận cái vinh quang được làm người nghệ sĩ cách mạng, người "kỹ sư tâm hồn" mà Đảng đã giao cho.

Hà Nội, 31-12-1975

LÊ NGỌC CẦU ghi



Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp gỡ diễn viên Đoàn Cải lương Nam Bộ
sau vở diễn “Khuất Nguyên” (16/12/1961)

Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

CÂY ĐÒN CỦA BÁC (Trích)

VĂN HOÀNG kể

... Sáng hôm sau khi tôi tỉnh dậy, đầu óc còn chưa bình thường sau buổi biểu diễn đêm qua thì một tin mừng đột ngột đến với tôi. Tin vui như một luồng ánh sáng cực mạnh chiếu tới làm tôi bàng hoàng cả người: tôi được Bác gọi lên để Bác hỏi chuyện.

Cái nguyện vọng chung của anh em miền Nam chúng tôi vẫn là ra Bắc sẽ được gặp Bác Hồ, nhưng không ngờ tôi lại được gặp Bác sớm như vậy và đặc biệt, Bác lại gọi đích danh một mình tôi lên gặp, còn có hạnh phúc nào lớn hơn không?

Tôi nhớ lại những ngày đầu kháng chiến, phân đội vũ trang đầu tiên tôi xây dựng được, tôi đã lấy tên là phân đội Hồ Chí Minh.

Nghe nói có một họa sĩ thời gian ấy đã lấy máu mình vẽ chân dung Bác, chúng tôi cũng nguyện lấy máu mình để giữ gìn Độc lập Tự do mà Bác mang lại cho chúng tôi.

Các đồng chí cùng đơn vị cũng rất vui, rất mừng cho tôi được đi gặp Bác, các đồng chí xúm lại mặc cho tôi bộ quần áo mới, cắt tóc cho tôi, ngắm vuốt cho tôi từng tí. Hình như qua sự chăm sóc cho tôi, các đồng chí ấy cảm thấy mình cũng có phần được đi gặp Bác.

Gần tám giờ sáng, một chiếc com-măng-ca đến đón tôi đi. Chiếc xe rẽ vào Phủ Chủ tịch rất nhẹ nhàng rồi đỗ sát vào bậc thềm lên xuống.

Đồng chí bảo vệ sau khi đưa tôi lên thềm, đi hết gian phòng lớn phía ngoài, chỉ cho tôi đi vào gian trong: "Đây! Bác đây! Đồng chí cứ vào đi!".

Tôi ngập ngừng, hồi hộp, chân bước cứ như chân của một đứa bé mới chập chững bước đi. Tôi vừa bước vào gian trong thì... Kia! Đúng Bác kia rồi!

Bác đang sửa một chậu hoa đặt bên cửa sổ, xây lưng lại phía tôi. Tôi sung sướng quá! Tim đập rất mạnh, lòng những muốn chạy ngay đến ôm chầm lấy Bác cho thoả lòng mong nhớ Bác bấy lâu nay. Nhưng... mình làm như thế có đường đột quá, có thất lễ với Bác không? Ôi! Giá tôi được nhỏ lại như một em thiếu nhi thì dễ xử vô cùng, Bác sẵn sàng tha thứ cho những cử chỉ đường đột của em xuất phát từ lòng yêu quý Bác.

Tôi khựng lại ngắm Bác, không dám lên tiếng trước. Trông Bác ung dung thanh thản như một cụ già quen bầu bạn với cây cảnh làm vui chứ không phải là một vị chủ tịch nước hàng ngày bề bộn bao nhiêu công việc nữa...

Như cảm thấy có người đến, Bác quay lại nhìn thấy tôi, Bác cười hân hậu:

- Kia! Cháu đã đến đây à?

Tôi chào Bác rồi lúng túng thưa:

- Báo cáo Bác, cháu được Bác gọi đến, cháu đã đến.

Bác biết tôi còn đang xúc động, Bác dắt tôi ngồi xuống chiếc ghế gần đó. Bác hỏi tôi về tình hình tập kết, về sức khoẻ ba má tôi. Lần đầu tôi gặp Bác mà sao tôi cảm thấy Bác gần gũi thân thiết lạ thường.

Bác vẫn mặc bộ ka-ki bạc màu như trong ảnh, tóc Bác phía dưới còn hoa râm nhưng phía trên thì đã hoàn toàn bạc trắng, da mặt Bác nâu hồng như da các cụ miệt biển.

Bác bảo:

- Hôm qua cháu phục vụ các đồng chí Liên Xô được hoan nghênh lắm nên hôm nay Bác gọi đến để hỏi chuyện.

Thấy tôi chưa được thật thoải mái, Bác nói thêm:

- Cháu về thăm Bác hôm nay như về thăm gia đình, cứ nói tự nhiên không phải bờ ngõ gì. Cháu về gặp Bác, cháu có mừng không?

Đến lúc Bác nắn nắn cánh tay còn lại của tôi như người cha lâu ngày mới gặp con muốn xem con ốm mập ra sao thì tự nhiên nước mắt tôi trào ra, không ghìm lại được nữa.

Bác ân cần và nhân hậu hơn cả một người cha:

- Cháu bị thương từ hồi nào? Cháu tập đờn một tay thế có gian khổ không?

Bác bảo tôi cứ kể chuyện thoải mái, Bác sẵn sàng nghe chuyện tôi cả buổi sáng nay.

Thú thực lúc được Bác cho gọi, tôi cứ tưởng mình chỉ được gặp Bác độ mười phút là cùng và trong khoảng thời gian quý báu ấy tôi sẽ được nghe Bác dạy bảo là chủ yếu. Tôi có ngờ đâu thì giờ của một vị chủ tịch nước quý như vậy, Người lại để ra cả một buổi sáng để hỏi chuyện tôi, một diễn viên nhạc bình thường như bao nhiêu anh chị em diễn viên khác.

Trước sự quan tâm của Bác, trước cặp mắt khuyến khích của Bác, những e ngại đầu tiên của tôi chột tiêu tan.

Ngay đối với ba tôi, một nghệ nhân nghèo ở chế độ cũ, do cuộc sống làm ăn cay cực, cũng rất hiếm có sự quan tâm thân ái như vậy đối với con cái. Cho nên ở Bác, tôi cảm thấy cả sự độ lượng của người cha cộng với tình yêu thương bao la của người mẹ.

Tôi không nhớ hết lúc đó tôi đã kể Bác nghe những gì, nhưng toàn bộ quá trình lớn lên của tôi, những điều cơ cực tôi phải chịu trong chế độ cũ chột như có ánh sáng rọi vào, cùng sống lại một lượt như một bức tranh tương phản hoàn toàn với hiện thực trước mắt, tương phản hoàn toàn với cái vinh quang của người nghệ sĩ mà tôi được hưởng đêm qua cùng với cái vinh dự lớn lao được gặp Bác sáng hôm nay.

Ba tôi là một người đờn giỏi có tiếng ở Mỹ Tho hồi ấy, đờn giỏi mà vẫn nghèo, vẫn bị xã hội khinh rẻ vì cái nghề "xương ca vô loài" của ông. Tài sản duy nhất ba tôi để lại cho tôi là lòng say mê âm nhạc từ thuở nhỏ.

Tôi còn nhớ khi tôi mới sáu, bảy tuổi, mỗi lần các bạn ba tôi tới hoà tập, tôi vẫn ngồi xếp bằng tròn ở giữa gỗ song loan. Các cô bên hàng xóm sang nghe, vẫn khen:

- Thằng bé này khá, đập nhịp chắc đó!

Nhà nghèo tôi chỉ được học chữ Nho hơn một năm rồi học chữ Quốc ngữ, biết đọc biết viết. Mười ba tuổi tôi đã phải đi làm để đỡ gánh nặng cho gia đình.

Công việc đầu tiên của tôi để kiếm sống là làm công cho một xưởng nấu keo da trâu ở Rạch Miễu. Những miếng da thú ngâm hai ba ngày đêm thối nhức mũi, tôi phải đem ra tay bịt mũi, chân đạp vào cái đồng lầy nhầy hôi thối đó cho trắng những miếng da để nấu keo. Tôi làm được một thời gian thì chân bị ăn hết da, xót không chịu được.

Những giờ nghỉ tôi vẫn ôn luyện các ngón đòn tôi học được ở ba tôi và dạy lại cho thằng Như, con ông chủ xưởng. Một hôm thằng Như nhìn đôi chân nhọt da như chân người chết của tôi, nó ái ngại ý rủ tôi đi Rạch Giá với nó, nó sẽ giới thiệu cho làm ở nhà máy xay của ông cậu nó.

Thế là tôi đi Rạch Giá, làm chân quét dọn ở nhà máy xay, không có lương, chỉ được nuôi cơm.

Điều duy nhất an ủi được tôi trong những ngày làm công xa gia đình là những gánh hát từ Sài Gòn, từ các tỉnh lân cận về diễn ở Rạch Giá.

Trong đó kênh rạch nhiều nên các gánh hát thường đi lưu động trên những chiếc ghe lớn. Không phải ghe chỉ chở đạo cụ, diễn viên mà còn phải vận chuyển đi cả hàng ngàn chiếc ghế xếp cho khán giả ngồi. Đến nơi nào, gánh hát thuê nhà lòng chợ ở nơi đó làm sân khấu, xếp ghế, quây rạp là có thể diễn ngay được. Hầu như không có buổi hát nào vắng được mặt tôi dù tôi không có một xu dính túi. Tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì chủ gánh sai như vác ghế, làm rạp để được vào xem tối diễn hôm đó.

Năm tôi mười lăm tuổi, ước mơ của tôi đã đạt được. Gánh Chấn Hưng vào Rạch Giá diễn, thiếu một chân đòn phụ. Sau khi thử nghề, tôi được nhận đòn cho gánh.

Với cái tuổi mười lăm của tôi, tay nghề chưa lấy gì làm xuất sắc mà được nhận vào một gánh hát như gánh Chấn Hưng, quả là một điều may mắn lớn. Nhưng sau ngày tôi đạt mơ ước không bao lâu thì tôi đã được ném ngay cái thực tế phũ phàng của nghề nghiệp.

Lúc đó có mấy tay đòn khá ở Rạch Giá, cũng muốn vào làm cho gánh Chấn Hưng. Ông bầu của gánh đã gây chuyện, kiếm có đũa tôi để nhận người giỏi hơn. Thế là tôi thất nghiệp quay về làm chỗ cũ không được nữa, tôi đành phải đi bộ về Sài Gòn với hai bàn tay trắng. Đến bữa phải đi xin ăn, đêm thì chúi vào đồng rơm một nhà nào đó mà ngủ.

Và cũng từ đó tôi bước chân vào cuộc sống đầy bất trắc của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ giữa thành phố Sài Gòn xa hoa, kiêu bạc.

Tôi cắp đòn theo anh Mười Còn, một người anh kết nghĩa của tôi, đi làm cho hầu khắp các gánh hát ở Sài Gòn, Chợ Lớn.

Công việc thì không có đều, nay làm mai nghỉ.

Tôi không được làm chuyên cho một gánh nào, chỉ đi "màn xé" nghĩa là ở đâu thiếu người đột xuất thì tôi mò tới, do đó đời sống lại càng bấp bênh.

Làm cho những gánh hát đi lưu động gặp mùa mưa thì chỉ ăn cháo. Đã thế cách đối xử của ông bầu, thầy tuồng với diễn viên còn tệ quá quan hệ của chủ với người làm công.

Một lần tôi đòi ông bầu gánh Văn Hoa số lương còn sót lại, ông đã chửi và đá tôi ngã xuống sông. Những chị em diễn viên hát chỗ nào không đúng, thầy tuồng dùng roi quất mạnh đến bật máu.

Anh em chúng tôi thời gian không có nhà, cứ diễn xong đêm về là rủ nhau ra chợ ngủ trên thớt thịt^(*).

(*) Thớt thịt: Quầy bán thịt.

Dưới ánh đèn sân khấu chúng tôi đã nếm đủ mùi bất công, ở ngoài xã hội lại còn tệ hơn. Những tên lính Tây, lính lê dương say khướt chòng ghẹo đàn bà, con gái ngay giữa chỗ đông người, ăn quýt tiền xe, lại còn đánh người kéo xe cho chúng. Có lần mấy thằng Tây xông vào rạp trèo cả lên sân khấu nhả nhót với nữ diễn viên. Chúng tôi cùng một số khán giả ức không chịu được, đã xúm lại giằng cho chúng một trận thấy ông bà, ông vãi.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Chúng tôi như những cái lò xo bị nén lâu ngày đã bật cả dậy, say sưa lao vào cuộc chiến đấu. Khi Pháp gây hấn ở Sài Gòn, những người nghệ sĩ lớn trong chế độ cũ chúng tôi đã không ngần ngại xếp lại cây đòn để cầm lấy vũ khí.

Những người có sức khoẻ như tôi và anh Tiến thì trực tiếp cầm súng. Những người yếu sức như anh Buôn Thìn, bác Ba Bằng thì tham gia những đội tuyên truyền văn nghệ. Anh Tiến trước là một nghệ sĩ nhảy "cơ-la-két" ở Chợ Lớn, trong kháng chiến đã hy sinh ở mặt trận Đồng Tháp Mười. Tôi cũng bị thương, mất một cánh tay. Tôi không sao nhớ hết được những gương chiến đấu, những mất mát hy sinh của nhiều anh em nghệ sĩ khác trên chiến trường Nam Bộ.

Tôi bị mất cánh tay phải; đối với người khác, cánh tay đã là quý nhưng đối với một người sống chết với cây đòn như tôi thì cánh tay là cả cuộc đời...

Sau khi bị thương, tôi được chuyển về phụ trách một đoàn văn công. Các đồng chí chỉ huy cho rằng cho tôi về đây, được sống giữa không khí văn nghệ sẽ là một nguồn an ủi cho tôi, nhưng thực ra tôi đã rất khổ tâm trong thời gian đầu.

Nghe tiếng đòn của anh em, lòng mình cũng như có tiếng đòn đáp lại, giống như những con chim sơn ca về mùa xuân, cả đàn hót, một con làm sao im tiếng được!

Nhưng tiếng đòn của lòng mình không sao vang lên thành tiếng. Không thoát ra được thì tiếng đòn ấy càng bứt rứt cồn cào trong ruột gan mình.

Anh em rất thông cảm, làm đủ cách cho tôi vui nhưng tôi không sao vui lên được.

Tôi đã thử lấy dây chun buộc chặt chiếc que có móc vào cánh tay cụt, tôi bấm nốt rồi lấy cánh tay phải điều khiển chiếc que móc vào đàn.

Tiếng đàn bật ra cộc lốc, nặng nề, sắc nhọn như xói vào lỗ tai người nghe, xói vào lòng người đàn.

Không thể được! Dù khổ công đến mấy, cánh tay cụt không thể nào linh hoạt, tinh tế được như ngón tay, cũng không thể nào trối voi bỏ rọ được! Phải tìm cách khác thôi.

Sau giờ công tác, tôi cứ ôm đàn nằm ngửa nhìn lên mái nhà, tay nhấn lên hàng phím cho đỡ nhớ.

Thế rồi một hôm, khi những ngón tay khác bấm, tôi lấy ngón út khẽ gọi lên khoảng dây đàn cạnh nốt bấm. Một âm thanh yếu ớt nhưng chính xác phát ra. Óc tôi chợt loé lên ý nghĩ: Tôi sẽ tập cho ngón út làm thay việc của cả năm ngón tay bên bàn đã mất. Và tôi bắt đầu lao vào một trận địa mới.

Sau gần hai mươi năm chơi đàn nay tôi lại phải tập lại từ đầu. Những nốt, những câu dễ nhất lại thành khó gấp bội so với lần đầu mới học. Lúc ấy tôi nghĩ: Mình hãy còn trẻ lắm, cho rằng tập mười năm nữa mới đánh được đàn thì cũng vẫn còn mang khả năng mình phục vụ được vài chục năm sau...

Trong những giờ gặp Bác, tôi xúc động vô cùng, không rõ tôi có kể được đầy đủ như thế không.

Tôi chỉ cảm thấy hình như từ trước đến nay, ngay cả với người thân nhất chưa bao giờ tôi bộc bạch được hết những tâm tư sâu kín, những nỗi cay cực của người nghệ sĩ trong chế độ cũ và bước đường trưởng thành cùng cách mạng của tôi.

Đôi mắt Bác chăm chú nghe đầy thông cảm. Đến những cảnh khổ tôi phải chịu, mắt Bác long lanh chớp chớp. Qua đôi mắt ấy, tôi biết Bác đã hiểu hết tình cảnh và tâm tư nguyện vọng

của nhân dân miền Nam trong những ngày gay go gian khổ dù rằng Bác chưa vào thăm được.

Bác nghe chuyện tôi cả buổi sáng hôm ấy, Bác giữ tôi lại ăn cơm với Bác.

- Bây giờ cháu tập đàn còn khó khăn gì không?

Tôi báo cáo với Bác là do tôi gảy đàn ở trên cần đàn nên tiếng không vang được, tôi đang hy vọng đoàn sẽ sắm cho cái máy tăng âm. Bác gật đầu và bảo tôi chiều lại đến đàn cho Bác nghe, Bác muốn nghe riêng những bài tôi sẽ đàn tối nay. Tối nay là tối Bác thiết tiệc Đoàn nghệ thuật quân đội Liên Xô.

Buổi chiều, theo lệnh Bác, tôi và anh Phan Nhung đàn cò, cùng em Thiện, một em bé miền Nam có giọng hát hay, đến chỗ Bác.

Chúng tôi đến thì đã thấy Bác để sẵn cho chúng tôi cây đàn ghi-ta có cắm điện và bộ phận tăng âm.

Chúng tôi hát và đàn để Bác nghe.

Sau đó, Bác bảo tôi đàn riêng với cây đàn mới có cắm điện.

Tiếng đàn rung lên vang khắp căn phòng. Tôi sung sướng được đàn riêng để Bác nghe. Chính Bác đã dạy bảo tôi, khuyên nhủ tôi những lúc tôi bi quan mệt mỏi, bây giờ Bác còn tạo cả phương tiện cho tôi để tôi có thể phục vụ được tốt hơn, có thể nói Bác đã chấp lại cho tôi cánh tay đã mất.

Tôi muốn nói lên lòng biết ơn vô hạn của tôi qua tiếng đàn, nói lên lòng biết ơn của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ nhờ Bác, nhờ cách mạng đã được trả lại vị trí xứng đáng trong lòng mến yêu quý trọng của nhân dân, nói lên lòng biết ơn và trông ngóng Bác của mười bốn triệu đồng bào miền Nam quê hương tôi đang không ngừng đấu tranh dưới nanh vuốt giặc.

Tôi đàn xong, Bác lại hỏi tôi tỉ mỉ lúc đầu tập thế nào, từ cách tập rung, tập nhấn, luyện lảy ra sao. Tôi thuật lại sơ qua quá trình luyện tập của tôi.

Tôi báo cáo với Bác tôi đã nghiên cứu ra sao cách vừa bật vừa gảy cả bốn ngón tay phối hợp với nhau thay cho cách gảy bằng ngón út lúc đầu. Kết quả cụ thể là tôi đã chạy được những câu nhanh, thậm chí có những câu đánh theo cách thông thường của tôi khi còn đủ hai tay thì lại không nhanh được bằng. Tiếng đờn tôi lúc đầu còn yếu ớt như tiếng gà con mới nở đến nay đã gọn, chắc, tròn đầy...

Nghe xong, Bác hỏi tôi:

- Vì sao mà cháu kiên trì tập luyện được như thế?

Tôi trả lời có lẽ là do lòng yêu nghề tha thiết, nhất là đối với nhân dân miền Nam, đờn hát cải lương là một món ăn tinh thần không thể nào thiếu được.

Tôi cũng báo cáo thật với Bác là trong những giờ luyện tập tôi luôn luôn nghĩ đến lời dạy của Bác:

*"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền"*

Bên cạnh đó lại được các bạn bè khuyến khích, ra biểu diễn được nhân dân yêu mến động viên.

Sau buổi phục vụ, Bác khen tôi có chí rồi Bác thưởng cho cây đờn và chiếc máy tăng âm mà tôi ao ước từ lâu. Tôi sung sướng cấp cây đờn Bác cho, anh Phan Nhung xách bộ máy tăng âm. Tuy không nói ra, nhưng tôi đã thầm hứa với Bác: suốt đời, tôi sẽ cố gắng để xứng đáng được sử dụng gìn giữ những vật quý Bác cho này.

Khi chúng tôi ra về để chuẩn bị cho buổi tiếp xúc tối nay, Bác dặn chúng tôi:

- Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta. Người ta càng yêu các cháu bao nhiêu người ta lại càng yêu quân đội ta, nhân dân ta bấy nhiêu, cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

Dọc đường về, từng lời, từng ý Bác dặn cứ vang lên bên tai tôi, và đến lúc đó tôi mới thấm thía ý nghĩa của từng câu Bác dặn: "Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta".

Tôi chợt giải đáp được cái ngỡ ngàng khó hiểu tôi qua của tôi khi được các đồng chí Liên Xô hoan nghênh quá mức.

Các đồng chí Liên Xô đã nhìn thấy - qua trường hợp tôi - một dân tộc yêu nghệ thuật, yêu cái đẹp, nhưng khi cần thiết phải cầm vũ khí để bảo vệ nhân phẩm, bảo vệ lý tưởng của mình thì dân tộc ấy sẵn sàng hy sinh tất cả. Tiếng súng vừa tạm ngừng, dân tộc anh hùng ấy lại khắc phục những tổn thất của chiến tranh trở lại cuộc sống bình thường, lao động sản xuất, lao động nghệ thuật, lao động hoà bình để xây dựng một đất nước xã hội chủ nghĩa vui tươi giàu mạnh. Cái vinh quang của người nghệ sĩ chúng tôi nếu có được, một phần rất lớn là nhờ ở nhân dân ta rất anh hùng, quân đội ta rất anh hùng mà người nghệ sĩ là một tấm gương phản chiếu.

"Người ta càng yêu các cháu bao nhiêu người ta lại càng yêu quân đội ta, nhân dân ta bấy nhiêu, cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ".

Nếu như chúng tôi cố gắng để có được một chút thành công nào đó thì chính những thành công ấy đã góp phần - từng chút một - vào thành quả cách mạng chung của cả đất nước, của cả dân tộc.

Lời Bác giản dị mà sâu sắc biết bao!

Khỏi phải nói tôi hôm đó khi được đánh cây đờn Bác cho, sau một ngày gần Bác được Bác quan tâm săn sóc dạy bảo, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ tốt như thế nào.

Tiếng đờn của tôi như được chấp thêm cánh, tôi đờn rất say sưa hào hứng với lòng tự hào về quân đội mình, nhân dân mình. Những bờ ngõ rụt rè lo lắng đến sự thành công, thất bại cá nhân đêm hôm qua không còn nữa.

Hình như tiếng đàn của tôi đã phần nào kể được cho các đồng chí bạn nghe về những gian khổ đau thương nhân dân ta đã vượt qua được với nghị lực phi thường, kể cho bạn nghe những trận công đồn, bóng những người xung kích vun vút lao qua ánh lửa, người trước ngã xuống, người sau xốc tới...

Tiếng đàn nói lên quyết tâm sắt thép của chúng tôi với sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa...

Có đồng chí đi dự cả hai buổi về bảo tôi:

"Chỉ thêm có bộ phận tăng âm mà tiếng đàn của cậu xuất sắc hơn hẳn đêm qua. Chính các đồng chí Liên Xô cũng ngạc nhiên về sự tiến bộ của cậu".

Tôi hiểu không phải tiếng đàn của tôi chỉ được tăng cường âm lượng mà chủ yếu nhờ Bác nó đã được tăng cường nội tâm, tăng cường ý thức và tình cảm của người biểu diễn.

Suốt mười bốn năm qua, cây đàn và bộ máy tăng âm Bác cho, cánh tay phải Bác chấp lại cho tôi, lúc nào cũng ở bên tôi qua hàng ngàn đêm biểu diễn.

Tôi nguyện sẽ đem cả cuộc đời làm nghệ thuật của tôi để thực hiện những ước mơ cao đẹp của Người đã dẫn dắt tôi đi từ một phần tử thế kỷ nay.

10-1969
VÂN LONG ghi

NGHỆ SĨ TIỀN HỢI - TÔI HOÁ THÂN VÀO NHÂN VẬT BÁC HỒ

MINH HẰNG

Quên sao được hình ảnh người cha già đã lãnh đạo hàng triệu triệu người thoát khỏi vòng xiềng xích, nô lệ. Vậy nên... *Cả một đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, cả một đời Bác hy sinh cho dân tộc Việt Nam...* Công ơn trời biển của Bác được đời đời khắc cốt ghi xương, ai ai cũng hằng tôn kính. Do đó từng câu nói, mỗi bước đi... đến cốt cách sống trên đời của Bác đều được người người lưu giữ trong trái tim và xây dựng hình tượng cao đẹp ấy qua từng thước phim, vở kịch, lời hát, vần thơ:

*... Bác ơi tìm Bác mệnh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người...*

Không khí ngày 30-4 chưa lắng xuống, thì cả nước lại hân hoan chào mừng sinh nhật lần thứ 115 của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Mỗi hình thức kỷ niệm đều mang ý nghĩa đặc biệt: tổ chức thi thơ, thi viết truyện ngắn... các chương trình biểu diễn ca nhạc để tưởng nhớ về Bác... Và lâu nay có một người vẫn tái hiện lại hình ảnh Bác giống từng cử chỉ, lời nói đến nao lòng trước mắt công chúng, đó là nghệ sĩ Tiến Hợi, người diễn viên của Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai năm xưa khiến chúng ta không thể không nghĩ đến.

Tôi thấy anh có khuôn mặt, đôi mắt, miệng cười hao hao giống như Bác hồi còn trẻ. Và dường như ai cũng nói vậy. Anh trầm tĩnh, từ tốn khi cùng tôi nói chuyện. Quả là các nhà đạo

diễn đã thành công trong việc tìm ra nhân vật đất giá như vậy để vào vai Bác Hồ.

Năm 1987 khi Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai "tìm" được kịch bản *Đêm trắng* của tác giả Lưu Quang Hà, cũng là lúc phải tìm người đóng vai Bác Hồ. Hình tượng Bác là nhân vật chính, xuyên suốt từ đầu đến cuối vở. Với nội dung chống tham nhũng trong lực lượng vũ trang, tác giả muốn đi sâu vào tính cách mạnh mẽ của Bác trong thời kỳ hoạt động trên chiến khu Việt Bắc năm 1948-1949. Diễn viên thì đông, để ai vào vai bây giờ mới thật là khó. Ban đầu, lãnh đạo đoàn có ý định mời diễn viên ở ngoài vào tham gia nhưng ngần ngại vì sợ tốn kém, với lại chẳng biết thế nào nên quyết định chọn người trong đoàn là hơn cả. Chọn mãi, cuối cùng được hai gương mặt, nghệ sĩ Phùng Tiến Cự là đội trưởng của đoàn và nghệ sĩ Tiến Hợi. Hai anh liền đến nhà nghệ sĩ Nhữ Đình Nguyên để thử hoá trang xem ai có thể lọt vào vòng trong. Khi việc hoá trang hoàn tất thì mỗi đường nét trên khuôn mặt nghệ sĩ Tiến Hợi đã đem lại may mắn cho anh. Rốt cuộc, anh là người được nhận vai diễn vinh dự ấy. Một vai diễn, tôi đoán rằng có không ít người ao ước.

Trải qua hai tháng khổ luyện, nghiên cứu, tìm hiểu quá trình hoạt động của Bác, lo lắng của anh mới vơi đi khi vở kịch được ra mắt công chúng. Đây là một vai diễn đầy trách nhiệm và khó khăn, không giống như bất kỳ vai diễn nào. Anh kể:

- Trước tiên, tôi đến Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh xem và đọc rất nhiều tài liệu của Bác, về Bác một cách kỹ lưỡng để hiểu cặn kẽ phong cách sống cũng như lẽ lối làm việc của Bác qua từng giai đoạn. Tôi đến gặp bác Vũ Kỳ, thư ký của Bác lúc đó để tìm hiểu tỉ mỉ hơn về sở thích và những sinh hoạt hàng ngày... cho đến tính tình của Bác, nhất là lúc tiếp xúc với mọi người. Đặc biệt, tôi được xem những bộ phim tư liệu về Bác trên chiến khu thời kỳ ấy. Ngoài ra, còn phải đến Đài Tiếng nói Việt Nam xin sao lục lại bằng những bài nói chuyện với thanh niên, nói chuyện với các cụ già, những bài diễn văn Bác đọc trong các hội

ngợi, bản *Tuyên ngôn độc lập* Bác đọc ngày Quốc khánh 2-9-1945 về nghe. Từng cử chỉ, điệu bộ hút thuốc, mỗi bước đi, mỗi lần giơ cánh tay, từng ánh mắt, lời nói, nụ cười của Bác, tôi đã rèn luyện, nghe và bắt chước giọng Bác không biết bao nhiêu lần. Ngày này sang ngày khác, tôi nghiên cứu dáng Bác ngồi, lúc Bác đọc sách, lúc tư duy khắc sâu cảm xúc của Bác vào cảm xúc của mình để tất cả tâm tư, tình cảm và mọi biểu hiện của Bác ngấm vào tâm trí tôi. Có nghĩa là "lấy" được cái hồn của nhân vật vào mình cho thực sự có chiều sâu nội tâm để mà diễn...

Trồng cây cũng đến ngày ăn quả. Vở *Đêm trắng* đã ra mắt khán giả Thủ đô sau bao ngày trăn trở, nỗ lực của anh em diễn viên trong đoàn. Anh còn cho tôi biết, *Đêm trắng* có đến hơn ba trăm đêm diễn, quần chúng đón nhận nồng nhiệt, đồng nghiệp cũng như lãnh đạo Trung ương đánh giá rất cao và được coi là điểm sáng trong làng sân khấu thời điểm lúc bấy giờ. Đây là lần đầu tiên nghệ sĩ Tiến Hợi đảm nhiệm vai Bác Hồ, anh đã khơi dậy cảm xúc của người xem dành cho nhân vật mỗi khi hình tượng Bác xuất hiện trên sân khấu bằng những giọt nước mắt, và những tràng pháo tay giòn giã.

Lần nhận vai ấy là sự khởi đầu cho một loạt thành công trong vai Bác Hồ sau này của nghệ sĩ Tiến Hợi. Năm 1988, sau khi bộ phận kịch của Đoàn Nghệ thuật Trường Sơn Quân khu Hai giải tán, anh được mời về Đoàn Kịch nói Hà Nội. Cùng lúc, anh vào vai Nguyễn Tất Thành, hồi đó Bác mới hai mươi tuổi, trong phim truyện nhựa màu *Hẹn gặp lại Sài Gòn* của đạo diễn Long Vân. Hai thế hệ, hai cuộc đời khác nhau và phải sống trong nhân vật ít hơn mình mười tuổi, đâu phải dễ. Một thử thách mới lại đến với nghệ sĩ Tiến Hợi. Anh nói:

- Huế là cảnh quay đầu tiên cho bộ phim nên tôi có điều kiện gặp các cụ già từng sống ở triều đại Nguyễn để tìm hiểu về cách sống, tình cảm, quan hệ, tình yêu, cách nhìn mọc mọc, giản dị của thanh niên thời ấy ra sao. Tôi phân biệt rạch ròi được sự khác biệt đó rồi cô đọng lại đưa vào tính cách nhân vật.

Không gò bó hay có lúc căng cứng như trên sân khấu, Nguyễn Tất Thành trong phim có đôi mắt trong sáng, trung thực, thẳng thắn đầy biểu cảm rất gần gũi đời thường đã tạo nên sức hút đối với khán giả. Năm 1990 phim được công chiếu khắp cả nước, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác. Giới điện ảnh và dư luận quần chúng đều đánh giá phim có nội dung sâu sắc, dàn diễn viên diễn xuất đồng đều cùng nhiều bối cảnh quay đẹp. Và lần thứ hai này, nghệ sĩ Tiến Hợi trong vai Bác Hồ đã có lối diễn dung dị, đầm thắm, bộc lộ khả năng xuất thần ánh lên từ trong cách thể hiện khó ai thay thế.

Tiếp đó là các vở *Vị thánh trong mơ* của Nhà hát kịch Hà Nội, *Xin lĩnh án tử hình* của Nhà hát ca múa Thăng Long được Huy chương Vàng Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc 1992. Cùng một loạt kịch truyền hình nói về từng thời kỳ hoạt động của Bác Hồ: *Một kỷ niệm khó quên, Người công dân số 1, Một sáng tháng năm, Lịch sử và nhân chứng... Phim truyền hình Một chặng đường lịch sử... Cho đến năm 1997, nghệ sĩ Tiến Hợi lại tham gia làm phim *Hà Nội mùa đông năm 1946* của đạo diễn, nghệ sĩ nhân dân Đặng Nhật Minh. Nhân vật Bác Hồ trong phim lúc ấy năm mươi sáu tuổi, tóc điểm bạc và có râu. Vào thời điểm đó Bác viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Anh tâm sự:*

- Để hoá thân vào nhân vật Bác lần này, tôi đã chấp nhận cạo trán để làm hói giả. Và nhờ tài ba của người hoá trang nên từ gò má, những nếp nhăn đầy trăn trở, cơ mặt đều tạo cho người xem cảm nhận thấy hình ảnh Bác khi nhiều tuổi, tất nhiên những động tác và cử chỉ của Bác lúc này phụ thuộc vào nghệ thuật diễn viên mà tôi đã phải nghiên cứu và tập luyện rất công phu. Hơn nữa, tôi còn phải thể hiện được tính quyết đoán, lịch lãm của Bác, có lúc rất đời thường không kém phần dí dỏm dẫu trong hoàn cảnh gian nguy.

Nghe một tí nhé - Anh mỉm cười rồi nói theo giọng Bác - Chú còn thuốc cho Bác một điều... Chú chỉ vẽ phụ nữ là giỏi thôi, vẽ Bác là khó đấy. Bác hện chú vào dịp khác, chú hãy ra

ngoài vẽ chiến sĩ bảo vệ thủ đô, công nhân, nông dân. Họ đang làm việc và chiến đấu ở ngoài...

Sao mà giống đến thế. Mọi lần nếu có nghe thì cũng chỉ trên đài hay phim ảnh, chứ có bao giờ tôi được nghe ngay bên tai thế này. Cái âm giọng phát ra trầm, ấm, có lúc lên, lúc xuống thực sự hấp dẫn, thực sự cuốn hút.

Bỗng anh đổi giọng và nói:

- Năm 2000 đoàn làm phim của Pháp thực hiện bộ phim *Tuyệt Đông Dương*, nhưng lại quay ở Philipin. Tôi được họ mời đóng vai Bác Hồ. Nhận vai này tôi phải khai thác nhiều ở tính kiên quyết, dứt khoát không nhượng bộ của Bác. Cho dù quân đội Pháp nghênh đón bằng súng đạn nhưng vẫn thản nhiên, vui vẻ và làm sao tạo ra phong cách đàng hoàng giống được như Bác. Mừng quá, tôi đã sống cùng nhân vật để hoàn thành tốt một vai diễn trong bối cảnh không quen thuộc như ở quê mình, không cùng với đồng nghiệp của mình.

Bởi trông anh có vẻ nghiêm nghị, tôi chợt hỏi:

- Tư tưởng và cách sống của Bác hình như đã thấm vào trong anh?

- Không hẳn thế. Trong vai diễn tôi được sống như Bác, từ đó tôi rút ra nhiều bài học quý báu để tạo cho mình một nhân cách sống, sao cho phù hợp với đời sống xã hội hiện nay. Tôi ít cười không có nghĩa là tôi cứng nhắc, nhưng nét mặt nghiêm túc và có điểm hao hao giống Bác đã giúp tôi có được hạnh phúc này.

- Có thể coi đây là một công trình nghiên cứu nghệ thuật của anh, thì giọng nói của Bác có phải là vấn đề khó khăn nhất đối với anh?

- Đúng vậy, đây là yếu tố quan trọng nhất không thể không nói đến. Tôi phải nói sao cho đạt được như chính giọng nói của Bác, như thế mới thực sự có được cái hồn của nhân vật. Ở tôi

không thể thiếu đi yếu tố vô cùng quan trọng này, cho dù làm được điều đó không hề đơn giản chút nào.

- Hầu hết vai Bác Hồ các đạo diễn đều dành cho anh. Còn các vai khác thì sao, liệu có phải đây là điểm hạn chế của anh trong nghề nghiệp?

- Được cái này, sẽ mất cái khác chứ còn biết làm sao. Tôi rất tự hào khi được chọn vào vai cao quý như thế, cũng chính điều đó dẫn đến sự hạn chế trong nghiệp diễn của tôi. Quả là các đạo diễn rất ái ngại khi mời tôi làm các vai khác, nếu là những vai chính diện, đẹp tôi mới nhận. Có điều, tôi phải biết thoát ra để tạo phong cách diễn khác cho mình.

- Có lẽ lâu rồi anh không nhận được vai về Bác thì phải, và anh có mong mỗi điều đó?

- Có chứ. Nói không quá, đây là vai đã in vào trong tôi như hình với bóng. Nhiều năm gắn với nhân vật Bác, từ bao giờ tôi đã dành cho Bác một tình cảm thiêng liêng hơn, cao quý hơn bởi trong tâm tưởng tôi luôn nghĩ về Bác. Không có gì thay đổi trong năm nay tôi sẽ nhận được vai như tôi mong muốn.

Thời gian qua một số đạo diễn muốn tìm ra một khuôn mặt mới để vào vai Bác Hồ, và đã có cuộc thử nghiệm trong phim *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* do nghệ sĩ Trần Lực đóng. Các nhà chuyên môn trong lĩnh vực này cho rằng, tuy cái thần của nghệ sĩ Tiến Hợi chưa đạt tới đỉnh về sự linh lợi, thông tuệ của nhân vật nhưng nắm vai hơn bất kỳ diễn viên nào, và cho đến nay vẫn không có ai đảm nhiệm vai Bác Hồ đạt được như anh.

"LỜI BÁC DẶN TRƯỚC LÚC ĐI XA"

(Phỏng vấn nhạc sĩ TRẦN HOÀN)

Phóng viên: Thưa nhạc sĩ Trần Hoàn, nhân dịp kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ, Văn nghệ Trẻ rất muốn được nghe anh ôn lại những kỷ niệm về việc sáng tác bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa".

Trần Hoàn: Tôi sẵn sàng - vì mỗi lần nhớ lại việc sáng tác bài hát này tôi vẫn thấy xúc động.

Phóng viên: Thưa anh, tôi được biết đã có không dưới 500 bài hát viết về Bác và chắc anh cũng đã nghe nhiều. Có những bài hát rất hoành tráng, bề thế, vậy mà anh lại chọn ở góc độ "Lời Bác dặn trước lúc đi xa". Chắc hẳn sẽ có rất nhiều điều thú vị phải không ạ?

Trần Hoàn: Đúng là rất thú vị - Rồi tôi sẽ nói rõ điều này với các bạn... còn bây giờ...

Tôi không bao giờ quên được ngày Bác đi xa - lúc Bác mất tôi đang ở trong chiến trường miền Nam. Sững sờ và bàng hoàng khi nghe tin Bác mất. Cả miền Nam sững sờ... Lúc ấy nghe anh Lê Duẩn đọc diếu văn thật xiết bao cảm động. Khóc rất nhiều. Chúng tôi ở trong ấy đều tổ chức trọng thể lễ truy điệu Bác.

Chúng ta không loại trừ khả năng huyền thoại hoá, thần thánh hoá về Bác, nhưng có một sự thật hiển nhiên đó là: Bác chính là niềm tin trong lòng mọi người. Từ những ngày kháng chiến chống Pháp, khi còn ở chiến khu, tôi đã thấm nhuần tư tưởng đó. Trải qua những ngày kháng chiến gian khổ, cả những ngày cuộc kháng chiến không cân sức, nhưng bao giờ Bác cũng

là người cùng cố lòng tin. Bác bảo đi là đi, Bác bảo thắng là thắng, trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Mỗi người chúng ta khi nói chuyện về Bác bao giờ cũng thấy có một niềm tin. Tôi đọc bài thơ *"Đêm nay Bác không ngủ"* của nhà thơ Minh Huệ, rất thương Bác và cũng rất tự hào về Bác. Nhà thơ Xuân Diệu đã có lần nói: "Đi đâu người ta cũng vẽ về Bác, và rất dễ nhận ra Bác, vầng trán cao, ánh mắt sáng ngời, chòm râu... vì sao vậy, vì Bác Hồ tượng trưng cho sông núi, hình ảnh của Bác Hồ đã ăn sâu vào hình ảnh của non sông đất nước". Đúng là như thế, Bác là hình ảnh của non sông đất nước.

Khi Bác mất, là một người nghệ sĩ tôi cũng có nguyện vọng sáng tác một bài hát về Bác. Đó là một nhu cầu tình cảm thôi thúc rất lớn. Trong những ngày Bác mất, có rất nhiều bài hát hay. Tôi rất thích bài *"Người là niềm tin tất thắng"* và *"Trông cây lại nhớ đến Người"*.

Tôi không có nhiều dịp được gặp Bác. Bác lớn quá, vĩ đại quá. Không thể viết hết được sự lớn lao vĩ đại của Bác đâu. Ca khúc không thể hiện nổi về Bác. Có lẽ trên thế giới không có người lãnh tụ nào lại nhiều bài hát ca ngợi như thế. Có nhiều khía cạnh rất khác nhau về Bác mà các nhạc sĩ đã khai thác, đã thể hiện... Bác là một nhà văn hoá, một người cha, một người đồng chí... Từ hình ảnh đôi dép cao su của Bác... đến việc Bác muốn tìm những cây xanh trồng trong vườn Bác không bao giờ rụng lá để cho những người lao động đỡ phải vất vả vì phải quét lá rụng... có biết bao nhiêu điều phải viết về Bác, tôi đã lắng nghe, đã ngẫm ngợi, từ những cái nhỏ nhất đến những cái lớn lao nhất. Rồi tôi cũng đã viết nhưng tôi không thành công...

Mãi đến năm 1989, sắp đến dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác càng thôi thúc tôi viết về Bác.

Cuối năm 1989 tôi phải vào Bệnh viện Việt - Xô để chữa bệnh. Nằm cạnh tôi là anh Vũ Kỳ. Anh Vũ Kỳ cũng biết tôi và chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều về Bác. Tôi nói với anh Vũ Kỳ: Anh có thể gợi ý một cái gì đó để tôi viết về Bác

được không? Tôi bí quá. Anh Vũ Kỳ nói: Bác rất thích hò Huế. Tôi nói: "Bác thích ví dặm chứ, vì Bác là người Nghệ cơ mà". Anh Vũ Kỳ: "Không, ví dặm Bác cũng thích, nhưng Bác rất thích hò Huế...". Và anh kể: "Năm 1964, lúc ấy Bác ốm nặng, cuộc chiến tranh đang ác liệt. Trung ương phải chuyển Bác đến một nơi xa Hà Nội để giữ an toàn cho Bác và để chăm sóc Bác. Lúc ấy Bác đã ốm rất nặng... Bỗng có một hôm Bác trầm tư nhớ tới một cái gì đây trong kỷ niệm... Bác gọi anh Vũ Kỳ và bảo: Ở đây có ai biết hát hò Huế không, chú cho tôi nghe được không? Anh Vũ Kỳ vâng dạ cho qua chuyện, nghĩ rằng Bác sẽ quên đi, vì thực ra lúc đó không thể mời ai đến hát cho Bác nghe được, đài phát thanh và các cơ quan đều đi sơ tán xa, mà địa điểm nơi Bác ở lại phải bí mật. Nhưng rồi cuối cùng anh Vũ Kỳ vẫn phải đến báo cáo với Bác là không có ai biết hò Huế. Bác lại bảo: Vậy có ai biết hát ví dặm không? Anh Vũ Kỳ cũng vâng dạ cho Bác vui lòng... nhưng rồi lại phải trở lại báo cáo: Không có ai ạ. Bác lại bảo: Vậy có ai biết hát dân ca không - Anh Vũ Kỳ bí quá phải đến gặp các cháu bộ đội phục vụ của Quân y viện 108 và có một cháu gái biết hát quan họ. Anh Vũ Kỳ không nhớ nổi lúc ấy cháu gái hát những bài gì. Có lẽ trong đó có bài "Người ơi người ở đừng về". Cháu gái đã hát rất cảm động. Nghe hát xong Bác nói: "Cháu hát rất hay nhưng cháu mới chỉ biết hát quan họ. Cháu phải biết hát cả những làn điệu dân ca khác nữa..."

Tôi ra viện trước, anh Kỳ còn nằm lại. Tôi cứ băn khoăn: tại sao Bác là người Nghệ mà lại thích nghe câu hò Huế?... Tôi lại trở vào với anh Vũ Kỳ một đêm và để hỏi lại câu chuyện này. Tại sao Bác lại thích nghe câu hò Huế, Bác phải thích ví dặm chứ, vì đó là những câu hát của mẹ Bác ở làng Chũ xứ Nghệ cơ mà... Anh Vũ Kỳ lại khẳng định: Đúng đấy, Bác rất thích nghe câu hò Huế, mà điều đó cũng dễ giải thích thôi. Huế chính là nơi người mẹ thân yêu của Bác đã mất. Lúc ấy, ông cụ thân sinh ra Bác lại đang có mặt ở Thanh Hoá vì một chuyến đi công cán. Mà Bác thì mới có 8 tuổi. Năm 1957 Bác về quê, về thăm Quảng Bình. Theo chu trình Bác vào đến Vĩnh Linh. Đứng bên này



Bác Hồ với Đoàn văn công TW sau khi đoàn dự liên hoan
Thiếu niên Sinh viên thế giới ở Vácsava - Ba Lan (8/1955)
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

Vĩnh Linh, nhìn sang bờ bên kia với tất cả những nỗi thắc thỏm sâu sắc trong lòng. Bác rất buồn. Bác tâm sự: Những nơi ấy - Bác chỉ về phía bờ bên kia vĩ tuyến - trước khi đi tìm đường cứu nước mình đều đã có đi đến tới thăm cả, bây giờ về làm Chủ tịch nước nỗi day dứt nhất là chưa được trở lại miền Nam thăm lại những nơi mà cha mẹ đã từng sống...

Bác day dứt lắm, đúng như anh Tố Hữu đã viết rất hay: *"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà/ Miền Nam mong Bác nỗi mong cha"*. Tôi thực sự xúc động về câu chuyện anh Vũ Kỳ kể và chỉ trong một đêm bài hát đã được viết xong trong một nỗi xúc cảm tràn đầy... Bài hát được ra đời đúng như lời kể của anh Vũ Kỳ, hoàn toàn không sai chút nào.

Phóng viên: Có lẽ do tính chất của câu chuyện được kể lại bởi anh Vũ Kỳ, cho nên anh đã chọn hình thức thể hiện của bài hát: như một câu chuyện kể giàu chất dân ca.

Trần Hoàn: Đúng là như vậy. Tôi không muốn làm một cái gì âm ỉ, to tát quá. Vì anh em đã sáng tác những bài hát hay lắm rồi: rất minh mông rất hoành tráng. Tôi chỉ muốn thủ thủ tâm tình. Làm những cái khác tôi không làm được. Mặt khác tôi lại rất muốn khai thác những khía cạnh giàu chất dân ca may ra bài hát mới có sức sống. Tôi vận dụng thể loại balát truyền tụng lại một câu chuyện đã xảy ra một cách chân thật. Lời bài hát không có gì đặc biệt, rất mộc mạc, chân thật nhẹ nhàng. Lần đầu tiên bài hát này được trình diễn tại Cung văn hoá hữu nghị Việt-Xô. Tôi hát đôi với Thanh Hoa và tôi đệm đàn. Bài hát được thể hiện trước anh em cựu học sinh quốc học Huế. Bữa đó có các anh Võ Nguyên Giáp và anh Tố Hữu. Các anh đều rất khen bài này.

Sau này tôi nói với chị Thuý Quỳnh: nếu chị có dựng bài của tôi chị đừng có sử dụng sân khấu hiện đại quá, đừng có dùng nhiều ánh sáng xanh đỏ làm gì. Thật đơn giản mà cảm động. Chỉ cần hình ảnh một cụ già chống gậy đi ra cùng ca sĩ và cụ già nói với ca sĩ: con hãy hát đi, con hãy kể chuyện Bác Hồ cho nhân dân nghe đi...

Phóng viên: Và có thể nói với bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa", anh đã hoặc là gián tiếp, hoặc là trực tiếp nhắc nhở mọi người nhớ đến Bác, nhớ đến những lời di chúc của Bác. Bởi vì nội dung của bài hát thực sự cũng là một lời di chúc. Bác muốn nhắn nhủ lại mọi người hãy gìn giữ những khúc dân ca như là một di sản tinh thần vĩnh hằng của dân tộc. Mới đây Nghị quyết V của Trung ương "Gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc", cũng là sự phát triển tư tưởng ấy của Bác.

Trần Hoàn: Đúng vậy. Năm nay chúng ta kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Bác. Tất cả những di sản mà Bác để lại là di chúc của Bác. Có những Di chúc không nằm trong di chúc. Nội dung bài hát "Lời Bác dặn trước lúc đi xa" cũng là một Di chúc không nằm trong di chúc.

Nhưng phải khẳng định rằng những điều mà Bác viết trong Di chúc là những điều cực kỳ quan trọng. Nhưng còn biết bao điều mà Bác không viết trong Di chúc, những điều mà khi còn sống, Bác đã căn dặn mọi người, mọi ngành, mọi nghề. Ví dụ "Vì sự nghiệp mười năm trồng cây. Vì sự nghiệp trăm năm trồng người", "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước"... Và còn rất nhiều di chúc khác trong những lời Bác đã dặn. Bác đã nhập vào sông núi. Tư tưởng Hồ Chí Minh có một sức mạnh vô địch.

Phóng viên: Xin cảm ơn anh về cuộc trao đổi cảm động và bổ ích.

ĐỖ BẠCH MAI thực hiện

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN VỀ MỘT BÀI CA NHỎ

PHẠM TUYẾN

Nhân kỷ niệm 35 năm ngày giải phóng Thừa Thiên - Huế (26/3/2010) tôi có dịp cùng một số bạn bè âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh lại về thăm Cố đô xưa. Đây cũng là dịp kỷ niệm 50 năm kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Trong đêm giao lưu ca nhạc tại rạp Hưng Đạo bên bờ sông Hương, ban tổ chức vui mừng đón một đoàn nghệ sĩ Nhật Bản đến cùng tham gia. Bà nhạc sĩ trưởng đoàn xin đề đoàn được hát 2 bài. Đó là bài hát *Hoa Anh Đào*, dân ca Nhật Bản, và bài *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Buổi liên hoan trở nên sôi động và hào hứng khi bà trưởng đoàn cầm cây ghi-ta ra lĩnh xướng. Khán phòng đã vang lên bài hát *Như có Bác* trình bày bằng tiếng Nhật, và khi đến điệp khúc *Việt Nam - Hồ Chí Minh* thì tất cả mọi người đều vỗ tay cùng hát (Vì điệp khúc này không cần phải dịch lời!). Tôi đã xúc động bước lên sân khấu hát cùng đoàn nghệ sĩ Nhật Bản. Bài ca như một thông điệp ngắn gọn về tình cảm của bạn bè thế giới đối với nước ta. Mọi người còn được biết là từ năm 1979 bài này đã được Hội Âm nhạc Lao động Nhật Bản dịch và phổ biến ở 49 tỉnh và thành phố bên Nhật. Khi một nghệ sĩ trong đoàn ca múa của ta sang Nhật hồi đó có hỏi ý kiến của các bạn Nhật về bài ca nhỏ này thì được các bạn Nhật trả lời đại ý: Chúng tôi không chỉ ca ngợi chiến thắng 30/4 của các bạn Việt Nam mà chính là để ca ngợi một mô hình đáng khâm phục là *một nước Việt Nam dưới thời đại Hồ Chí Minh*, và chúng tôi vẫn thường hát bài này mỗi khi tập hợp quần chúng.

Cách đây mấy năm vào mùa hè năm 2006, nhạc sĩ Takimoto của Nhật đã sang Việt Nam với dự định sẽ sáng tác một tác phẩm lớn về Việt Nam. Sau một thời gian tìm hiểu, ông nảy ý muốn xin tác giả bài *Như có Bác trong ngày đại thắng* cho phép lấy bài này làm chủ đề chính cho tác phẩm âm nhạc của ông vì ông cho biết là những ngày ở Việt Nam đi đâu ông cũng nghe mọi người từ trẻ tới già đều hào hứng hát bài ca nhỏ này. Và chỉ trong một thời gian ngắn ông đã hoàn thành tác phẩm dài hơn 20 phút với sự tham gia một vài đoạn có lời ca do hai ca sĩ Trọng Tấn và Khánh Linh phối hợp trình bày.

Buổi biểu diễn đã được truyền hình trực tiếp ở Hà Nội và Quảng Ninh cho thấy sự hưởng ứng nồng nhiệt của hàng ngàn khán giả khiến cho người xem qua màn ảnh nhỏ ngạc nhiên và thích thú.

Sự ra đời của bài ca nhỏ này thật hồn nhiên và đơn giản. Hồi đó tôi làm công tác âm nhạc ở Đài Tiếng nói Việt Nam. Sau những chiến thắng dồn dập của quân dân ta ở Huế (26/3) ở Đà Nẵng (29/3), lãnh đạo Đài động viên các nhạc sĩ cố gắng viết những tác phẩm thật hoành tráng xứng tầm với chiến thắng lớn sắp tới của dân tộc ta. Tôi cũng như một số nhạc sĩ tự đặt trách nhiệm cho mình phải có được một tác phẩm trong dịp trọng đại này. Một tổ khúc hợp xướng bốn chương đã được phác thảo theo nhận thức lý trí của mình lúc đó. (Tôi còn nhớ: Chương I: Truyền thống quê hương Việt Nam; Chương II: Miền Bắc lũy thép; Chương III: Miền Nam thành đồng; Chương IV: Ngày toàn thắng), thế nhưng đầu óc tôi cũng như mọi người lúc đó là chỉ chăm chăm theo dõi qua đài những bước chân thần tốc của quân đội ta đang diễn biến từng ngày từng giờ nên không lúc nào tĩnh tâm ngồi vào đàn để viết nhạc. Anh em thường đùa với nhau là: Sáng tác dù có nhanh đến đâu cũng không theo kịp bước chân của Quân giải phóng. Cao điểm của sự rung cảm và hồi hộp là lúc quân ta tấn công và giải phóng Xuân Lộc, Long Khánh. Hình như ngày toàn thắng sắp đến gần trong khi bản thảo âm nhạc của mình còn chưa có nốt nhạc nào thể hiện cho được. Làm việc ở

một cơ quan truyền thông có sức phổ biến sâu rộng và kịp thời như Đài Tiếng nói Việt Nam, ý thức nhạc sĩ - nhà báo của tôi như được nhắc nhở bởi một lời căn dặn của Hồ Chủ tịch với giới báo chí là: *Viết để làm gì, viết cho ai và viết như thế nào*. Tin một phi công của ta lái máy bay Mỹ ném bom sân bay Tân Sơn Nhất phát trong bản tin 21 giờ 30 ngày 28/4/1975 của Đài TNVN như một giọt nước tràn ly khiến cho tôi và mọi người bật lên tiếng reo vui "Sắp đến ngày toàn thắng rồi!". Đêm hôm ấy, tôi không còn nghĩ gì đến bản hợp xướng bốn chương mà mình đã phác thảo trước đây, chỉ nghĩ rằng nếu ngày mai mà miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất hoàn toàn thì có lẽ nhà nhà, người người dân Việt Nam sẽ đổ ra đường để reo mừng hân hoan. Và một khúc nhạc reo vui đầy ân tình đã vang lên trong tôi. Đây là xúc cảm của chính mình và có thể cũng là tình cảm của tất cả mọi người Việt Nam trong giờ phút này.

Trong tôi vang lên điệp khúc *Việt Nam - Hồ Chí Minh* một cách sáng khoái khi tôi nhớ tới lời chúc Tết của Bác Hồ năm cuối đời của Người:

*Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên chiến sĩ, đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!*

Cái mốc "Ba mươi năm đấu tranh giành toàn vẹn non sông/ Ba mươi năm dân chủ cộng hoà kháng chiến đã thành công" cũng chính là ba mươi năm trần trở, khát vọng của bản thân tôi khi cuộc đời mình đã trải qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt, có lúc tưởng như không thể sống sót để được thấy ngày thắng lợi hoàn toàn.

Sau 2 tiếng đồng hồ viết xong bản nhạc ngắn với 32 ô nhịp, tôi thở phào nhẹ nhõm như đã trả được một món nợ tinh thần mà mình ấp ủ mãi bao lâu. Và bài ca đã hoàn chỉnh, không sửa một chữ một nốt nhạc nào. Chỉ cách một ngày hôm sau, vào trưa 30/4/1975 khi quân ta kéo cờ trên dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30, tin

vui đã đến thật nhanh chóng với tất cả mọi người trong cả nước. Ông Tổng biên tập Trần Lâm, người cách đây một tháng đã nhắc nhở anh em sáng tác chúng tôi cần nhanh chóng có được những bài ca về ngày đại thắng, lúc ấy gọi điện thoại cho tôi xem đã có được bao nhiêu bài gửi tới Đài, và riêng tôi đã có bài nào chưa. Gặp ông tôi nói tôi chỉ có một bài hát ngắn này thôi. Khi hát cho ông nghe ở chân cầu thang nhà 58 phố Quán Sứ, ông vỗ tay reo mừng: "Trúng rồi, Trúng rồi!" và báo ngay cho Đoàn ca nhạc của Đài lên ngay phòng thu M ở Quán Sứ để tập và thu thanh gấp vì 17 giờ hôm 30/4, Đài sẽ công bố tin Đại thắng ra toàn thế giới.

Tôi đã dự nhiều buổi thu thanh các sáng tác của mình nhưng chưa có buổi thu nào để lại cho tôi những xúc cảm đặc biệt như chiều hôm đó. Cũng chưa có buổi thu nào mà cả người hát, người đàn đều xúc động đến rung rung nước mắt. Cảm giác của tôi rất lạ: nghe sáng tác của mình mà như đã từng nghe nó lúc nào rồi. Tôi không còn nghĩ nó chỉ là sáng tác của mình, mà lại nghĩ nếu mình không viết chắc sẽ có một người nào đó cũng sẽ ghi cái xúc cảm này giống như giai điệu và lời ca mà mình đang nghe mọi người hát trong phòng thu.

Và thế là lúc 16 giờ hôm đó, khi các vị ở Ban Tuyên giáo đến nghe bài hát trước khi phát trên làn sóng, mọi người đến bắt tay tôi chúc mừng, còn tôi lặng người đi mà không nói câu gì.

Như mọi người đều biết, đúng 5 giờ chiều ngày 30/4, khi các loa truyền thanh trong toàn thành phố vang lên bài ca này sau khi đưa tin Đại thắng, rồi phát đi phát lại cho tới nửa đêm thì hai vợ chồng tôi đứng trên gác khu tập thể Khương Thượng mà lòng bồn chồn xúc động khó tả.

Sức lan toả của bài ca mới làm mọi người ngạc nhiên, bởi ngay sáng hôm sau (1/5) trên đường phố Hà Nội, quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, nhân dân đổ ra đường ăn mừng chiến thắng và trên các xe mui trần của Đoàn quân nhạc, của Nhạc viện thành phố đã thấy biểu diễn bài ca này. Phải đến ngày 2/5/1975 báo *Nhân dân* mới đăng bài này, vậy mà hôm 1/5 mọi người đã thuộc và biểu diễn, thì ra các bạn đó đã nghe đài phát đi phát lại nhiều lần, nhớ và ghi lại để biểu diễn.

Sau đó chỉ cách mấy hôm, nghe qua đài Giải phóng tôi đã thấy bài ca được vang lên ở Sài Gòn và một số tỉnh ở miền Nam.

Hơn 1/3 thế kỷ đã trôi qua, giai điệu và lời ca của bài ca nhỏ không chỉ được hàng chục triệu người Việt Nam hát say sưa lúc kỷ niệm Đại thắng 30/4 mà đã vang lên trong mọi sinh hoạt cộng đồng của nhân dân cả nước. Ở Cao Bằng người ta không biết tác giả bài hát là ai mà chỉ coi đây là một *bài ca già bạn*, hát lên những lúc họp đông người và lúc vui vẻ chia tay. Trong các cuộc đá bóng toàn quốc người ta cũng hát vang lên mỗi khi có bàn thắng đẹp. Sau 10 năm bài hát đã được đời sống trong nước chấp nhận và phổ biến rộng rãi, Hội đồng Nhà nước đã quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động cho tác giả bài ca với bằng khen do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh ký ngày 30/4/1985.

Nhà thơ Huy Cận chúc mừng tác giả vì bài ca này đã thay cho bài *Kết đoàn* (nhạc Trung Quốc) mà Bác Hồ vẫn thường bắt nhịp cho mọi người hát mỗi khi kết thúc mít tinh, và nhân dân đã chấp nhận bài hát mới này một cách vui vẻ không cần bất cứ một quy định nào. Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong một bài viết trên báo *Nhân dân* đã lấy nhan đề là "*Như có Bác trong ngày đại thắng*". Và nguyên Phó Thủ tướng Võ Văn Kiệt trong bài viết "*Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình lịch sử*" (đăng ở báo *Thanh niên* số ra ngày 11/9/2007) với lòng thành kính nhớ tới Bác Hồ đã nhắc nhở những người có trách nhiệm xây dựng Nhà Quốc hội là "*Những sinh hoạt mang tính lễ nghi diễn ra trong hội trường này sẽ như một bài hát Như có Bác Hồ trong ngày đại thắng*".

Trong quá trình hội nhập của nước ta với bạn bè trên thế giới, bài ca nhỏ này như một thông điệp về một nước Việt Nam dưới thời đại Hồ Chí Minh, đã trở thành câu hát quen thuộc của các đoàn đại biểu nước ta khi đến với các nước bạn.

Không ít chuyện vui về bài ca này đã được các báo chí, truyền thanh, truyền hình đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng suốt 35 năm qua. Nhưng có lẽ điều thú vị là vào đầu năm 1980, tại một hội chợ tổ chức ở công viên 29/3 ở Đà Nẵng,

người ta đã xúm quanh một con chim nhồng (một loài vẹt) khi nghe con chim nhỏ hát bài *Như có Bác trong ngày đại thắng*. Nhiều người hỏi mua nhưng chủ nhân của nó không bán mà chỉ khoe thôi. Ông nói: "Tiếng hát của con chim nhỏ này là niềm vui của cả nhà chúng tôi đây". Chim hát được bài này cũng chính là vì được nghe nhiều người hát.

Trong cuộc đời sáng tác của mình với hàng trăm tác phẩm tôi càng hiểu thêm sức mạnh của âm nhạc khi nó đi vào lòng đông đảo quần chúng. Bài học lớn nhất đối với tôi cũng chính là khi nhịp đập trái tim mình hoà cùng nhịp đập trái tim của mọi người thì nó sẽ có được một sự cộng hưởng vượt ngoài ước mong của người viết. Càng chân thật càng có sức thuyết phục. Tuy nhiên để đến với mọi người bằng một thông điệp có ấn tượng thì không phải là điều dễ đạt được. Các nhạc sĩ cổ điển trên thế giới như Beethoven, Traikôpski đã đều tâm sự như vậy. Nhạc sĩ Shostakovich nhắn gửi: "*Hình tượng nghệ thuật phải có sức lôi cuốn, được xử lý với một sự giản dị tối đa, tiết kiệm trong một ngôn ngữ có thể hiểu được đối với công chúng rộng lớn*".

Tôi tâm đắc với một câu nói nổi tiếng của Lâm Ngữ Đường (do nhà văn Nguyễn Hiến Lê lược dịch) đại ý: "Thật là ngược đời: sự giản dị lại chính là biểu hiện của sự suy tưởng sâu sắc, đó là điều kiện khó đạt nhất trong khoa học và văn chương. Tư tưởng phải sáng sủa rồi mới có thể giản dị được, mà tư tưởng cho sáng sủa là một việc cực khó".

Tôi không chắc mình sẽ viết được một bài nào như bài đã viết. Nó là giây phút thăng hoa hiếm có trong cuộc đời sau 30 năm trần trở và lại được xuất hiện trong bối cảnh "thiên thời, địa lợi, nhân hoà" như khoảnh khắc cuối tháng 4 năm 1975. Tôi phải cảm ơn bạn bè và đồng nghiệp, cảm ơn môi trường phát thanh đã tạo điều kiện chấp cánh cho bài ca nhỏ này bay rộng bay xa, vượt qua thử thách của thời gian để còn đọng lại trong tình cảm và kỷ niệm của nhiều người suốt 35 năm qua. Và đó cũng là một kỷ niệm không bao giờ quên được trong cuộc đời sáng tác của mình.

4-2010

ĐƯỜNG CHÍN - KHE SANH TRONG KỶ NIỆM RIÊNG TÔI

HUY THỰC

Tháng 12-1964 sau khi tôi kết thúc đợt sáng tác nhạc cho vũ kịch "*Ngọn lửa Nghệ Tĩnh*" đề tài về Đảng, viết chung với hai nhạc sĩ Lương Ngọc Trác, Nguyễn Thành khá dài ngày thì cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ ngày càng ác liệt.

Tôi xếp lại những dự định viết những đề tài quy mô lớn và quyết định ra mặt trận viết phục vụ ngay cuộc chiến đấu nóng bỏng đang diễn ra.

Vào đến Hà Tĩnh, vượt qua sông Gianh tới Đồng Hới Quảng Bình bị một trận bom phủ đầu khá ác liệt. Nhà dân cháy, tiếng tre nứa, tiếng nước nổ khóc than của các ông bố bà mẹ, của trẻ em..., lòng tôi xao xác về hầm nằm không sao ngủ được. Tôi tìm thấy đồng báo ở hầm chỉ huy có tờ tạp chí *Văn nghệ Quân đội* không có bìa chỉ còn có một nửa trong đó có bài thơ "*Kèn xuất trận*" của Tô Đức Chiêu. Nằm trong hầm tối tôi đọc đi đọc lại bài thơ, và ngay trong hầm chỉ huy ở Quảng Bình ca khúc ngắn "*Kèn xuất trận*" được hoàn thành.

*Ôi miền Nam yêu thương
Vang tiếng kèn xuất trận
Máu sôi lòng uất hận
Thôi thúc ta lên đường.*

Viết xong tôi hát ngay trong hầm chỉ huy cho cán bộ chiến sĩ nghe. Sau đó được hai nghệ sĩ Linh Nhâm và Huy Cường thu thanh phát trên làn sóng được nhiều thính giả yêu cầu phát lại.

Bài hát lập tức được phổ biến sâu rộng ở mặt trận bởi những cung quãng rút từ chất liệu dân ca hò hụi tha thiết, hùng tráng và thôi thúc...

... Đến mặt trận đường Chín - Khe Sanh nhạc sĩ Lê Lan đi cùng tôi với cây đàn guitar và chiếc máy ảnh nhỏ Liên Xô, vừa đi vừa sáng tác, vừa đi vừa chụp ảnh quên cả ốm đau, bom đạn... Ở đồi không tên, một tiểu đội ta tiêu diệt một tiểu đoàn Mỹ. Tôi gặp cán bộ mặt trận, đi thâm nhập thực tế bằng cách nhìn trên bản đồ và cảm xúc thực tế tôi đã phát hiện ra dòng suối La La chảy xuôi về sông Cam Lộ...

Cảm xúc ồ ạt đến, tôi viết rất nhanh, sau hai ngày đã viết xong bài "*Ơi dòng suối La La*":

*Ơi dòng suối La La
Nước trong xanh hiền hoà
Chảy quanh đồi không tên
Nay đồi đã mang tên
Tiểu đội Bùi Ngọc Đủ
Mười dũng sĩ diệt Mỹ...*

Và:

*Trăm con suối quê ta
Nước trong xanh hiền hoà
Lúc gió nổi phong ba
Mỗi dòng suối quê ta
Mỗi núi rừng đều là
Một chiến công diệt Mỹ...*

Thật không ngờ bài hát tôi viết ra tại mặt trận ngày 1-7-1967 và phối ngay cho dàn nhạc nhỏ để đội văn công xung kích biểu diễn phục vụ liên tục, và các cán bộ chiến sĩ đường 9 nghe thích, đi đâu họ cũng đều hát vang "*Ơi dòng suối La La...*".

Sang đầu tháng 9-1967 mặt trận đã bắt đầu bước vào mùa mưa bão lụt. Địch càng bắn phá ác liệt hơn. Tôi đi sâu xuống Trung đoàn 2 Gio An thâm nhập. Càng đi càng viết được, lại thấy kết quả, nên người khoẻ ra ít bị ốm, với cái tuổi 32, 33 đi

sáng tác rất hăng. Gặp dân tộc Vân Kiều buổi chiều, rất vui cho tôi là phát hiện ra chiếc đàn Talu làm bằng gốc ống tre, mặt đàn phật đi 1/5 ống và mắc ba dây đồng âm, đồng bào gảy đàn và hát lên bài dân ca của dân tộc mình.

Sau trận đánh Gio An của Trung đoàn 2 tôi mượn tâm trạng mừng vui của người Vân Kiều đi tải đạn tiếp lương ra mặt trận để nói về tình yêu lạc quan của tuổi trẻ đi đánh giặc, và ca ngợi chiến thắng này.

Thực ra chất dân ca Vân Kiều khi hát lên có âm (ư à ù) nghe rất âm u buồn tủi và âm đàn Talu đồng âm. Tôi mượn chất liệu đó tổ chức thành một nét nhạc vui, và phát triển sôi nổi. Đang chuẩn bị viết thì bom đánh rất quyết liệt xuống núi rừng. Cả đội chúng tôi đang sống ở Đại đội 1 công binh vừa bị nước lụt vừa bị bom đạn của Mỹ đe dọa. Đại đội 1 hy sinh gần hết. Chúng tôi vừa đón nhạc sĩ Lê Lan ở bệnh viện đã khỏe, trở lại đội hình đi sáng tác và biểu diễn, thì lại bị một trận bom dữ dội nữa.

Tôi buồn đi khi thấy đồng đội chiến sĩ nơi mình thâm nhập đã hy sinh gần hết. Tìm hoa rừng đi viếng xong, về buồn quá không chịu nổi tôi cảm bút sáng tác "*Tiếng đàn Ta lu*".

Ở điệu si thứ 9 với nhịp đầu tôi muốn phá cái nỗi đau thương đang bao trùm lên Đại đội 1 nơi tôi thâm nhập. Cứ thế ôm nỗi đau trong lòng ấy bắt buộc tôi phải viết ra một bài hát lạc quan mãnh liệt để xoá đi nỗi đau đang bao trùm chính mình. Viết rất nhanh. Ngày 6-9-1967 "*Tiếng đàn Ta lu*" được hoàn thành ngay tại Đại đội 1 công binh khi họ vừa mở đường xong. Tôi dậy cho ca sĩ Vân Anh hát thuộc ngay, không ngờ bài hát ra đời trong bom đạn ấy lại thánh thót nhịp nhàng và chất dân ca Vân Kiều từ buồn trở thành tươi vui trong sáng, người Vân Kiều nghe Vân Anh hát cứ nhảy theo tiết tấu và "hú" theo, phá tan những nỗi đau. Kẻ thù muốn vùi dập sự sống ở đây thì chính trong cái ác liệt ấy niềm lạc quan vẫn nảy mầm xanh tươi giữa đường Chín - Khe Sanh. Cuối xuân 1968 bài *Tiếng đàn Ta lu* được biểu diễn báo cáo với Bác Hồ do Nghệ sĩ Nhân dân Tường Vi hát rất thành

công. Tôi được Bác Hồ tặng Huân chương Chiến công hạng Hai cho tác phẩm này vào tháng 6-1969.

Chuyến đi thu hút tôi viết khoẻ hơn, nhanh hơn, nhạy hơn. Ngày 21-7-1967 tôi lại cùng Đại đội 1 đánh cao điểm 1009 Đông Trị. Cả đại đội hành quân từ trưa đến tối Đông Trị vào giữa đêm. Tôi xúc động đã viết hành khúc ngắn gọn thể một đoạn. Sau 30 phút làm xong tôi và Nguyễn Lương cô diễn viên múa nhưng có giọng hát tốt hát cùng tôi. Bài hát được cả đại đội hưởng ứng.

Cứ thế theo nguồn cảm hứng tôi viết tiếp *"Trung đoàn Dũng sĩ Gio An"*, rồi ca cảnh Khe Sanh với 11 đoạn hát. Tiếp đến một loạt tác phẩm khác tôi viết: *"Những sân ga những chuyến tàu"*, *"Đoàn nghĩa binh cách mạng"*, *"Em là chiến sĩ nuôi quân"*, *"Lại mà xem tiểu đội em đánh Mỹ"*, *"Xe vào trận tuyến"*, v.v..

Chuẩn bị đón xuân 1969, khi nhận được điện vào mặt trận phổ biến thơ chúc Tết của Bác Hồ, tôi đã phổ nhạc ngay trong đêm 18-12-1968 bài *"Tiến lên chiến sĩ đồng bào"*. Bài thơ viết thể lục bát là loại phổ thơ khó nhất đối với nhạc sĩ. Tôi viết dựa vào dân ca quê Bác và tiết tấu đảo phách của chèo như ngày hội đón xuân 1969:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc còn thắng to
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.*

Đây là một trong những ca khúc phổ thơ của Bác Hồ tôi viết đầu xuân 1969 thành công được quần chúng yêu mến. Không ngờ đây là bài thơ chúc Tết cuối đời của Bác mà tôi phổ nhạc.

Đến với dân tộc Pakô tôi gặp chị Hồ Thị Hồng người dân tộc Pakô quê ở Thanh Hoá. Gặp chị ở mặt trận chị chỉ nói câu "Bao giờ đất nước Độc lập như Bác Hồ nói, miêng nhớ về thăm dân bản em nhé", ấn tượng ấy tôi đã gửi vào bài *"Cô gái Pakô đi tải đạn"*. Lời ca có câu:

*Mùa xuân đến rồi bản làng ơi!
Thư Bác còn dậy vang non sông
Kèn tiến công vang dội khắp hai miền
Bác Hồ gọi ấy là mùa xuân đến.*

Và câu kết:

*Ngày chiến thắng anh về
Cùng bản làng em hát
Người con gái Pakô...*

Viết xong bài này vào ngày 19-5-1969. Sau này Nghệ sĩ Ưu tú Ngọc Minh đã mời tôi viết thành nhạc múa. Bài hát và múa được phổ biến rộng rãi trong sinh viên và các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp biểu diễn.

Trong suốt năm 1969 tôi đi viết khá nhiều nhưng bệnh dạ dày hành tôi khá trầm trọng. Viết đến chảy máu dạ dày lần thứ 4 mà vẫn không biết sợ.

Được tin Bác, tôi đã căng thẳng ôm nỗi đau thương với cả nước, không biết viết ra sao để ca ngợi Bác Hồ kính yêu. Bởi bao nhiêu bài hay về Bác các nhạc sĩ viết trước tôi đã trăn trọc các góc độ cả rồi. Mình viết gì đây?

Bác mất ít ngày đã nghe bài hát "*Người là niềm tin tất thắng*" của nhạc sĩ Chu Minh, "*Trông cây lại nhớ tới người*", phát triển dân ca Nghệ - Tĩnh của nhạc sĩ Đỗ Nhuận v.v., tôi cuống lên không biết viết cái gì. Tôi đã viết bài "*Đời đời ơn Bác Hồ*", viết xong thấy không hay. Tôi quyết định đi xuống đơn vị ra mặt trận để chiêm cảm sự đau thương của toàn quân khi mất Bác ra sao. Họ vẫn gạt nước mắt vác súng ra đi tiến bước theo con đường nhất định xông lên giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam, giành lấy những mùa xuân hạnh phúc cho non sông đất nước ấm no. Bác Hồ của chúng ta không mất. Tôi nảy ra ý định viết "*Bác đang cùng chúng cháu hành quân*" với nhịp hành khúc vang trong tâm hồn tôi khi cùng hành quân với những bước chân chiến sĩ cán bộ tiến ra phía trước, biến đau thương thành sức mạnh:

*Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận
Trùng trùng đoàn quân tiến bước theo con đường của Bác*
Và:

*Miền Nam ta ơi!
Hãy phát cao cờ đỏ thắm tươi
Ta xông lên giải phóng thành đô
Phá hết bốt đồn, quét sạch bóng quân xâm lược
Vì độc lập tự do
Quyết giành ấm no
Giành lấy những mùa xuân
Bác kính yêu đang cùng chúng cháu hành quân.*

Bài hát viết xong ngày 14-10-1969 thì tôi bị chảy máu dạ dày lần thứ năm, bị ngắt phải cấp cứu trong Bệnh viện 354 và sau đó dạ dày chảy máu tiếp, hồng cầu còn có một triệu, có khả năng nếu mổ sẽ chết. Quân y viện 108 đã cứu sống tôi bằng truyền máu tốc độ nhanh bị choáng ngắt. May cho tôi tác phẩm đã hoàn thành, và tôi cũng được cứu sống, dạ dày bị cắt còn 1/3.

Những bài hát của tôi đã ra đời từ trong đạn lửa đau thương và niềm tự hào của người lính nơi tuyến đầu. Đây là những bài hát viết ra bằng giá máu của sự hy sinh mà cả dân tộc đã từng ném trái. Tôi sẽ không bao giờ có được những bài hát ấy, nếu không có những năm tháng đi cùng chiến sĩ ngoài mặt trận.

BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI - CHỦ ĐỀ TÔI CÓ CẢM XÚC MẠNH LIỆT

PHONG NHÃ

Năm 1944, là một cán bộ phụ trách thiếu nhi bí mật hoạt động ở làng tôi, thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, tôi đã sáng tác đầu tay bài *Nhanh bước nhanh nhi đồng*. Có thể nói đó là một tuyên ngôn của trẻ em đi theo cách mạng do tôi phụ trách thay mặt các em diễn đạt. Lúc đó chưa có định hướng rõ ràng trở thành nhạc sĩ. Anh phụ trách đi theo cách mạng, thì cũng dìu dắt các em đi theo cách mạng, làm bài ấy để cổ vũ, hướng dẫn các em một cách hồn nhiên như vậy.

Đã sáng tác được một bài đầu tiên, thế tất phải sáng tác bài thứ 2, bài thứ 3, nhất là bài đầu tiên ấy được các em hoan nghênh. Bài thứ 2 là *Kim Đồng* và bài thứ 3 là *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* (sau nói rộng hơn là thiếu niên, nhi đồng). *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* đã đánh dấu bước ngoặt trong đời tôi. Nhớ lại một thời sôi nổi, là Bí thư đầu tiên Hội nhi đồng cứu quốc Thủ đô trong Cách mạng tháng Tám. Các em đòi hát, lúc đó phần nhiều bài hát của người lớn. Anh phụ trách biết chút ít âm nhạc. Thế là cứ mạnh dạn làm bài hát cho các em hát. Bài hát được các em đón hát. Phấn khởi quá, lại làm tiếp. Lại được các em hát. Rồi được gọi là "nhạc sĩ" lúc nào không biết. Các đề tài, chủ đề âm nhạc lúc này, do tình hình thời sự và cảm hứng, đột xuất tự nảy ra chưa có ai quy định cho mình phải sáng tác bài này bài nọ. Lúc này chưa có tổ chức Hội nhạc sĩ. *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* là một đề

tài loé sáng cùng với việc lần đầu tiên được thấy lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh. Đến lúc đó chưa nghe nói ai là Hồ Chí Minh? Cấp trên còn giữ bí mật chưa phổ biến.

Thì đây, ngày 2-9-1945, tác giả đã được thấy Hồ Chí Minh lần đầu tiên trong cuộc đời, lúc Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* ở Quảng trường Ba Đình.

Các em thiếu nhi Đội Trần Hưng Đạo (có lúc gọi là Đội Nguyễn Thái Học, lấy tên phố làm tên Đội), được xếp ưu tiên hàng đầu trên vỉa hè Bộ Ngoại giao bây giờ, trông lên lễ đài Ba Đình. Do đó các em cùng các anh chị phụ trách đã được thấy tận mắt, cự ly rất gần, xe Bác Hồ đi đến và đi về qua chỗ các em trong khoảnh khắc. Tuyệt vời quá, tôi đã thấy Bác Hồ nhoài người ra vẫy các cháu nhiệt tình vô cùng bằng cả hai tay. Và tôi đã thấy hình ảnh Bác Hồ rõ nét với vầng trán cao, gò má cao, tai to, mắt sáng... Liên tưởng tới một bức ảnh chân dung Nguyễn Ái Quốc mà mình đã được xem, thấy đúng đây rồi: Bác Hồ là Nguyễn Ái Quốc! Tự nhiên nước mắt chảy quanh với niềm tin vô bờ: Có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, cách mạng nhất định thắng lợi. Đó là một phát hiện của bản thân mà tự mình chưa nói ra với các em vì vẫn còn phải tôn trọng nguyên tắc giữ bí mật. Giả dụ thấy Bác Hồ ngồi lặng im không được xê dịch nhiều như quy định của Đội Bảo vệ thì chưa biết thế nào. Đằng này lại thấy Bác nhoài cả người ra cửa xe, vẫy các cháu bằng cả hai tay. Thân yêu quá, không bút nào tả xiết. Bác truyền cảm ngay đến đàn cháu và đàn cháu reo lên, nhảy lên vẫy Bác, cũng truyền cảm tới Bác. Giây phút này, mãi mãi trở thành một "cái động lịch sử" trong trái tim tôi. Cho nên tôi nảy ra ý tứ mãnh liệt làm bài hát Bác Hồ với thiếu nhi và thiếu nhi với Bác Hồ, tha thiết và chân chất hồn nhiên, dí dỏm, khác bài người lớn. Thế là trong buổi sinh hoạt Đội, anh phụ trách đố các em: "Ai yêu Bác Hồ nhất?". Nhi đồng bảo: "Nhi đồng yêu Bác Hồ nhất!". Anh phụ trách trong thâm tâm đồng ý với các em, song cứ trêu các em không phải như vậy: "Phụ lão, phụ nữ, thanh niên mới yêu Bác Hồ nhất!". Các em không chịu cứ reo lên: "*Nhi đồng yêu Bác Hồ nhất!*" át cả tiếng anh phụ trách. Cuối cùng anh phụ trách đồng ý với các em rằng:

“Không ai yêu Bác Hồ hơn các em nhi đồng!”. Cả chủ đề và giai điệu đã tìm thấy cùng một lúc, diễn đạt theo cách nói dân gian: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng*. Câu thơ mở đầu ấy đan xen mô phỏng đến 4 lần như các em muốn nhắc lại, nhấn mạnh ý kiến các em vui thích.

Tiếp đến mô tả Bác theo con mắt của nhiều em đã tả về Bác: *Bác chúng em dáng cao cao người thanh thanh, Bác chúng em mắt như sao, râu hơi dài...* như các bạn đã biết.

Hai câu cuối mô tả nhấn mạnh ý ban đầu, kết ở âm khu cao: *Hồ Chí Minh kính yêu, chúng em kính yêu Bác Hồ Chí Minh trọn đời*.

Hồ Chí Minh kính yêu chúng em ước sao Bác Hồ Chí Minh sống muôn năm.

Nhớ kỹ lại, bài hát ra đời vào cuối năm 1945 liền được các em yêu thích. Đến 1946, khi trình bày tập thể trong ngày sinh của Bác Hồ, lần đầu tiên được tổ chức ở Hà Nội, thì nó đã trở thành phổ biến.

Nhạc sĩ Trương Xuân Mẫn kể, hồi thiếu nhi, bà con và trẻ em Quảng Nam Đà Nẵng được nghe em Lê Thị Ái, con gái bác Lê Văn Hiến vào hát bài hát mới: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng*, thấy mới lạ, đòi được học ngay. Đồng chí cố nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã ghi trong bài giới thiệu cuốn hồi ký của cố nhạc sĩ Đinh Ngọc Liên là khi ở Sài Gòn hoạt động xong ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới ở Bộ Thanh niên đã được nghe các em Hà Nội hát bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...* mà anh cũng cho là mới lạ, rất đáng yêu.

Tôi nhớ lại một kỷ niệm hồi kháng chiến chống Pháp, anh Y Kia, chiến sĩ du kích dân tộc Ê Đê ra Trung ương Đoàn chuẩn bị tham gia đoàn đại biểu thanh niên Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên thế giới họp ở Béclin, mọi người hỏi anh thiếu nhi Tây Nguyên thường hát bài gì? Anh trả lời rất "Tây Nguyên" bằng hát lên bài *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...*, lời tiếng Ê Đê, do ai đó hay chính anh, đã dịch?

Bây giờ *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh...* đã được ghi lại trong các cuốn phim "Bác Hồ của chúng em", "Hồ Chí Minh chân dung một con người", và các phim truyền hình khác, đó là phần thưởng lớn nhất cho tác giả.

Bài hát về thiếu nhi với Bác Hồ làm ít lâu sau đó, mùa thu năm 1946, khi Bác Hồ đang đi dự hội nghị Fông-ten-nơ-blô bên Pháp, là bài *Bác chúng em sắp về a! a! a!*.

Khi Bác Hồ lần ấy sang Pháp, là nước Bác đã từng sinh sống hoạt động khá lâu, không mấy ai là không lo lắng. Nước Việt Nam vừa mới tuyên bố độc lập, chưa được sự công nhận quốc tế nhiều. Dù lần này Bác sang Pháp với cương vị là Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhưng biết đâu bọn thực dân xảo quyệt chẳng gây khó dễ cho Bác; thậm chí còn lo có những bọn "diều hâu" muốn bắt bớ hoặc ám hại Bác nữa. Bố mẹ các em lo sợ cho Bác thì các em cũng lo sợ cho Bác không kém. Càng yêu Bác, càng lo cho Bác. Đã có một bài hát của một tác giả khuyết danh nói lên tâm trạng này:

*Vắng Bác Hồ yêu dấu lòng băng khuâng
cháu sầu nhớ nhung.*

Bác có nhớ cháu không từ lúc con chim bằng cất cánh...

Thế rồi trên một chuyến xe điện đường "Mơ - Bưởi", đưa các em đi trại lên Hồ Khẩu và Võng Thị trên Bưởi, tôi đã nảy ra ý kiến làm một bài hát bày tỏ nỗi vui mừng của các em khi đi đón Bác về, để làm dịu bớt phần nào nỗi lo toan chung.

Câu đầu tiên bật ra cùng với nhạc và lời: *Bác chúng em sắp về a! a! a!*:

Bác chúng em sắp tới a! a! a!

Vui thích thay a! a! a! Bác em sắp về a! a! a!

*Chúng em vui mừng, mừng, mừng, mừng,
mừng quá đi thôi!*

Sắp về là chưa về. Khi Bác đã về rồi thì hát đôi là "*đã về*" do các em tự đôi khi hát đúng vào thời điểm thích hợp.

Từ 4 câu đầu gọi ra các câu sau, như nói mà là hát:

*Nguyên vì Tổ quốc Bác em ra đi
Còn vì đàn cháu Bác em ra đi
Bác đi xa với lòng em mong nhớ
Hôm nay Bác về chúng em rất mừng.*

Khi tàu điện đến ga chót "Buổi" thì bài hát cũng vừa làm xong. Hầu như chẳng sửa chữa gì.

Trên tàu, một số bà con xúm xít nghe các em hát. Có người còn hát theo và thuộc luôn.

Bài hát đã nói lên được phần nào tâm trạng và niềm hy vọng của các em và cả các vị phụ huynh lúc đó nên chỉ mấy ngày sau cả Hà Nội đã hát.

Sau Tết Trung thu Bính Tuất 1946 ít lâu, khi Bác Hồ đáp tàu biển về đến Hải Phòng thì thiếu nhi Hải Phòng đã thuộc bài này. Nhạc sĩ Trần Việt Bính kể lại: Hôm ấy anh cũng là một thiếu nhi đi đón Bác và may mắn được đứng gần Bác. Anh đã thấy Bác Hồ khóc, nước mắt chảy giàn giụa không cầm được, Bác đã khóc nức nở...

Bài thứ 3 là bài *Bác sống đời đời* làm năm 1969 sau khi Bác Hồ mất. Lúc này tôi đang nghỉ an dưỡng tại bãi biển Hải Thịnh, Nam Hà. Bỗng đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam sau nhạc hiệu, có giọng phát thanh viên buồn rầu, chậm rãi, báo tin sừng sốt, đau đớn: Bác Hồ đã mất!

Thế là tôi và các bạn đi nghỉ cùng đợt, bàn nhau cùng nhau tự tìm phương tiện, bỏ dở cuộc nghỉ, ra về Hà Nội để còn kịp chứng kiến tang lễ của Bác.

Khi ô tô đi đến huyện Hải Hậu, đã thấy bà con lương giáo và các em thiếu nhi đeo băng tang đúng quy định của Ban Tang lễ Quốc gia: nửa đen, nửa đỏ theo chiều ngang. Ngoài trời mưa gió, cây nghiêng ngả.

Về đến Hà Nội thấy cảnh trước cửa nhà mình, bên sân Khai Trí Tiến Đức (nay là Trung tâm phương pháp câu lạc bộ), ngày

thường đông vui trẻ em đến thế, nay bỗng vắng lặng.

Hôm sau, chúng tôi được theo cơ quan đoàn thể đi lên viếng Bác ở Hội trường Ba Đình.

Sau đó, để nhen cho mình thêm những xúc cảm đặc biệt, tôi đã trở lại, đi theo đám đông nhân dân bên ngoài đang lặng lẽ đi bên kia đường nhìn vào Hội trường, mặc niệm từ xa, thương nhớ Bác Hồ khôn xiết. Khi đó, Ban tổ chức đã dựng lên một chân dung Bác phóng đại rất cao, to, để nhân dân chiêm ngưỡng. Tôi cứ đi như thế với bà con, đi qua rồi vòng lại nhiều lần. Khi Hà Nội lên đèn, chân dung Bác cũng có đèn pha chiếu vào, toả sáng.

Sáng 3-9-1969 là ngày thiêng liêng, ngày đỉnh điểm nhất diễn ra tang lễ của Bác. Tôi ra đường Thanh Niên, đứng trong hàng ngũ nhân dân lo lắng nghe buổi truyền thanh trực tiếp trên loa công cộng. Được nghe bài điệu văn nghen ngào của đồng chí Lê Duẩn, xen lẫn cả tiếng khóc của thiếu nhi và nhân dân vọng vào.

Khi tang lễ kết thúc, các em đứng hàng đầu ở quảng trường Ba Đình, cứ đứng khóc Bác mãi, không về. Thủ tướng Phạm Văn Đồng dỗ các em, cho phép các em được vào vĩnh biệt một lần nữa Bác Hồ muôn vàn yêu dấu. Tiếng khóc nức nở của các em, kèm theo tiếng gọi “Bác Hồ ơi!” đã động vào tâm khảm tôi.

Tôi tự đặt cho mình phải làm xong bài *Thương nhớ Bác Hồ* tức là bài *Bác sống đời đời* ngay trong đêm 9-9-1969, khi tâm hồn đang xúc động, đến sáng đã viết xong:

Bác còn sống mãi với quê hương đất nước
Bác còn sống mãi với đàn cháu yêu thương.
Bác Hồ ơi!

Chỗ *Bác sống đời đời* tôi đã ngắt, kéo dài 2, 3 rồi mới buông xuống hai chữ *đời đời*. Theo tôi nghĩ đó là một chữ nhân, càng làm cho câu hát thêm tiếc thương, da diết. Nếu hát liền một mạch, hiệu quả sẽ khác.

Quả nhiên khi trình bày trên đài, các em cảm động sứt sứt, không hát được rõ lời phải thu lại lần khác.

Nhạc sĩ Cửu Thọ lần ấy vào tận quê hương Bác, đã dạy các em hát rất đạt, không cần dàn nhạc đầy đặn hay đệm công phu gì. Cái chính là tâm hồn của bài hát, cộng với tiếng của các em hát thật sự xúc động, hoà nhập với bài hát và tâm hồn tác giả.

Lần tôi ra đảo Ngọc Vòng ở vịnh Bái Tử Long, một hòn đảo anh hùng mà Bác Hồ cũng đã từng tới thăm, đồng chí Bí thư đảo đã kể lại: Khi nghe bài này được phát trên đài, cả gia đình đồng chí đang ăn cơm, đã ngừng ăn, lắng người lắng nghe tiếng các em quê Bác hát.

Ba bài hát về Bác Hồ với thiếu nhi, thiếu nhi với Bác Hồ tôi đã nói trên là ba bài tôi tâm đắc, nói lên được niềm kính yêu, sự suy tôn của các cháu đối với Bác Hồ vĩ đại, nỗi vui mừng bốc cao khi đón Bác trở về, sau một cuộc đi xa đầy thử thách, sự buồn rầu da diết khi vĩnh biệt Bác.

Ba bài hát đó có thể nói như một liên khúc dâng lên từ buổi ban đầu, mừng vui bên Bác, đến lúc vĩnh biệt Người đi xa.

Bài mở đầu *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng*, đúng là ca khúc tiêu biểu cho bản thân tôi - Phong Nhã.

TÔI VIẾT BÀI HÁT “LÀNG CHĂM ƠN BÁC”

A MƯ NHÂN

Còn nhớ, cách đây mười bốn năm về trước tôi đã cùng đoàn Nghệ thuật không chuyên tỉnh Thuận Hải đi tham gia hội diễn "Tiếng hát từ làng Sen" tổ chức tại Nghệ Tĩnh vào năm 1985, nhân kỷ niệm chín mươi lăm năm ngày sinh của Bác. Đây là niềm vui và vinh dự được đến với quê Bác lần đầu tiên với tư cách là một diễn viên, hơn thế nữa, đoàn có phân công cho tôi phải viết một bài ca ngợi Bác do chính bản thân tôi biểu diễn. Nhận thức được điều này, trước đó một tháng tôi đã bắt đầu sáng tác dựa trên cơ sở chất liệu dân ca Chăm. Trong các làn điệu dân ca Chăm, tôi thấy có điệu thức trường "chay Kathũn" tức là điệu anh hùng ca, là phù hợp, bởi lẽ phát triển từ chất liệu "anh hùng ca" để ca ngợi một vị anh hùng dân tộc là điều rất hợp lý và hài hoà. Tôi quyết định viết theo thể loại ba đoạn: A, B, C, bằng giọng la trưởng và lấy tên bài hát là "Làng Chăm ơn Bác", mở đầu bằng nhịp Moderato tự sự nói lên tâm tư và tình cảm của người Chăm đối với Bác. Sau một câu dạo đầu của đàn "Kanhi" sâu lắng, tôi mở đầu bằng câu: *Từ làng Chăm xa xôi nay con về thăm quê Bác, nghe trong lòng bao thương nhớ ôi mang nặng tình Bác trong tim...* Tiếp theo, đoạn B là tiết nhịp mạnh dựa theo tiết tấu của trống ginăng, paranung rộn ràng thôi thúc bằng nhịp độ nhanh vừa: *"Nhớ lời Bác gìn giữ quê hương nòi giống... hoà bài ca chiến thắng Nam Bắc yêu thương thiết tha"*. Bổng đoạn C đột ngột lắng xuống bằng âm khu trầm của giọng la trưởng (tức

nốt la trầm) vẫn với nhịp độ trên nhưng nhịp điệu bài hát càng dồn dập hơn: *"Độc lập tự do lời Bác gọi thống nhất đất nước cùng dựng xây quê hương..."*. Và bài hát được kết bằng hai câu cuối: *"Hồ Chí Minh trong trái tim Việt Nam - Hồ Chí Minh trong trái tim người Chăm"*.

Xuyên suốt nội dung bài hát là một cảm xúc mãnh liệt, sự khao khát nồng nàn khi được đến với quê Bác và tôi càng vui sướng hơn khi một lúc nhận được hai vinh dự: một huy chương vàng của Bộ VHTT cho diễn viên và một bằng khen của UBND tỉnh Nghệ Tĩnh cho sáng tác. Thời gian đã đi qua rồi, nhưng kỷ ức mùa Hội diễn vẫn còn sống mãi trong tôi. Thế mới cảm nhận được rằng cái giá trị đích thực của nghệ thuật là vậy, và từ đó ngưỡng cửa âm nhạc đã rộng mở cho tôi lao vào con đường sáng tác chuyên nghiệp, nhất là từ khi tôi được kết nạp là hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam vào năm 1990.

NHỮNG KỶ NIỆM VÔ GIÁ

LINH NHÂM kể

Vào những năm 1960, tôi vinh dự được nhiều lần vào biểu diễn phục vụ Bác Hồ và các cán bộ, nhân viên trong cơ quan Phủ Chủ tịch. Thời kỳ ấy cứ tối thứ bảy và chủ nhật, cơ quan thường tổ chức chiếu phim, Bác yêu cầu tôi hát cho anh chị em trong cơ quan cùng nghe. Được Bác chỉ đích danh, tôi sung sướng quá, đứng dậy hát liền mấy bài dân ca quan họ Bắc Ninh. Khi hát xong, Bác khen: "Giọng cháu tốt, cháu nên học ngâm thơ để có nhiều tiết mục phục vụ bộ đội". Tôi trở về báo cáo việc này với nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn, các đồng chí lãnh đạo đơn vị hết lòng đồng tình và cổ vũ, tôi thêm vững tin bước vào lĩnh vực mới. Cứ mỗi lần xuống phục vụ bộ đội, tôi kiên nhẫn tìm những bài thơ của anh em trên báo tường về nghiên cứu, nghiền ngẫm rồi phục vụ tại chỗ cho bộ đội nghe. Bước đầu được bộ đội hưởng ứng nhiệt tình, tôi càng cảm kích, phấn hứng thêm một bậc nữa là chọn những bài thơ của những tác giả chuyên nghiệp như bài thơ "*Lá thư Bến Tre*" của Nhà thơ Tố Hữu. Chọn một bài thơ đúng thời điểm cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của đồng bào miền Nam đang trên đà thắng lợi, cộng với sự loé sáng trong cung cách biểu diễn có tìm tòi nên tôi được khán giả cổ vũ mạnh mẽ. Tôi hồ hởi đem kết quả này về báo cáo với Bác: "Đây là lần đầu tiên sân khấu Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị đưa vào một thể loại mới, đó là ngâm thơ. Nhờ ơn chỉ dẫn của Bác, cháu đã được bộ đội hoan nghênh và được đơn vị đánh giá là tốt. Cháu xin cảm ơn Bác". Tôi cảm ơn Bác đồng thời ngâm cho Bác nghe "*Lá*

thư Bến Tre", Bác khen "Thế là cháu biết ngâm thơ rồi đấy. Nhưng hơi thở của cháu còn ngắn lắm". Bác liền đứng dậy làm thị phạm cho tôi, tôi ngỡ ngàng không thể ngờ được là Bác đã thấu hiểu phương pháp cơ bản của người diễn viên hát: Bác đứng thẳng người, đưa hai tay lên hoành cách mô, lấy hơi thật sâu vào, xong rồi ngừng lại một tí và thở ra thật chậm, Bác làm thị phạm y như một giáo viên dạy hát. Lúc đó tôi thoáng nghĩ: Bác đã từng đập guồng xể nước và tát nước gầu đôi làm thị phạm cho nông dân thì việc này Bác cũng tìm hiểu cặn kẽ để động viên thúc đẩy ngành nghệ thuật của chúng tôi. Được Bác chỉ đạo tận tình, chu đáo như thế cho nên khi về đơn vị, tôi ngày đêm miệt mài tìm tòi cách ngâm thơ sao cho hiệu quả nhất để khỏi phụ lòng dạy dỗ của Bác. Tôi nghĩ: ở miền Bắc lúc này có hai giọng ngâm thơ khác nhau mà khá hấp dẫn, một là giọng ngâm thơ của Trần Thị Tuyết theo truyền thống chèo cổ, hai là giọng ngâm của Châu Loan theo giọng hò Huế. Tôi nghiên cứu đặc điểm của hai chị để rút ra cho mình một giọng điệu thứ ba - giọng thơ Linh Nhâm, với bài "*Chúng con chiến đấu cho người sống mãi Việt Nam ơi!*" của Nam Hà và bài "*Quê hương*" của Giang Nam là con đường đưa tôi tới hạnh phúc của người nghệ sĩ mặc áo lính, được đồng bào và chiến sĩ của cả nước đón nhận ở sân khấu Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị và trên làn sóng của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam trong hai thập kỷ sáu mươi và bảy mươi của thế kỷ hai mươi.

Thỉnh thoảng những buổi sáng chủ nhật, tôi được đến đọc sách báo phục vụ Bác và được ăn cơm với Bác. Tôi nhớ mãi bữa cơm đầu tiên, khi bước vào phòng ăn, thấy một cái bàn xa hút, Bác ngồi ở tận cuối bàn cùng với một mâm cơm đã bày sẵn: có thịt kho, thịt luộc, canh, cà và đặc biệt là có món tròng lợn. Khi ngồi ăn, Bác cứ gấp cho tôi liên tục. Khi no rồi, tôi để bát cơm xuống, Bác nhìn qua thấy tôi ăn chưa sạch bát, Bác bảo: "Bé phải ăn cho hết không được bỏ thừa dù chỉ là một hạt cơm. Bé có biết không, có được những hạt cơm này là người dân phải trải

hai sương một nắng, mình ăn không được bỏ phí!". Trong cuộc đời còn non nớt của tôi, tôi không thể tưởng tượng được Bác dành thời gian chăm lo cho một diễn viên bình thường như tôi chu đáo đến thế, ân cần đến thế. Bữa cơm này thật vinh dự đối với tôi mà cũng không thể nào quên bữa cơm đậm tình cha con mà Bác đã dành cho tôi.

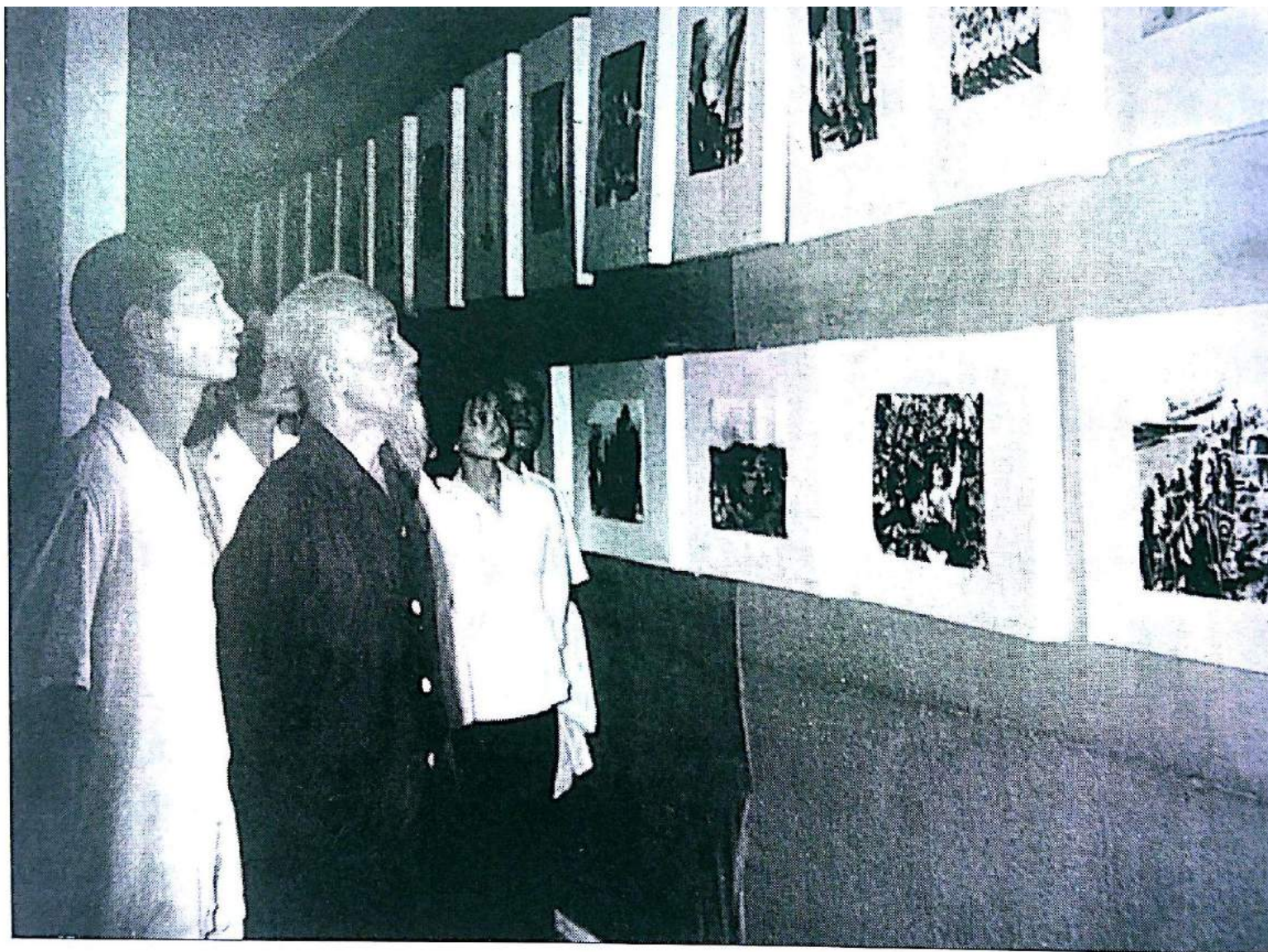
Năm 1967, giặc Mỹ leo thang bằng không quân đánh ra miền Bắc thật là dữ dội, đặc biệt là Khu Bốn. Được lệnh của Tổng cục Chính trị, đoàn chúng tôi chuẩn bị đi vào phục vụ tuyến lửa Khu Bốn. Trước ngày lên đường, tôi vào biểu diễn báo cáo với Bác. Khi biểu diễn xong, Bác nói với chú Vũ Kỳ chuẩn bị cho tôi một lọ thuốc chống muỗi và Bác cho tôi một cái áo len cộc tay để chống lạnh.

Lúc cầm cái áo len từ tay Bác trao, tôi bùi ngùi ứa nước mắt vì một vị Chủ tịch nước đối với một nghệ sĩ như tôi. Bác đã chăm lo theo đúng nghĩa đen là:

- Lo cho tôi có sự nghiệp
- Lo cho tôi có bữa ăn
- Lo cho tôi có áo mặc
- Lo cho tôi có sức khoẻ để làm việc.

Đó là những kỷ niệm vô giá đối với một nghệ sĩ như tôi. Bác đối với tôi thật vô cùng vĩ đại và ấm cúng.

KHẮC TUẾ *biên soạn*



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm ảnh nghệ thuật toàn quốc lần IV tại Tràng Tiền (12/9/1962) - Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

VƯỢT CẢ ƯỚC MƠ

NAY HỒVIN kể

Những ngày giáp Tết năm 1956 Đoàn văn công Tây Nguyên chúng tôi bàn nhau chuyện tổ chức Tết. Anh thì nêu vấn đề làm nhiều món ăn dân tộc để có thêm mùi vị quê hương. Chị thì bàn nên tranh thủ đi xem các nơi thắng cảnh để hiểu thêm phong cảnh đất nước. Có đồng chí đề nghị nên đi thăm các bạn đồng hương ở xa Hà Nội. Lại có đồng chí gợi ý nên tổ chức nhiều trò chơi dân tộc. Thật là có nhiều ý kiến, chỉ e không đủ thì giờ để thực hiện.

Đang lúc chúng tôi lúng túng và liên tưởng đến những cái Tết trước đây ở Tây Nguyên, được ăn các món dân tộc, họp mặt với gia đình và bè bạn, hoặc đi nổ súng vào đầu giặc Pháp để thay pháo đầu xuân, thì được tin Bác cho chúng tôi quà Tết. Bác cho một thứ mà chúng tôi đang ao ước, đó là một con nai. Bác còn viết thư cho chúng tôi, đại ý tôi còn nhớ được là: "Thấy các cháu ra ngoài này lâu không được ăn thịt thú rừng, nên Bác gửi cho các cháu con nai để ăn Tết".

Nghe xong thư Bác, lòng chúng tôi vô cùng xúc động. Nhớ lại lúc bảy tám tuổi, mỗi khi bố mẹ có những thứ ngon lành gì hoặc đi săn bắn được các thú rừng về thường để dành thịt cho con hay nhường cho con trước. Bây giờ Bác đối với chúng tôi cũng thế nữa và còn hơn thế nữa. Bác bận trăm công nghìn việc, vậy mà Bác vẫn luôn luôn nghĩ đến chúng tôi, biết rõ cả những ước mong về sinh hoạt, và khi nhân dân biểu Bác con nai để ăn Tết,

Bác lại gửi ngay cho chúng tôi. Đến bữa ăn, khi gấp miếng thịt nai, tôi vừa xúc động, vừa cảm thấy hương vị của nó ngon ngọt vô cùng.

Hồi tưởng lại lúc chưa ra tập kết, tôi cũng như nhiều anh chị em khác, chỉ có một ước mong duy nhất là được gặp Bác một lần, thì dù trong công tác có hy sinh đi nữa cũng không hề chùn bước.

Ước mong của chúng tôi lúc đó mới có thể, chứ đâu dám nghĩ đến chuyện được ăn quà Tết của Bác hay được hưởng nhiều sự săn sóc, dạy bảo trực tiếp của Bác.

Thật vậy, khi chúng tôi vừa mới đặt chân lên miền Bắc được một hôm, đang nhiều ngỡ ngàng với phong cảnh Sầm Sơn, thì Đảng, Chính phủ, nhân dân miền Bắc đã chăm lo cho chúng tôi mọi thứ tỏ rõ lòng thương yêu chúng tôi vô hạn. Riêng Bác, Bác lại cho ngay chúng tôi một món quà đặc biệt: mỗi người một chiếc áo dạ rất đẹp. Qua lời đồng chí cán bộ mậu dịch đến đo may cho chúng tôi, thì đây là một tặng phẩm đặc biệt của Bác cho Đoàn văn công Tây Nguyên. Đã mười năm nay, tôi giữ chiếc áo ấy còn như mới may để sau đây, khi trở về quê hương, tôi sẽ đem nó ra nói chuyện với mọi người.

Được Bác cho áo rồi, tôi lại nghĩ đến chuyện gặp Bác. Lúc này tôi tin tưởng là nhất định sẽ được gặp, nhưng chưa mừng tượng nổi là sẽ gặp Bác trong khung cảnh nào. Ước mong này đã thành sự thật và đến nhanh hơn cả dự đoán của tôi. Sau khi trú quân ở Sầm Sơn mấy hôm thì chúng tôi được lệnh chuyển về Hà Nội và được gặp Bác ngay.

Tôi còn nhớ rất rõ buổi tối hôm đó ở Phủ Chủ tịch. Trong lúc chúng tôi đang mài mê hoá trang thì thấy mấy tiếng "Bác! Bác" vang lên trong phòng và thấy một số chị em vội vã chạy ủa ra cửa. Tôi còn đang ngơ ngác chưa biết việc gì thì thấy một chị đứng bên bảo tôi: "Bác đến, Bác đến!". Tôi hiểu ra là Bác đến

thăm chúng tôi. Mơ ước của tôi đã thành sự thật. Vì sự việc đến bất ngờ quá nên tôi phân vân không biết nên chạy đến gần Bác hay đứng tại chỗ để nhìn Bác. Tôi cũng quên cả việc chào Bác mà cứ đứng nhìn xem Bác có khoẻ không, có giống như ảnh chụp không? Trong lúc tôi đang đứng ngây ra thì nghe tiếng Bác gọi:

- Các cháu Tây Nguyên đến bắt tay Bác.

Nghe tiếng Bác gọi, tôi bồi hồi quá, vội vàng đến gần để được bắt tay. Bắt tay chúng tôi xong, Bác thông thả đi ra ngoài. Lúc này, tôi càng xúc động, chảy cả nước mắt mà vẫn nhìn theo Bác. Tôi cảm thấy vẫn chưa được nhìn rõ Bác vì thời gian được nhìn Bác ít quá, mặc dầu tôi đã được đứng gần Bác và bắt tay Bác.

Một việc nữa làm tôi xúc động hơn và cũng chưa bao giờ nghĩ tới là sau khi chúng tôi biểu diễn xong một tiết mục, Bác thấy chúng tôi mặc áo cộc tay, liền thân mật bảo ngay:

- Các cháu mặc ngay áo bông vào không thì bị sung phổi đấy!

Khi chúng tôi mới trình diễn được một nửa chương trình thì Bác lại bảo chúng tôi nghỉ. Bác nói:

- Diễn như vậy là đủ rồi, các cháu mới ra tập kết chưa quen chịu lạnh, nếu làm việc nữa sẽ bị ốm đấy.

Bác lại cho chúng tôi ăn kẹo bánh và dặn chúng tôi:

- Cháu nào ăn không hết thì lấy đem về nhà.

Lúc đó, tôi và nhiều anh chị em khác trong đoàn rụt rè không ăn cứ chăm chú nhìn Bác. Thấy vậy, Bác bảo chúng tôi:

- Các cháu cứ ăn tự nhiên, ăn không hết thì đem về nhà cho các bạn, và nhớ phần cho cả các đồng chí lái xe nữa.

Thấy Bác nhắc nhở và nhìn thấy các bạn ở miền Bắc ăn uống tự nhiên, chúng tôi cũng mạnh bạo ăn và lấy đem về để vừa ăn vừa cho các bạn. Riêng tôi có cháu nhỏ thì lấy về cho cháu và bảo đây là quà của ông ngoại (tôi bảo các cháu gọi Bác Hồ là ông ngoại). Các cháu được ăn nhiều lần như vậy nên mỗi khi tôi

đi biểu diễn lại hỏi: "Hôm nay má có đến ông ngoại không?". Thấy tôi trả lời có đến thì các cháu vui hẳn lên, có đưa lại giục tôi đi nhanh hơn nữa. Cũng có lần đi biểu diễn nơi khác, tôi bảo hôm nay tôi không đến ông ngoại thì các cháu tỏ vẻ không vui. Thấy thế nên các lần đi biểu diễn nơi khác, tôi thường nói dối các cháu là tôi đến ông ngoại, lúc về bao giờ tôi cũng nhớ mua cho các cháu ít bánh kẹo và nói là quà của ông ngoại gửi cho. Kể ra tôi nói dối như vậy là có khuyết điểm với Bác, nhưng vì tôi thấy các cháu mến ông ngoại lắm, cũng như nghĩ thêm, nếu không có chế độ của ta, có Đảng và Bác thì làm gì các cháu nhỏ người Tây Nguyên (tập kết ra Bắc) lại được săn sóc chu đáo thế.

Lần thứ hai tôi được gặp Bác là trong dịp chúng tôi biểu diễn để chào mừng một vị khách ngoại quốc đến thăm nước ta. Buổi biểu diễn này có nhiều đoàn văn công tham dự. Khi đoàn chúng tôi lên biểu diễn, tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi, thỉnh thoảng lại nói chuyện với vị khách ngoại quốc ngồi bên cạnh và chỉ tay lên phía chúng tôi. Tôi đoán là Bác đang giới thiệu nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên với vị khách đó.

Sau khi biểu diễn, Bác cho chúng tôi chụp ảnh chung để kỷ niệm. Anh chị em cứ sấn đến để được đứng cạnh Bác. Chụp ảnh xong, Bác hỏi tôi:

- Sao độ này cháu Vin gầy thế, cháu Kim Nhớ đi đâu sao hôm nay không có mặt? - Và chẳng đợi tôi kịp trả lời, Bác ân cần khuyên: Cháu cần ăn nhiều vào cho có sức khoẻ mới được.

Tôi thưa với Bác là Kim Nhớ đi học. Bác hỏi:

- Học gì?

Tôi thưa tiếp:

- Thưa Bác, học văn hoá.

Thấy vậy, Bác liền bảo chúng tôi:

- Các cháu cần phải cố gắng học tập, để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân.

Câu chuyện trên đây làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Bác tài nhớ quá. Mới gặp chúng tôi lần thứ hai mà Bác đã thuộc tên từng người, biết rõ cả ai vắng mặt và hiểu rõ cả sức khoẻ của chúng tôi nữa. Chính do lòng thương yêu cán bộ mà Bác quan tâm đến chúng tôi như thế này đây.

Như được lòng thương và sự dạy dỗ của Bác, tôi đã có một sự tiến bộ đáng kể về trình độ văn hoá, tư tưởng và chuyên môn.

Lúc ra tập kết, tôi mới thoát nạn mù chữ và chưa nói nổi tiếng phổ thông. Nay tôi đã có trình độ văn hoá lớp tám và nói thạo tiếng phổ thông.

Về phương diện chuyên môn thì mặc dầu tôi đã công tác trong đoàn văn công được bảy, tám năm, nhưng lúc ra tập kết, tôi vẫn gần như mù nhạc, chỉ mới đọc được các nốt nhạc, chứ chưa hiểu được nhạc lý và chưa biết xướng âm. Bây giờ tôi đã tốt nghiệp trung cấp về âm nhạc và đang tiếp tục học thêm. Tôi đã thấy yêu nghề và thích hát những bài hát tiếng dân tộc. Trước kia, tôi rất ghét nghề văn công, cho rằng công tác này không có tiền đồ. Chính vì có ý nghĩ đó nên hồi ở trong Nam, hễ có ai hỏi tôi: "Tôi nay diễn gì đây" là tôi khó chịu, cho là người ta khinh thường, muốn biết tôi nay mình diễn "trò" gì. Gặp trường hợp có người hỏi thế là tôi trả lời miễn cưỡng: "Chưa rõ lắm" hoặc làm thinh không nói gì. Cũng không phải chỉ mình tôi coi thường nghệ thuật sân khấu mà cả chồng tôi cũng như rứa. Cho nên lúc mới ra tập kết, tôi vẫn chưa yên tâm, luôn luôn xin đổi công tác. Không những thế, tôi lại không thích hát những bài tiếng dân tộc, vì cho là trình độ văn nghệ của dân tộc mình còn thấp kém. Tôi chỉ thích hát những bài tiếng phổ thông, mặc dầu khi hát lên, có nhiều đoạn hay toàn bài tôi không hiểu ý nghĩa hoặc chỉ hiểu lơ mơ. Bây giờ thì khác hẳn trước, tôi đã yên tâm với nghề nghiệp. Tôi đã hiểu biết được những cái hay cái đẹp của nền nghệ thuật dân tộc tôi. Bây giờ khi hát các bài tiếng dân tộc, tôi

tự thấy mình diễn hay hơn các bài hát phổ thông, vì tôi hiểu được ý nghĩa và tình cảm của các bài đó.

Sở dĩ tư tưởng tôi biến chuyển tốt như thế là nhờ sự dạy dỗ của Đảng, của Bác. Tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi các tiết mục văn nghệ của các dân tộc thiểu số, trong đó có các dân tộc Tây Nguyên chúng tôi. Có lần Bác gửi cho chúng tôi một bó lông công để dùng trang trí mũ măng theo phong cách dân tộc. Nhận được bó lông công đó, chúng tôi cảm thấy không những Bác am hiểu phong tục, nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên mà còn tỏ ra rất trân trọng nữa. Bó lông công đó cũng nói lên một phần Bác khuyến khích chúng tôi trau dồi thêm nghệ thuật dân tộc. Chúng tôi luôn nhớ lời Bác đã căn dặn: "Cần phải cố gắng học tập để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân".

THANH GIANG ghi



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các diễn viên Đoàn văn công các dân tộc
thiểu số về dự ĐH Văn công toàn quốc (Phủ Chủ tịch, 12/1955)

Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

NHỮNG CA KHÚC VIẾT VỀ BÁC HỒ VỚI TÂY NGUYÊN

LINH NGÀ NIÊK ĐĂM

Kể từ ngày rời bến cảng Nhà Rồng, lên tàu ra đi tìm con đường cứu nước, Bác chưa một lần được trở lại miền Nam. Chưa được thắp nhang trên mộ người Cha già đã nén mọi tình cảm riêng tư để động viên con dứt áo ra đi. Bác cũng chưa một lần được đến với Tây Nguyên. Nhân dân Tây Nguyên biết đến Bác Hồ chỉ qua những câu chuyện kể của cán bộ, qua những huyền thoại về Bác lưu truyền khắp đất nước. Nhưng tình cảm của Bác Hồ đối với Tây Nguyên thì bà con các dân tộc ít người trên dãy núi Trường Sơn đều biết đến qua hai lần Bác gửi thư cho Đại hội các dân tộc thiểu số ở Plei Ku năm 1946 và lá thư gửi qua cụ nhân sĩ già Y Bih Alêo. Nhân dân Tây Nguyên cũng luôn hiểu rằng “Miền Nam luôn ở trong trái tim” vĩ đại và chứa chan tình cảm của Bác Hồ. Chính vậy mà hình ảnh Bác như ngôi sao Bắc Đẩu, không chỉ soi sáng con đường theo Đảng đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc, mà còn như ngọn đèn trong đêm dài tăm tối để đến với ánh no hạnh phúc hôm nay. Ngoài những bài ca dao, dân ca mà quý vị và các bạn đã biết, tình cảm của nhân dân Tây Nguyên đối với Bác Hồ còn là chủ đề, là cảm xúc cho nhiều nhạc sĩ, từ trên chất liệu dân ca, sáng tác nên những ca khúc sống mãi theo thời gian.

Đầu tiên phải nhắc tới bài hát “*Đêm thao thức*” của nhạc sĩ người dân tộc Jrai Kpă Pui. Ông là người Tây Nguyên đầu tiên sáng tác âm nhạc, và ca khúc đầu tay của ông ra đời năm 1955 là

tình cảm của người Tây Nguyên đối với Bác Hồ. Bằng chất liệu dân ca Hre hơi chậm và tha thiết, những lời mộc mạc của tấm lòng người Tây Nguyên đã được nhạc sĩ bày tỏ *“Ôi sao sáng mến yêu, hãy nhắn lòng biết ơn, lòng mong nhớ tới Bok Hồ”*. Tác giả khẳng định: *“Tây Nguyên đã đứng lên bước theo Bok Hồ giữ gìn quê hương”*. Và trong những ngày đất nước còn tạm bị chia cắt làm hai miền, người Tây Nguyên vẫn vững tin vì có *“Mắt Cha sáng long lanh thương yêu nhìn thấu lòng muôn người”*, để rồi một ngày kia *“Được ấm no muôn đời”*. Sử dụng điệu thức thứ mềm mại, man mác, rất phù hợp với nội dung, bài hát không kết ở chủ âm mà kết ở bậc 5, như lòng ước mong của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên một ngày được đón Bác về thăm luôn luôn còn mãi.

Điều đáng chú ý là bài hát *“Đêm thao thức”* là một trong số những bài đầu tiên sáng tác trên chất liệu dân ca Tây Nguyên, xuất hiện ở miền Bắc. Giai điệu lạ và đẹp, hơi buồn nhanh chóng được mọi người yêu thích. Thậm chí về sau này, ca sĩ Tường Vi đặt lời mới cho bài hát, lấy tên là *“Gửi tới Bác Hồ”*, cũng được đón nhận rất nồng nhiệt. Lời bài hát cũng là tình cảm hướng về Bác của Tây Nguyên *“thương nhớ biết bao, từ mái tóc pha sương, từ trái tim trong sáng của Người”*. Và mong đợi ngày *“Sương vui mừng đón Cha về”*. Nghệ sĩ nhân dân Tường Vi và nghệ sĩ ưu tú người dân tộc Hre Kim Nhớ đã thành công rất nhiều năm khi biểu diễn hai tác phẩm này trên các sân khấu nghệ thuật ở trong và ngoài nước. Rất nhiều những ca khúc ra đời muộn hơn nhưng cũng nhanh chóng nổi tiếng vào thời điểm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Một trong số đó là bài *“Cánh chim báo tin vui”* của nhạc sĩ Đàm Thanh. Bài hát thay lời nhờ những cánh chim báo tin vui Tây Nguyên chiến thắng và mang cả *“lòng người dân Tây Nguyên thiết tha mong Người về thăm”* tới Bác Hồ. Sử dụng điệu thức trưởng khoẻ khoắn, tiết tấu nhanh vui, rộn ràng, trên giai điệu dân ca Jrai với những quãng nửa cung rất đặc trưng, bài hát có mặt trong rất nhiều chương trình biểu diễn của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, được nhạc sĩ

Thanh Tùng lựa chọn chuyển biên sang cho nhạc không lời hoà tấu đầu tiên theo hình thức nhạc nhẹ. Đặc biệt được bạn yêu nhạc vô cùng tán thưởng.

Ít người biết rằng một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên không có họ. Sau ngày đất nước độc lập, bà con đã xin Bác Hồ cho được mang họ của Người, như các tộc người Vân Kiều, Pa Cô (hay như người Pa Hy xin được mang họ Phạm của thủ tướng Phạm Văn Đồng). Và họ vô cùng tự hào với điều ấy. Nhạc sĩ Huy Thục đã ghi lại hình ảnh của những cô gái Pa Cô “Con cháu Bác Hồ” khi nghe *“Bác Hồ gọi ấy là mùa xuân đến”*, đã cùng rủ nhau *“Dù mưa bom cũng không ngại chi, đi đánh Mỹ để giữ núi rừng”*, với quyết tâm *“Giặc chưa hết chưa về dù rừng thương núi nhớ”*. Bài hát viết trên điệu thức trưởng, điểm xuyết những nốt hoa mỹ nhỏ đặc trưng, dù không thấy bóng dáng đường nét, nhưng chất dân nhạc miền núi Trường Sơn vẫn bộc lộ rất rõ nét.

Mùa xuân năm 1968, lời chúc Tết *“Tiến lên toàn thắng ắt về ta”* của Bác Hồ vang vọng khắp núi sông. Nhạc sĩ Doãn Nho đã có ngay một sáng tác từ cảm xúc với vần thơ chiến thắng của Bác, trong tác phẩm *“Tây Nguyên mừng đón thơ Bác”*. Bài hát được trình bày dưới hình thức hợp xướng, thể hiện khí thế hào hùng của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, hoà chung trong sức mạnh của toàn dân, chiến đấu cho ngày toàn thắng của quê hương. Trên giai điệu nguyên gốc của một bài dân ca Hrê, ở thể hai đoạn đơn, bài hát mở đầu tha thiết *“Rừng Tây Nguyên lắng nghe mừng đón lá thư Bác Hồ”*. Để rồi hào sảng vang lên lời thơ của Bác *“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua/ Thắng trận tin vui khắp nước nhà/ Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ/ Tiến lên toàn thắng ắt về ta”*, với tiết tấu nhanh, sôi động, mạnh mẽ. Tác giả Doãn Nho đã kết hợp được giai điệu dân ca Tây Nguyên với lời thơ chúc Tết hào hùng của Bác Hồ kính yêu, hài hoà giữa điệu thức thứ và điệu thức trưởng, tạo nên thành công cho ca khúc.

Sau ngày Bác Hồ đi xa, nhiều nhạc sĩ vẫn tiếp tục viết về tình cảm của nhân dân ta với Bác. Nhạc sĩ Lê Lôi cho ra đời ca

khúc *“Bác Hồ sống mãi với Tây Nguyên”*, phổ thơ của Kpă Y lăng, do ca sĩ người dân tộc Bana Măng Thị Hội trình bày lần đầu tiên trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, đã nhanh chóng có được vị trí trong đời sống âm nhạc Việt Nam. Bài hát là lời nhân dân các dân tộc Tây Nguyên nhắn gửi rằng *“ai thương, ai quý Bác Hồ bằng người Tây Nguyên”* và *“Bác Hồ sống mãi bên từng mái nhà, từng nương rẫy, trong điệu sáo tiếng đàn tr’ưng”*, Người mãi mãi cùng đi với chúng ta trên con đường đến tương lai. Vào thời điểm ấy, đây là một trong những bài hát viết về Bác Hồ với Tây Nguyên được coi là rất thành công.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột mùa xuân 1975, Kpă Púi là một trong những nhạc sĩ đầu tiên có tác phẩm gửi từ chiến trường Tây Nguyên nóng bỏng ra Đài Tiếng nói Việt Nam. Bài hát *“Tây Nguyên giải phóng”* viết ở điệu trưởng, phảng phất đường nét dân ca Bana, tiết tấu nhanh vui rộn rã, nhắc đến *“Công ơn của Bác Hồ khắc ghi đời đời”* trong tâm hồn người dân Tây Nguyên khi sông núi đất trời đã về ta”. Cũng Kpă Púi, là người nhạc sĩ đầu tiên ở Tây Nguyên, trong chuyến tham quan Liên Xô cũ, đã có sự liên tưởng giữa hai vị lãnh tụ Lênin - Bác Hồ, qua bài hát *“Đôi mắt Lênin”*, với tình cảm *“Lòng bè bạn tự hào biết mấy”* vì *“Lênin - Bác Hồ là ngôi sao sáng”*. Bài hát được trình diễn ngay ở Đại sứ quán Việt Nam tại Liên xô, tác giả rất tự hào với phần đệm pianô của Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Thái Sơn.

Đất nước thống nhất, dù Bác đã đi xa, nhưng công ơn của Bác, hình ảnh Bác vẫn còn mãi trong lòng dân Tây Nguyên. Mạnh Trí, một tác giả âm nhạc ở Đắk Lắk trưởng thành từ sau giải phóng đã viết bài *“Ơn Bác Hồ với người Tây Nguyên”*. Bài hát viết trên chất liệu dân ca Êđê, tiết tấu dồn dập như nhịp điệu chiêng Knă, được trình diễn lần đầu tiên tại liên hoan thanh niên ở thành phố Hồ Chí Minh, sau đó còn được trình diễn ở nhiều nơi, như một lời tuyên ngôn của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên *“Ơn Bác Hồ kính yêu ngàn năm lòng buôn ghi nhớ mãi”*.

Một tác giả khác người dân tộc Êđê ở Đắk Lắk, nhạc sĩ Y Sơn Niê, trong những sáng tác rất được phổ biến của anh ở các buôn làng, luôn gắn liền với tình cảm biết ơn Đảng, ơn Bác Hồ sâu sắc. Như bài *“Ơ chim Ktiă”* có câu *“Dân Tây Nguyên nhớ tới Bác. Ơn Đảng Bác có cuộc đời này”*. Hoặc trong bài *“Hoa suối”* dựa trên ý một bài dân ca Êđê *“Hoa Bác Hồ đưa nở”* thời chống Mỹ *“Em là hoa của suối. Anh là núi của ngàn. Hoa cha mẹ để lại. Hoa Bác Hồ cho ta”*. Tác giả bài viết này là người dân tộc Êđê, cũng có một sáng tác mang tựa đề *“Bác Hồ, người là sao Bắc Đẩu”*. Trên đường nét dân ca Êđê, bài hát phỏng theo lời một bài ca dao thời kháng chiến chống Pháp của Tây Nguyên, ví *“Bác Hồ là vì sao sáng, lấp lánh rực trời đêm. Bác là mặt trời lên, xua đêm dài tăm tối”*, như nhân dân các dân tộc Tây Nguyên khẳng định *“Bác là người chỉ lối, Bác Hồ vạch đường đi”*, cho Tây Nguyên thoát khỏi cuộc đời tăm tối.

Cũng đề tài *“Nhớ ơn Bác Hồ, ơn Đảng”*, đề cập đến sự đổi thay của Tây Nguyên trong niềm biết ơn sâu sắc đối với Bác Hồ, với Đảng, tác giả Đức Bình ở Đắk Lắk có bài hát *“Dâng Người lời ca Tây Nguyên hôm nay”*. Tác giả Văn Thìn Kon Tum, một nhạc sĩ gắn bó với Tây Nguyên từ những năm kháng chiến chống Pháp, đã bày tỏ tình cảm *“người Kinh, Bana, Jrai, Jẻ Triêng... muôn người cùng nhau xây dựng cuộc đời mới. Ơn Bác Đảng kính yêu nguyện đi theo Đảng trọn đời...”*. Bài hát này dựa trên làn điệu dân ca Jrai, còn sáng tác của nữ nghệ sĩ ưu tú H’Benh thì dựa trên dân ca Bana, đều giản dị, ngắn gọn, dễ thuộc.

Trong việc nhân dân các dân tộc Tây Nguyên cùng với cả nước đóng góp gỗ quý của rừng già để xây dựng Lăng Bác, tác giả Văn Chừng ở Gia Lai đã viết bài hát *“Bác Hồ trong lòng dân Tây Nguyên”*. Đây là bài duy nhất viết về Bác Hồ với Tây Nguyên nhưng không sử dụng chất liệu dân ca Tây Nguyên, mà dùng dân ca Nghệ Tĩnh để chuyển tải tấm lòng người Tây Nguyên khi *“Cho con góp 79 bạc thang”* làm căn nhà cho Bác yên nghỉ. Tuy nhiên, cho dù sử dụng chất liệu dân gian vùng

miền nào, thì cũng chỉ là cách làm, phương thức sáng tạo và đặc biệt là từ sự chân thành trong cảm xúc của mỗi nhạc sĩ. Còn thành công đến đâu, lại ở phía người nghe, mà trong nghệ thuật đã xác định “là người sáng tạo thứ ba, sau tác giả và ca sĩ”. Tuy nhiên, phải thành thật mà nói rằng, kể từ cuối thế kỷ XX đến nay, những ca khúc hay viết về Bác Hồ ít xuất hiện; sống được trong lòng công chúng lại càng không nhiều. Có thể do các tác giả không tìm được cho mình những “tứ” mới về ca từ, cảm xúc nồng nàn cũng phai pha theo thời gian. Các tác giả trẻ thì không có mấy những xúc cảm thật sự về Bác, vì thiếu ảnh hưởng trực tiếp. Ngay cả trong cuộc vận động sáng tác về đề tài Bác Hồ của Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức Trung ương, cũng khó thấy ca khúc nào sẽ có chỗ đứng lâu dài trong công chúng, như những năm trước đây, nhất là từ chất liệu dân ca Tây Nguyên.

Rất có thể đâu đó trong kho tàng âm nhạc đương đại của Việt Nam, còn nhiều ca khúc dùng chất liệu âm nhạc dân gian của Tây Nguyên nói về đề tài ơn Bác Hồ, mà người viết bài này chưa biết đến. Hy vọng với lòng kính yêu Bác, và những tâm hồn yêu nhạc, chúng ta sẽ có thêm những thông tin quý giá, để hoàn chỉnh thêm phần lưu trữ của mình.

CON VẪN HÁT ĐỀ BÁC NGHE

LƯƠNG THỊ DOAN *kể*

Năm 1953, Bộ đội Cụ Hồ tiến vào giải phóng Tây Bắc. Ấy là tôi nghe mẹ, nghe ông bác, ông chú, nghe người cả bản gọi "Bộ đội Cụ Hồ". Sao gọi Bộ đội Cụ Hồ, tôi nghĩ không ra. Bộ đội mặc áo xanh như lá cây, mũ gài lá cây, đeo súng ùn ùn đi qua bản. Bộ đội đi vào Mường Thanh. Tôi nói với mẹ: "Lớn lên con cũng làm Bộ đội Cụ Hồ!". Mẹ vuốt đầu tôi, mẹ vuốt váy áo tôi. Cả áo cả váy đều bạc phếch, trơ sợi ngang sợi dọc, mất hết cả tơ bông. Mẹ khóc! Mẹ khóc vì vui, mẹ khóc vì tủi? Hơn nửa đời người sống khổ sở mẹ chưa dám tin con gái mẹ rồi được sống khác mẹ.

Rồi bộ đội đóng ngay trong bản tôi. Các chú bộ đội dạy chúng tôi hát, dạy chúng tôi múa. Các chú kể chuyện Bác Hồ. Bác Hồ ở xa, ở mãi tận Thủ đô. Bác Hồ thương các cháu người dân tộc Thái, người dân tộc Mèo, người các dân tộc miền núi. Nhìn ảnh Bác, tôi ước ao được gặp Bác một lần. Không dám nghĩ được đến gần Bác, mà chỉ đứng xa thôi, nhìn thấy Bác cũng sung sướng rồi!

Thế mà mơ ước trẻ thơ hơn mười năm trước lại thành sự thật... Tôi đã được gặp Bác. Tôi còn được biểu diễn trình Bác. Hôm ấy là ngày mười hai, tháng tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bảy. Trời nắng bùng bùng. Một ngày hạnh phúc lớn nhất trong đời diễn viên của tôi. Tin vui là Bác Hồ gọi chúng tôi, cho phép chúng tôi vào thăm Bác. Tin vui như cơn gió mát giữa ngày hè! Bác thương nhất những đứa cháu ở xa. Ngồi trên ô-tô người tôi rộn ràng, phơi phơi. Tôi không nhớ được phố nào mình

qua. Phở nào cũng đẹp ra, người nào tôi nhìn thấy cũng hơn hờ. Chúng tôi đã chuẩn bị đề trình với Bác một số tiết mục mà đoàn đã sáng tác, phục vụ trên các chiến trường.

Chúng tôi đang sửa soạn trang phục, đạo cụ thì Bác đến. Mọi người reo lên, ùa đến, tíu tít xúm quanh Bác. Tôi muốn sà đến mà chân thì riu lại. Tôi đứng lặng nhìn Bác, tay vẫn cầm đoạn gỗ làm dở chiếc hòm đạn. Tôi nhìn chòm râu Bác, mái tóc Bác. Râu tóc Bác bạc phơ phơ. Bác Hồ! Mắt tôi nhoè đi.

Đồng chí đoàn trưởng gọi tôi. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?
- Thưa Bác tên cháu là Doan, Lương Thị Doan ạ!
- Cháu người dân tộc Thái phải không?
- Thưa Bác vâng ạ!

Trả lời Bác mà nghe như tiếng ai nói hộ mình. Bác chăm lo cho chúng tôi từng li từng tí. Trong đoàn còn ba đồng chí cấp dưỡng vì không có nhiệm vụ nên ở nhà. Bác cho đi gọi. Mười phút sau chiếc xe con bóng loáng đón ba đồng chí cấp dưỡng đã về, đỗ trước cổng Chủ tịch phủ. Biết trong đoàn có đồng chí Vi Thị Khưa, người dân tộc Puộc - một dân tộc ít người nhất trong khu tự trị - chưa biết chữ, Bác dặn đồng chí đoàn trưởng phải chú ý cho đồng chí Khưa học văn hoá. Từ ngày được gặp Bác, đã hơn hai năm nay đồng chí Khưa vẫn đang theo học trường nghệ thuật quân đội.

Bác xem những hòm đạn chúng tôi làm bằng vải bọc ngoài khung gỗ mỏng. Bác khen như vậy là tốt. Đoàn chúng tôi thường xuyên hành quân theo bộ đội trên các chiến trường miền núi nên mọi đồ đạc biểu diễn đều đeo trên vai. Chúng tôi phải làm bằng dây thép, gỗ mỏng tháo lắp được. Nghe Bác khen, ai nấy đều sung sướng!

Bác ngồi xem chúng tôi biểu diễn hơn một tiếng đồng hồ. Tiết mục nào Bác cũng vỗ tay. Hết một tiết mục Bác lại tặng cho người thì chiếc kẹo, người thì cái hoa. Bọn con gái chúng tôi ai cũng thích xin Bác hoa.

Đến lượt tôi ra hát. Tôi phải cố gắng lắm mà vẫn hồi hộp. Chưa bao giờ tôi dám nghĩ mình sẽ được hát để Bác nghe. Tôi hát tiếng dân tộc Thái. Bài hát là tấm lòng của người dân tộc Thái, người dân tộc Mèo, người các dân tộc miền núi chúng tôi đối với Bác. Bài hát kể: "Công ơn của Đảng, của Cụ Hồ như mặt trời chiếu sáng. Người các dân tộc anh em bốn phương chung một mặt trời...". Bài hát kể chuyện "... Ánh sáng mặt trời làm hạt lúa nảy mầm, làm đài bông nở trắng. Từ ngày có Đảng, có Cụ Hồ chúng tôi mới có cơm ăn no, có áo mặc ấm". Bài hát kể đến chuyện đời cũ ngày xưa. Tiếng khèn đệm chìm sâu vào dĩ vãng. Tôi thấy mình như được thay mặt bản quê thừa trình với Bác cuộc đời của quê hương mình. Bản quê tôi xưa chỉ lắm hổ củ mài. Con trai sợ chẳng dám về ở rẻ. Giặc Tây, giặc Nhật, giặc Quốc dân đảng tràn đến, kéo đi. Làng bản không còn tiếng con gà gáy...

Bác đang ngồi nghe tôi thưa chuyện. Thưa Bác! Đời xưa mẹ con cháu như cánh bèo trôi dạt, rẽ rúng. Bộ đội đã cứu mẹ con cháu thoát khỏi làng tập trung của giặc Pháp. Mẹ cháu không dám tin thật con gái mình rồi được sung sướng như ngày nay.

Bác vẫn ngồi nghe tôi thưa chuyện. Bác hiểu hết! Bác thương nhất những đứa cháu ở xa. Bác gọi tôi lại gần. Bác hỏi:

- Cháu thích kẹo hay thích hoa?

Tôi bỗng nghẹn ngào. Một đời tôi chỉ dám ước ao được gặp Bác. Được hát để Bác nghe đã là một hạnh phúc quá lớn. Nay lại được Bác cho quà. Nhìn mái tóc Bác, chòm râu Bác hiền hậu, tôi bỗng bạo dạn:

- Thưa Bác, cháu xin Bác cả kẹo cả hoa ạ!

Bác cười. Mọi người chung quanh cười. Tôi cũng cười sung sướng. Hết buổi biểu diễn Bác hỏi chúng tôi:

- Các cháu có thích chụp ảnh với Bác không?

Chúng tôi reo lên:

- Thưa Bác có ạ!

Bác ngồi xếp bằng giữa sàn. Chúng tôi xúm xít xung quanh. Bác gọi tôi, gọi đồng chí Khưa cho ngồi cạnh. Bác gọi các đồng chí người Mường, người Tày... ngồi gần. Bác tươi cười bảo: "Ưu tiên các cháu người dân tộc ít người". Chúng tôi vui vẻ cười theo.

*

* *

Trên các trận địa cao pháo, trên các chiến hào phòng ngự giữa đồn giặc vừa bị san bằng, trong các cánh rừng bộ đội trú quân..., tôi đã hát bao nhiêu lần phục vụ bộ đội?

Tôi không nhớ. Nhưng ở đâu, mỗi khi hát tôi cũng thấy Bác nhìn tôi hiền từ. Tôi vẫn thấy Bác cười, Bác vỗ tay sau khi nghe tôi hát. Bác lại cho tôi kẹo và hoa.

9-1969

XUÂN LỘC ghi

BÁC VĂN NGHE ĐIỀU HÒ VÍ DẠM

LỆ VINH

Năm ấy, giữa lúc cả quê hương đón Bác về thăm, chúng tôi nhận được chỉ thị của Tỉnh uỷ: "Văn công chuân bị biểu diễn phục vụ Bác Hồ. Bác muốn nghe dân ca Nghệ Tĩnh". Mừng quá! Nhưng cũng lo quỳnh lên... Tại cuộc họp đoàn tôi xin hát câu dân ca Nghệ Tĩnh.

Tôi nhắm lại điệu chèo "đò dọc", nhịp xa quay với nhịp làn hát rồi hát thử cho cả đoàn nghe. Các anh lớn tuổi bảo hát đúng và nghe cũng được. Trong lúc đó, Ty Văn hoá cũng phái người đi tìm người hát dân gian. Một chị ở Nam Đàn được mời về...

Chị ấy hát hay lắm, đúng là "giọng gốc", ai cũng mừng vì chắc chắn là Bác rất ưa nghe "giọng gốc". Nhưng, khi đã biết được mời lên tỉnh làm gì rồi thì chị không dám nhận. Tất nhiên, ai lại không muốn được hưởng cái vinh dự được phục vụ Bác, được nhìn Bác cho lâu. Nhưng chị lại sợ mình không tự chủ nổi khi ra sân khấu, cuối cùng chị nhận làm thầy kiểm tra giọng hát cho tôi. Chị khen lấy, khen để: "Được! Giọng chị nghe hay đó chứ. Chị hát đi, tui nỏ dám hát mô!". Tôi rủ H. một diễn viên trong đoàn, cùng tập hát đối đáp. Đêm ấy chúng tôi diễn tại hội trường Công an vũ trang tỉnh. Có tiếng còi ô tô ngoài cổng chính. "Bác đến!", một đồng chí nào đó kêu lên, lạc cả giọng.

Chúng tôi nhìn chăm chăm vào cửa chính hội trường, đứng nín thở sau cánh gà, chờ ngóng Bác... Thật là bất ngờ! Bác đã hiện ra ngay bên cạnh chúng tôi. Chúng tôi đứng sững trước mặt

Bác. Rất thoải mái, Bác giờ tay âu yếm. Chúng tôi ùa đến quanh Bác. Bao nhiêu lo lắng, hồi hộp đều lắng xuống. Bác hỏi thăm sức khoẻ chúng tôi và dặn hoá trang cho đẹp, diễn cho tốt để làm vui lòng người xem. Tôi mừng quá. Bác vẫn hồng hào, giọng nói vẫn vang, dáng người vẫn nhanh nhẹn trong bộ lụa nâu với chiếc áo ka-ki bốn túi khoác ngoài đã nhạt màu.

Chưa mở màn mà đã được Bác động viên rồi! Tấm lòng yêu thương chăm chút ấy của Bác, chúng tôi suốt đời không quên.

Trước tiết mục biểu diễn, dùng một cái, H. không dám ra sân khấu nữa. H. run run nói: "Chị ra đi... em cảm xúc quá không chủ động được". Đạo diễn cũng chỉ còn biết ngây ra mà nhìn hai chúng tôi. Không ai trách H., bởi vì sân khấu đang bao trùm một không khí thiêng liêng, trong lúc H. còn non tay nghề quá. Tôi thốt lên: "Được, tôi xin ra hát một mình!". Phía ngoài, lời giới thiệu đang vang lên khắp hội trường. Người xem im phăng phắc chờ đợi. Tôi hiện ra trước sân khấu lúc nào cũng không biết nữa.

Tôi nhận ra Bác ngồi xem rất chăm chú, nét mặt hình như hơi dăm chiêu.

Khôn cho tôi là phải đóng cả hai vai trai và gái, rất khó giao lưu tình cảm. Mỗi lần liếc mắt xuống hàng ghế đầu, tôi lại thấy đôi mắt Bác sáng lên như đang nói: "Cháu gắng lên, gắng lên!". Và trời ơi! Bác cười, rõ ràng là Bác cười rất hiền, rất đẹp khi tôi diễn cảnh cô gái đưa tay âu yếm, mạnh dạn níu tay người yêu... Hội trường cũng cười ran. Tôi hơi chột dạ. Chết! Không biết mình có sơ hở, vụng về gì trong diễn xuất không. Nhưng nụ cười của Bác đã kịp khích lệ tôi.

Tiết mục kết thúc, Bác rời ghế, bước lên sân khấu để đón các cháu ùa ra với Bác. Bác giờ cao một chiếc lẳng mây và Bác cười: "Các cháu diễn tốt, Bác thưởng kẹo. Có thích ăn kẹo không?".

Vừa nói, Bác vừa lấy trong lẳng ra một cái kẹo giấy bóng đỏ trông rất vui mắt, giờ cao lên... Bác nhìn khắp lượt rồi dành vinh dự ấy cho người vừa hát đối đáp phường vải.

Sau một năm, đoàn đang tập vở *Cô gái sông Lam* thì được Bác cho vào phục vụ tại Phủ Chủ tịch. Đoàn được vinh dự hai lần biểu diễn để Bác xem. Diễn xong, cả đoàn bàng hoàng rơi nước mắt khi một đồng chí phục vụ Bác nói một câu vui rất chân tình: "Các cô, các cậu là sướng nhất! Từ trước tới nay, nhiều đoàn vào đây biểu diễn, nhưng tuổi đã cao, không khi nào Bác ngồi xem quá một giờ. Thế mà hôm nay, Bác ngồi đến tận cuối vở kịch, dài gần ba giờ đồng hồ!".

Lần gặp này, Bác rất vui với các cháu văn công quê nhà. Lần đầu tiên vào Phủ Chủ tịch, đoàn đang bờ ngõ, lo lắng thì đột nhiên Bác vào phòng hoá trang. Bác hỏi quê quán từng người, Bác gật đầu nhại tiếng: "Nghị Lộc à? Con "méo" phải không?". Đến anh Ngoạn, Trưởng đoàn, quê Thừa Thiên, Bác lại giả lắc đầu: "Rứa là không phải Nghệ An nhà choa!". Cả đoàn cười rộ. Đoàn diễn phấn khởi, hào hứng chưa từng thấy. Và diễn rất tự nhiên, mặc dù Bác ngồi xem cách diễn viên chỉ hai bước chân vì không có sân khấu riêng.

Tôi còn được nghe một câu chuyện cảm động khác. Khi nghe Bộ Văn hoá đề nghị hai đoàn ca múa Nghệ An và Hà Tĩnh vào chào Bác, Bác đã đồng ý, nhưng lại được tin các cháu diễn viên còn bận chuẩn bị đi phục vụ nhân dân tại Văn Miếu, Bác liền gạt đi ngay: "Thôi, để dân xem trước, Bác xem sau. Bác phục vụ dân chứ không phải dân phục vụ Bác!".

Năm 1967, Tỉnh uỷ thu dây ghi âm một chương trình dân ca Nghệ Tĩnh để đưa ra Hà Nội dâng Bác, gọi là chút quà nhỏ của quê hương những ngày đánh Mỹ. Khi nghe phát lại, chúng tôi lo quá. Vì ai cũng nhận thấy rất rõ giọng hát của mình còn non.

Phải luyện sao cho giọng hát đầy sức sống, giàu tình cảm hơn nữa để có dịp Bác về thăm quê lần thứ ba, toàn đoàn sẽ dâng lên Bác một chương trình dân ca đặc sắc. Nhưng không ngờ, ngày ấy không bao giờ đến nữa. Bao thương tiếc đau buồn, bao

kính yêu thiêng liêng, bao nỗi biết ơn sâu xa, chúng tôi dồn hết cả vào câu đàn, tiếng hát. Lúc ấy, Song Thao, diễn viên trẻ nhất hát bài *Trông cây lại nhớ đến Người*. Song Thao hát bằng tất cả những kỷ niệm ấm áp đối với Bác từ đêm diễn mùa đông năm 1961 tại quê hương. Tiếng hát *Trông cây lại nhớ đến người* của Song Thao được công chúng hoan nghênh ngay khi được phát qua làn sóng điện. Cả khán giả nước ngoài cũng lưu luyến tiếng hát Song Thao với bài hát ấy. Chị đã tâm sự với các bạn:

"Không khí nhân dân các nước bạn thương tiếc, kính yêu Bác đã giúp chúng tôi biểu diễn giàu xúc động. Mỗi lần đến tiết mục nói về Bác, các nghệ sĩ lấy đèn chiếu đưa hình Bác nổi bật lên nền phong sơn khấu. Chao ôi, nhìn người xem đứng rào cả dậy, rồi liếc mắt thấy Bác trên cao y như thật, vừa hát mà vừa nuốt nước mắt. Hôm biểu diễn ở Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh, tôi vừa cất giọng thì từ phía người xem tiếng khóc rung rức đã cất lên. Tôi cố ghìm mình nhưng cổ cứ nghẹn lại, cuối cùng, không hát nổi, đành gác tiết mục "*Trông cây...*" lại, sau đó một hồi mới hát tiếp được. Nhưng kỷ niệm sâu sắc nhất là hôm đoàn làm lễ kỷ niệm ngày 19-5-1970 tại thành phố Trường Sa. Ở đây, tại vườn hoa Đông Hồ, nổi lên 10 cây hoa đẹp. Loại hoa gì, tôi không nhớ tên nữa. Điều không ngờ đó là giống hoa của Bác Hồ. Bác đã gửi tặng nhân dân thành phố Trường Sa một nhánh cây, nay họ nhân lên, đã thành 10 cây nhỏ mọc trong 10 chiếc chậu sứ xinh xinh. Trông cây, chúng tôi khóc oà. Các bạn Trung Quốc cùng đi cũng khóc theo. Đi ra nước ngoài, càng thấy thêm tầm vĩ đại của Bác. Tôi hát bài *Trông cây lại nhớ đến Người* với một niềm xúc động thật ấm áp. Phảng phất quanh mình không khí làng Sen thân thiết...".



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại vườn hoa Phủ Chủ tịch
để các họa sĩ Liên Xô, Việt Nam vẽ và tạc tượng
(cùng làm việc có họa sĩ Trần Văn Cẩn, Diệp Minh Châu) 29/7/1969
Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

NHỚ BÁC HỒ

TRẦN HỒNG

Cái rét cắt da của các tháng giáp Tết ở miền Bắc, đối với chúng tôi, những người miền Nam tập kết trong các năm đầu ở Hà Nội thật khủng khiếp. Trên người mặc đủ quần áo ấm, áo len, áo bông, người thì ngồi trùm mền bó gối trông thật buồn cười, được hôm trời loé tí nắng thì tranh thủ tắm giặt và ra hong nắng, nhưng cái lạnh buốt trong xương không làm sao bớt được. Ăn cơm tối xong, có người đã vào giường quần mền nằm cho đỡ rét. Bọn trẻ chúng tôi, nhóm thì chơi tú lơ khơ, nhóm tập múa, người tập đàn trong phòng kín cho quên cái lạnh, quên nỗi nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ quê hương miền Nam. Còn mấy ngày nữa, một cái Tết nữa sắp đến rồi. Ôi! Quê hương, nhớ thương da diết làm sao! Ngoài trời, gió cứ thổi vù vù, lọt vào các nhà lá mới làm tạm cho các đoàn văn công ở khu Cầu Giấy thật đơn sơ, không đủ kín để che cái gió lạnh thổi vào. Tối hôm đó, chúng tôi đang mãi chơi tú lơ khơ, bên ngoài có tiếng chân bước, tiếng nói gần lại, cánh cửa phòng mở ra, một số người vào phòng cũng không ai để ý tới. Một giọng nói ấm áp hỏi: - Các cháu chơi tú lơ khơ à! Có lạnh không? Không có tiếng đáp lại. Cô Hoàng Vân (diễn viên múa) không ngoảnh lại mà dùng cùi chỏ thúc thúc vào bụng người đứng sau lưng vừa hỏi mình: "Đừng, đừng! Để tui cho nó con "ách nhép" nó ôm như múa quạt luôn!". Có tiếng ai đó kêu lên: Ô! Bác Hồ, Bác Hồ! Lúc này cả đám chơi bài mới ngừng lên. Cô Hoàng Vân ngó lại, Bác Hồ đã cúi xuống, đôi mắt sáng hiền từ, với chòm râu bạc lưa thưa, thân thiết, cô kêu lên: Ô... Bác! Bác Hồ! Cháu... cháu... Cô vút bài vội đứng lên vui mừng,

rồi khóc, cười chảy nước mắt. Chỉ mấy phút sau cả Khu Văn công nghe Bác đến, vội vàng chạy tới, ai cũng muốn được thấy, được gần Bác. Các cụ già như Tổng Phước Phổ, Nguyễn Lai, Đội Tảo, Mười Chương, Ngô Thị Liễu, cụ Cả Tam, ông Tạ Duy Hiền, Ba Danh, Tám Du, Bảy Bạch, Năm Bá, Thanh Hương, Võ Sĩ Thừa, Tám Cui, Huỳnh Nga và các chị Hà Nhân, Ngọc Đậu, Tân Nhân, Khánh Vân, Tú Lệ, Ca Lê Hồng, Lệ Thi, Thanh Cảnh, Võ Đăng Khai, Thái Sơn, Nguyễn Kiểm... và từ già tới trẻ ở trong Khu Văn công đều chạy tới đứng quanh Bác rất đông. Bác ra hiệu cho mọi người im lặng rồi hỏi: "Các cụ, các bác, các cô ở Khu Năm, Nam Bộ và các cháu có lạnh không?". Chúng tôi đồng thanh: "Thưa Bác lạnh lắm ạ". Bác dặn: "Phải giữ gìn, diễn viên bị lạnh cổ dễ ho, không hát được". Bác lại tiếp: "Tết này có nhiều thịt nhiều bánh không?". Có nhiều tiếng đáp: "Thưa Bác có ạ!". Bác hỏi: "Thịt gì?". Có tiếng ai đó: "Thưa Bác có thịt lợn ạ!". Bác nói: "Thịt lợn hay thịt heo?". Có tiếng nhiều người: "Thưa Bác thịt heo ạ!". Bác cười và hỏi: "Có bánh tét, bánh ú không?". Mọi người cùng cười vui vẻ và trầm nghĩ: Bác Hồ đi tìm đường cứu nước từ khi còn trẻ, vậy mà Bác vẫn nhớ những đặc sản, cái ngon hợp khẩu vị, phong tục ẩm thực của quê hương rất sâu sắc...^(*)

... Ở đây một lúc, Bác đi sang phòng khác. Anh Văn Thủy (violon) vội vàng vọt ra cửa sổ và nhảy vào phòng nhạc đón Bác. Bác cười chỉ tay: "Cậu này nhanh thật, mới ở phòng kia đã chạy sang phòng này?". Có tiếng cười rộ lên. Bác hỏi anh Thủy: "Cháu ở phòng này à? Trong phòng có mấy người?". Bác hỏi bất ngờ, làm anh Thủy bí, miệng ú ớ. Bác bảo: "Có tám giường, ăn ở với nhau cả năm mà bây giờ chưa biết!". Chúng tôi nhìn nhau như người có lỗi và rất thối thía, chỉ một việc nhỏ mà mình

^(*) Các Tết tiếp sau, Ban Thống Nhất đã mời những người gói bánh tét, bánh ú, bánh ít, làm bánh thuẫn, bánh nổ, bánh in, bánh xèo... tổ chức hô bài chòi hát bội tại Câu lạc bộ Thống Nhất gần hồ Hoàn Kiếm cho tất cả các cháu học sinh ở các trường miền Nam, cán bộ tập kết về đây vui chơi các ngày Tết rất đậm đà như chính ở quê hương mình. Đây cũng là điểm hẹn hò gặp gỡ, tìm đồng hương của cán bộ, bộ đội, học sinh miền Nam tập kết...

không để ý. Bây giờ tôi nhớ lại. Phòng Nhạc ở tập thể có anh Thủy và tôi, được phân công nằm ở hai cửa lớn có trách nhiệm, còi đi ngủ xem anh em về đủ thì đóng cửa tắt đèn. Giường bên anh Thủy là Bích Ngọc (violon) tới Đức Nhuận (contrebasse) rồi Hà Sâm (accordéon) tiếp bên giường tôi là Hoàng Chương (viola) và Trương Đình Quang ở góc phòng có cửa sổ. Đã hơn bốn chục năm rồi, mỗi khi nhớ Bác là tôi nhớ những anh em trong đội nhạc, nay thì kẻ còn, người đã mất. Nhớ Văn Thủy vào chiến trường chống Mỹ đã hy sinh, các anh Đức Nhuận, Quý Bảy, Ngụy Dzoách, Hoàng Lê, Bích Ngọc đã qua đời và nay mỗi người mỗi nhiệm vụ, người còn công tác, người về hưu ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Sài Gòn đều có cả...

Bác ở phòng nhạc rồi sang các phòng khác, Bác đi qua đám rau muống vòng qua ao cá đến khu nhà tắm, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà ăn, nơi nào Bác cũng xem, hỏi han tỉ mỉ, thấy các nơi này còn mất trật tự, chưa gọn gàng và vệ sinh chưa tốt. Bác bảo: “Ở đây có Công đoàn, có Chi bộ và Đoàn thanh niên, các cô, chú và các cháu là những nòng cốt trong mọi công việc. Nhớ lần sau Bác đến thăm, từ ngoài đường và xung quanh nhà ở phải trồng cây có bóng mát, trồng chuối, rau... nuôi heo, gà để cải thiện bữa ăn. Các cháu có làm được không?”. Chúng tôi đồng thanh: “Thưa Bác làm được ạ!”. Bác cười: “Thế là tốt”. Từ khu nhà ăn, Bác đi lên dãy nhà ở của diễn viên Dân ca, đến gần Phòng Hành chánh, Bác đi đến đâu, cả đoàn người chúng tôi lon ton chạy theo, có người chạy vòng lên phía trước để đón Bác. Bác ngồi ở thềm hè, hai chân để trên sân cỏ, đôi dép cao su mòn cả gót, chúng tôi kẻ ngồi người đứng ở bãi sân, cả trên thềm hè quây quần bên Bác. Để mọi người im lặng, Bác nói: “Hôm nay Bác đi lên Trường Đảng về, Bác ghé vào thăm các bác, các cô chú và các cháu ở Văn công, Tết này chuẩn bị ăn Tết ra sao?”. Rồi Bác quay ra sau, đồng chí bảo vệ đưa cho Bác mấy gói to. Bác nói: “Bác vừa đi thăm các nước bầu bạn về, có quà Tết đây. Các cháu có thích không?”. Cả đám đông reo lên: “Thưa Bác! Có ạ! Có ạ!”. Bác lấy trong bọc giấy chia cho những người ở gần Bác, mỗi người

hai chiếc kẹo, rồi đưa cho chị Bích Hương và Bích Trâm đem chia cho mọi người. Người nào cũng vui vẻ và xúc động nhận hai chiếc kẹo của Bác. Khi Bích Hương và Bích Trâm chia cho mọi người và các trẻ em xong, Bác hỏi: "Chia có đủ không? Phần kẹo của các cháu đâu?". Hai chị ấp úng xoa xoa đôi bàn tay: "Thưa Bác!...". Bác nói: "Lao động mà không có phần à?". Mọi người im lặng. Bác cười và xòe tay ra, đưa cho Bích Hương và Bích Trâm mỗi người hai chiếc kẹo. Bác rất tâm lý vì người chia phần không ai giữ lại phần cho mình, nên Bác đã "bí mật" giữ phần lại cho hai chị. Bích Hương và Bích Trâm cảm động giờ hai tay run run nhận kẹo mà mắt đỏ hoe, chúng tôi càng thương Bác quá... Cụ Cả Tam bước ra xin được hát một bài chèo cổ, tuy già nhưng giọng hát của cụ rất trong trẻo, được Bác chăm chú nghe và khen ngợi. Bác thưởng hai viên kẹo, mọi người vỗ tay vui vẻ. Chị Lệ Thi bước ra, cháu xin được ngâm một bài thơ. Chị chấp tay cung kính chào Bác rồi cất tiếng ngâm với giọng ngọt ngào, tha thiết có lúc như nghẹn ngào đau đớn qua từng ý, từng lời rất xúc động của bài thơ:

*"Một canh, hai canh lại ba canh
Trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"*^(*)

Mọi người đều nín lặng lắng nghe. Tiếng ngâm của chị Lệ Thi vừa dứt, tiếng vỗ tay khen ngợi. Nãy giờ Bác ngồi nghe chăm chú, đôi mắt Bác long lanh, nhìn xa xăm, Bác hỏi: "Tại sao ngâm thơ mà cháu khóc?". Chị Lệ Thi vừa lau nước mắt: Thưa Bác! Cháu đọc thơ của Bác, cháu thấy Bác đi làm cách mạng phải bị tù đầy, gian khổ, cháu thương Bác quá!". Bác bảo: "Cháu hiểu như vậy là phải. Làm cách mạng thì phải chịu tù đầy, gian khổ, chết chóc, hy sinh thì ngày nay mới được tự do sung sướng!". Ngừng một giây giọng Bác lắng dịu: "Nhưng còn nửa nước chưa được tự do, Bắc - Nam chưa thống nhất, đồng bào miền

^(*) Bài "Không ngủ được" trong "Nhật ký trong tù" của Bác.

Nam còn chết chóc, gian khổ biết bao nhiêu!...". Chúng tôi nghe Bác, cả nước đều hướng về miền Nam ruột thịt, ai cũng muốn về miền Nam chiến đấu để giải phóng cho quê hương... Bác gọi chị Lệ Thi lại, Bác cười nói: "Có hai cái kẹo, thưởng cho diễn viên một chiếc, còn một chiếc là nhuận bút của tác giả. Nhưng tác giả thưởng luôn cho diễn viên ngâm thơ rất hay". Chị Lệ Thi đưa hai tay nhận kẹo và nói trong nước mắt: "Cháu cảm ơn Bác!". Chúng tôi rất xúc động, Bác dạy cho chúng ta phải nhớ đến những người sáng tạo ra tác phẩm. Đó là tiền nhuận bút của tác giả mà lâu nay ít người nghĩ đến. Bác ngồi đó, vàng trán cao lồng lộng, đôi mắt hiền từ, như người cha, người ông thân thiết với tình thương yêu của Bác giữa bầy con cháu cùng vui sum họp. Bác ngồi đó, với bộ kaki giản dị, ai cũng kính yêu Bác. Bác tươi cười hỏi: "Các cháu có nhớ nhà không?". "Thưa Bác có ạ!". "Các cháu có ngoan không?". "Thưa Bác có ạ!". Bác lại hỏi: "Có vâng lời Bác không?". Chúng tôi đồng thanh: "Thưa Bác có ạ!". Bác cười: "Thế là tốt!". Nói rồi Bác đứng lên, đôi mắt rất hiền từ, trìu mến: "Các cháu vâng lời Bác thì hãy ở yên tại chỗ, không ai được chạy theo, để Bác lên ô tô nhé!". Chúng tôi buột miệng: "Thưa Bác vâng ạ!". Bác giơ tay chào rồi ung dung bước ra ô tô. Chúng tôi đứng cả lên, chồm người nhìn theo Bác nước mắt chảy dài. Cửa ô tô bật mở, Bác đứng nhìn chúng tôi vẫy tay lưu luyến rồi mới vào khuất trong ô tô. Lúc này chúng tôi mới ùn ùn chạy theo ô tô vừa khóc, vừa kêu: "Bác... Bác Hồ ơi!..."

Đoàn ô tô ra khỏi Khu Văn công, xuôi đường xuống Cầu Giấy về Hà Nội. Chúng tôi chậm rãi quay về, đã 10 giờ đêm, trời rất lạnh, gió cứ thổi vù vù, rít qua khe cửa. Về tới nhà, trong tay chúng tôi mỗi người còn cầm hai cái kẹo Bác cho trước cái Tết xa quê năm ấy... Cứ đến ngày 19 tháng 5, ngày Cách mạng tháng Tám, ngày Quốc khánh 2 tháng 9, nhất là sắp đến Tết tôi lại nhớ cái Tết năm ấy Bác đến thăm Khu Văn công, thăm những người làm nghệ thuật xa nhà. Mỗi khi nhớ Bác là tôi còn nhớ như in những kỷ niệm được gặp Bác. Suốt đời tôi không bao giờ quên!

NHỮNG NGÀY ĐƯỢC TRỰC TIẾP PHỤC VỤ BÁC HỒ

TRẦN NGÀ *kể*

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị được biểu diễn phục vụ Hội nghị chuẩn bị ký hiệp định Giơ-ne-vơ. Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn thấy Bác ngồi cùng đồng chí Xuphanuvông và Sơn Ngọc Minh. Chúng tôi xúm nhau đứng ở cánh gà ngắm nhìn Bác cho đã. Cứ mãi mê nhìn Bác mà quên mất cả đến lượt ra biểu diễn, sau đêm đó về, chúng tôi bị phê bình nghiêm khắc! Tuy nhiên lần đầu tiên được gặp Bác là niềm vui quá lớn nên các đồng chí lãnh đạo đoàn cũng cho qua.

Ít lâu sau, Đoàn nghệ thuật Tân Cương sang thăm và biểu diễn ở nước ta. Tôi được Bác cho đi cùng ra ga Hàng Cỏ để tặng hoa tiễn bạn ra về. Bác bảo: "Đây là đoàn nghệ thuật của dân tộc ít người nên phải quan tâm".

Nhớ một lần, đoàn chúng tôi vào Phủ Chủ tịch để biểu diễn phục vụ Đoàn đại biểu Đảng - Chính phủ Tiệp Khắc, trước lúc biểu diễn, Bác vào tận hậu trường, ân cần thăm hỏi anh chị em trong đoàn rồi Bác hỏi: "Hôm nay các cháu có "tù" gì mới?". Chúng tôi xôn xao tranh nhau trả lời Bác: "Chúng cháu có bài hát tiếng Tiệp, chúng cháu hát bằng tiếng Tiệp và tiếng Việt ạ". Bác cười vui nói: "Các cháu hát thế nào đừng để khi hát tiếng Tiệp thì các bạn lại tưởng là các cháu hát tiếng Việt và khi hát tiếng Việt thì Bác lại tưởng là các cháu hát tiếng Tiệp đấy nhé!". Chúng tôi cười vang thích thú vì câu nói vui của Bác, nhưng thực ra là Bác cũng phê bình nhẹ nhàng là chúng tôi hát không tròn vành rõ chữ.

Một lần tôi được đọc báo phục vụ Bác. Bác quay lại bảo tôi: "Cháu ra ngoài hiên lấy cho Bác mấy tờ báo vẽ". Trong đầu tôi vẫn chưa hiểu ý Bác là muốn lấy báo gì? Tôi lật giở tập sách báo để trên chiếc bàn mây đặt ở góc hiên mà không phát hiện ra loại báo nào. Loay hoay mãi, cuối cùng tôi đành liều mang mấy quyển hoạ báo Trung Quốc vào thì may quá đó đúng là ý của Bác (Bác gọi báo vẽ tức là hoạ báo). Cũng một lần, tôi đang đọc báo cho Bác nghe bỗng dừng Bác ngắt lời hỏi tôi: "Bé có biết chữ *Bị vong lục* nghĩa là gì không?". Tôi ngơ ngác tỏ ra không biết gì thì Bác giải thích ngay: "*Bị vong lục* là nhắc lại để mà nhớ".

Mùa đông năm 1963, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị đi thăm và biểu diễn tại Trung Quốc.

Khi đó trời lạnh, tuyết rơi nhiều. Chạnh lòng nhớ đến Bác, tôi và Linh Nhâm, hai chị em rủ nhau mua một chiếc khăn quàng về biếu Bác, khi chọn màu chúng tôi đã chọn hai màu đỏ và đen là hai màu sang trọng và lịch sự, rất đẹp. Khi về nước, chúng tôi được vào chào Bác và thưa với Bác: chúng cháu vừa đi biểu diễn ở Trung Quốc về, chúng cháu có chút quà mang về kính biếu Bác. Chúng tôi giở gói quà ra gồm một chiếc khăn quàng và mấy quả táo, Bác vui vẻ cầm chiếc khăn quàng ướm thử vào cổ rồi Bác nheo mắt hóm hỉnh nhìn chúng tôi cười và bảo: "Thôi, chiếc khăn quàng này để phần các bé. Nếu Bác quàng chiếc khăn quàng carô đen đỏ này vào thì người ta sẽ bảo Bác là cao bồi mất. Còn mấy quả táo các bé mang xuống biếu chú Cần và chú Cần là hai chú phục vụ Bác hàng ngày".

Thường những ngày chủ nhật Bác cho tôi được vào ăn cơm cùng Bác. Có hôm có cả bác Tôn, cũng có hôm có Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bữa ăn của Bác thường đạm bạc chỉ có cá kho và dưa chua, cà muối, đặc biệt là có bát canh chất lượng. Những bữa có tôi thì Bác cho thêm món nem rán. Bác gấp nem rán vào bát cho tôi và bảo: "Ngày xưa Bác cũng thích ăn nem rán lắm nhưng chẳng có mà ăn, bây giờ có thì lại không ăn được".

Buổi chiều ngày 27-3-1964, Bác đi họp Hội nghị chính trị đặc biệt trở về, các chú bảo tôi mang sữa lên mời Bác. Bác bảo tôi lấy thêm cho Bác một cái cốc nữa rồi Bác sẽ ra làm hai cốc, Bác đưa cho tôi một cốc, tôi thưa với Bác: Bác vừa đi làm việc về mệt, Bác cần được bồi dưỡng còn cháu trẻ và khoẻ, nếu cháu uống thì phạm vào tiêu chuẩn của Bác. Bác cười vui và bảo: "Thôi, đồng cam cộng khổ với Bác một tý". Thấy Bác vui vẻ ân cần như thế nên tôi cố uống để vui lòng Bác.

Một lần vào thăm Bác, khi ra về, Bác cho tôi một tập đĩa hát vở ca kịch La Traviata (Trà hoa nữ) của Đảng cộng sản Ý biểu Bác. Bác hỏi tôi: "Nhà bé có máy hát không?". Tôi thưa với Bác: "Dạ thưa Bác có ạ". Bác lại hỏi tiếp: "Thế bé có biết cái "tích" này nói gì không?". Tôi nói nội dung của vở nhạc kịch ấy mà tôi đã được đọc để Bác "kiểm tra". Bác lại hỏi: "Thế bé có thuộc bài hát nào trong vở ca kịch đó không?". "Vâng cháu xin hát một đoạn để Bác nghe", và tôi hát đoạn người cha khuyên con rời bỏ chốn đô hội để trở về với gia đình nơi miền quê Paroven êm đềm.

Tháng 8 năm 1965, tôi chuyển sang Điện ảnh Quân đội để làm biên tập âm nhạc. Hôm đến thăm Bác, Bác biết tôi đã chuyển sang công tác điện ảnh, Bác đưa tôi đến giá sách nhỏ của Bác lấy ra một quyển sách nói về điện ảnh "Bầu trời và mặt đất" của Jôris-Ivens đưa cho tôi và hỏi: "Bé có biết tiếng Pháp không?". "Thưa Bác cháu chỉ hiểu bập bõm thôi ạ". "Bác cho mang về dịch ra để các bạn cùng xem". Joris-Ivens là người "khổng lồ" của thế giới điện ảnh, ông là đạo diễn phim tài liệu mẫu mực người Hà Lan.

Joris-Ivens được Bác Hồ quan tâm từ những ngày đầu tiên khi ông mới chập chững bước vào nghề điện ảnh: tháng 6 năm 1922, Bác đã viết trên tờ Nhân đạo tại Pháp, ca ngợi và bênh vực bộ phim "*Tư bản và Tôn giáo*" của ông.

Vậy mà mãi tới năm 1968, 46 năm sau, Joris-Ivens sang Việt Nam mới được gặp lại Bác Hồ - người đã từng ca ngợi và bảo vệ mình. Quyển sách đó có lời đề tặng của Joris-Ivens: Kính biếu Bác. Khi làm lễ khánh thành Bảo tàng Hồ Chí Minh, tôi đã mang báu vật đó tặng lại Viện để các đồng chí đưa vào chương mục tình cảm nhân dân thế giới đối với Người!

Từ khi Bác mất, tôi và nghệ sĩ Linh Nhâm được đồng chí Vũ Kỳ triệu tập vào ban "Những người trực tiếp phục vụ Bác Hồ". Hằng năm cứ đến ngày 19 tháng 5 chúng tôi họp mặt để tưởng nhớ đến những ngày được trực tiếp phục vụ Bác.

KHẮC TUẾ *biên soạn*

AI BÁO CÁO VỚI BÁC ĐÂY?

KHẮC TUÊ

Cuối năm 1960, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị được Nhà nước cho khoác áo dân sự và cử đi thăm nước Cộng hoà Indonesia. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bác Hồ, đoàn được mang danh hiệu là: Đoàn văn hoá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Do danh hiệu lớn như thế, nên đoàn được nhiều cán bộ cấp cao phụ trách như: Ông Hoàng Minh Giám, Tổng thư ký Đảng xã hội - Bộ trưởng Bộ văn hoá làm Trưởng đoàn, ông Lưu Hữu Phước - nhạc sĩ - Vụ trưởng Vụ Nghệ thuật làm Phó đoàn, ông Trần Văn Phác - Cục phó Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam làm Tổng thư ký, Trưởng đoàn ca múa quân đội - nhạc sĩ Lương Ngọc Trác làm chỉ đạo nghệ thuật.

Trong quá trình chuẩn bị chương trình biểu diễn, Bác gợi ý: nên có một tiết mục dành riêng tặng Tổng thống Xu-các-nô. Tuy là gợi ý nhưng thực ra đây là một ý tưởng lớn! Nó thể hiện mối quan hệ ngoại giao giữa một nước xã hội chủ nghĩa với một nước tư bản chủ nghĩa, mà cụ thể là mối quan hệ giữa hai vị đứng đầu của hai quốc gia.

Thấm nhuần ý tưởng lớn này của Bác, Ban lãnh đạo đoàn đã giao cho nhà biên đạo múa Trọng Lanh đạo diễn một tiết mục theo gợi ý của Bác.

Trọng Lanh đã khôn khéo chọn điệu múa dân gian miền Trung "*Sắc Bùa*" để biên đạo lại, với tám cô gái và một ông già. Ông già đi trước, tám cô gái đi sau, đi gõ cửa chúc mừng các gia đình năm mới. Điệu múa đầy chất dân gian: dịu dàng, sôi nổi và điệu nghệ giữa ông già và các cháu gái trẻ trung, xinh đẹp.

Khi sang biểu diễn đêm đầu tiên tại cung Bô Go, dành riêng cho Tổng thống Xu-các-nô và gia đình Tổng thống, điệu múa "*Sắc Bùa*" được giới thiệu là món quà đặc biệt của Bác Hồ thân tặng Bung Các-nô (anh cả Các-nô). Tổng thống rất xúc động về nghĩa cử của Bác Hồ. Khi điệu múa kết thúc, Bung Các-nô đã lên sân khấu ôm lấy ông già "*Sắc Bùa*" và nói bằng tiếng Việt: "Cám ơn Bác Hồ".

Hôm sau, các báo hàng ngày của Jakarta đăng bình luận về chương trình biểu diễn quá đặc sắc của Đoàn văn hoá Việt Nam, trong đó nêu bật điệu múa "*Sắc Bùa*" - một tác phẩm vũ đạo không thể bình luận, vì đó là món quà Bác Hồ dành riêng cho Bung Các-nô! - Món quà tình nghĩa anh em giữa hai vị lãnh tụ Việt Nam và Indonesia.

Để cảm ơn đêm diễn đặc biệt của đoàn dành riêng cho Tổng thống, Tổng thống đã tổ chức đêm múa rối "Roay ăng cu lít", loại hình nghệ thuật riêng của Indonesia để chiêu đãi đoàn tại Phủ Tổng thống.

Trong quá trình thăm và biểu diễn tại Indonesia, Tổng thống Xu-các-nô coi cháu của Bác Hồ là anh em của mình nên Tổng thống đã trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức: nơi diễn, ăn, ở, đi lại phải thật chu đáo. Khi đi diễn ở đảo du lịch Bali phải được đi máy bay, chứ không đi tàu thủy để tránh say sóng. Khi ăn ở khách sạn thì phải được ăn ngon, ăn đủ. Cẩm nhân viên khách sạn ăn bớt, ăn chặn! Thế là, chúng tôi đã thực sự trở thành những người anh em của Bung Các-nô. Cũng nhờ đó mà cuộc lưu diễn của Đoàn văn hoá Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thành công mỹ mãn trên đất nước có ba ngàn hòn đảo - nước Cộng hoà Indonesia.

Rời Indonesia trở về nước, đúng vào mùa xuân năm 1961 Nhà thơ Tố Hữu đến thăm và chúc mừng chuyến đi thắng lợi của đoàn, ông đọc thơ "Xuân 61" cho đoàn nghe, ông cũng "dự báo" Bác sẽ có buổi gặp đoàn sau chuyến đi này, nhưng chưa có lịch cụ thể. Thế là chúng tôi hy vọng, chúng tôi đợi chờ, chúng tôi thắc thỏm...

Một tuần sau, vào một buổi tối, đoàn được Tổng thư ký Văn Phác báo tin: "Sáng mai Bác sẽ gặp đoàn. Rút kinh nghiệm lần gặp Bác ở Bình Nhưỡng, có nhiều ý kiến hỏi, làm phiền lòng Bác. Lần này, chúng ta chỉ có nhiệm vụ báo cáo với bác thôi. Tôi cử một nam là đồng chí Khắc Tuế, đội trưởng múa, lại là người sắm vai ông già trong điệu múa "*Sắc Bùa*". Còn nữ thì là đồng chí Thanh Trúc, cũng là đại diện cho các diễn viên miền Nam luôn".

Sau khi được ông Văn Phác giao nhiệm vụ, tôi và Thanh Trúc bàn với nhau xem ai nói gì kéo lại trùng nhau. Tôi chủ động gợi ý cho Thanh Trúc báo cáo với Bác chuyên đề phụ nữ như: đoàn có hai nữ chiến sĩ Điện Biên là diễn viên múa, một đơn ca người dân tộc Ba Na, một nữ đơn ca nữa là người Nam Bộ, v.v.. Cả hai chúng tôi được quy định mỗi người nói trong phạm vi năm phút.

Sáng hôm sau, cả đoàn khấp khởi bước vào phòng gương Phủ Chủ tịch, chúng tôi thấy các vị lãnh đạo đoàn: Hoàng Minh Giám, Lưu Hữu Phước, Văn Phác, đã ngồi sẵn để chờ Bác và đoàn. Lúc này không khí quá trang nghiêm, mọi người ngồi không nhúc nhích, riêng tôi và Thanh Trúc đang ngồi bên nhau nhăm nhăm lời nói thì Bác xuất hiện. Toàn đoàn đứng dậy vỗ tay. Bác ra lệnh cho mọi người ngồi xuống, rồi Bác nói ngay: "Nào, bây giờ ai báo cáo với Bác đây?". Tôi đứng dậy, từ tốn: "Thưa Bác! Đoàn chúng cháu vừa rồi đi theo vết chân của Bác trên đất nước Indonesia, được thừa hưởng danh thơm của Bác, nên nhân dân và Tổng thống nước bạn, chăm lo cho đoàn rất chu đáo". Tôi đang kể về sự chu đáo của Tổng thống thì Bác hóm hỉnh thêm vào: "Thế có gặp được thím nào của Tổng thống không?". Tôi thưa không và nói tiếp một vài chi tiết nữa, nhưng thấy Bác nhìn thẳng vào tôi, thế là tôi bắt đầu ấp úng... Bác liền bảo: "Thôi, như thế là được rồi. Đây, có hoa, có chuối cháu ưng thứ nào thì lấy". Tôi nghĩ chả mấy khi được Bác cho quà, nên tôi lấy cả hai thứ. Bác nhìn hiền từ rồi Bác lại hô: "Còn cháu nào nữa?". Thanh Trúc đứng lên, nhỏ nhẹ và rành mạch, thưa với Bác về

những thành tích của các chị em. Thấy Trúc hơi lúng túng Bác liền động viên: "Cứ bình tĩnh! Coi như Bác là khán giả đang xem cháu biểu diễn, không việc gì mà sợ". Thế là Thanh Trúc cũng dần trở lại bình tĩnh, nhưng nói vội cho xong. Bác bảo: "Cháu gái thì được lấy kẹo và hoa, tùy ý chọn". Trúc cũng lại lấy luôn cả hoa lẫn kẹo. Bác lại hô: "Nào, còn cháu nào phát biểu nữa nào?". Diễn viên độc tấu nói - Văn Thắng giơ tay: "Cháu xin độc tấu để Bác nghe bài *"Vĩ nông trường ngày mai"*, bài này đã được khán giả khen ạ". Mọi người ồn ào, can Văn Thắng không nên diễn tấu bài ấy vì dài quá. Khi mọi người xì xào nói qua nói lại thì Bác bảo: "Các cháu cứ để cháu ấy diễn thì có phải bây giờ xong rồi không? Thôi, cháu cứ diễn đi!". Thế là Văn Thắng được thể hiện rất bốc. Được Bác chăm chú theo dõi nên anh diễn càng bốc hơn.

Trong bài độc tấu có đoạn nói về quan hệ giữa một chiến sĩ Điện Biên với người bác ruột ở quê. Khi người chiến sĩ đang băn khoăn giữa việc giải ngũ với việc làm nông trường, người chiến sĩ hỏi bác: "Vậy việc này bác nghĩ giúp cháu xem nào?", ông bác lưỡng lự trả lời: "Việc này là tùy ở cháu, còn bây giờ bác già rồi sinh ra lắm cảm". Bác Hồ chen ngang: "Chưa chắc!". Bác nói xong hai từ ấy rồi hai má đỏ bừng lên. Cả đoàn vỗ tay hoan hô, vì sự phản ứng nhạy cảm của Bác. Đúng lúc ấy, Tổng thư ký Văn Phác đứng lên thay mặt Trưởng đoàn Hoàng Minh Giám và toàn đoàn cảm ơn Bác. Bác lại nhắc: "Có kẹo, có chuối đây, các cháu ăn không hết thì lấy phần cho người ở nhà". Nói đoạn, Bác hô hát bài *Kết đoàn* rồi Bác vẫy tay bước ra khỏi phòng khách.

TRONG TÙ TÔI VẼ BÁC

TAM BẠCH

Bốn mươi năm qua, với khoảng thời gian của nửa đời người, có những sự việc dễ quên và cũng có những sự việc không thể nào quên được. Đó là những việc làm mang ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời làm họa sĩ phục vụ cách mạng của tôi.

Hiệp định Genève (1954), kẻ thù không thực hiện. Đế quốc Mỹ dựng một chế độ tay sai (Ngô Đình Diệm và gia đình hắn). Chúng dìm miền Nam vào máu lửa, u tối... Với luật 10/59 chúng lê máy chém khắp nơi, gom dân, lập ấp chiến lược, công an, mật vụ, cảnh sát như rươi. Chúng lùng sục từng ngõ ngách từ đô thị đến nông thôn. Chúng mở các chiến dịch như "Trương Tấn Bửu - Thoại Ngọc Hầu"... tìm diệt các tổ chức cách mạng ở miền Nam.

Trước bối cảnh đen tối ấy, là một sinh viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định được tổ chức cách mạng ý thức, giác ngộ, tôi tham gia ngay vào tổ chức học sinh sinh viên cứu quốc (đến năm 1960 đổi tên là Hội học sinh sinh viên giải phóng miền Nam) của khu Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. Cầm thù giặc, hoạt động trong tổ chức, xao lãng việc học hành. Cọ, màu lúc ấy đối với tôi là thứ yếu...

Ngô Đình Diệm tổ chức bầu cử tổng thống lần hai (1960-1961). Tổ chức chúng tôi chỉ đạo một đợt chống bầu cử của hắn, cái gọi là "trung cầu dân ý". Tổ chức chúng tôi bị nội gián. Tôi và một số đồng chí khác bị bắt. Nhà tù của chế độ Ngô Đình Diệm thì ai cũng biết. Chúng vận dụng đủ mọi cực hình tra tấn

dã man, trút căm giận để trả thù cộng sản, vừa tích cực khai thác, đánh phá tổ chức cách mạng. Thật là một cuộc chiến đấu không cân sức giữa địch và ta trong các nhà tù chính trị thời ấy.

Trong tù, hết khám này đến khám khác mà tôi đã sống, tôi được nghe các đồng chí lão thành luôn nhắc và kể về Bác; về ý chí, về lòng yêu nước, về tác phong đạo đức, về quan điểm giai cấp thương yêu nhân dân, v.v.. Tôi còn được nghe họa sĩ Diệp Minh Châu yêu thương Bác và đã cắt máu mình để vẽ bức tranh *"Bác Hồ với thiếu nhi"*. Mọi chuyện kể về Bác đã tạo ý thức trong tôi. Bác sao quá vĩ đại mà mình không thể hình dung nổi, tôi lục lại trí nhớ: lúc lên tám tuổi, có một lần cha tôi cho tôi xem tờ giấy bạc Bác Hồ...

Trại giam Phú Lợi thời ấy, kẻ địch trừng trị những người tù cộng sản mà chúng cho là cứng đầu, bằng cách đào nhiều hố huyết sâu, đẩy tù xuống đó, phía trên giăng kẽm gai, không che lợp, mặc cho người tù chịu mưa, chịu nắng, đói... (hình thức giống như chuồng cọp ở Côn Đảo). Năm 1962, địch bắt bớ bừa bãi, các khám đều đầy nhóc người, chúng dồn tù chính trị về khám Chí Hoà chật cứng. Từ Khám mới (Nha tổng cảnh sát công an Sài Gòn) chúng điều chúng tôi về Chí Hoà, phân tán tù vào các phòng giam và nhốt tôi vào lầu 2 của phòng 2G1 khu FG.

Phòng 2G1 chúng tôi có một cụ già mà chúng tôi thường gọi là bác Độ (tôi không nhớ họ). Sống chung với bác một thời gian tôi được nghe các đồng chí lãnh đạo nhận xét: "Ông già có nhiều nét giống Bác Hồ quá" - chỉ tiếc là ông già hơi lùn, mắt không đều nhau, bên lớn, bên nhỏ, vành tai không giống Bác, nhưng râu tóc thì y chang... Tôi bắt đầu để ý đến bác Độ. Tôi xin bác ngồi mẫu để tôi vẽ chân dung, bác vui vẻ nhận lời và tôi vẽ bằng viết chì, một bức rồi hai, ba bức... Trên gương mặt bác Độ, tôi liên tưởng đến Bác Hồ của chúng ta. Tôi vẽ tai rộng ra, tôi chỉnh sửa đôi mắt lơ lơ, mỗi một thành đôi mắt sáng... Vẽ rồi sửa, rồi tham khảo các đồng chí lão thành và sau cùng các đồng chí cho ý kiến là giống Bác.

Nhân kỷ niệm ngày 19/5, các đồng chí lão thành đề nghị mang bức chân dung ra để làm lễ mừng sinh nhật Bác. Sự chỉ đạo thật nghiêm túc, độ hai giờ khuya cả phòng đều ăn mặc đồng phục, bà ba đen, chân dung bác Hồ mang hình ảnh Bác Hồ được đặt lên, với tiếng hô nho nhỏ vừa nghe:

- Nghiêm! Hướng về miền Bắc, chúc thọ Bác...

Không khí trầm mặc im lặng.

Năm 1963 chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Để xoa dịu phong trào, Nguyễn Khánh cho thả một số tù chính trị do Diệm bắt nhốt trước đây. Tôi được chúng thả trong số tù chính trị ấy. Vài giờ sau, trên chuyến xe đò tôi đến vùng giải phóng.

Trong các cương vị là cán bộ công đoàn, Trưởng phòng Hội họa, tôi vẽ nhiều chân dung Bác Hồ phục vụ cho cách mạng, đáng chú ý là vẽ chân dung Bác cho lễ truy điệu Bác được tổ chức đồng loạt tại các tỉnh. Đời làm họa sĩ trong chiến tranh, tôi vẽ nhiều về Bác. Nhưng lần vẽ Bác trong tù là một lần ấn tượng với những kỷ niệm khó quên cho đến chết. Tôi có một niềm vui là đã đóng góp một phần năng lực của mình với tình cảm kính yêu Bác tha thiết sâu đậm để dâng lên Bác kính yêu.

MỘT NHÂN CÁCH LỚN

(Phỏng vấn họa sĩ NGÔ TÔN ĐỆ)

Trước khi gặp gỡ họa sĩ Ngô Tôn Đệ, tôi không nghĩ rằng được gặp một họa sĩ già vui tính đến vậy. Dưới cái tuổi 84 là một tâm hồn tươi trẻ, một cái đầu minh mẫn và một kho tư liệu quý giá về lịch sử chiến tranh cách mạng hào hùng của dân tộc.

Hai bác cháu, một già, một trẻ đã có một buổi trò chuyện hết sức thú vị và tôi đã có những hình dung rõ nét về Hồ Chủ tịch ở khía cạnh một con người bình dị - bên trong một nhân cách lớn.

Hoàng Anh: Tôi nghe nói, họa sĩ là người đã tiếp xúc rất nhiều lần với Bác Hồ trong một thời gian ngắn. Việc đó xảy ra vào thời gian nào?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Điều đó rất đúng nhưng việc đã lâu quá nên tôi không còn nhớ rõ là vào năm nào, nhưng tất cả những chi tiết trong những lần gặp gỡ với Hồ Chủ tịch thì tôi vẫn nhớ rất kỹ.

Hoàng Anh: Họa sĩ có thể kể chi tiết cho bạn đọc được biết?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Tất nhiên rồi. Chuyện hay lắm, liên quan đến rất nhiều việc đấy. Chính xác là năm nào thì tôi không nhớ rõ nhưng triển lãm mà tôi được gặp Bác diễn ra vào khoảng thời gian họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 khoá II. Lúc đó ông Hà Huy Giáp đang là Bí thư Đảng Đoàn bộ trí cho trường (hội đó đang là Trường Cao đẳng Mỹ thuật công nghiệp) bày một triển lãm tại Trường Albert Sarraut (hội đó đã là

Phủ Chủ tịch). 5 họa sĩ được trực tiếp làm việc tại đó là họa sĩ Nguyễn Khang - Hiệu trưởng, họa sĩ Lê Quốc Lộc - Hiệu phó, tôi - Trưởng phòng đào tạo, họa sĩ Lê Huy Lộc, họa sĩ Nguyễn Minh Trí. Tác phẩm trưng bày rất nhiều, bao gồm cả tranh lụa, sơn dầu, sơn mài, gốm, sành, dẹt thổ cẩm... của cả giảng viên và sinh viên của trường.

Chiều hôm trước ngày khai mạc có một chiếc xe tải rất to đến trường chở toàn bộ các tác phẩm. Tới cổng Phủ Chủ tịch thì một đồng chí công an lên lái xe thay cho tài xế. Và ngay đêm hôm đó, 5 người chúng tôi phải trưng bày và sắp xếp cho toàn bộ triển lãm... đến khoảng 1 giờ đêm thì mới tạm xong công việc. Khi chúng tôi làm xong thì thư ký riêng của Bác là ông Vũ Kỳ có bê xuống một khay bánh kẹo, 2 chai rượu và cả 2 bao thuốc lá bao đỏ tới. Ông Kỳ nói rất vui: "Mọi người hãy rửa mặt mũi chân tay rồi nhận quà của Bác gửi". Bánh được bóc ra, thuốc lá đã được hút nhưng chúng tôi không ai dám mở rượu ra uống cả. Thấy vậy ông Kỳ nói: "Cứ uống rượu đi, Bác bảo là văn nghệ sĩ phải có rượu nó mới vui".

Chúng tôi thích quá, không ngờ Bác lại tâm lý đến thế.

Nhưng sau đó chúng tôi còn bất ngờ hơn khi biết Bác đã điều xe riêng của Bác để đưa chúng tôi về; vì khi đi vào Phủ Chủ tịch chúng tôi đi theo xe tải. Nhưng chúng tôi không ai dám ngồi xe cả...

1 giờ 30 sáng chúng tôi mới có mặt ở nhà và không ai dám hé răng kể cả với vợ là đi đâu về (vì tính chất tuyệt mật) dù vợ cần nhàn và giận dỗi...

Hoàng Anh: Thừa họa sĩ, vẫn chưa tới lúc được gặp Bác Hồ!

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Gặp ngay sáng ngày hôm sau thôi. Đúng lịch, 5 giờ 5 phút sáng thì 5 anh em chúng tôi đã có mặt đầy đủ. Nhìn qua một lượt phòng trưng bày chúng tôi nhìn nhau hài lòng. Tất cả đều ổn.

Đúng 5 giờ 30 thì Bác Hồ xuống. Đi theo Bác là 4 hoặc 5 anh công an gì đó. Bác ăn mặc giản dị lắm; bộ bà ba màu nâu, áo thì phanh cổ rất rộng. Nhìn thấy chúng tôi, Bác chủ động chào trước: "Chào các chú, Bác tập thể dục xong rồi Bác vào nhé".

Sau khi tập thể dục ở vườn khoảng 20 phút, Bác quay lại phòng triển lãm và bảo với mấy chú bảo vệ: "Các chú về nghỉ đi, không phải bảo vệ Bác nữa".

Bác nói với chúng tôi là Bác rất bận nhưng Bác sẽ bố trí thời gian xem kỹ triển lãm. Tôi và họa sĩ Lê Quốc Lộc dẫn Bác đi vòng quanh phòng triển lãm. Bác bảo: "Nhiều tranh đẹp đấy".

Sau đó, bánh kẹo lại được mấy anh bảo vệ bày ra và còn có cả một phích nước màu đỏ để pha trà.

Uống trà với chúng tôi xong là Bác về nhà sàn và chuẩn bị đi họp.

Khoảng 9h, chắc là vào giờ giải lao, Bác lại xuống chơi với chúng tôi. Lúc này Bác mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn, và nói "Chào các chú" trước khi chúng tôi kịp chào Bác.

Vui quá, mọi người ngồi xung quanh chăm chú nhìn Bác. Lần này, Bác tự tay pha trà và lấy thuốc lá trong túi ra mời tất cả. Bác châm thuốc lá cho tôi. Vừa uống nước Bác vừa giảng giải; tách uống nước phải thật sạch, pha trà phải đúng cách thì uống mới ngon.

Hoàng Anh: Bác mới xem qua triển lãm, nhưng Bác nhận xét kỹ về từng tác phẩm?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Phải sang đến ngày họp thứ 3. Hôm đó, Bác Hồ cho thảo luận tổ rồi nói với chúng tôi: "Hôm nay Bác sẽ xem kỹ triển lãm, các chú sẽ là thầy tôi".

Chúng tôi và Bác cùng đi xem từng tác phẩm một rất chậm rãi. Bác nhận xét một bức tranh sơn mài, đại ý là các chú vẽ vẫn chưa hợp lý lắm. Ví dụ như núi xanh, trời đỏ, có đám mây vàng mà vẽ đất lại đúng là màu đất là chưa đúng với tinh thần của tác

phẩm. Đã cường điệu là phải cường điệu hết, cứ như thế Bác cùng chúng tôi xem hết toàn bộ tác phẩm gồm cả sơn mài, lụa, gốm, thổ cẩm. Và hầu như tác phẩm nào Bác cũng có những nhận xét rất chuẩn như vậy.

Triển lãm còn tiếp diễn 3 ngày nữa, tất cả những ngày còn lại đều là những kỷ niệm tuyệt vời của chúng tôi với Bác. Một nhân cách lớn và vĩ đại đến như vậy lại rất đời giản dị trong đời thường. Một chi tiết thú vị nữa là trong khi chuyện trò với chúng tôi Bác có hỏi về tình hình cơ sở vật chất của trường. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo thực trạng nhà tranh vách nứa của trường, Bác đã rất xúc động và cho mời đồng chí Bộ trưởng Tài chính lên gặp chúng tôi. Một thời gian sau, có cán bộ ở Bộ Tài chính đến và việc thảo luận xây dựng một trường mới được bắt đầu.

Hoàng Anh: Còn chi tiết nào thú vị hơn nữa không, thưa họa sĩ?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Nhiều lắm, chi tiết thú vị thì nhiều lắm. Nhưng tôi nhớ nhất là Bác điều khiển giờ của một cuộc họp quan trọng nhường ấy lại bằng một cái chuông nhỏ. Mỗi khi xuống chơi với chúng tôi, Bác đều đem theo cái chuông đó bên cạnh tập tài liệu của Hội nghị. Khi đến giờ họp, Bác lại vừa đi, vừa rung cái chuông ấy lên. Tất cả các đại biểu đều rất nhanh chóng xuất hiện từ khắp sân. Lúc ấy, tôi có cảm giác như Bác rung chuông gọi đàn con về chứ không phải để đi họp những vấn đề quan trọng. Và mỗi khi nghe thấy tiếng chuông reo giòn giã là chúng tôi lại biết đã đến giờ giải lao và sắp được gặp Bác...

HOÀNG ANH thực hiện

NÉT BÚT CHU MINH TRÊN BÌNH SÚ CỦA BÁC HỒ

TRẦN HỮU CHẤT

Ngày 26-7-1962, Bác Hồ về thăm Nhà máy sứ Hải Dương. Lãnh đạo nhà máy mời Bác đi tham quan các công đoạn sản xuất sứ, và nơi Bác dừng chân lâu nhất lại là phân xưởng 4, phân xưởng vẽ hoa. Phân xưởng này do anh Chỉ và chị Vượng làm quản đốc và phó quản đốc, là phân xưởng cuối cùng của nhà máy gồm các bộ phận vẽ hoa, dán lụa, nung trên men và kiểm nghiệm bao gói. Phân xưởng tập trung lắm chị em, múa hát, văn nghệ, thể thao đều do lớp chị em ấy làm chủ lực. Lúc này phân xưởng có một chuyên gia Trung Quốc là ông Lâm Gia Hồ. Ông đang có lớp truyền nghề vẽ hoa không xương, loại quy trình vẽ nhanh cho sản xuất đại trà.

Nhà máy sứ có cử nhà điêu khắc Hoàng Minh Kao, anh Hoàng Đạo Khánh và tôi sang Học viện sứ gốm Giang Tây học các kỹ thuật vẽ trên men, anh Lê Minh Tiên (bây giờ là Lê Hồng Hải) và anh Vũ Bá Chi học vẽ dưới men ở Lễ Lăng. Đoàn còn có bộ phận học tại Đường Sơn và Hồ Nam... Năm 1962 nhà máy đã bắt đầu ổn định để đi vào sản xuất lớn.

Vì được thông báo trước nên anh chị em công nhân viên - những người làm ca đêm cũng có mặt để được gặp Bác, người cha thân yêu của cách mạng Việt Nam. Ngày này là ngày sung sướng nhất, vinh dự nhất của nhà máy - ngày Bác Hồ về thăm.

Bộ phận Bác đi lướt qua là bộ phận xoa hoa. Hôm ấy làm những con mèo sứ bé nhỏ xinh xinh theo phương pháp làm của Trung Quốc. Ở Trung Quốc người ta sản xuất loại mèo đơn hoặc mèo đôi. Hình các chú mèo ngộ nghĩnh được tráng men. Riêng

phần thân, sau khi tráng men rắc một lớp cát sứ, sau khi nung ở nhiệt độ 1.370°C thì đưa về bộ phận này để vẽ mắt xoa màu trên lưng. Bác gọi ngay là tổ mèo chuột. Mẫu này anh Hoàng Minh Kao nặn lại theo sản phẩm của Trung Quốc. Chỉ có mèo không có chuột và tôi cũng tưởng như vậy. Tôi ở phân xưởng cũng không mấy quan tâm. Khi Bác nói "tổ mèo chuột" tôi ngó ra. Nhìn kỹ vào sản phẩm thì thấy hình chuột rõ ràng. Bác nói được rất nhanh "mèo chuột" là từ ý nghĩa xưa nay hình ảnh con mèo đi liền với bóng dáng con chuột. Tranh dân gian Đông Hồ chẳng từng diễn tả "đám cưới chuột" dâng lễ vật cho ông mèo đó sao.

Ban Giám đốc nhân dịp này muốn được Bác viết cho ít dòng lưu niệm lên sản phẩm sứ để kỷ niệm. Ông Trần Mịch - Giám đốc nhà máy sứ gợi ý với ông Khai một cán bộ cao cấp đi cùng Bác. Được Bác vui vẻ nhận lời, ông Mịch giao cho tôi chuẩn bị sản phẩm và bút mực.

Sản phẩm đang làm là loại lọ hoa trung. Cái đang bày trên giá là những mộc sứ chưa nung. Bác sẽ viết hoặc vẽ lên đó bằng men Chu Minh - một loại ô-xít cô-ban điều chế với chất mồi cháy tạo ra màu men xanh, ở Bát Tràng gọi là men chàm. Ở Trung Quốc công nhân học vẽ gọi là men Chu Minh hay men Chu Minh Liệu. Loại men này khi vẽ xong phải tráng qua một lớp men màu mới chín và bóng.

Loại men này rất rít bút. Men đặc quá bút sẽ không xuống mực, men lỏng quá mực sẽ tràn ra thành bút. Tôi chọn bút của công nhân đang nhuộm nhất trao cho Bác viết. Những nét đầu Bác viết không xuống mực. Anh Trần Mịch động viên tôi. Tôi lấy thêm "gly-xê-rin" vào nghiên và quấy đều. Bác viết được chữ đầu tiên là chữ F, chữ thứ hai lại tắc. Tôi lại lấy bút dặm thêm màu cho nhuộm. Người công nhân bê lọ sứ cho Bác vẽ là cô Thái, một nữ công nhân xinh nhất và cũng giỏi tay nghề nhất, ghé vai cho Bác tì tay. Dòng chữ Bác viết là: Phải cố gắng tiến bộ. Chiếc bình hoa vẫn còn mộc đó được đưa ngay lên Phòng kỹ thuật. Có ý kiến là lọ hoa phải được vẽ thêm hoa văn, đồ án, loại hoa văn tiêu biểu nhất của Việt Nam, đồ án phải được thiết kế chín chu nhất, mượt mà nhất, đẹp nhất để giữ sản phẩm lại muôn

đời cho con cháu mai sau. Nhưng ai sẽ vẽ tiếp sản phẩm này? Ai cũng tỏ ra ngại ngùng. Trước khi nhà máy sứ bắt đầu vào sản xuất lớn, anh em họa sĩ đã được nhà máy cho về các đình chùa, viện bảo tàng ghi chép rất nhiều họa tiết trang trí. Dưới tay lại còn tư liệu của Bác. Ai muốn vẽ theo dạng thức nào cũng được, song cái đáng sợ nhất là sản phẩm mộc đất rất dễ vỡ.

Làm vỡ sản phẩm có bút tích của Bác là một điều tai hại. Vì vậy anh em bàn lại nên đưa đi tráng men và để nung như bình thường. Sau này sẽ vẽ đồ án cẩn thận và chép lại (một dạng phục chế) thì yên tâm hơn.

Hình ảnh Bác Hồ về thăm nhà máy một lần nữa được tôi tái tạo trên tám tranh sơn khắc khổ lớn treo ở Phòng truyền thống. Hình ảnh Bác Hồ tì tay vào vai cô Thái vẫn giữ nguyên như trong ảnh chụp. Còn phần tôi nâng nghiên mực cho Bác vẽ được thay bằng hình ông giám đốc. Nền tranh là hình ảnh dây chuyền sản xuất từ phân xưởng nguyên liệu, thành hình, lò nung, vẽ hoa. Bộ phận nào cũng muốn có mình ở trong tranh.

Anh chị em phân xưởng 5 là phân xưởng cơ khí trách sao tôi không vẽ tôi. Anh chị em kiểm nghiệm cũng trách như thế. Nhân thể họ phê phán tôi là không trung thực. Chính tôi là người nâng nghiên bút cho Bác vẽ sao lại vẽ ông giám đốc?

Ảnh chụp còn sờ sờ ra đây. Tôi nói khi vào tranh hay khi ra sân khấu sự thật đều phải biến báo đi chút ít. Hình ảnh công nhân đã có cô Thái, hình ảnh lãnh đạo đã có ông Mịch, thế là được rồi.

Sau khi viết xong Bác về bộ phận rửa hoa và nói chuyện với anh chị em công nhân nhà máy.

Ngày đó 26-7-1962 đã trở thành ngày đáng nhớ nhất trong đời người thợ sứ. Nhiều công nhân cán bộ đã làm nhiều thơ, nhiều ca dao về ngày Bác thăm Nhà máy sứ Hải Dương. Trong phút giây được gần Bác, được nâng nghiên mực cho Bác viết là một điều hạnh phúc nhất đời. Tôi luôn khắc sâu tâm niệm: Phải cố gắng tiến bộ.

SÁNG TÁC VỀ BÁC HỒ - LÃNH TỤ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TỰ

Nhà nước nào cũng thường có những tác phẩm hội hoạ - điêu khắc minh hoạ lịch sử hình thành đất nước mình kể từ thời cổ Ai Cập đến những kiểu nhà nước phong kiến và tư sản về sau. Những công trình tạo hình đó còn để lại nhiều giá trị văn minh tô điểm cho lịch sử loài người thêm tươi đẹp. Những tác phẩm tạo hình đó dính liền với lịch sử dân tộc, lịch sử nghệ thuật kể từ chân dung các vua Khephren, Mi-kê-ri-nốt (Mykérinos) đến chân dung các vua chúa sau này. Lãnh tụ các phong trào cách mạng và nhà nước vô sản cũng đã được biểu dương nhiều ở các nước xã hội chủ nghĩa trên nhiều công trình tạo hình. Tuy mới chỉ trong vòng 60 năm kể từ Cách mạng tháng Mười Nga nhưng tranh và tượng lãnh tụ đã khá phong phú và hấp dẫn ở các bảo tàng, ở quảng trường, ở vườn hoa, từ tranh giá vẽ đến tượng đài hoành tráng: tượng Mác, Ăng ghen, tượng Lênin, tượng tròn cả người, nửa người cũng như chạm nổi ở Liên Xô, ở Cộng hoà dân chủ Đức và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác.

Xưa kia nhà nước phong kiến Việt Nam ít chú ý đến chân dung nhân vật lịch sử, trừ một số vua nhà Trần có sai thợ vẽ các danh tướng để ghi chiến công của họ sau ba lần đánh thắng quân Nguyên. Tiếc rằng sau này một số anh hùng dân tộc chỉ còn được nhắc lại trên tranh dân gian hay tranh thờ với những nét vẽ chung chung, khó phân biệt được đặc trưng từng người. Những tranh tượng này thường được hư cấu theo các nhân vật thần phật hay truyền thuyết dân gian qua các triều đại nên không còn giữ

nguyên được tính hiện thực của nhân vật. Hình tượng đó thường khác xa với hình tượng thành văn trong sách sử như chân dung Nguyễn Trãi, chân dung Quang Trung. Về lãnh tụ cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng vô sản nổi tiếng thế giới, Bác Hồ của chúng ta, cũng chưa được miêu tả thành công trình tạc hình hoàn chỉnh, xứng đáng với vai trò lịch sử của Người. Ở trong nước cũng như ngoài nước, nhất là đối với các dân tộc thuộc địa bị áp bức, công trình tạc hình về Người thật cần thiết, xứng đáng và đang là món nợ về sáng tác nghệ thuật đối với những nghệ sĩ sống trong thời đại của Người. Về tinh thần và nội dung công trình tạc hình về Bác Hồ, các nghệ sĩ chắc đã dày công nghiên cứu về đời hoạt động của Bác nhưng thường lại loay hoay về phong cách diễn tả, về những hình thức biểu hiện nghệ thuật được sử dụng. Tất nhiên, ai đã sáng tác về Bác đều thấy đây là một đề tài khó, một hình tượng dù hoàn chỉnh đến đâu cũng khó được mọi người chấp nhận. Vì Bác là lãnh tụ thân kính của toàn dân, nên mỗi người đều có thể chấp nhận ở Người một nét đặc trưng riêng phù hợp với cảm nghĩ riêng của mình, những nét "giống" riêng của mình. Hình tượng hiện thực về Người rất sống động, linh hoạt và đa dạng trong phong cách sống và làm việc. Nhiều danh họa Việt Nam đã vẽ Bác: Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn vẽ Bác bằng màu dầu và sau đó khắc gỗ. Bức sơn dầu của Tô Ngọc Vân (1946) đẹp hơn cả, đẹp về "giống" cũng như về tính cách lịch sử nhân vật là phong cách nghệ thuật. Tính cách giống Bác của tranh chân dung của Tô Ngọc Vân là giống hình thể nhân vật, giống cả về thời gian và không gian lịch sử nhất định. Lúc đó, 1946 cách mạng mới thành công, việc nước bề bộn, thù trong giặc ngoài đe dọa, Bác làm việc ở Bắc Bộ phủ trước ngày đi dự Hội nghị Fontainebleau vào mùa hè. Dạng vẽ chân dung còn khắc khổ nét mặt suy tư, với bộ ria mép còn dày và đen, với bộ áo ka-ki vàng nhạt và đôi giày Nùng màu xanh chàm mang về từ miền núi Pắc Bó. Hoà sắc tranh phù hợp với tính cách hiện thực của nhân vật, mang tính lịch sử về phong thái lãnh tụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước bàn làm việc vào thời điểm bấy giờ.

Bức chân dung sơn dầu của Trần Văn Cẩn (1961) chỉ nhìn Bác ở một khoảnh khắc nhất định, cùng với hoà sắc tươi mát xanh hồng, miêu tả Bác ở tình cảm về một người đàn ông trù mên và đẹp lão trong gia đình. Bức tranh biểu hiện ấn tượng một cảm xúc đẹp của hoạ sĩ về Bác hơn là một chân dung về một lãnh tụ.

Đối với nhiều tác phẩm hội hoạ khác, ai cũng nói về Bác chưa giống, chưa giống còn có ý là chưa ưng lắm. Trái lại, hình tượng Bác trên hai tranh cổ động *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân* của Nguyễn Thụ và Huy Oánh, *Hồ Chủ tịch* của Lê Huy Tráp được chấp nhận nhiều hơn và coi là đạt, tuy mọi người đánh giá là cũng chưa giống. Cái mà mọi người yêu cầu về chân dung Bác Hồ là hình tượng điển hình về một lãnh tụ được nhân dân kính yêu, mang đầy đủ đạo đức và tính cách con người Bác. Để được nhiều người chấp nhận hình tượng đó, có lẽ mỗi hoạ sĩ, mỗi nhà điêu khắc phải sử dụng đầy đủ phương pháp diễn tả chung nhất, khoa học nhất của nghệ thuật tạo hình: tính hiện thực khách quan của nhân vật tạo hình mà mỗi người đều có thể nhận ra dễ dàng. Thuận mắt ta cả nhà cùng thuận. Tất nhiên mỗi nghệ sĩ không quên xúc cảm và kiến thức của mình về nhân vật lịch sử để đặt nhân vật đó vào khung cảnh thời gian và không gian nhất định. Những tác phẩm tạo hình về Mác, về Lênin ở Liên Xô, ở Cộng hoà dân chủ Đức đều có tính cách như vậy, tranh và tượng về Bác Hồ cũng cần có những yêu cầu như vậy. Tất nhiên cái khác biệt trên mỗi nhân vật lịch sử đều rõ nét như tác phẩm về Mác biểu hiện được đặc trưng tư duy của nhân vật và trên tác phẩm về Lênin là con người cổ vũ và hành động cách mạng. Các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam cũng cần tìm một đặc trưng điển hình cho nhân vật Bác Hồ, hoặc ở thời kỳ hoạt động bí mật ở nước ngoài hoặc khi làm Chủ tịch Đảng và Nhà nước Việt Nam.

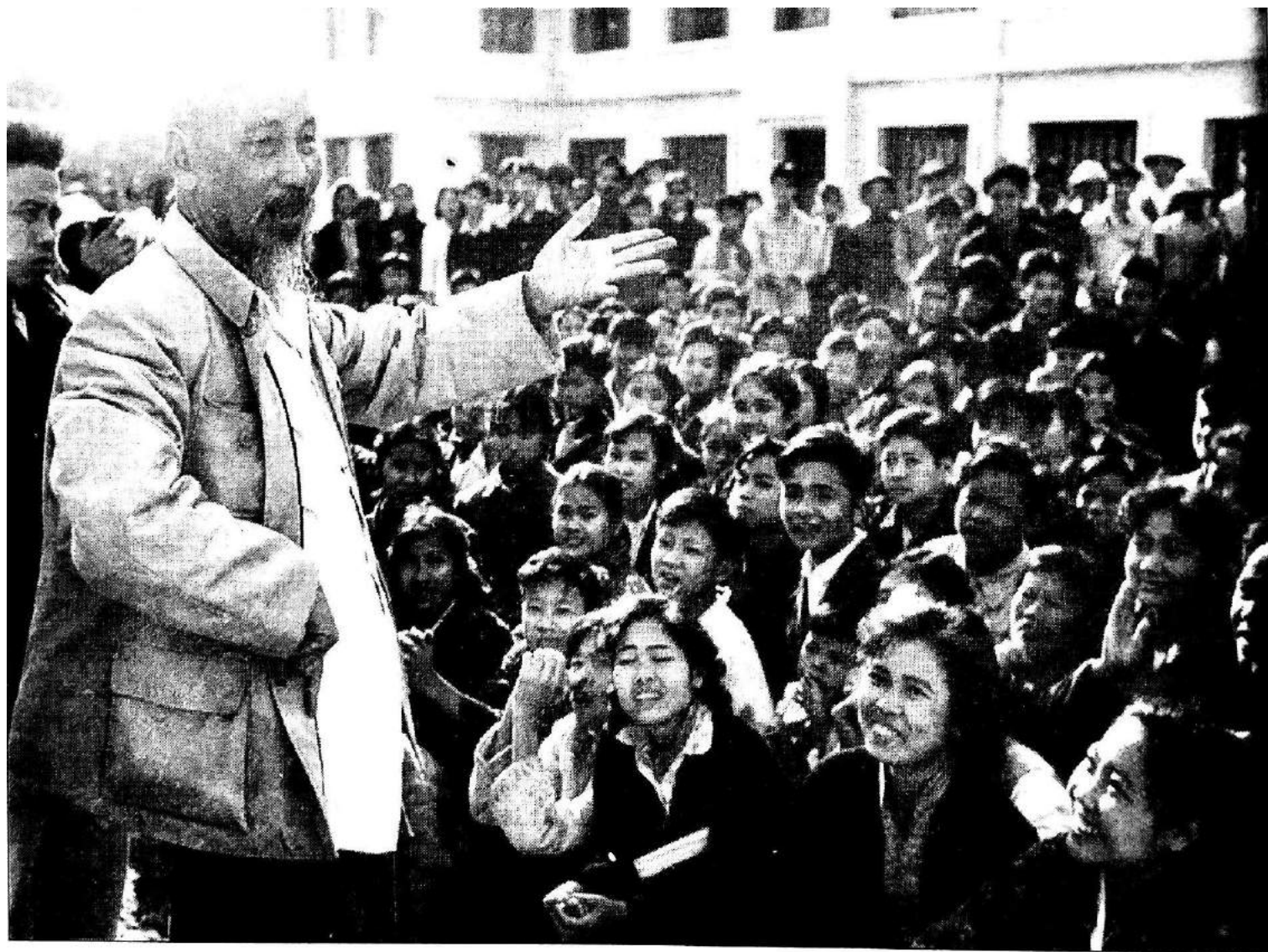
Nghệ thuật điêu khắc tượng tròn về Bác Hồ càng cần đến những đặc trưng điển hình đó để khi mới nhìn thoáng thấy dáng, người ta đã nhận ra ngay nhân vật. Nguyễn Thị Kim, Trần

Văn Lắm đều có nặn tượng Bác theo mẫu mực nhưng mới diễn tả ở mức độ truyền thần. Sau đó, Lê Công Thành, Nguyễn Phước Sanh đều có tượng về Bác Hồ. Phong cách lãnh tụ được ý thức rõ hơn và được nâng cao như *Bác Hồ với thiếu nhi* (bản thân thạch cao - 1982) và *Bác Hồ*, tượng đặt ở đảo Cô Tô (1974). Đến *Nguyễn Ái Quốc ở Pari* (Triển lãm 10 năm điêu khắc 1973 - 1983), Lê Công Thành sáng tạo một tượng đẹp nhưng không có tính cách một lãnh tụ cách mạng hoạt động bí mật trong những điều kiện gian khổ như tư liệu lịch sử đã chứng minh. Một thanh niên ung dung với phục trang nuột nà như thế có thể chỉ là một Nguyễn Ái Quốc hoá trang thành một thanh niên phong lưu ngồi chơi ở vườn hoa Paris! Kể cả nét mặt và dáng ngồi.

Loại tượng nhỏ về Bác Hồ cưỡi ngựa của Hứa Tử Hoài (gỗ - 1976), Nguyễn Văn Quay (đất nung), Nguyễn Đại Lượng (đất nung - 1980) để lại nhiều cảm tình cho người xem. Những khối hình ở tỉ lệ nhỏ đó dễ được chấp nhận nhưng lại ở dạng trang trí cho phòng, tượng đồ vật nhỏ (bibelot) không thể phóng to làm công trình hoành tráng về một lãnh tụ cách mạng được. Tượng đài ở ngoài trời đòi hỏi hình khối không gian tương xứng với kiến trúc và môi trường chung quanh tạo thành một quần thể kiến trúc hài hoà trong đó phần vườn tược đô thị cũng đóng vai trò quan trọng. Nhà điêu khắc lúc này phải có mắt nhìn bao quát sự phối hình giữa điêu khắc và môi trường không gian như một chuyên gia âm nhạc nghe về phối âm, phối khí vậy. Về tính cách nghệ thuật này điêu khắc dân gian ngày nay chưa thể đề cập và hoàn thành được. Phải biết kết hợp khoa học hiện đại về kết cấu công trình đô thị với điêu khắc và trang trí hoành tráng. Đáng tiếc thay, nhiều công trình tượng đài kỷ niệm về chiến thắng, về Bác Hồ, về các anh hùng và chiến sĩ ưu tú đã được dựng lên ở nhiều nơi bất chấp cả quy hoạch và quy luật sáng tạo nghệ thuật hiện đại miễn là đạt được một yêu cầu về nội dung hình tượng nào đó mà thường là ở trình độ thấp kém. Và khi một công trình kỷ niệm khánh thành xong thì mấy ai lại phá bỏ đi được.

Về hội hoạ, cũng đã có nhiều tác phẩm vẽ về hoạt động của Bác Hồ: Bác với quân đội có *Những lời dạy bảo* (Mai Văn Hiến, màu dầu - 1958), với công nhân có *Bác Hồ thăm công nhân mỏ Đèo Nai* (Nguyễn Hoàng - sơn dầu), với nông dân có *Bác Hồ với nông dân* (Nguyễn Văn Thiệu, sơn dầu), với thợ thủ công (Nguyễn Phú Hậu), ở Pắc Bó (Trần Văn Cẩn, Trọng Kiệm), ở Việt Bắc (Dương Bích Liên). Các tác giả trên cũng chưa định hình được một phong cách lãnh tụ về Bác Hồ. Một số ghi chép nhỏ theo ký hoạ như bản khắc gỗ của Phan Kế An (1970), Trần Đình Thọ (1946) ghi được những nét chân dung đúng về Bác vào những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội và Việt Bắc. Những ký hoạ chì của Dương Bích Liên vẽ Bác ở Việt Bắc cũng như chân dung của hoạ sĩ Erich Giô-han-sơn (Cộng hoà dân chủ Đức) vẽ Nguyễn Ái Quốc - 1924, N.I Crôp-tren-cô (Liên Xô) - 1924, cho đến sau 1954, các nhà điêu khắc và hoạ sĩ các nước xã hội chủ nghĩa như A.Phác-kat (A.Farkas), J. Hinos (Hung-ga-ri), H.Dra-ke (Cộng hoà dân chủ Đức), Ghi-vi, V.N Da-tri-nha-ép (Liên Xô) đều có vẽ và nặn tượng về Bác. Nhìn chung những nét vẽ và nặn về Bác mới ở dạng tư liệu nhiều hơn là những công trình có tính bố cục khái quát được tinh thần phong phú và đa dạng về con người lãnh tụ phát triển từ Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh sau này.

Các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam còn tiếp tục sáng tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng tác phẩm của mình sau một thời gian liên tục làm việc hết lòng về hình tượng Bác. Sự cô đọng và lắng sâu của thời gian sẽ định hình được hình tượng về lãnh tụ đúng với ý muốn của chính tác giả đồng thời đúng với ý muốn của toàn dân, giống với cái "giông" sống động về Bác Hồ của mọi người. Đó là ý thức làm chủ tập thể đẹp đẽ đối với sáng tác về một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho cả dân tộc Việt Nam truyền thống và hiện đại: Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với học sinh Trường Múa TW
tại Khu văn công Mai Dịch - *Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM*

MỘT QUÊ HƯƠNG VÀ MỘT TÂM LÒNG

HÀ THANH

Chúng ta vẫn biết rằng vào những ngày đầu đầy sóng gió của chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mùa hè năm 1946, mặc dầu rất bận rộn trước khi lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Hồ Chủ tịch vẫn tranh thủ vừa làm việc, vừa ngồi làm mẫu cho các hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung vẽ và Nguyễn Thị Kim nặn tượng. Những tác phẩm của các hoạ sĩ này từ trước đến nay vẫn được nhắc tới như những tác phẩm mỹ thuật đầu tiên và thành công về Hồ Chủ tịch và luôn được trân trọng lưu giữ ở những vị trí xứng đáng.

Vào những ngày đầu tháng 6 này, người ta mới biết rằng còn có một tác phẩm khác cũng rất thành công về Bác, cũng được sáng tác từ mùa hè năm 1946 ấy, mà mãi suốt 52 năm qua, chịu nhiều lưu lạc, nay mới có mặt tại Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Đó là tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh do hoạ sĩ, nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm - một hoạ sĩ tài danh của Việt Nam, sống ở Pháp từ năm 1931, nay đã 90 tuổi, gửi tặng Bảo tàng. Tháng 6-1946 tại Paris, trong không khí hân hoan của kiều bào Pháp đón mừng Hồ Chủ tịch, hoạ sĩ Vũ Cao Đàm đã đề đạt với Bác nguyện vọng được tạc tượng Người và đã được Bác vui vẻ nhận lời. Bức tượng Bác cao 45,7 cm với chất liệu ban đầu là thạch cao, được nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm dồn cả tài năng và tâm lực để hoàn thành. Một bức tượng đẹp thể hiện tuyệt vời chân dung Bác, vừa rắn rỏi, vừa giản dị và anh minh. Bác đã thưởng cho công lao của nhà nghệ sĩ một tấm huy hiệu mang hình và chữ ký của mình. Bác cũng đề

tặng vào tấm ảnh do họa sĩ Vũ Cao Đàm chụp dòng chữ thân thiết: "Tặng vợ chồng chú Đàm và các cháu". Tấm huy hiệu lịch sử ấy được nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm gửi tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh năm 1986. Còn bức tượng thì chịu nhiều lưu lạc hơn, suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp từ năm 1946 đến năm 1954, bức tượng phải cất giấu nhiều nơi, một nông dân Pháp, đảng viên Đảng Cộng sản đã giữ bức tượng nhiều năm. Đến khi tìm lại được, nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm đã bỏ nhiều công để tìm một nghệ nhân lỗi lạc, có tầm cỡ để đúc hình mẫu của Bác thành tượng đồng, giữ hình ảnh của Bác vĩnh viễn trước khi chuyển bức tượng về nước. Sau nhiều năm tìm kiếm công phu, chính người con gái của họa sĩ Nguyễn Cao Đàm là chị Yannick Vũ Jakaber, cũng là họa sĩ, đã đưa bức tượng thạch cao về Tây Ban Nha, tại một điểm đúc đồng nổi tiếng để hoàn thành bức tượng năm 1996.

Đã một lần, năm 1968, chị Yannick cùng chồng định đưa bức tượng về nước nhưng chưa làm được. Lần này, gia đình họa sĩ Vũ Cao Đàm định gửi tặng tượng Bác vào đúng ngày sinh 108 của Người, nhưng do chậm trễ tàu xe, ngày 3-6, Bảo tàng mới có thể làm lễ đón nhận tượng. Nguyên vọng của người họa sĩ trí thức già 90 tuổi, đã được con gái và gia đình người cháu rể của mình là giáo sư Bửu Triều thực hiện. Bức tượng này cũng phải được coi là một trong những tác phẩm đầu tiên về Hồ Chủ tịch và là một trong những tác phẩm thành công nhất, do một họa sĩ rất nổi tiếng ở cả Việt Nam và Pháp thực hiện.

Họa sĩ Vũ Cao Đàm sinh năm 1908, ông là sinh viên khoá II Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương và là một trong những người đầu tiên theo học ngành điêu khắc ở nước ta. Ông tốt nghiệp xuất sắc năm 1931, nhận học bổng sang Pháp học tiếp và ở lại. Bức tượng đồng "*Cô gái cài lược*" của Vũ Cao Đàm sáng tác 1929 vẫn luôn luôn được coi là mẫu mực về thể loại tượng chân dung để giảng dạy trong Trường Đại học Mỹ thuật nước ta. Vũ Cao Đàm sang Pháp, nổi tiếng bên Pháp, nhưng với sự trở về của bức tượng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rằng suốt hơn nửa thế kỷ qua, ông, gia đình ông, luôn mang trong mình một quê hương và một tâm

MƠ THÀNH HIỆN THỰC

CÂN THỰ CÔNG

Thật là tình cờ, thật may mắn, và cũng thật vô cùng hạnh phúc đến với tôi, là đã được gặp Bác Hồ trong dịp vắng cảnh chùa Tây Phương năm 1961. Chuyện kể lại như sau:

Vào buổi sáng 19 tháng 5 năm 1961, ngày sinh nhật Bác, Bác Hồ đi dự thăm chùa Tây Phương. Bác bận bộ quần áo màu nâu bằng lụa Hà Đông. Cùng đi với Bác còn có hai đồng chí bảo vệ mặc áo đại cán.

Năm ấy, tôi được Trường Mỹ thuật cho đi làm công việc đồ lại khuôn một số tượng La Hán và tượng Tuyết Sơn để đem về bảo tàng nhà trường làm tài liệu nghiên cứu và học tập vốn cổ dân tộc. Vì có điều kiện như vậy nên đã có cơ may được gặp Bác khi Bác tới tham quan chùa.

Vào quãng 9 giờ sáng ngày hôm ấy, khi tôi đang làm việc, thấy có hai cán bộ đến báo cho tôi biết: Bác Hồ đến thăm chùa. Tôi hồi hộp, ngỡ ngàng lòng tràn đầy niềm vui sướng. Tôi xin phép đồng chí cán bộ cho tôi được đi thay lại quần áo, ăn mặc chỉnh tề để đón Bác. Đồng chí trả lời tôi ngay: anh mặc như thế này cũng được, không sao cả. Tôi hiểu ý và chấp hành ngay lời nói của cán bộ đi báo vệ Bác (lúc bấy giờ hàng ngày làm việc tôi thường mặc quần đùi, mình trần, đeo chiếc tạp dề tránh bụi bẩn).

Tôi dẫn Bác đi xem chùa và các pho tượng thờ ở bên trong. Tới bảng giới thiệu về lịch sử ngôi chùa, Bác dừng lại ít phút xem từ đầu đến cuối. Bác ngắm và chiêm ngưỡng từng pho tượng, quan sát kỹ và Bác còn dùng tay sờ vào nét sơn một số

tượng. Khi Bác xem xong, Bác quay lại nói với tôi:

- Tượng ở đây có lẽ xây dựng vào thời Lê. Không phải thời Cao Biền. Các cháu xem lại như thế nào?

Bác xem xong, ra ngồi nghỉ ngoài sân chùa bên cây mít, cành lá xum xuê mát dịu. Trên quả đồi, xung quanh là vườn cây toả đầy bóng mát. Trời cao xanh lồng lộng. Bác ngồi nghỉ, trông Bác đẹp như tiên ông trong chuyện cổ tích.

Bác hỏi chuyện những người đứng xung quanh Bác. Hỏi đến tôi, Bác nói:

- Cháu công tác ở đâu?

- Thưa Bác, cháu ở Trường Mỹ thuật.

Bác hỏi tiếp:

- Cháu có biết chú Diệp Minh Châu và cô Nguyễn Thị Kim không?

- Thưa Bác, đó là những người thầy dạy cháu học.

- Thế khi nào về Hà Nội cho Bác gửi lời thăm các cô chú ấy.

Có lẽ vì Bác thấy tôi làm công tác mỹ thuật, Bác kể cho tôi nghe một mẩu chuyện. Bác nói:

- Ngày xưa, Bác hoạt động ở bên Xiêm (giữ nguyên từ Bác kể). Ở Thủ đô Xiêm có xây một bức tượng vua Xiêm. Bác thấy đầu tượng là vua Xiêm - còn y phục lại giống Hoàng đế Na-pô-lê-ông.

Bác kể đến đó rồi Bác quay sang hỏi thăm sư thầy giữ chùa...

Câu chuyện Bác Hồ kể về bức tượng vua Xiêm ở trên thật giản dị, tinh tế và đầy hàm súc. Đã qua bao nhiêu năm rồi, nay tôi vẫn giữ nguyên vẹn, coi đó là cẩm nang dịu dặt, soi đường để hoạt động nghệ thuật.

Còn lại một mẩu chuyện nữa đến giờ tôi vẫn cảm thấy rất lạ. Không rõ nó ở dạng tâm linh hay cái gì đó... mà khoa học chưa lý giải được. Xin được kể thêm để kết thúc:

Trước ngày Bác tới thăm chùa, đêm tôi nằm mơ thấy chùa nền đèn thấp sáng trưng, như chuẩn bị ngày lễ hội. Nhưng lại không thấy một ai. Tôi đi đến phía quả chuông định cầm chiếc vô để thỉnh lễ thì bừng tỉnh giấc. Giấc mơ ấy tỉnh dậy tôi cũng quên ngay. Bỗng nhiên, ngày hôm sau thấy Bác tới thăm chùa. Tôi liên hệ tới giấc mơ hôm vừa rồi và thầm nghĩ bụng: Thần, Phật ở đây có lẽ rất linh thiêng đã báo mộng cho biết sắp đón một vị thánh nhân đến thăm chùa.

Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta không những là một vĩ nhân của dân tộc, Bác còn là thánh nhân trong tâm linh người Việt.

BÁC HỒ VÀ SỰ NGHIỆP MỸ THUẬT

CHU QUANG TRÚ

Bác Hồ, ngay từ ngày đầu hoạt động cách mạng đã dùng ngòi bút viết và vẽ làm vũ khí đấu tranh. Người còn coi nghệ thuật là một mặt trận.

Trước đó, các nhà văn nghệ nước ta còn đang lúng túng trong cuộc tranh luận "nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân sinh". Thư Bác đã kịp thời xác định phương hướng cho văn nghệ sĩ quyết định sự nghiệp cho giới mỹ thuật. Từ đó, với trách nhiệm người chiến sĩ, các họa sĩ và nhà điêu khắc đã chiến đấu cho dân tộc với lý tưởng rõ ràng.

Bác nói điều trên trước hết là từ kinh nghiệm hoạt động cách mạng của mình. Trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, Bác kể: "Trong hội chợ ở Mácxây, ngoài những tranh vẽ lũ công Khanh Việt Nam đang lúc nhúc quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn chiếu phim có những bà già ăn trầu răng đen, những công nhân gầy gò, rách rưới, những người đóng khổ đang leo dừa - chúng gọi đó là "hình ảnh An Nam". Rõ ràng là dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải làm cách mạng". Bác viết văn và vẽ biếm họa đả kích chế độ thuộc địa. Trên báo *Le Paria* (Người cùng khổ), chúng ta tìm được nhiều tranh của Bác tố cáo bọn thực dân Pháp đánh đập tàn nhẫn nhân dân các thuộc địa, như đã nêu ra nghịch cảnh người phu xe Việt Nam còm cõi gò lưng kéo chiếc xe chở tên thực dân to béo; đề cao khí tiết những người yêu nước như cụ Phan Bội Châu trước sự dụ dỗ của Toàn quyền

Pháp và quan lại Nam triều. Những tranh ấy đã chỉ rõ kẻ thù mà nhân dân thuộc địa cần đánh đổ. Những tranh này được vẽ bằng sự thôi thúc của tinh thần yêu nước, đã có tác dụng giác ngộ các dân tộc thuộc địa, mà trước hết là nhân dân Việt Nam, nét vẽ ít, thoáng đảng mà thật sắc. Về sau, trong thời kỳ bị Quốc dân Đảng Trung Quốc giam cầm, Bác viết tập thơ *Ngục trung nhật ký*, cũng tự vẽ bìa với hình hai nắm tay bị xích giơ lên cao bất khuất. Rồi khi ra tù, về Cao Bằng chỉ đạo cách mạng tại chỗ, ở trong hang Pắc Bó, Bác tạc tượng Các Mác để kiên định con đường đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Khi hoạt động ở Pháp cũng như năm 1924 sang Liên Xô, Bác thường đến xem các triển lãm mỹ thuật, và theo họa sĩ Thụy Điển Êrich Giôhanxon - bạn thân của Bác, thì hồi ấy "Người nói một cách tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết về những nghệ sĩ, đã mạnh dạn phơi trần sự thật xã hội, kêu gọi đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập và dân chủ". Bác đã định hướng rõ ràng cho nghệ sĩ là phải lãnh sự mạng chiến sĩ xung kích. Cho đến bức thư Bác gửi các họa sĩ năm 1951, Bác viết rất bình dị, chân tình "nhân tiện, tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật để anh chị em tham khảo". Chỉ "nhân tiện" và đề "tham khảo" như một lời tâm sự thân mật. Bác nói: "Chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công nông binh". Chỉ những kẻ tách mình ra khỏi nhân dân, chống lại kháng chiến và Tổ quốc mới không là đối tượng phục vụ của nghệ thuật cách mạng. Trong khái niệm "công - nông - binh" thì "binh" không phải giai cấp, được cấu thành chủ yếu từ công và nông. Vì vậy, lúc này Bác dặn những cán bộ văn hoá: "Các chú viết và vẽ thì phải chú ý đến công nông, phải viết về công nông, vẽ về công nông". Sau này, khi nửa nước đã giải phóng và đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Bác không cần nói cụ thể hai giai cấp công - nông nữa, mà thường dặn: "Làm văn nghệ phải chú ý đến đối tượng phục vụ là nhân dân; viết nói phải dễ hiểu". Tất cả các thành phần cấu thành nhân dân đều được chú ý.

Đối với công tác dịch vận, Bác cũng chú ý khai thác sức mạnh của tranh biếm họa, chỉ rõ cho họa sĩ hướng vẽ và quan tâm đến nhân dân. Đầu năm 1948, trong thư chúc Tết báo *Bạn chiến đấu* (tờ báo tiếng Đức, nhằm vận động lính lê dương phản chiến), Bác viết: "Tờ báo này phải dành cho những người lính lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cáu kỉnh, dễ cảm xúc, chứ không phải những người làm chính trị sâu sắc. Bởi vậy cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm cho vui cười, những tin tức có liên quan đến đời sống nhân dân (...). Nói tóm lại, cần làm cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc, để lôi cuốn họ về phía chúng ta".

Chính vì đối tượng của nghệ thuật là nhân dân, nên nghệ thuật phải sát trình độ hiểu biết của nhân dân. Trong những năm đầu cách mạng, hầu hết nhân dân còn mù chữ, chưa quen với những khái niệm trừu tượng mới, nên khi nghe Ủy ban vận động đời sống mới định ra ba nguyên tắc "dân tộc - dân chủ - khoa học", Bác tỏ ra ngạc nhiên và nói: "Dân quê đã mấy người hiểu rõ thế nào là dân chủ, khoa học". Sau này, khi xem phim *Bình minh trên rẻo cao*, Bác nói: "Nhiều chỗ Bác không hiểu, Bác không hiểu thì chắc đồng bào cũng không hiểu". Rõ ràng Bác luôn đặt quyền lợi của nhân dân lên hàng đầu. Dân có hiểu thì tác phẩm nghệ thuật mới phát huy được giá trị. Đề cao nhân dân, Bác lại coi trọng nghệ sĩ. Không chỉ đầu cách mạng và trong kháng chiến, ngay cả sau ngày miền Bắc được giải phóng, số họa sĩ và nhà điêu khắc còn rất ít. Với số nghệ sĩ hiếm hoi ấy, việc chỉ đường đi đúng để họ hoạt động là rất cần. Trong bức thư gửi các họa sĩ năm 1951, Bác viết: "Chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường vững, tư tưởng đúng*, nói tóm lại là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết". Trong một dịp khác, Bác dặn họa sĩ Diệp Minh Châu: "Phải nhớ học tập chính trị và rèn luyện tư tưởng cho tốt. Có tư tưởng chính trị tốt thì vẽ mới chóng tiến bộ được". Và do đó, đối với những họa sĩ tài năng được cả giới quý mến, nhưng không đi theo kháng chiến, khi Diệp Minh Châu hỏi, Bác đăm chiêu trả lời: "Ồ, Bác cũng tiếc... dù có tài năng, nhưng đã là

nghệ sĩ phải chọn đường đi cho đúng. Không thì phí cả cuộc đời mình". Những hoạ sĩ đã vẽ, nặn Bác và tặng tác phẩm cho Bác, Bác luôn nhớ và có dịp là gửi lời cảm ơn. Để đội ngũ ngày càng đông, Bác căn dặn các hoạ sĩ đàn anh: "Các chú là lớp người đi trước, nên dìu dắt anh chị em lớp trẻ, có kinh nghiệm gì thì phải tận tình bày vẽ cho anh chị em. Nhưng cũng phải thận trọng, chú ý đừng để mất khiếu sáng tạo của họ".

Không những vạch hướng, Bác còn chỉ đường cụ thể từng bước đi cho hoạ sĩ. Ngay từ những năm 1920, đàm đạo về nghệ thuật với hoạ sĩ Êrich Giôhanxơn, Bác đã nhấn mạnh rằng: "Mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật". Trong kháng chiến, Bác dặn văn nghệ sĩ: "Làm tốt công tác văn nghệ nếu không tìm hiểu sâu vốn của dân tộc thì không làm được đâu". Cho đến Đại hội Văn nghệ lần thứ hai (1957), Bác đến và hỏi ngay: "Việc khai thác vốn cổ dân tộc, các chú đã làm đến đâu rồi", và nói tiếp: "Nên làm nhanh. Có trước mới có sau. Có cũ mới có mới. Nhưng chúng ta không nên nệ cổ. Bây giờ là thời đại cách mạng, phải nhanh, phải cải cách".

Giới mỹ thuật muốn vẽ và nặn chân dung Bác, Bác hạn chế hết mức, Người nói: "Các chú hãy nặn tượng tập thể bộ đội, dân quân, thanh niên, thiếu nhi anh hùng, không có nhân dân thì không có Bác". Nhưng khi cần có tác phẩm về Bác để tuyên truyền cho nhân dân trong nước và trên thế giới biết về cách mạng Việt Nam thì Bác sẵn sàng. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đinh Đăng Định xin phép chụp ảnh Bác. Bác bảo: "Các chú chụp ảnh mình để làm gì?" - khi biết các nghệ sĩ cần có ảnh Bác cho nhân dân được xem, thì Bác đồng ý. Một dịp khác, Bác còn giúp các nghệ sĩ chụp ảnh: "Ta phải tạo điều kiện cho các chú ấy làm công tác tuyên truyền. Công việc ấy cần thiết lắm".

Vẽ và nặn chân dung Bác là một công tác cách mạng, nên trong một số trường hợp Bác đã dành không ít thời giờ ngồi mẫu cho các nghệ sĩ làm việc. Tháng 5-1946, theo yêu cầu của Hội Văn hoá cứu quốc, cần có tác phẩm tạo hình về Bác để trưng bày

trong triển lãm-mỹ thuật toàn quốc lần đầu, mặc dù Bác đang chuẩn bị lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Người vẫn dành ra ba tuần, mỗi ngày hai tiếng từ 6 giờ đến 8 giờ ngồi mẫu cho các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung và nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim sáng tác. Bác ngồi ung dung, rất tinh ý và tạo điều kiện tốt nhất cho nghệ sĩ làm việc. Cho đến khi đi Pháp, Bác còn thân mật nói: "Chúc các anh chị ở lại làm được việc cho phòng triển lãm. Khi về nước, tôi sẽ đến xem". Cuối năm 1958, theo nguyện vọng của sứ quán Cộng hòa dân chủ Đức muốn có pho tượng hoặc bức họa cỡ lớn vẽ Hồ Chủ tịch mà tác giả phải là người Đức, Bác đồng ý để nhà điêu khắc Đức Henrich Dräcke đến nặn tượng Bác. Để kết hợp, Bác cho một số anh chị em Việt Nam cùng đến làm. Thế là hàng ngày Bác dành một giờ rưỡi đầu buổi sáng ngồi mẫu cho nhà điêu khắc Henrich Dräcke và các bạn đồng nghiệp Việt Nam Trần Văn Lắm, Diệp Minh Châu và Trần Văn Cần nặn và vẽ Bác. Ở tuổi ngót 70, Bác ngồi thanh thản, ung dung trên bục cao, không hề tỏ ra mệt mỏi để mọi người tiện quan sát. Bác còn tươi cười dặn các nghệ sĩ Việt Nam: "Các chú phải cố gắng nhé, thi đua với đồng chí Dräcke mà làm, không thì xấu hổ đấy". Sau chừng mười ngày, công việc xong. Nhà điêu khắc Dräcke đã tâm sự: "Sau bao nhiêu năm trời, tôi vẫn nhớ rõ đôi mắt sáng ngời, chòm râu bạc trắng như cước, vầng trán cao và cả những nếp nhăn, những chấm môi trên da mặt Bác..., tất cả đều toát lên vẻ hiền từ, độ lượng, bao dung của một vị cha già rất thân yêu". Cũng có đôi dịp nữa, một số họa sĩ nước ngoài có nguyện vọng sáng tác về Bác, được Bác ân cần ngồi mẫu cho vẽ, và tiện thể Bác cũng cho phép một số nghệ sĩ Việt Nam "ăn theo". Đặc biệt từ tấm lòng dành cho đồng bào miền Nam, Bác rất ưu ái các nghệ sĩ của đất thành đồng. Trong kháng chiến, họa sĩ Diệp Minh Châu có dịp ra Việt Bắc, thưa: "Thưa Bác, từ miền Nam ra đây, cháu rất mong được gặp Bác, được vẽ Bác thật nhiều để sau này cháu mang về Nam cho đồng bào được thấy chân dung Bác". Vì đồng bào miền Nam, Bác cho họa sĩ ở bên cạnh gần nửa năm, và họa sĩ đã vẽ được nhiều cảnh có Bác.

Trong khi ngồi mẫu, Bác sẵn sàng chiều theo yêu cầu nghề nghiệp của các nghệ sĩ: chuyển bàn làm việc ra cạnh cửa sổ để có thêm ánh sáng, hoặc kê bàn trên bục cao để mọi người cùng thấy rõ, vừa đọc sách báo vừa hỏi chuyện thân mật, đôi khi cho quà và nói chuyện vui để gây hứng thú cho các nghệ sĩ. Mọi người vẽ và nặn chân dung Bác đều vô cùng sung sướng, chỉ sợ không đủ sức diễn tả tinh thần Bác. Bác còn chỉ cảnh đẹp và khuyến khích họa sĩ vẽ. Bác từng hỏi họa sĩ Diệp Minh Châu: "Chú đã vẽ được gì chưa?", và động viên: "Chú cố vẽ đi nhé!". Những khi nghỉ việc, Bác còn đến xem họa sĩ vẽ và góp ý thân tình. Họa sĩ Diệp Minh Châu đã từng được Bác chỉ cho những cảnh đẹp. Bác kéo họa sĩ ngồi cạnh, chỉ qua khung cửa sổ để thấy mảnh trăng liềm vừa nhô khỏi núi, toả sắc xanh huyền ảo xuống những dãy rừng xa: "Của chú đây!".

Quý yêu nghệ sĩ, Bác nâng niu những tác phẩm của họ. Mọi lần có triển lãm mỹ thuật, dù bận mấy Bác cũng cố đi xem và cho những lời nhận xét chí tình. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Hội Văn hoá cứu quốc đã tích cực chuẩn bị một cuộc triển lãm văn hoá, và ngày 7-10-1945 Bác đã đến dự khai mạc. Sau khi xem những tranh bày ở đây, Bác nhận xét chân tình là có sự chuyển mình của họa sĩ, nhưng còn nhiều trăn trở, phải dứt khoát hơn nữa. Lời Bác kiên quyết mà thiết tha khiến ai nghe cũng thấm thía: "Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đã cố gắng tìm một đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất mà cứ muốn vút lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sinh hoạt rất ít". Bác nhắc lời của văn hào Lỗ Tấn về việc người trần mơ vào cõi tiên, thấy mãi cái đẹp không thay đổi mà phát chán, lúc đó mới quý cõi trần sinh động có sự ham mê của con người. Ở đây, Bác cũng khẳng định: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải là quan trọng ngang nhau: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá". Rõ ràng văn hoá ngang hàng với chính trị, thế nhưng một thời gian dài chúng ta lại cứ nghĩ văn hoá là theo sau và phục vụ chính trị. Trở lại đúng lời Bác, ta mới thấy Bác đánh giá cao văn hoá biết chừng nào...

NHỮNG NGÀY ĐƯỢC SỐNG BÊN BÁC

VŨ NĂNG AN

Trong đời tôi, đã có thời gian tôi vinh dự được làm việc bên Bác. Và đây là những ngày được phục vụ Bác khi Bác đi thăm mười nước cộng hoà Xô - viết tại Liên Xô vào mùa hè năm 1959. Đạo ấy, trên hai mươi ba số báo *Nhân dân* đã đăng bài báo với nhan đề *Cuộc nghỉ hè hai vạn ba nghìn cây số* gồm những ký sự được ghi lại nhân dịp Bác đi thăm Liên Xô và Trung Quốc. Tôi được phục vụ trong lúc Bác ở Liên Xô, nên chỉ kể lại phần này.

Thật là một cuộc nghỉ hè cũng vào loại "xưa nay hiếm". Có thể nói: ba mươi ngày "nghỉ" của Bác trên đất nước Xô - viết là ba mươi ngày... không nghỉ. Hầu như suốt một tháng, Bác làm việc liên tục. Có ngày vừa đi bằng máy bay, vừa bằng ô tô, vừa bằng tàu bẻ. Bác đi thăm các xí nghiệp, cơ quan, công trường, nông trường, nơi trưng bày mỹ thuật, khoa học, cung văn hoá, danh lam thắng cảnh... Hầu hết các buổi tối đều có chương trình xem phim hoặc sân khấu. Bác tham dự nhiều cuộc gặp mặt, khi thì ở Viện hàn lâm khoa học, Viện nghiên cứu kỹ thuật, khi thì tại nhà nghỉ của những người lao động và có những lần ở ngay đầu bờ ruộng ngô hoặc trong một vườn ươm, hoặc bên lề một rừng cây thực nghiệm. Tại vùng Cri-mê, có những cây do Bác trồng hồi ấy, chắc nay đã lớn. Bác đến đây vào mùa hè năm 1959 thì đầu xuân 1960, Bác mở hội "Tết trồng cây" đầu tiên ở ta.

Bác gặp lại những người xưa cảnh cũ, mà mấy chục năm trước, Bác đã từng quen.

Ở Liên Xô người ta quen thức khuya, dậy muộn. Bác thì cứ năm giờ sáng là dậy, sáu giờ bắt đầu chương trình làm việc mỗi

ngày. Biết như vậy, các đồng chí Liên Xô (cùng đi với Bác Hồ) cũng đôn đốc nhau dậy sớm. Giờ nghỉ buổi trưa Bác xem báo, nghe đài và đọc phần nhật ký mà anh em chúng tôi đã ghi hôm trước. Cuối buổi tối, Bác bảo ban anh em điểm lại công việc trong ngày và sắp xếp công việc cho ngày hôm sau. Chương trình đã đặt ra, dù gặp khó khăn, Bác vẫn kiên quyết thực hiện tốt.

Hành lý của Bác gồm có: một bộ quần áo ka ki (không kể bộ mặc ở người), hai bộ quần áo vải mỏng, hai bộ quần áo lót, vài cái khăn tay, vài quyển sách và đôi dép cao su đã cũ.

Bác luôn đúng giờ và liên tục hoạt động, nhưng Bác vẫn ung dung, thanh thản. Khi tiếp xúc với các bạn nước ngoài, Bác bình dị và vui. Tại những buổi chiêu đãi long trọng, có Bác dự, bầu không khí trở nên thân mật, vui vẻ. Trong bữa cơm hàng ngày, các đồng chí Liên Xô rất chú ý để sao cho hợp với tính tiết kiệm và tính giản dị của Bác. Tuy đi nghỉ, Bác vẫn nhắc nhở chúng tôi theo dõi tin tức trong nước và trên thế giới. Mỗi lần chúng tôi báo cáo xong, Bác tóm tắt mười ngày qua trên thế giới có những việc gì quan trọng. Hôm ấy, ngày 20-7, sau khi thăm thành phố Gô-ri, quê hương của đồng chí Xtalin, chiều về nhà nghỉ là buổi điểm tin. Bác nhắc lại cho chúng tôi nhớ một đoạn lịch sử của nước ta từ chiến thắng Điện Biên Phủ. Bác dạy: nhân ngày 20-7, phải nhớ nhiệm vụ của chúng ta là đấu tranh chống bọn Mỹ cướp nước và bọn tay sai bán nước, giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà. Bác căn dặn: phải luôn luôn nghĩ đến đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ở Liên Xô, từ các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân đối với Bác đều hết sức thân mật, yêu thương, kính trọng, nhất là thanh niên và nhi đồng, hễ thấy Bác là vui vẻ reo lên, rồi kéo nhau đứng quanh Bác. Tiếng hoan hô "Việt Nam muôn năm! Bác Hồ muôn năm" vang lên không ngớt. Tuy đi nghỉ hè, nhưng việc Bác đến thăm các nơi cũng có nhiều tác dụng. Bác đến đâu, thì báo chí nơi đó đều có những bài nói

về tình hình nước ta và đều có quay phim. Nhiều hình ảnh được quay vào phim trong dịp ấy đã được dựng vào phim *Người là Hồ Chí Minh*, bộ phim mà các đồng chí điện ảnh Liên Xô đã hoàn thành để tưởng nhớ Bác, và đã chiếu ở ta.

Để làm đúng ý muốn của Bác, là đón tiếp rất đơn giản, lại để thoả mãn yêu cầu của cán bộ và nhân dân, là được gặp Bác, các đồng chí địa phương đã có một biện pháp rất hay: hôm Bác đến thì tổ chức một bữa cơm gia đình, chỉ mười lăm, hai mươi đồng chí lãnh đạo đến dự. Trước hôm Bác đi, thì tổ chức một buổi biểu diễn văn nghệ, có khoảng một nghìn nhân dân và cán bộ đến xem.

Có đồng chí Liên Xô cùng đi, đã nói thân mật với anh Vũ Kỳ, thư ký của Bác, rằng: "Sau một tháng "nghỉ hè" như thế này, Bác cần nghỉ thực sự ba tháng".

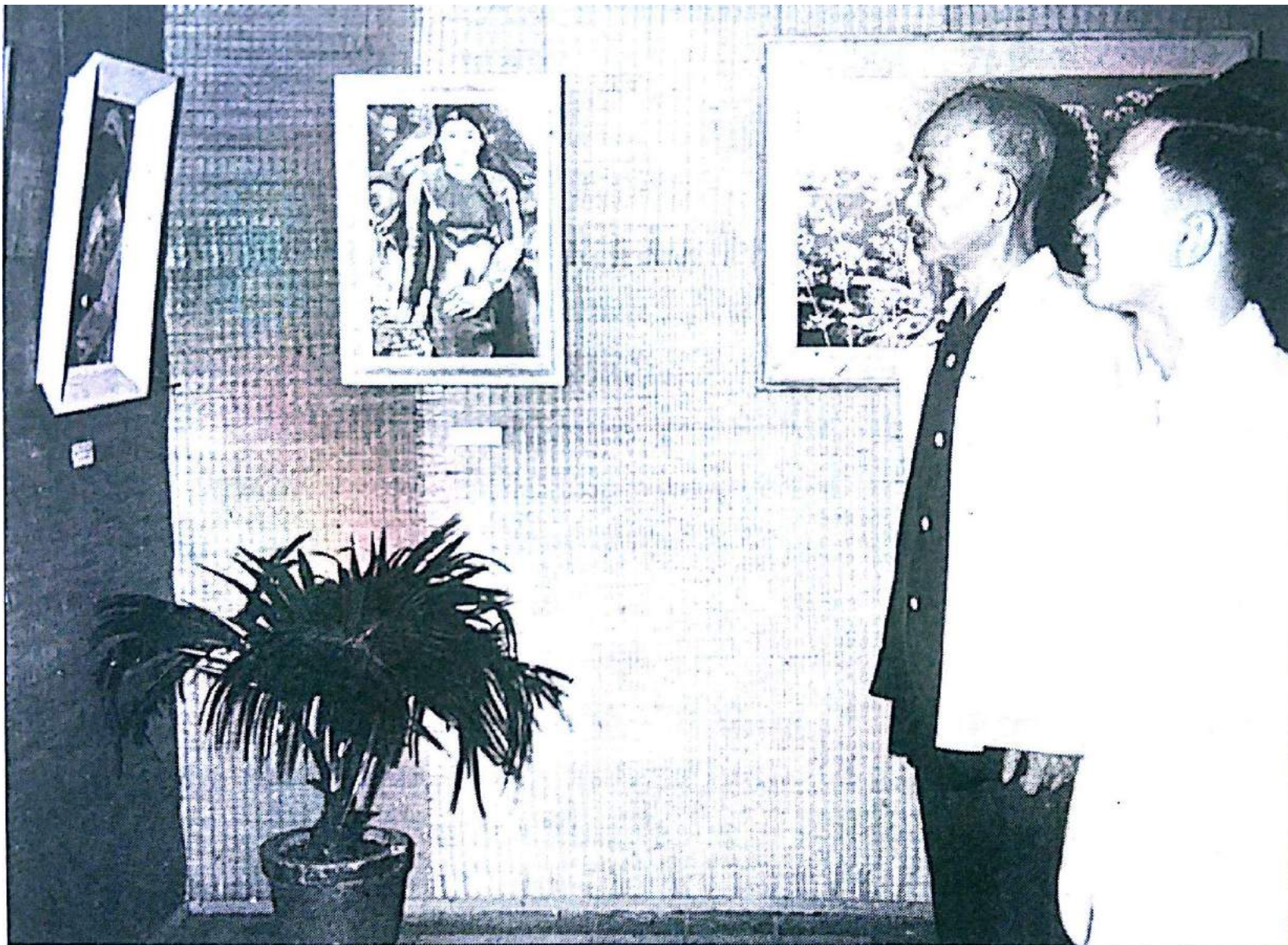
*

* *

Trong dịp đi thăm Liên Xô lần này, Bác đã đến xí nghiệp điện ảnh Môt-xphim tại Mát-xcơ-va. Sau khi xem những hoạt động tại một vài trường quay và một số phân xưởng kỹ thuật sản xuất Bác đã dừng chân ở phòng trưng bày truyền thống. Theo đề nghị của các đồng chí Liên Xô, Bác đã ký tên vào sổ vàng dưới dòng cảm tưởng ngắn gọn bằng tiếng Nga "*Rất lý thú*". Mấy hàng chữ ấy và chữ ký Hồ Chí Minh đã thành một niềm phấn khởi đặc biệt truyền nhanh đi khắp xưởng phim hôm ấy.

Trong khi thăm "Hội trưng bày những thành tựu Xô - viết trong 6 tháng đầu năm thứ nhất (1959) của kế hoạch 7 năm", Bác chăm chú nghe các chuyên gia điện ảnh Liên Xô trình bày tỉ mỉ một số vấn đề kỹ thuật. Đứng trước màn bạc xoay tròn xung quanh phòng "Xia-cô-ra-ma", Bác nói: "Mình có cảm tưởng như cũng trực tiếp tham gia hoạt động với người trên màn ảnh".

Khi Bác đến thăm gia đình của đồng chí Xu-xlốp và đồng chí Brê-giơ-nhi-ép (lúc ấy đều là bí thư Trung ương Đảng Cộng



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm mỹ thuật toàn quốc
lần IV (24/10/1962) - Ảnh: Đinh Đăng Định - BTHCM

sản Liên Xô) đang nghỉ hè tại Y-an-ta, người con trai của đồng chí Xu-xlốp chụp ảnh kỷ niệm cuộc gặp gỡ thân mật này bằng một máy ảnh mang nhãn hiệu "Hoả tốc". Chụp xong có ảnh xem ngay. Bác chỉ vào cái máy ảnh cũ, tôi đang dùng, và Bác nói vui: "Máy ảnh của chú An chưa "hoả tốc", thì chú đưa ảnh sau vậy. Nhưng phải có ảnh tốt đấy và đừng quên gửi đủ ảnh cho mọi người trong ảnh nhé". Nghe Bác nói, mọi người đều cười vui vẻ.

Bác đã xem nhiều bộ phim tài liệu giới thiệu đất nước và con người Xô - viết. Tại Tuyéc-mê-ni, do thời tiết xấu, không tiện đi thăm tận nơi những công trình dẫn nước và trồng trọt trên sa mạc Ca-ra-cum, Bác đã yêu cầu xem phim tài liệu khoa học ghi công cuộc kiến thiết vĩ đại này.

Đến mỗi nước, Bác đều xem phim thời sự. Một hôm phim thời sự có đưa tin nhanh về Phó Tổng thống Mỹ - lúc ấy là Ních-xơn đến Mát-xcơ-va khai hội trưng bày của Mỹ. Sau buổi xem phim này, Bác lấy một tờ nhật báo Liên Xô Bác mới xem hồi trưa, và bảo chúng tôi đọc mấy dòng tin trên trang báo, như sau: "Ních-xơn cùng mấy phóng viên Mỹ đi thăm chợ, nói chuyện với Va-xi-li là một công nhân Liên Xô. Rồi Ních-xơn móc túi lấy ra một tờ giấy bạc một trăm rúp đưa cho anh Va-xi-li, trong lúc đó các phóng viên Mỹ chuẩn bị sẵn sàng để chụp một bức ảnh có thể ghi chú là: "Ních-xơn cho tiền, Va-xi-li lấy tiền". Nhưng Va-xi-li nói: "Tôi không cần tiền của ông, tôi làm việc và lương tôi đủ cho tôi tiêu dùng".

Đọc xong tin này, chúng tôi thưa với Bác: "Phó Tổng thống Mỹ Ních-xơn và bọn phóng viên Mỹ bị bẽ mặt quá". Bác điềm đạm nói rằng: "Bẽ mặt và ngốc thật. Nhưng bọn Ních-xơn thì dù đánh chết, nết không chừa!". Quả vậy, bây giờ thì không chỉ là chuyện "bẽ mặt và ngốc nữa". Tổng thống Mỹ Ních-xơn là tên "kẻ cướp hung bạo đối với các dân tộc" và "tên độc tài phát xít đối với nhân dân Mỹ".

Một hôm, trên tàu barge "Đô đốc Na-khi-mốp" vượt biển Đen chạy tới Xô-xy, Bác đã tiếp đồng chí trưởng tàu là một anh hùng

lao động, trước đây đã làm trưởng tàu "Tu-áp-sê". Có một lần, tàu này đi gần vịnh Đài Loan bị bọn Tưởng Giới Thạch đánh cướp và nhân viên trên tàu bị bắt làm tù binh. Bọn Mỹ - Tưởng dùng mọi cách uy hiếp dụ dỗ, buộc họ đầu hàng. Song những người trên tàu đã kiên quyết đấu tranh, cuối cùng Mỹ - Tưởng phải thả họ. Thế là tình cờ Bác cháu chúng tôi đã gặp một nhân vật của câu chuyện đã được Xưởng phim Lê-nin-grát dựng thành bộ phim truyện *Biến cố phi thường*. Được biết Bác đã xem bộ phim này, đồng chí trưởng tàu càng thêm hào hứng kể lại chuyện cũ...

Những ngày được sống bên Bác là những ngày hạnh phúc nhất, những ngày mãi mãi còn giữ ấn tượng mạnh nhất về tư tưởng và tình cảm trong cuộc đời công tác của tôi.

NGUYỄN HỒNG NGHI VÀ NHỮNG TẤM ẢNH ĐẦU TIÊN ĐƯỢC CHỤP BÁC HỒ

DƯƠNG TUẤN HOA

Sau khi Khu 12 sáp nhập với Liên khu I, gọi chung là Liên khu I (bao gồm các tỉnh khu Việt Bắc), các loại hình nghệ thuật như mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, nhiếp ảnh... đều được huy động vào công tác tuyên truyền, phục vụ kháng chiến. Ông Nguyễn Hồng Nghi lúc đó đang hoạt động trên lĩnh vực bình dân học vụ cũng được điều về làm Trưởng ban Nhiếp ảnh thuộc Sở Thông tin - Tuyên truyền khu. Công tác mới này rất hợp với sở trường nghiệp vụ của ông.

Công việc đầu tiên của Ban Nhiếp ảnh là phải có cơ sở vật chất, nơi phóng ảnh và tìm thêm một vài anh em nữa cùng làm.

Từ Hà Nội lên Việt Bắc, Nguyễn Hồng Nghi có mang theo một số phim chụp về bình dân học vụ, nhưng để có thể làm một tập ảnh, ông chụp thêm các hình ảnh mới ở Việt Bắc để bổ sung cho đề tài này. Nói là tập ảnh nhưng chỉ vắn vện có trên 20 tấm khổ 6 x 6 (in bằng khung nhỏ với ngọn đèn dầu hoả) dán trên tập giấy giang dùng cho học trò. Đó là chuyện của một ngày đầu năm 1948. Tuy về hình thức, tập ảnh thật giản dị, mộc mạc, nhưng ông Nghi đã hoàn thành với tất cả lòng trân trọng của một người cán bộ kháng chiến. Ông vui sướng gửi biếu Bác Hồ tập ảnh này, kèm theo một bức thư đề nghị xin phép chụp ảnh Người. Ý định là như vậy, nhưng ông cảm thấy cứ hồi hộp và đắn đo mãi. Sau cùng ông mạnh dạn nhờ ông Lê Đức Thọ chuyển giúp lên Người.

Ít lâu sau, ông Nghi nhận được một tấm ảnh chân dung Bác Hồ có chữ đề tặng anh chị em giáo viên bình dân học vụ do Bác viết. Người còn gửi cho ông Nghi tấm danh thiếp. Toàn văn tấm danh thiếp đó như sau:

Gửi ông Nguyễn Hồng Nghi (Liên khu I). Cảm ơn chú đã gửi biếu tôi một tập ảnh, rất tốt. Tiếc vì tôi bận việc, chưa có thể gặp chú. Vậy tôi gửi một bức ảnh tặng chung cả anh chị em giáo viên bình dân học vụ. Nếu có thể, thì chú in thành nhiều bản, rồi gửi cho các nam nữ giáo viên.

Hồ Chí Minh.

Chào thân ái và quyết thắng

8/48

Tấm danh thiếp đó hiện vẫn được gia đình ông Nghi lưu giữ cẩn thận. Có điều, vì lâu ngày, các góc của tấm danh thiếp không còn nguyên vẹn. Tôi có nhờ anh Nguyễn Vinh Quang, con trai ông, cũng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh, chụp lại để trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Một thời gian sau, ông Hồng Nghi được cử đến chụp ảnh tại một hội nghị cán bộ Trung ương. Ông được đến sớm để chuẩn bị. Ông quan sát những căn nhà khá khang trang, tuy chỉ được cất lên bằng tre nứa. Nhìn sang phía đầu rừng nứa, ông Nghi thấy một ông cụ mặc quần áo nâu đang đứng nói chuyện với một số đồng bào địa phương. Ông bước lại gần, mới nhận ra là Bác Hồ. Bác hơi gầy, đôi mắt sáng, cử chỉ thật nhanh lẹ. Ông Nghi cứ đứng ngây người ra nhìn Bác, một hồi lâu mới trấn tĩnh lại và nghĩ đến công việc của mình là cần ghi lại tấm ảnh của vị Cha già với nhân dân địa phương. Đó chính là tấm ảnh đầu tiên ông chụp Bác Hồ.

Ngay sáng hôm sau, ông Nghi tìm gặp ông Lê Đức Thọ đề nhờ thưa với Bác cho ông được chụp ảnh chân dung Người. Hồi đó, ông quan niệm chụp chân dung là phải bố trí. Ông Thọ trả lời: "Tôi đã báo cáo với Bác rồi. Tùy anh chụp, nhưng đừng làm Bác mệt".

Ông Nguyễn Hồng Nghi luôn quanh quẩn ở gần hội trường. Có một lần, ông thấy Bác ra suối gần đó, ngồi trên bè nửa rửa mặt. Ông đánh bạo lội chèo đến phía Bác ngồi, ngắm khuôn hình sẵn sàng, chờ Bác ngẩng lên thì bấm máy. Tuy vậy, trong bụng ông vẫn sợ Bác phê bình: Bác ra suối rửa mặt mà chú cũng chụp! Song, ông không thấy Bác nói gì cả nên mới yên tâm.

Quãng 9, 10 giờ sáng, ông Nghi qua căn nhà nhỏ lối hội trường, thấy Bác Hồ đang ngồi đánh máy. Mấy phía cửa đều được chống lên bằng liếp để ánh sáng lọt vào. Lối cửa ra vào cũng mở sẵn, ai đi qua cũng nhìn thấy. Sáng nay, ở ngoài suối, lúc loay hoay ngắm chụp ảnh, Bác có biết, nên lần này ông Nghi đã bạo hơn. Vừa bước vào cửa, ông liền thưa:

- Thưa Bác, xin phép Bác cho cháu chụp bức ảnh Bác đang làm việc.

Bác vẫn đánh máy, trả lời:

- Ủ, việc Bác Bác làm, việc chú chú làm!

Ông hiểu rằng, Bác Hồ cho ông được tự do chụp, muốn chụp bao nhiêu cũng được. Nhưng ông chỉ chụp hai kiểu. Đứng tần ngần một lúc ông cảm ơn Bác Hồ rồi trở ra. Lúc đó ông thấy tiếc vô cùng vì phim mang từ Hà Nội ra quá ít.

Sáng hôm sau nữa, ông thấy Bác thăm mấy căn nhà làm gần hội trường. Bác vẫn mặc quần áo nâu, vẻ thư thái. Đi theo sau có ông Trần Duy Hưng và một vài người nữa. Chờ dịp, ông Nghi liền nhờ ông Hưng thưa với Bác cho phép ông chụp bức chân dung Bác.

Ông Nghi rất sung sướng, vì được Bác đồng ý ngay. Ông có cảm tưởng là Bác còn nhớ lời đề nghị của ông trước đây mà ông chưa được thực hiện. Ông vội vàng kéo cái ghế tựa duy nhất trong ngôi nhà, đặt ghế mời Bác ngồi. Cự li của ống kính gần nhất có 1m50, ông đặt máy lên chân rồi quyết định tốc độ 1/10 giây và mở ống kính hết cỡ.

Ông sợ làm phiền Bác lâu nên vừa lấy khuôn hình vừa đưa một chiếc máy khác nhờ người bạn ghi lại tấm hình cảnh ông

chụp ảnh Bác khi đó. Chiều hôm ấy, ông chuẩn bị để buổi tối tráng phim đã không phụ ông. Chỉ khi đó ông mới yên tâm ngủ ngon lành cho tới sáng... Tấm ảnh ông chụp Bác vẫn được lưu giữ đến ngày nay, trở thành kỷ niệm vô giá đối với ông.

Có được những tấm ảnh chụp Bác Hồ kính yêu, ông Nghi quyết định làm một cuộc triển lãm về Người và hoạt động bình dân học vụ. Đó là cuộc triển lãm đầu tiên ở Việt Bắc năm 1950 với ngót 100 ảnh. Riêng loạt phim về Bác được ông phóng ra ảnh cỡ 18 x 24. Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, đó là cỡ ảnh to nhất. Tấm ảnh Bác Hồ đang đọc sách ở Việt Bắc là một trong những tác phẩm gây ấn tượng mạnh mẽ, đã nhiều lần công bố trên sách báo và năm 1990 được Hội Nhiếp ảnh thành phố Hồ Chí Minh trao Giải Nhất cuộc thi ảnh chụp Bác Hồ nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người. Nhưng có một điều cứ làm ông ân hận mãi - cũng chỉ vì do lúc đó nhận thức còn ấu trĩ mà thôi, ông đã tự tay huỷ bỏ âm bản ảnh Bác Hồ mặc quần đùi ngồi trên bè nứa rửa mặt. Ông nghĩ: nếu bày bức ảnh đó ra là vô lễ đối với Bác. Bây giờ nhớ lại, ông cứ tiếc mãi vì đã bỏ mất một hình ảnh độc đáo, nói lên đức tính bình dị của Bác kính yêu.

NHỚ LẠI NGÀY BÁC ĐẾN THĂM TRIỂN LÃM ẢNH NGHỆ THUẬT LẦN THỨ IV

NGUYỄN ĐỨC VÂN

Triển lãm ảnh nghệ thuật lần thứ IV do Ban liên lạc nghệ thuật nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức tại Hà Nội nhân dịp Quốc khánh năm 1962. Nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách nước ngoài đã đến xem triển lãm. Không ai bảo ai nhưng chúng tôi đều thầm mong và hy vọng sẽ được Bác đến thăm, ngày vinh dự đó đã đến. Chúng tôi nhớ rõ hôm đó là thứ tư 12-9-1962.

Bác bước vào phòng triển lãm. Anh em chúng tôi bàng hoàng cảm động vỗ tay chào mừng. Bác lần lượt đi xem từng bức ảnh. Xem đến đâu Bác có ý kiến nhận xét đến đấy. Bác dừng lại hỏi thêm ý kiến mọi người. Anh em chúng tôi rất hồi hộp khi Bác tới xem những tấm ảnh của mình và mong được Bác nhận xét. Đặc biệt là đến khu vực dành riêng cho những tấm ảnh từ miền Nam gửi ra, Bác dừng lại rất lâu, xem kỹ từng bức một, hỏi han cặn kẽ về tác giả, về nội dung các bức ảnh.

Khi xem bức *Kết quả khai hoang*, Bác khen nội dung tốt nhưng bố trí nhiều quá, mất tự nhiên, kém sinh động, làm cho người xem có thể ngờ vực về các sự việc ghi trong ảnh.

Xem bức *Nữ dân quân*, người trong ảnh trông rất đẹp, Bác hỏi vui: “Đây là dân quân thật hay đóng giả?”.

Bức *Tuổi thanh xuân* miêu tả một cô gái thành thị đội nón, mặc áo sơ mi trắng, cổ lá sen có rua hoa, ảnh chụp nửa người,

đặc tả bộ mặt xinh xắn và tươi. Bác góp ý là cô gái này tuy đẹp nhưng không có vẻ Việt Nam.

Xem bức ảnh tháp Phổ Minh, chụp qua vòng cửa nhà để bia, ống kính góc độ hơi hẹp nên không lấy được toàn bộ hình tháp, Bác nói: “Tháp gì mà cụt cả đầu lẫn chân thế kia?”.

Đến bức ảnh *Phong cảnh Sa Pa* trên có đề mấy câu thơ chữ Hán. Bác hỏi:

- Đây là ảnh hay tranh?

Chúng tôi trả lời:

- Thưa Bác, đây là ảnh ạ.

- Là ảnh - Bác nói tiếp - sao lại bắt chước tranh?

Sau khi xem ảnh xong, Bác ngồi vào chỗ dành cho đồng bào xem triển lãm ghi cảm tưởng. Trên bàn đã để sẵn quyển sổ vàng. Anh Đinh Đăng Định đề nghị Bác ghi mấy chữ vào đó.

Bác từ chối và giơ tay vẫy chúng tôi lại gần. Đồng chí thay mặt Ban tổ chức trình bày với Bác về tình hình chuẩn bị và nội dung của cuộc triển lãm. Bác hỏi về cách làm việc của ban chọn ảnh, về cảm tưởng của quần chúng khi xem triển lãm, và sự tiến bộ của anh chị em nhiếp ảnh. Bác cũng không quên hỏi trong triển lãm này có bao nhiêu phụ nữ tham gia? Bác động viên anh em chúng tôi nên cố gắng; về tiền bạc cũng như về người cần tiết kiệm vì nhân dân ta còn nghèo.

Trong triển lãm này, Ban tổ chức có in quyển danh mục triển lãm, các tem kỷ niệm tặng cho những ảnh được trưng bày và một số phiếu ghi cảm tưởng. Bìa quyển danh mục có in một ống kính máy ảnh (chụp thực), màu đen, đặt trên một nền trắng có vẽ các vòng tròn màu xanh, đỏ, vàng chằng chịt. Còn tem kỷ niệm triển lãm có vẽ một mắt kính trông như lòng đen của con mắt, nửa trắng, nửa đen, với các đường vòng tròn trông rất “hiện đại”...

Khi xem bìa quyển danh mục, Bác phê bình là “vẽ lằng nhằng như bụi nhùi”, còn tem kỷ niệm triển lãm, Bác kêu: “Con mắt gì mà dữ tợn thế?”. Trông thấy tập phiếu ghi cảm tưởng ở

gần đó, Bác nói luôn: “Chữ phiếu dùng không đúng, người ta dùng chữ *phiếu* cho *phiếu* mua thực phẩm, *phiếu* đường, *phiếu* thịt...”. Các nhận xét của Bác làm anh em chúng tôi suy nghĩ và là bài học sâu sắc đối với chúng tôi.

Bác hỏi luôn trong triển lãm này có bức ảnh nào thuộc loại lập thể (*cubisme*) hay vị lai (*futurisme*) không? Chúng tôi đáp: “Thưa bác không có ạ”. Bác nói tiếp: “Các tranh ảnh thuộc trường phái kể trên rất khó hiểu và ngay đến các nhà chuyên môn có khi cũng không hiểu nổi”.

Tiếp theo đó, Bác nói chuyện cho chúng tôi nghe về cuộc đời làm thợ ảnh của Bác hồi ở Pháp, bị bọn chủ hiệu ăn bớt, bóc lột, về sự giúp đỡ của cụ Phan Chu Trinh dạy Bác học nghề. Bác còn nói đến vấn đề rửa phim và ảnh, dạy cho chúng tôi cách rửa ảnh sao cho đẹp, sao cho phù hợp với từng đối tượng, từng lứa tuổi.

Chợt Bác thấy tôi và một đồng chí nữa đang ghi chép các lời Bác nói, Bác hỏi: “Các chú làm gì đấy? Đây là Bác nói chuyện chứ không phải huấn thị, các chú không được ghi!”. Chúng tôi vội lùi lại phía sau, nhưng không dám bỏ qua một lời nào của Bác.

Đề cập đến vấn đề nội bộ, Bác hỏi: “Có phải các chú không ai chịu ai?”.

Bị hỏi một cách bất ngờ, chúng tôi chưa biết trả lời thế nào thì Bác nói tiếp: “Các chú phải đoàn kết thương yêu lẫn nhau, lo lắng cho nhau, đừng kèn cựa nhau về địa vị”.

Trước khi ra về chắc Bác hiểu nguyện vọng của anh em chúng tôi, nên đã vui lòng ghi vào quyển sổ vàng của Ban liên lạc những lời sau đây:

Các cô, các chú phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.

Chào thân ái.

BÁC HỒ
12-9-1962

BÁC HỒ GIAO CHO TÔI LÀM BỨC TRƯỞNG

HUỲNH VĂN THUẬN

Giữa năm 1959, Bác Hồ cử anh Chúc tới nhà 120 Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, nay là 237 phố Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội đón tôi lên gặp Người. Tôi vừa bước vào phòng khách đợi thì đã nghe tiếng guốc vọng ngoài hiên nhà và Người đã xuất hiện giữa khung cửa phòng khách đi vào. Tôi vẫn đứng cuối mép bàn phía trong cúi chào Người. Bác gọi tôi là chú Mỹ thuật và nói: Bác giao chú làm bức trướng thêu to bằng chiếc chiếu đôi, nội dung là "Tình hữu nghị Việt - Trung vạn cổ trường thanh", bằng hai thứ chữ Nho và Quốc ngữ, gồm các dòng sau: *Chúc mừng quốc khánh lần thứ 10 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; Tình nghĩa Việt - Hoa muôn đời tươi đẹp; Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kính tặng.* Bác kẻ viết toàn bộ chữ Nho. Tôi thiết kế bố cục, kẻ viết chữ Quốc ngữ và trang trí hoa văn (hoa sen dây) cùng màu sắc cho thêu - màu chủ đạo là vàng đỏ (nền đỏ chữ vàng). Bốn góc hoa văn đều có biểu tượng búa liềm thể hiện ý Bác là bốn phương vô sản.

Bác cho phép tôi chủ động thời gian thể hiện ý đồ nội dung trên. Bức trướng là biểu tượng văn hoá, vẻ đẹp truyền thống, cao quý trang nghiêm nên tôi suy nghĩ, toàn bộ bố cục thiết kế theo phong cách đứng đắn, chân phương giản dị mà đẹp, hài hoà với chữ Nho kiểu triện, thì chữ Quốc ngữ viết hoa phải có chân cũng như viết thường ngã đầu sang phải đều, gồm nét đậm, thanh và

màu phải là vàng son lộng lẫy. 9 giờ sáng hôm sau, tôi lên trình với Bác phác thảo bằng kích thước thật (1,6 x 2,0m) và trang trí thiết kế hai đầu trục gỗ (sơn then) treo tường. Bác xem và góp ý kiến. Ở dòng chữ quốc ngữ "*Chúc mừng quốc khánh lần thứ 10 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Quốc...*" - còn bút tích của Bác gạch chữ "quốc" thay vào chữ "Hoa" (nhân dân Trung Hoa). Dòng chữ Nho kiểu triện "*Tình hữu nghị Việt - Trung vạn cổ trường thanh*" do Bác thiết kế nét ngang bằng sỏ thẳng bằng thước kẻ học trò đặt trong bố cục chung, so với chữ Quốc ngữ "*Tình nghĩa Việt - Hoa*"... hơi mảnh nét. Đón ý, tôi thưa với Bác để thêm mỗi bên nét 1 ly và Bác đồng ý. Bác còn thêm: để cho nổi cân viên ngoài cùng màu sẫm bốn chung quanh bức trướng.

Một lần nữa Bác cho phép tôi chủ động thời gian. 15 giờ cùng ngày tôi đã lên trình với Bác phác thảo đã sửa chữa. Bác tỏ ý hài lòng và hỏi: "Chú có biết chữ Nho không?". "Dạ thưa Bác cháu không thạo" - Tôi trả lời Người. Và Bác giao: "Thôi chú trông coi thôi".

Anh Chúc chủ động tìm hiệu thêu ở phố Huế và hiệu tiện gỗ, rồi báo cho tôi biết địa chỉ để theo dõi. Tôi đến gặp và góp ý kiến với thợ thêu chọn vải lụa và chỉ tơ cho đúng với màu của phác thảo được thông qua. Yêu cầu họ thêu đúng nét chữ Nho Bác viết, nhất là những xơ bút. Rồi tôi đi gặp thợ tiện và yêu cầu họ khi tiện gỗ cần tiện đúng trang trí kích thước hai đầu trục suốt bằng gỗ mít thật khô, không nứt (sơn then) để đựng bức trướng.

Tôi có vinh dự lớn được Bác Hồ trực tiếp giao việc, cũng nhờ đó tôi học tập ở Người nhiều điều, đó là ngay từ đầu phải biết tạo không khí gần gũi trước khi vào việc, thật sự tin cán bộ, dành chủ động trong chuyên môn cũng như sắp xếp theo thời gian và nhất là những ý kiến đóng góp xác đáng về nghệ thuật.

Suốt đời tôi không thể nào quên những ngày ấy giữa năm 1959.

HÌNH TƯỢNG BÁC HỒ TRÊN TEM VIỆT NAM

THỌ TỪ

Với lòng tôn kính và tôn vinh Vị Cha già của dân tộc, ngay từ sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được khai sinh, Ngành Bưu chính nước ta đã trân trọng đưa chân dung Bác Hồ lên bộ tem đầu tiên của quốc gia vừa giành được tự do - độc lập, phát hành đúng vào ngày Quốc khánh 2-9-1945. Đó là bộ tem Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm 5 mẫu tem mang mã số (MS) từ 01 đến 05 cùng có khuôn khổ (KK) 25x35, mang các màu: xanh lá cây, vàng đất, đỏ tươi, xanh lam và tím Huế. Hoạ sĩ Nguyễn Sáng là người được nhận vinh dự thiết kế trình bày bộ tem có chân dung Bác Hồ đầu tiên, và cũng là bộ tem đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tự thiết kế và in ấn.

Nhưng, bộ tem trên chưa phải là bộ tem mừng sinh nhật của Bác Hồ. Để nói lên niềm tri ân của nhân dân đối với vị lãnh tụ cao cả, và ước mong Bác được trường thọ để sống mãi cùng với dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cứu nước và giữ nước; những bộ tem đặc biệt của Bưu chính Việt Nam được phát hành nhân dịp 19-5 (ngày sinh của Bác) trong các năm sau đó như những lời chúc thọ thành tâm nhất.

Bộ tem kỷ niệm lần thứ 59 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát hành vào năm 1949, gồm 2 mẫu tem mang MS 06 (màu nâu nhạt) và 07 (màu đỏ tươi), KK 28x43, cũng do hoạ sĩ Nguyễn Sáng vẽ, được in typo một màu trên giấy dó

lựa loại tốt tại Nhà tin Trung ương Việt Bắc, có tờ mỏng, tờ dày, màu hơi tối và xốp, chính là bộ tem mừng sinh nhật Bác Hồ đầu tiên. Các mẫu tem trong bộ tem (được in chữ Bưu chính đầu tiên) này, về sau được in đề giá mới (50 đồng), và giá thóc (0kg100 thóc).

Hai năm sau, vào năm 1961, bộ tem Kỷ niệm lần thứ 61 ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 3 mẫu MS từ 8-10, KK 40x26, do họa sĩ Bùi Trang Chước vẽ. Các mẫu tem: 8 màu xanh, giá mặt (GM) 100 đồng; 9 màu nâu, GM 100 đồng; 10 màu đỏ, GM 200 đồng, đều mang hình ảnh chân dung Bác Hồ bên cạnh bản đồ Tổ quốc, và một ngôi sao lớn đang rực sáng. Bộ tem này được in hai chữ Bưu điện thay cho Bưu chính. Vào năm 1954, bộ tem này trở thành bộ tem in đề vì thiếu cước đầu tiên do Bưu điện Việt Nam phát hành. Do vào năm 1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập và phát hành tiền Ngân hàng thay thế dần tiền do Bộ Tài chính phát hành từ 1-12-1945, cứ 1 đồng Ngân hàng = 10 đồng tiền Bộ Tài chính, nên Bưu điện đã in đề giá tiền mới thay cho giá tiền cũ trên 3 mẫu tem này. Riêng dấu in đề trên tem thiếu cước là 2 chữ "TT" nằm trong khung hình thoi, được in thủ công, và thường có màu đỏ, hoặc tím, nâu, đen.

Mãi đến 6 năm sau, đúng vào ngày 19-5-1957, bộ tem Kỷ niệm 67 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 4 mẫu tem cùng KK 28x37 tuân tự như sau: MS 74 màu xanh biển, GM 100 đồng; MS 75 màu nâu non, GM 300 đồng; MS 76 màu xanh cẩm thạch, GM 20 đồng; và MS 77 màu vàng chanh, GM 60 đồng. Hai mẫu tem MS 76 - 77 được phát hành muộn hơn vào ngày 13-12 cùng năm. Bộ tem đưa ảnh chân dung Bác Hồ thật rõ đẹp, do họa sĩ Ngô Tôn Đệ thiết kế theo ảnh chụp của nhiếp ảnh gia Đinh Đăng Định, được in ốp-sét một màu tại Nhà in Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Chúng ta có thể nhìn thấy vầng trán cao cao cùng đôi mắt, và nét mặt ẩn chứa đầy niềm trăn trở suy tư của Bác trước vận mệnh của đất nước và cuộc sống của nhân dân.

Vào ngày 19-5-1960, Bưu chính Việt Nam phát hành bộ tem Kỷ niệm 70 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, và đây là bộ tem mừng sinh nhật của Bác có nhiều khác biệt - rất đặc biệt so với các bộ tem những năm trước, do họa sĩ Nguyễn Thế Vinh thực hiện. Bộ tem gồm 3 mẫu mang MS từ 171-173. Hai mẫu tem 171 (màu nền vàng, xanh, hồng, đen, GM 12 xu) trong bộ, mang tên *Thiếu nhi chúc thọ Bác*, có KK 29x43, đưa hình ảnh Bác đang tươi cười, tay ôm các cháu thiếu nhi đang dâng lên những đoá hoa sen hồng thơm ngát. Đặc biệt, bộ tem này còn có thêm 2 blocco tem không đục răng mang MS 70B1 - blocco 2 và 70B2 - blocco 3. Trên blocco 2 đưa lại hình ảnh Bác giống như trên các mẫu tem 171 - 172, GM 10 xu, KK 59x85, nhưng nền tem lại được thay màu vàng, phía dưới có chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Blocco 3 đưa lại hình ảnh Thiếu nhi chúc thọ Bác từ mẫu tem 173, GM 10 xu, KK 58x78, nổi lên trên một nền vàng kem nhạt.

Mừng thọ Bác vào năm 1965, ngày 19-5, bộ tem Kỷ niệm 75 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát hành gồm 2 mẫu tem: MS 404 (giá mặt 6 xu, nền xanh ngọc) và 405 (giá mặt 12 xu, nền vàng) cùng KK 29x39, do họa sĩ Trịnh Quốc Thụ vẽ.

Năm năm sau, lại thêm một lần phát hành đặc biệt: bộ tem Kỷ niệm 80 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành vào ngày 19-5-1970 gồm 3 mẫu tem cùng KK 32x44 mang MS từ 665-667, đồng thời phát hành kèm thêm 2 blocco đặc biệt mang MS 239B1 - blocco 10, và 239B2 - blocco 11, đều do họa sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế. Đây là bộ tem phát hành khi Bác đi xa qua bên kia bầu trời đã 8 tháng (Bác Hồ mất vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 thọ 79 tuổi trong niềm tiếc thương đau buồn khôn nguôi của nhân dân Việt Nam). Mẫu tem 665 GM 12 xu, đưa chân dung vị lãnh tụ cách mạng Nguyễn Ái Quốc, mẫu 666 GM 12 xu, là hình ảnh Bác đang đọc *Tuyên ngôn độc lập* trước Quảng trường Ba Đình vào ngày 2-9-1945; và mẫu 667 GM 2

đồng đưa lại ảnh chân dung Bác ở tuổi "thất thập cô lai hy". Cả 2 block tem đặc biệt đều không đục răng, cùng KK 133x93, GM 30 xu, thiết kế lại 3 mẫu tem trong bộ nổi lên trên một nền màu hồng nhạt (block 10) và vàng sáng (block 11) có điểm hoa văn chìm là những dòng bút tích của nhà văn hoá lớn - nhà lãnh tụ Hồ Chí Minh và phía dưới đều có chữ ký của Bác Hồ.

Chỉ một năm sau đó, bộ tem Kỷ niệm 87 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành đúng vào ngày sinh nhật Bác, gồm 4 mẫu tem hình vuông (40x40) có mẫu số từ 701-704, khác nhau giá mặt và màu sắc, nhưng hình ảnh thì cùng mang Huy hiệu Hồ Chí Minh với hình Bác nhìn nghiêng, và phía dưới có đề bốn chữ "Người tốt việc tốt". Phát hành kèm theo bộ tem này là block 12 không răng, KK 90x130 GM 12 xu, hình ảnh huy hiệu Hồ Chí Minh đỏ - vàng nổi bật trên màu nền kem nhạt. Bộ tem do họa sĩ Bùi Trang Chước thiết kế.

Vào năm kế tiếp 1972, cũng vào ngày 19-5 bộ tem Kỷ niệm 82 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem có cùng KK 40x33, cùng GM 12 xu, mang mẫu số 748 và 749 được phát hành như nén nhang thơm thành kính thắp lên để tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Người. Lần phát hành này Ngành Bưu chính đã có tư duy thay đổi về nội dung giao cho họa sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế thực hiện bộ tem theo hướng trở về cội nguồn của một danh nhân. Mẫu 748 đưa hình ảnh làng Sen - Kim Liên ở Nghệ An, nơi Bác được sinh ra và lớn lên. Mẫu 749 là hình ảnh ngôi nhà sàn bình dị của Hồ Chủ tịch ở Thủ đô Hà Nội nơi Bác sống và làm việc lúc sinh thời.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước vừa được thống nhất, vào ngày 19-5-1975, bộ tem Kỷ niệm 85 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem cùng KK 28x42, mang mẫu số 868 (giá mặt 12 xu) và 869 (giá mặt 60 xu), được phát hành rộng rãi khắp ba miền của Tổ quốc. Trên tem là hình ảnh Bác Hồ tươi cười trong bộ ka-ki vàng chanh, đưa tay vẫy chào

đồng bào cả nước, gọi cho chúng ta nghĩ đến lời bài hát *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* cùng nhịp điệu hân hoan và đầy xúc động. Bộ tem một lần nữa cũng do họa sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế.

Ngày 19-5-1978, bộ tem Kỷ niệm 88 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch được phát hành, gồm 2 mẫu tem: mẫu số 1081 (GM 10 xu, KK 29x40, do hai họa sĩ Trần Lượng và Đặng Quý Quyền thiết kế) đưa hình ảnh Bác bắt nhịp bài ca *Kết đoàn*, mẫu số 1032 (GM 12 xu, KK 44x28, do họa sĩ Đỗ Việt Tuấn thiết kế) đưa hình ảnh Lăng Bác - nơi Bác yên nghỉ ngàn thu.

Hai năm sau, ngày 19-5-1980, bộ tem Kỷ niệm 90 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch gồm 2 mẫu tem cùng KK 29x41, mang mẫu số 1163 (GM 12 xu) và 1164 (GM 40 xu) được phát hành tiếp nối. Mẫu tem 1163 đưa chân dung nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn Ái Quốc vào năm 1925. Mẫu 1164 đưa chân dung Hồ Chủ tịch vào những năm Bác sống cuối đời. Bộ tem do họa sĩ Trịnh Quốc Thụ thiết kế, trình bày.

Đến 5 năm sau, vào ngày 19-5-1985, Bưu chính Việt Nam tiếp tục phát hành tem mừng sinh nhật Bác bằng bộ tem Kỷ niệm 95 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, gồm mẫu tem mẫu số từ 1621-1663 (KK 50x40) và 1624 (KK 40x50), kèm thêm một block 38 KK 76x100, đều do họa sĩ Nguyễn Hiệp vẽ. Mẫu 1621 có GM 1 đồng, đưa hình ảnh Bác Hồ quan sát trận địa, mẫu 1622 - GM 2 đồng, hình ảnh Bác Hồ đọc sách; mẫu 1623 - GM 4 đồng là chân dung Hồ Chủ tịch; mẫu 1624 - GM 5 đồng là hình ảnh Bác làm việc ở vườn Phủ Chủ tịch. Đặc biệt nhất là block 38-GM 10 đồng, chân dung Bác được hiện lên trên một nền xanh lá cây tươi sáng, từ phía sau Người có một cành sen vươn lên, nở một đoá hoa "hồng liên mãn khai" mạnh mẽ, gọi cho chúng ta nhớ ngay đến câu ca dao: "*Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*" mà ai ai cũng biết.

Kỷ niệm tròn 100 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch (19-5-1890/1990) là bộ tem mang ý nghĩa trọng đại. Vì chính trong năm này, Tổ chức Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã quyết định công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là danh nhân văn hoá thế giới. Bưu chính nước ta phát hành bộ tem đặc biệt này sớm hơn ngày sinh của Bác 8 ngày (11-5), và đây là bộ tem do họa sĩ Trần Thế Vinh thiết kế thực hiện, được giải cao nhất trong cuộc thi vẽ tem do Tổng cục Bưu điện Việt Nam tổ chức. Bộ tem gồm đến 6 mẫu mang mẫu số từ 2169-2174 (cùng KK 31x46), kèm theo một bloc mẫu số 591B-bloc 78 (KK87x94), in ốp sét nhiều màu tại Xí nghiệp in tem Bưu điện. Mẫu 2160-GM 100 đồng mang tên *Đường cách mạng - nhà yêu nước - nhà thơ*. Mẫu 2170 - GM 300 đồng mang tên *Hồ Chí Minh - người dẫn dắt mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. Mẫu 2171-GM 500 đồng mang tên *Miền Nam đang ở trong trái tim tôi*. Mẫu 2172 - GM 1000 đồng mang tên *Đoàn kết là sức mạnh*. Mẫu 2173 - GM 2000 đồng mang tên *Vì lợi ích 100 năm trông người*. Mẫu 2174 - GM 3000 đồng mang tên *Việt Nam - Hồ Chí Minh, lãnh tụ, nhà thơ*. Và bloc 78-GM 3500 đồng mang tên *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các mốc lịch sử* được trình bày đầy đủ và rất đẹp, có chữ ký của Bác Hồ và logo biểu tượng của UNESCO.

Ngày 19-5-2000, Bưu chính Việt Nam chỉ phát hành một mẫu tem Kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vì trước đó có 5 hình ảnh Bác đã xuất hiện đặc biệt trong các bộ tem Việt Nam với thế kỷ XX (phát hành ngày 1-1), và bộ Kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (phát hành ngày 2-2). Mẫu tem kỷ niệm sinh nhật Bác lần này mang mẫu số 828-GM 400 đồng, KK 32x43, do họa sĩ Hoàng Thuý Liệu vẽ, đưa hình ảnh chân dung Hồ Chủ tịch và làng Kim Liên quê quán của Người.

Trong năm 2001, tuy không phát hành bộ tem kỷ niệm ngày sinh của Bác, nhưng đúng vào ngày 19-5 đã có mẫu tem

mang mẫu số 863-GM 400 đồng - KK 43x32 được phát hành, mang tên Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941) điều này đã nhắc cho mọi người biết thêm một thông tin bổ sung cho kiến thức về lịch sử: ngày thành lập Mặt trận Việt Minh trùng với ngày sinh Bác Hồ.

Hình ảnh thân thương gần gũi và kính yêu của Bác Hồ xuất hiện rất nhiều trên tem Bưu chính nước ta, và cả trên tem nước ngoài, đó cũng chính là một kho tàng văn hoá quý báu mà chúng ta cần phải biết trân trọng và giữ gìn truyền lưu cho muôn đời sau, để đúng với nguyện vọng của hàng chục triệu người Việt Nam: "Hồ Chủ tịch vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!".

CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ*

1. NGUYỄN ĐÌNH THI (1924-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Đình Thi. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam (từ 1948). Từ năm 1955 về công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ (1956-1958). Từ 1958: Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II và III; Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951); *Người chiến sĩ* (thơ, 1956-1958); *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956-1958); *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959-1961); *Con nai đen* (kịch, 1961); *Vỡ bờ* (tiểu thuyết, 1962-1970); *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967)... *Diệt phát xít, Người Hà Nội* (ca khúc)...

2. TÔ HỮU (1920-2002)

Tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành. Quê quán: Thừa Thiên - Huế. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng văn học ASEAN (1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Từ ấy* (thơ, 1946); *Việt Bắc* (thơ, 1954); *Gió lộng* (thơ, 1961); *Ra trận* (thơ, 1972); *Máu và hoa* (thơ, 1977); *Một tiếng đờn* (thơ, 1992); *Xây dựng một nền văn hoá nghệ thuật lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973); *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981)...

3. ĐẶNG THAI MAI (1902-1984)

Tên khai sinh là Đặng Thai Mai. Quê quán: Nghệ An. Giáo sư văn học, Hội viên

sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông là một trong những người sáng lập Hội truyền bá chữ Quốc ngữ. Từ sau Cách mạng tháng Tám lần lượt đảm nhiệm trọng trách: Đại biểu Quốc hội các khoá I, II, III, IV, V; Ủy viên Ban dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1945-1949); Giáo sư Trường Đại học Văn khoa Liên khu IV (1948-1951); Giám đốc Trường Dự bị Đại học và Sư phạm cao cấp Liên khu IV (1952). Sau hoà bình (1954) vừa đảm nhiệm các chức vụ trong ngành giáo dục: Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1957), Hiệu trưởng kiêm Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1956-1959); vừa tham gia Đoàn chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam (1957-1984). Từ 1959, làm Viện trưởng Viện Văn học và Chủ nhiệm Tạp chí *Nghiên cứu văn học* của Viện (cho đến 1977). Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT (năm 1996). Tác phẩm chính: *Văn học khái luận* (nghiên cứu, 1944); *Lỗ Tấn* (nghiên cứu, 1944); *Tạp văn trong văn học Trung Quốc ngày nay* (nghiên cứu, 1945); *Triết học phổ thông* (nghiên cứu, 1949); *Chủ nghĩa nhân văn dưới thời kỳ văn hoá phục hưng* (nghiên cứu, 1949); *Giảng văn Chinh phụ ngâm* (chú giải, bình giảng, 1950, 1992); *Lược sử văn học hiện đại Trung Quốc* (biên khảo, tập I, 1958); *Văn thơ Phan Bội Châu* (nghiên cứu, 1958); *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* (nghiên cứu, 1961);

* Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các tác giả theo mục lục. Một số người chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung vào các lần tái bản sau (BT).

Trên đường học tập và nghiên cứu (nghiên cứu, phê bình, 3 tập, 1959, 1969, 1970); *Đặng Thai Mai tác phẩm* (2 tập, 1978 - 1984); *Hồi ký* (1985). Dịch, giới thiệu: *Thế giới hiện đại* (dịch chung, 1946); *Lịch sử triết học phương Tây* (tập I, 1949, tập II, 1957); *Lôi Vũ* (của Tào Ngu, 1945, 1958); *Á Sim* (1957); *Nhật xuất* (của Tào Ngu, 1958)...

4. HUỖNH VĂN TIẾNG (1920-2009)

Sinh tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1947 đến năm 1949: Ủy viên Trung ương Đảng Dân chủ Việt Nam, Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam bộ. Từ năm 1955 đến năm 1975: Phó Tổng Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam, Giám đốc Vô tuyến truyền hình Trung ương, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ năm 1976 đến năm 1989: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam kiêm Giám đốc Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết và hữu nghị các dân tộc thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương.

5. HOÀI THANH (1909-1982)

Tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên. Quê quán: Nghệ An. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Nguyên Chủ tịch Hội Văn hoá Cứu quốc ở Huế (1945). Từ 1958-1968 là Tổng thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Từng là Viện phó Viện Văn học và Chủ nhiệm Báo *Văn nghệ* (1969-1975). Đã tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn (khoá I, II). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. Tác phẩm chính: *Văn chương và hành động* (lý luận, 1936); *Thị nhân Việt Nam* (1941); *Quyền sống của con người trong truyện Kiều* (tiểu luận, 1950); *Nói chuyện thơ kháng chiến*

(phê bình, 1951); *Nam bộ mến yêu* (bút ký, 1955); *Chuyện miền Nam* (bút ký, 1956); *Phê bình tiểu luận* (tập I-1960, tập II-1965, tập III - 1971); *Tuyển tập Hoài Thanh* (hai tập, 1982-1983); *Toàn tập Hoài Thanh* (5 tập, 1999).

6. THIẾU SƠN (1908-1978)

Tên khai sinh là Lê Sỹ Quý. Quê quán: Hải Dương. Năm 1927, sau khi tốt nghiệp Thành chung, ông vào làm công chức ở Sở Bưu điện Gia Định. Thiếu Sơn bắt đầu cộng tác với các tờ báo và tạp chí có tiếng thời bấy giờ như *Nam Phong tạp chí*, *Phụ nữ tân văn*, *Đuốc nhà Nam*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Đại Việt tạp chí*, *Nam Kỳ tuần báo*... Không chỉ với tư cách là nhà văn, nhà phê bình văn học mà còn là nhà bình luận thời sự chính trị, văn hoá, tư tưởng, Thiếu Sơn hăng hái tham gia các hoạt động chính trị xã hội, từng tham gia Đảng xã hội Pháp. Bên cạnh những tập tiểu luận phê bình gây chấn động thời bấy giờ như: *Phê bình và cáo luận* (1933), *Đời sống tinh thần* (1933), *Câu chuyện văn học* (1933), *Giữa hai cuộc cách mạng* (1947)..., ông còn là tác giả của nhiều truyện ngắn in trên các báo, tạp chí và tiểu thuyết *Người bạn gái* (1942)... Từng tham gia Ban Biên tập Báo *Cứu Quốc* và đây cũng là thời gian ông viết và xuất bản nhiều tác phẩm văn học, trong đó có hồi ký cách mạng *Những người làm nên lịch sử nổi tiếng*.

7. PHẠM HUY THÔNG (1916-1988)

Tên khai sinh là Phạm Huy Thông. Quê quán: Hải Dương. Giáo sư, Viện sĩ, Tiến sĩ Luật, Thạc sĩ Sử học. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHXH Việt Nam, Viện trưởng Viện Khảo cổ học, Quyền Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đại biểu Quốc hội khoá II, III, Chủ tịch Hội Du lịch Hà Nội. Giải thưởng Hồ Chí

Minh về Khoa học xã hội năm 2000. Tác phẩm chính: *Yêu đương* (thơ, 1934); *Anh Nga* (thơ, 1935); *Tiếng địch sông Ô* (thơ, 1935); *Tản Ngọc* (thơ, 1937).

8. HOÀNG VĂN BÓN (1930-2006)

Tên khai sinh là Hoàng Văn Bón. Quê quán: Đồng Nai. Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Đồng Nai. Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007... Tác phẩm chính: *Vỡ đất* (tiểu thuyết, 1952); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (truyện thiếu nhi, 1962); *Tuổi thơ ngọt ngào* (tiểu thuyết, 1994); *Khắc nghiệt* (tiểu thuyết 4 tập, 1990); *Nhớ người xưa* (tiểu thuyết, 2004)...

9. PHẠM HỒ (1926-2007)

Tên khai sinh là Phạm Hồ. Quê quán: Bình Định. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Trong kháng chiến chống Pháp, là Ủy viên Ban Chấp hành Hội họa Liên khu 5. Năm 1950, ra Việt Bắc dự học Văn nghệ Trung ương. Tập kết ra Bắc, tiếp tục hoạt động văn học nghệ thuật. Từng giữ chức Phó tổng biên tập thứ nhất báo *Văn nghệ*, Phó trưởng ban Đối ngoại Hội Nhà văn, Chủ tịch Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm chính: *Những ngày xưa thân ái* (thơ, 1957); *Ra khơi* (thơ, 1960); *Đi xa* (thơ, 1970); *Những ô cửa, những ngã đường* (thơ, 1976); *Vườn xoan* (truyện ngắn, 1964); *Tình thương* (tiểu thuyết, 1974); *Chú bò tìm bạn* (thơ, 1970); *Ngựa thần từ đâu tới* (tập truyện, 1986); *Chuyện hoa qua chuyện quả* (6 tập từ 1974-1994); *Cát nhà giữa hồ* (tập truyện cổ tích, 1995); *Nàng tiên nhỏ thành ốc* (bộ ba vở kịch in năm 1980); *Tuyển tập Phạm Hồ* (1999)...

10. NGUYỄN MINH CHÂU (1930-1989)

Tên khai sinh là Nguyễn Minh Châu. Quê quán: Nghệ An. Vào Hội Nhà văn

năm 1972. Từ năm 1962, công tác tại Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (2000). Tác phẩm chính: *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1978); *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972); *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977); *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977); *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (truyện ngắn, 1983); *Bến quê* (truyện ngắn, 1985); *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982); *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987); *Cỏ lau* (truyện vừa, 1989)...

11. VŨ NGỌC PHAN (1902-1987)

Tên khai sinh là Vũ Ngọc Phan. Quê quán: Bắc Ninh. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từ năm 1929 đến nửa đầu những năm 1940 Vũ Ngọc Phan cộng tác với nhiều tờ báo, tạp chí, là chủ bút tờ Tuần báo Hà Nội tân văn và chủ trương lập Nhà xuất bản Hà Nội. Trong những năm trước và sau khi giành chính quyền (1945), ông đảm nhiệm các chức vụ: Chủ tịch Ủy ban văn hoá Bắc Bộ, Ủy viên thường trực Ủy ban vận động Hội nghị văn hoá toàn quốc, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu Đông Đa, Ủy viên thường trực Đoàn văn hoá kháng chiến Liên khu IV. Từ cuối năm 1953 ông được mời ra Việt Bắc tham gia công tác nghiên cứu trong Ban nghiên cứu Văn, Sử, Địa Trung ương, tiền thân của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam sau này. Ông được bầu làm Tổng thư ký, phụ trách cơ quan Hội Văn nghệ dân gian tại Đại hội Văn nghệ dân gian lần thứ nhất năm 1966. Ông nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 năm 1996 cho những cụm công trình về văn nghệ dân gian. Tác phẩm chính: *Trên đường nghệ thuật* (1940); *Nhà văn hiện đại*, 4 tập, từ 1942 đến 1945; *Qua những trang văn* (1976); *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* (1956); *Những năm tháng ấy* (hồi ký, 1987); *Châu đảo* (dịch, 1932); *Aivanhó*

(dịch, 1932-1933); *Sơ khảo lịch sử văn học Việt Nam* (2 quyển, viết chung, 1957-1960); *Truyện cổ tích Việt Nam* (in chung, sưu tầm, tuyển chọn, 1955).

12. NGUYỄN HUY TƯỜNG (1912-1960)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Tường. Quê quán: Bắc Ninh (nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội). Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từng tham gia Ban biên tập báo *Tiên phong* của Văn hoá cứu quốc, từng giữ các trọng trách: Phó Thư ký Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam (1946), Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, Tổng Thư ký Ban Trung ương Vận động *Đời sống mới*, Thư ký toà soạn tạp chí *Văn nghệ*, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá I, Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng... Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). Tác phẩm chính: *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết, 1942, được chuyển thể điện ảnh, chèo, cải lương 1990); *Vũ Như Tô* (kịch, 1943); *An Tư* (tiểu thuyết, 1944); *Bắc Sơn* (kịch, 1946), *Những người ở lại* (kịch, 1948); *Ký sự Cao Lạng* (ký sự, 1951); *Truyện Anh Lục* (tiểu thuyết, 1955); *Luỹ hoa* (truyện phim, 1960); *Sống mãi với Thủ Đô* (tiểu thuyết, 1961); *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (truyện thiếu nhi)...

13. HỮU MAI (1926-2007)

Tên khai sinh là Trần Hữu Mai. Quê quán: Nam Định. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Năm 1946 tham gia tự vệ thành tại Hà Nội. Năm 1947 vào bộ đội, phụ trách Báo *Quân tiên phong* của Đại đoàn 308. Năm 1956, chuyển về Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* Tổng cục Chính trị. Trong hai cuộc kháng chiến, chuyên làm biên tập, phóng viên, sáng tác về đề tài chiến tranh. Năm 1978, làm Trưởng phòng *Văn nghệ Quân đội*. Năm 1983 chuyển sang Hội Nhà văn với quân hàm Đại tá. Là Ủy viên

thường trực Ban Chấp hành Hội Nhà văn khoá III, khoá IV. Thành viên của Hiệp hội Quốc tế Nhà văn viết truyện trinh thám (*Association Internationale des Ecrivains Policier*), thành lập tại Mêhicô năm 1989. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm chính: *Cao điểm cuối cùng* (tiểu thuyết, 1960); *Vùng trời* (tiểu thuyết, 3 tập, 1975, 1976, 1980); *Đất nước* (1984); *Ông cố vấn* (3 tập, 1985, 1987, 1990); *Đêm yên tĩnh* (tiểu thuyết, 2002); *Người lữ hành lặng lẽ* (tiểu thuyết, 2003). Là người thể hiện những tập hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra, Những năm tháng không thể nào quên, Chiến đấu trong vòng vây, Đường tới Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử...*

14. KIM NHẤT

Tên khai sinh là Kim Nhất. Sinh năm 1945. Quê quán: Bình Định. Dân tộc: Ba Na. Nguyên diễn viên Đoàn văn công Tây nguyên. Vào Hội Nhà văn năm 1999. Giải thưởng của Hội đồng văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 1999 (tập truyện *Ly hận*). Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam tập truyện *Hồn ma nỳi* (2003). Tác phẩm chính: *Mụ Xoai* (tập truyện ngắn, 1994); *Ly hận* (tập truyện ngắn, 1998); *Động rừng* (tập truyện ngắn, 1999); *Truyện cổ Ba Na* (2000); *Y Sanh và Y Rà* (tập truyện ngắn cho thiếu nhi, 2002); *Chùa sơn lâm mắc bẫy* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2003); *Hồn ma nỳi* (tập truyện ngắn, 2003)...

15. NGUYỄN TRÍ HUÂN

Tên khai sinh là Nguyễn Trí Huân. Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1947. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Vào Hội Nhà văn năm 1977. 1971 vào chiến trường miền Nam, phóng viên, biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng* Trung Trung Bộ. 1979-1982 học viên Trường viết văn Nguyễn Du khoá I. Từ

1982 đến nay công tác ở Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* và Hội Nhà văn Việt Nam. Hiện là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập Báo *Văn Nghệ*, nguyên Tổng biên tập Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007. Tác phẩm chính: *Mặt cát* (tập truyện ngắn, 1977); *Năm 75 họ đã sống như thế* (tiểu thuyết, 1979); *Dòng sông của Xô nét* (tiểu thuyết, 1980); *Chim én bay* (tiểu thuyết, 1988); *Dấu thời gian* (ký, 2004)...

16. LỮ HUY NGUYỄN (1939-1998)

Tên khai sinh là Nguyễn Huy Lữ. Quê quán: Bắc Ninh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1978). Năm 1965 tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, về công tác tại Nxb. Văn học, biên tập và sáng tác. Năm 1986 làm Giám đốc Nxb Văn hoá. Từ 1989 đến khi qua đời là Giám đốc Nxb. Văn học. Tác phẩm chính: *Cô Tư tóc vàng* (1971); *Trâu lá đa* (1975); *Năm tháng đi qua* (1976); *Chiều sâu thành phố* (1978); *Đôi mắt em nhìn* (1987); *Đêm Digan* (1991); *Bắt đền đôi mắt* (1991); *Paris* (1991); *Mùa thu nước Nhật* (1992); *Nghệ sĩ với tình yêu* (1995); *Một lần thăm Đức* (1995); *Nhật ký đường trong* (1970); *Núi thức* (1978); *Trên núi cao* (in chung, 1979); *Truyện dân gian châu Á* (dịch tập 3, 4, 1983, 1984, 1985, 1993); *Ngọn lửa* (kịch bản phim truyền hình, 1985); *Năm Ngựa nói chuyện ngựa* (1990); *Chuyện lạ giữa rừng* (1990); *Từ tâm huyết cứu nước đến sáng tạo nghệ thuật* (1990); *Năm Mùi nói chuyện dê* (1991); *Tuyển tập Lữ Huy Nguyễn* (1999); *Ấn tượng văn chương* (phê bình - tiểu luận, 2000).

17. NGUYỄN LỘC

Giáo sư ngữ văn, từng giảng dạy tại Khoa Văn Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội. Biên soạn giáo trình *Văn học trung đại Việt Nam thế kỷ 19*. Hiện sống ở Tp. HCM.

18. NGUYỄN THỊ CẨM THANH

Tên khai sinh là Nguyễn Thị Cẩm Thanh. Sinh năm 1927. Quê quán: Quảng Bình. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từng công tác biên tập tại Nxb. Kim Đồng và Báo *Văn học*. Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khoá II), Ủy viên Ban phụ trách tuần báo *Văn nghệ* trong nhiều năm. Giải thưởng của Hội Văn nghệ Liên khu Việt Bắc 1949 (truyện ngắn *Bên ni bên tề*). Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo *Văn học* 1962 (truyện ngắn *Những đứa em*). Tác phẩm chính: *Giữ đê giữ làng* (ký, 1957); *Quanh cây bàng đầu xóm* (truyện dài, 1958); *Những người bạn gái* (truyện ngắn, 1964); *Làng Cát* (truyện ngắn, 1968); *Đêm trăng rừng chè* (truyện ngắn, 1974); *Sao biển* (truyện thiếu nhi, 1978, 1995); *Chóp nguồn* (truyện ngắn, 1983); *San hô đỏ* (tiểu thuyết, 1988); *Ấm vang biển sóng* (tiểu thuyết, 1998, nổi bản 1999); *Cầu vồng tuổi thơ* (trích 5 chương cho thiếu nhi, 2003); *Tuyển tập văn* (2004).

19. ĐÀO VŨ (1927-2005)

Tên khai sinh là Đào Văn Đạt. Quê quán: Hưng Yên. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Đã qua công tác từ biên tập viên đến Quyền Tổng biên tập Báo *Văn nghệ*. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khoá III, Ủy viên BCH Hội Nhà báo khoá IV. Liên Xô cũ và Trung Quốc đưa tên Đào Vũ vào *Từ điển văn học nước ngoài*. Giải thưởng hợp tác với Thụy Điển cho thiếu nhi, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Cái sân gạch* (1959); *Vụ lúa chiêm* (1961); *Con đường mòn ấy* (1972); *Y Leng* (1982); *Lưu lạc* (1973); *Hoa Lửa* (1973); *Dải lụa* (1973); *Bí thư cấp huyện* (1983); *Một mùa mưa* (1986); *Con than ngơ ngác* (1988); *Tuyển tập Đào Vũ* (2 tập, 2004) ...

20. LƯU TRÙNG DƯƠNG

Tên khai sinh là Lưu Quang Lũy. Sinh năm 1930. Quê quán: Đà Nẵng. Vào Hội Nhà văn năm 1957. Từng là biên tập viên Tạp

chí Văn nghệ Quân đội, Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam Trung Bộ, Phó Chủ tịch thường trực, Bí thư Đảng đoàn Hội Văn nghệ Quảng Nam-Đà Nẵng, Tổng thư ký Hội Văn nghệ Tp. Đà Nẵng. Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2001, tập thơ *Bài ca người Đà Nẵng*. Tác phẩm chính: *Thơ: Tập thơ của người lính* (1949); *Những người đáng yêu nhất* (1960); *Tình nguyện* (1963); *Nỗi nhớ màu xanh* (1975); *Trên đỉnh núi Thành ta hát* (1983); *Bài thơ tình về chim hải âu* (1988); *Thơ tặng anh bộ đội Cụ Hồ* (1990, 1994, 2003); *Bài ca người Đà Nẵng* (2000); *Tuyển tập thơ Lưu Trùng Dương* (thơ- trường ca- truyện thơ- kịch thơ ngắn 2001); *Lưu Trùng Dương - Thơ với tuổi thơ* (2003). Tiểu thuyết: *Họ đi tìm thiên đường* (1988); *Con đường sắt vô hình* (2001); *Chết rồi lại sống* (2003); *Bà chánh án mồ côi* (truyện vừa, 2003); *Huyện thoại ở Đak Xing* (2003); *Sống vì lý tưởng* (ký sự, 2004); *Lưu Trùng Dương* (truyện và ký, 2006)...

21. NGUYỄN GIA NỪNG

Tên khai sinh là Nguyễn Gia Nùng. Sinh năm 1937. Quê quán: Hưng Yên. Vào Hội Nhà văn năm 1974. Từng công tác tại Chi nhánh Nxb. Lao động, Giám đốc Chi nhánh Nxb Chính trị Quốc gia tại Nha Trang. Giải nhì cuộc thi Bút ký-phóng sự báo Văn nghệ (1961). Tác phẩm chính: *Chuyện một tổ máy xúc* (truyện ký, 1962); *Sao băng* (tiểu thuyết, 1968); *Người dệt ước mơ* (tiểu thuyết, 1976); *Lời thề của nước* (truyện thiếu nhi, 1977); *Cô gái xứ trầm hương* (kịch thơ, 1986); *Thành phố mùa thu* (truyện ngắn, 1997); *Từ nguồn ra biển* (thơ, 1998); *Những phút trầm tư* (thơ 2001); *Bụi quý cho mình* (thơ, 2003); *Trang sách, trang đời* (chân dung, tiểu luận, 2002); *Từ quê hương xứ trầm hương* (tập ký, 2005); *Cánh ong bay* (101

bài thơ tình chọn lọc, 2005); *Đời văn nghiệp bút* (chân dung, tiểu luận, 2005); *Thức với mùa thu* (thơ, 2006)...

22. NGUYỄN ĐĂNG BẢY

Sinh ngày 01-01-1923, quê Từ Sơn, Bắc Ninh, hiện đang nghỉ hưu tại Hà Nội. Hoạt động trong phong trào thanh niên phản đế từ năm 16 tuổi. Sau khi tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền tại tỉnh Bắc Kạn, ông làm việc ở Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh, rồi chuyển lên Nha, công tác trong tổ phóng viên nhiếp ảnh tuyên truyền kháng chiến. Năm 1949, ông được cơ quan giao cho chiếc máy quay phim chiến lợi phẩm để quay tư liệu kháng chiến và Bác Hồ. Với chiếc máy đó, ông đã quay các phóng sự: *Bác Hồ thăm nông thôn Đại Từ, Bác Hồ thăm Đại hội Phụ nữ ở Đại Từ, Sinh nhật "Lục tuần Đại khánh" của Bác Hồ*; quay tư liệu về các chiến dịch Tây Bắc, Nghĩa Lộ, Trung du, Điện Biên Phủ..., về Đại hội Đảng lần II, về tháng hữu nghị Việt - Trung - Xô, v.v.. Sau khi tiếp quản Thủ đô, ông làm phim tài liệu *Đường sắt Hà Nội - Múc Nam quan*, rồi quay các phim *Phong cảnh Hà Nội* (1956), *Núi rừng Việt Bắc* (1957). Tiếp đó, ông quay những hình ảnh Bác Hồ đi thăm các cơ sở cách mạng, các nước anh em bạn bè. *Cô gái công trường* (1960) là phim truyện đầu tay của Nguyễn Đăng Bảy. Một năm sau, với phim *Con chim vành khuyên* (1961), ông đã được nhận giải Quay phim xuất sắc tại LHPVN lần II, 1973. Lần thứ hai, ông đoạt giải Quay phim xuất sắc là tại LHPVN lần III, 1975 cho phim *Đến hẹn lại lên*.

23. BUI ĐÌNH HẠC

Sinh ngày 04-06-1934 tại Tam Nông, Phú Thọ, hiện sống ở Hà Nội. Ông hoạt động điện ảnh từ năm 1953, tại An toàn khu Việt Bắc và tham gia phục vụ cho bộ phim hợp tác *Việt Nam trên đường thắng lợi* của đạo diễn Liên Xô Roman

Cacmen. Ông tốt nghiệp Khoa Đạo diễn, Trường Đại học Điện ảnh Quốc gia Matxcova (1960-1964). Năm 1968, ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật và 15 năm liền ông làm Phó Tổng thư ký Hội Điện ảnh. Năm 1980, ông làm Giám đốc Hãng phim Tài liệu - Khoa học Trung ương, rồi Cục trưởng Cục Điện ảnh từ năm 1992 đến khi nghỉ hưu 1996. Ông đã đoạt giải thưởng phim tài liệu: *Nước về Bắc Hưng Hải* giải Vàng tại LHP quốc tế Matxcova, 1959; *Anh Nguyễn Văn Trỗi sống mãi*, giải Bạc tại LHP quốc tế Matxcova, 1965, giải Bông sen Vàng LHP Việt Nam lần I, 1970; *Nguyễn Ái Quốc đến với Lenin và Đường về Tổ quốc*, giải Bông sen Vàng đặc biệt tại LHPVN lần V, 1980; *Hồ Chí Minh, chân dung một con người*, giải Bông sen Vàng tại LHPVN lần IX, 1990; giải Vàng LHP Truyền hình toàn quốc, 1990; phim truyện *Nguyễn Văn Trỗi*, giải Bông sen Vàng tại LHPVN lần I, 1970; *Đường về quê mẹ* giải chính của Ban giám khảo LHP quốc tế Căclôvy Vary. Năm 1984, ông được tặng Danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

24. LÊ MINH HIỀN

Hoạ sĩ, nhà quay phim. Ông là một trong 3 nghệ sĩ (Nguyễn Thế Đoàn, Diệp Minh Châu và Lê Minh Hiền) được làm việc bên cạnh Bác Hồ những năm ở núi rừng Việt Bắc. Ông cùng nhà quay phim Nguyễn Thế Đoàn ghi lại hình ảnh Bác thăm dân công, kiểm tra kho vũ khí, giảng bài, thăm Cao Bằng, nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ..., Bác đi ngựa, đi bộ, lội suối, băng rừng... Sau đó, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền được đi Trung Quốc tráng phim. Tháng 5-1952, Nguyễn Thế Đoàn và Lê Minh Hiền đi bộ suốt 16 tháng ròng trở về Nam Bộ. Những thước phim và hình ảnh ghi ở Việt Bắc được chiếu và triển lãm cho đồng bào Nam Bộ xem. Các bức vẽ, hình ảnh của 3 nghệ sĩ ghi lại những khoảnh khắc của

Bác Hồ đã trở thành những tư liệu lịch sử quý giá của đất nước.

25. PHAN ĐÌNH MẬU

Nhà điện ảnh cách mạng Việt Nam, cùng lớp Bùi Đình Hạc, Thép Mới, Hồng Hà...

26. KIM LIÊN

Sinh năm 1942. Tên khai sinh là Nguyễn Kim Liên. Quê quán: Nam Định. Bà sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật. Cha bà là nghệ nhân Nguyễn Thọ Hiện, đã lập ra một gánh hát chèo riêng ngay tại quê hương của mình. Kim Liên không chỉ hát văn hay, hát chèo giỏi, mà còn là một trong ba nữ nghệ sĩ ngâm thơ hay nhất của nước ta cuối thập niên 60 của thế kỷ trước. Bà đã được trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

27. NHỮ ĐÌNH NGUYỄN

Hoạ sĩ, nghệ sĩ hoá trang. Trong gần 30 năm tiến hành công trình nghiên cứu hoá trang hình tượng Bác Hồ trên sân khấu và màn ảnh, ông đã tạo hình thành công hơn 20 nghệ sĩ, trong đó có những nghệ sĩ nổi tiếng với vai diễn Bác Hồ như Sỹ Hùng, Tuấn Tú, Tiến Hợi...

28. SĨ HÙNG

Nghệ sĩ kịch nói. Ông là người đầu tiên thể hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu kịch trong vở kịch tư liệu "Người công dân số 1", do Nhà hát Cải lương Trung ương dàn dựng phục vụ Đại hội Đảng lần thứ 4 năm 1976.

29. VĂN HOÀNG

Nguyên Đoàn phó Đoàn Cải lương Hải Phòng.

30. TIẾN HỢI

Sinh năm 1959. Diễn viên đóng vai Bác Hồ trong nhiều kịch và phim nhất. Sau thành công của vở "Đêm trắng", Tiến Hợi diễn thành công vai Nguyễn Tất Thành trong phim "Hẹn gặp lại Sài Gòn" (1990) và vai Hồ Chủ tịch trong phim "Hà Nội mùa đông năm 46" (1997).

31. TRẦN HOÀN (1928-2003)

Tên khai sinh là Nguyễn Tăng Hích. Quê quán: Quảng Trị. Trần Hoàn tự học nhạc và bắt đầu sáng tác từ năm 16, 17 tuổi. Năm 1935 Trần Hoàn theo học tại Quốc học Huế. Ông bắt đầu nổi tiếng với ca khúc *Son nữ ca* viết năm 20 tuổi khi đang ở chiến khu Quảng Bình. Trần Hoàn tham gia kháng chiến, đến ngày hoà bình lập lại, ông về làm Giám đốc Sở Văn hoá Hải Phòng. Năm 1964 ông trở lại chiến trường Bình Trị Thiên với bút danh Hồ Thuận An. Sau 1975, Trần Hoàn là Trưởng ty Thông tin Bình Trị Thiên. Sau đó ông giữ các chức vụ Trưởng ban Tuyên huấn Thành uỷ Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Thông tin, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông Tin, rồi Phó ban Văn hoá - Tư tưởng Trung ương. Tác phẩm chính: *Son nữ ca*, *Lời người ra đi*, *Lời ru trên nương*, *Tình ca mùa xuân*, *Nắng tháng Ba*, *Một mùa xuân nho nhỏ*, *Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm*, *Lời Bác dặn trước lúc đi xa...*

32. PHẠM TUYẾN

Sinh năm 1930. Tên khai sinh là Phạm Tuyên. Quê quán: Hải Hưng. Năm 1949, ông công tác tại Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, khoá V. Năm 1950 là Đại đội trưởng tại Trường Thiếu sinh quân Việt Nam. Trong thời gian này, ông đã có những chùm ca khúc về Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, về Thiếu sinh quân Việt Nam. Năm 1954, ông được cử làm cán bộ phụ trách Văn-Thê-Mỹ tại Khu học xá Trung ương (Nam Ninh, Trung Quốc). Từ năm 1958, ông về nước, công tác tại Đài tiếng nói Việt Nam, đảm nhiệm nhiều chức vụ chỉ đạo về biên tập âm nhạc. Bài *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* được ông sáng tác đêm ngày 28 tháng 4 năm 1975, tập và thu âm ngay trong chiều ngày 30 tháng 4 để phát sóng trong bản tin thời sự đặc biệt 17 giờ cùng ngày của Đài tiếng nói Việt Nam chính thức công bố tin giải phóng hoàn toàn

miền Nam Việt Nam. Ông có nhiều năm là Chủ tịch Hội đồng giám khảo của nhiều Hội diễn toàn quốc về văn hoá văn nghệ của Bộ Văn hoá và nhiều ngành khác trong nước, là Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1963 đến năm 1983. Ông hiện là Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Hà Nội. Tác phẩm chính: *Đảng đã cho ta mùa xuân*, *Chiếc gậy Trường Sơn*, *Con kênh ta đào*, *Gởi nắng cho em*, *Lời ru của đêm*, *Màu cờ tôi yêu*, *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*, *Đảng đã cho tôi sáng mắt sáng lòng*, *Từ một ngã tư đường phố...* Nhiều bài hát thiếu nhi đã trở thành bài truyền thống qua nhiều thế hệ như: *Tiến lên đoàn viên*, *Chiếc đèn ông sao*, *Hành khúc Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*, *Hát dưới cờ Hà Nội*, *Gặp nhau giữa trời thu Hà Nội*, *Đêm pháo hoa*, *Cô và mẹ...*

33. HUY THỰC

Sinh năm 1935. Tên khai sinh là Lê Huy Thực. Quê quán: Hà Nam. Bút danh Lê Anh Chiến. Ông hoạt động cách mạng từ tháng 8 năm 1945, bắt đầu đi vào con đường âm nhạc từ năm 1950 bằng chơi đàn violon. Từ năm 1954-1956, ông vào Đoàn văn công Quân khu Hữu Ngạn. Sau đó ông theo học lớp sáng tác âm nhạc đầu tiên tại Trường Âm nhạc Việt Nam. Một thời gian sau, ông lại được cử đi tu nghiệp tại Nhạc viện Liszt ở Hungary. Về nước ông tham gia giảng dạy ở Trường Nghệ thuật Quân đội. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ông đã có tại mặt trận đường Chín - Nam Lào. Sau đó ông về làm lãnh đạo và chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Ca múa Tổng cục Chính trị. Đã xuất bản hai tuyển tập ca khúc và album *Tiếng đàn Ta-lư*. Ông đã được nhận Giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam (1993, 1995), Giải thưởng Bộ Quốc Phòng (1994), Giải thưởng Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (1980). Tác phẩm chính: *Kèn xuất trận* (thơ Tô Đức Chiêu), *Tiếng hát trên đường quê hương*, *Ơi dòng suối La La*, *Tiếng đàn Ta-lư*,

Tiến lên chiến sĩ đồng bào (phổ thơ Bác Hồ), *Đội* (thơ Vũ Quần Phương), *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân*, *Hợp xướng Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Về tác phẩm khí nhạc: *Độc tấu đàn bầu Vì miền Nam*, *Độc tấu trống dân tộc Nhịp điệu nước non*, âm nhạc cho vũ kịch *Ngọn lửa Nghệ Tĩnh* (viết cùng Nguyễn Thành và Lương Ngọc Trác)... Ngoài ra ông còn viết phần âm nhạc cho kịch nói, phim truyện, phim tài liệu, múa...

34. PHONG NHÃ

Sinh năm 1924. Quê quán: Hà Nam. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Cả cuộc đời ông gắn bó với hoạt động thiếu niên nhi đồng. Ông được coi là một nhạc sĩ của tuổi thơ vì đã sáng tác những bài hát cho phong trào ca hát của trẻ em ngay từ ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Những bài hát đó để lại ấn tượng sâu sắc trong đời sống tinh thần của nhiều thế hệ thiếu nhi Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua, với phong cách chung là giản dị, thân thiết, vui tươi. Tác phẩm chính: *Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng*, *Cùng nhau ta đi lên* (nay là *Đội ca*), *Kim Đồng*, *Nhanh bước nhanh nhi đồng*, *Đi ta đi lên*...

35. AMƯ NHÂN

Quê quán: Ninh Phước. Nhạc sĩ người dân tộc Chăm. Tác phẩm "*Làng Chăm ơn Bác*" sáng tác năm 1985 của ông đã đoạt nhiều giải thưởng và trở thành một trong những ca khúc phổ biến nhất nói lên tình cảm của đồng bào dân tộc Chăm với Bác Hồ.

36. LINH NHÂM

Công tác tại Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị, cùng lứa với nghệ sĩ Tường Vi, Kim Cúc. Bà là giọng nữ dân ca chính, thường được Bác Hồ chọn để biểu diễn phục vụ trong Phủ Chủ tịch mỗi khi tiếp đón các đoàn cao cấp. Từ lời gợi ý của Bác về tập ngâm thơ để có nhiều tiết mục

cho bộ đội, từ năm 1964, Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị có thêm tiết mục ngâm thơ và Linh Nhâm trở thành một trong những nghệ sĩ ngâm thơ nổi tiếng phục vụ tại nhiều chiến trường như Khu 4, Khu 5, Lào, Campuchia... Bà đã được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

37. LINH NGÀ NIÊK ĐĂM

Sinh năm 1948. Tên khai sinh là Tuyết Nga Niêkđăm. Quê quán: Đắk Lắk. Dân tộc: Êđê. Vào Hội Nhà văn năm 1997. Tốt nghiệp Nhạc viện Hà Nội. Biên tập văn nghệ phát thanh từ 1988 đến 2002 tại Tây Nguyên. Nhiều năm là Ủy viên BCH Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (khoá II đến khoá V); Ủy viên BCH Hội Nhạc sĩ Việt Nam khoá VI; Phó Tổng thư kí Hội Văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam khoá I, II, III; Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Đắk Lắk. Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2003. Giải C Hội Văn nghệ các DTTS Việt Nam năm 1998. Tác phẩm chính: *Huyền thoại sau cánh rừng* (tập ca khúc và băng, 1996); *Con rắn màu xanh da trời* (tập truyện ngắn, 1997); *Vài nét đặc trưng phong tục các DTTS Tây Nguyên* (1997); *Trăng Xi Thoại* (tập bút ký, 1998); *Đăm san thời thơ ấu* (trường ca Êđê, 1999); *Nàng Bia Lúi* (trường ca Banar, 2000); *Truyền thuyết núi Nậm Nung* (trường ca Mnông, 2001); *Huyền thoại cây Tông Lông* (trường ca Êđê, 2002); *Văn hoá dân gian Tây Nguyên, một cách nhìn* (2002); *Đi tìm hồn chiêng* (tập bút ký, 2003); *Chân dung văn nghệ sĩ Tây Nguyên* (2003)...

38. LƯỜNG THỊ DOAN

Nghệ sĩ người dân tộc Thái, diễn viên Đoàn văn công Quân khu Tây Bắc.

39. LÊ VINH

Tên khai sinh là Nguyễn Lê Vinh. Quê quán: Nghệ An. Nguyên diễn viên Đoàn văn công Nghệ An. Bà đã vinh dự được gặp Bác Hồ 3 lần, trong đó hai lần được

biểu diễn phục vụ Bác và cũng là người đầu tiên ở Nghệ An hát dân ca Nghệ Tĩnh cho Bác nghe trong dịp Người về thăm quê năm 1961.

40. NGUYỄN VĂN TỶ (1917-1992)

Quê quán: Hà Nội. Tổng thư ký đầu tiên của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng I, Huân chương Độc lập hạng Ba (12/1988), Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam. Ông được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 2 - 2001). Nguyễn Văn Tỳ bắt đầu sáng tác từ lúc học lớp dự bị Trường Mỹ thuật Đông Dương. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mặc dù thiếu thốn nhưng ông vẫn liên tục có nhiều sáng tác mới trong đó có nhiều tác phẩm ký họa về nông dân, về bộ đội, về dân tộc Thái, các tác phẩm với chất liệu in đá, sơn mài, lụa... Sau khi đất nước thống nhất, ông cùng với nhiều họa sĩ trong cả nước tập trung sáng tác nhiều tác phẩm dựa trên những ký họa, những ký ức của các chuyến đi thực tế từ thời kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ. Ngoài ra ông còn vẽ bộ tem Hữu Nghị Quan nhân kỷ niệm quốc khánh nước CHND Trung Hoa (1965). Ngoài công việc sáng tác, ông còn là nhà lý luận, phê bình mỹ thuật với nhiều bài viết được đăng trên các báo. Ông đã giảng dạy, đào tạo nhiều thế hệ họa sĩ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và thời gian giảng dạy tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (1956-1970). Ông còn soạn nhiều giáo trình phục vụ công tác giảng dạy, đặc biệt cuốn sách *Bước đầu học vẽ* được Nhà xuất bản Văn hoá tái bản 3 lần là một giáo trình cảm nang hội họa có giá trị. Tác phẩm chính: *Hai cô Mèo* - khắc gỗ in trên Lụa, 1940; *Nhà tranh gốc mít* - sơn mài, 1958; *Du kích Bắc Sơn* - sơn mài, 1958; *Thiếu nữ và biển* - sơn mài, 1960; *Buồm Cửa Hàn, lưới Cửa Hội* - sơn mài, 1960; *Nam Bắc*

một nhà - sơn mài, 1961; *Đêm Noel Hà Nội* 1972 - sơn mài, 1973; *Chợ Bờ* - sơn mài, 1984; *Phong cảnh* - sơn mài, 1991.

41. VŨ NĂNG AN

Tên khai sinh là Vũ Năng An. Quê quán: Nam Định. Từng là Giám đốc Xí nghiệp phim truyện Việt Nam (sau là Hãng phim truyện Việt Nam 1973-1979). Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật, Huy chương Vì sự nghiệp điện ảnh Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật lĩnh vực nhiếp ảnh (1996). Tác phẩm chính: *Bác Hồ ở Đông Khê, Quảng trường Nhà hát lớn, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...*

42. NGUYỄN HỒNG NGHỊ

Nhà nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam. Ông đã mở triển lãm ảnh đầu tiên về Bác Hồ và hoạt động binh dân học vụ ở Việt Bắc năm 1950, với hơn 100 bức ảnh quý.

43. HUỖNH VĂN THUẬN

Sinh năm 1921. Quê quán: Gia Định. Ông là một trong những trụ cột của nền mỹ thuật Việt Nam và có nhiều tác phẩm đoạt giải thưởng cao do Nhà nước, Hội Mỹ thuật trao tặng. Tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương năm 1944, ông được điều về công tác tại tổ họa của Trung ương Đoàn. Tại rừng Việt Bắc vào giữa năm 1951, ngay sau Đại hội toàn quốc Đoàn thanh niên cứu quốc, ông cùng họa sĩ Tôn Đức Lượng được tổ chức giao cho phác thảo huy hiệu Đoàn thanh niên cứu quốc. Bản phác thảo của ông đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn làm biểu tượng của Đoàn. Năm 1953, ông cùng họa sĩ Lê Phả, Bùi Trang Chước được giao nhiệm vụ vẽ đồng tiền riêng của Việt Nam. Năm 1974, ông được bầu làm Cục trưởng Cục Mỹ thuật miền Nam khi tham gia đoàn quân tiếp quản thành phố. Hoà bình lập lại, ông công tác tại Hội Mỹ thuật. Hiện ông đã nghỉ hưu và đang sống tại Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
LỜI TỰA CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH	9
1. Hồ Chủ tịch với nhân dân	
<i>Nguyễn Đình Thi</i> (Người là Hồ Chí Minh, Phong Vũ sưu tầm, biên soạn - Nxb. Hội Nhà văn, 1995)	13
2. Câu chuyện về thơ Bác Hồ (Trò chuyện với nhà thơ Tố Hữu)	
<i>Vũ Châu Quán - Nguyễn Huy Quát ghi</i> (Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam , số tháng 5-2001)	18
3. Chúng ta nhớ, nhớ mãi...	
<i>Đặng Thai Mai</i> (Báo Văn nghệ số 308 ngày 10-9-1969)	28
4. Miền Nam trong lòng Hồ Chủ tịch	
<i>Huỳnh Văn Tiểng</i> (Báo Văn nghệ số 11 ngày 12-7-1963)	38
5. Bác và thơ Bác trong lòng đồng bào miền Nam	
<i>Hoài Thanh</i> (Báo Văn nghệ số 638-639 ngày 24-1-1976)	45
6. Bài học Hồ Chí Minh	
<i>Thiếu Sơn</i> (Báo Văn Nghệ số 35 - 36 năm 2003)	51
7. Nhớ Bác Hồ	
<i>Phạm Huy Thông</i> (Người là Hồ Chí Minh, Phong Vũ sưu tầm, biên soạn - Nxb. Hội Nhà văn, 1995)	56
8. Những kỷ niệm không quên về Bác	
<i>Hoàng Văn Bôn</i> (dost-dongnai.gov.vn)	59
HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH	377

9. Trên quảng trường Ba Đình sáng nay...

Phạm Hồ
(*Báo Văn nghệ* số 309 ngày 12-9-1969)

68
10. Cùng nhân dân đi bên Bác sáng nay

Nguyễn Minh Châu
(*Tạp chí Văn nghệ Quân đội* số tháng 9-1969)

72
11. Một giai thoại quý

Vũ Ngọc Phan
(*Trích hồi ký “Những năm tháng ấy”*)

78
12. Hồ Chủ tịch năm nay

Nguyễn Huy Tưởng
(*Gặp Bác - Nxb. Kim Đồng, 2010; Báo Văn nghệ, 5-1950*)

89
13. Trong ngày thống nhất Việt Minh - Liên Việt

Nguyễn Huy Tưởng
(*Gặp Bác - Nxb. Kim Đồng, 2010; Báo Văn nghệ, 15-3-1951*)

95
14. Người mãi mãi dẫn đường cho chúng ta

Hữu Mai
(*Tạp chí Văn nghệ Quân đội* số tháng 9-1969)

101
15. Hồi được gặp Bác Hồ tôi còn là thiếu nhi

Kim Nhất

110
16. Những ngày tháng cuối cùng của Bác

Nguyễn Trí Huân
(*Báo Văn nghệ Trẻ* số 35 - 36 năm 2009;
Giữ nguyên giấc ngủ của Người - Nxb. Quân đội Nhân dân)

113
17. Tết với thơ Bác

Lữ Huy Nguyên
(*Báo Văn nghệ* số 1161-1162 ngày 1-2-1986)

123
18. Bác Hồ với truyện Kiều của Nguyễn Du

Nguyễn Lộc - Nguyễn Mạnh Bình
(*Báo Văn nghệ* số 863 ngày 17-5-1980)

131
19. Kính dâng Bác Hồ

Nguyễn Thị Cẩm Thanh

142
20. Bác Hồ nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp đánh đàn piano

Đào Vũ
(*Báo Văn nghệ* ngày 25-8-1990)

148

21. Đón xuân, vui tết với Bác Hồ
Lưu Trùng Dương 153
22. Năm ấy chúng tôi làm tập sách về Bác Hồ
Nguyễn Gia Nùng 159
23. Nhớ Bác
Nguyễn Đăng Bảy
(Trích "**Bác Hồ với văn nghệ sĩ**" -
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 170
24. Những lần được gặp Bác
Bùi Đình Hạc
(Trích **Muôn vàn tình thân yêu** -
Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975) 179
25. Quay phim Bác ở chiến khu Việt Bắc
Lê Minh Hiền
(Trích **Muôn vàn tình thân yêu** -
Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975) 183
26. Đường về Tổ quốc...
Phan Đình Mậu
(Tập chí **Văn nghệ Quân đội** số 8-1980) 186
27. Bác Hồ với điện ảnh dân tộc
Hiếu Trung
(**Báo Văn nghệ** số 412 tháng 9-1971) 192
28. Nhớ sinh nhật Bác Hồ
Tổ Uyên
(**Báo Văn nghệ** số 21 ngày 22-5-1999) 197
29. Đoá sen hồng
Kim Liên kể
(**Báo Văn nghệ** số 1580-1581 ngày 28-4-1990) 200
30. Hoá trang nhân vật Bác Hồ trên sân khấu
Nhữ Đình Nguyên
(**Hình tượng Bác Hồ trên sân khấu** -
Nhiều tác giả, Viện Sân khấu, 1993) 206
31. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi được đóng vai Bác Hồ
trên sân khấu
Sĩ Hùng
(**Hình tượng Bác Hồ trên sân khấu** -
Nhiều tác giả, Viện Sân khấu, 1993) 218

32. Từ kẻ “xương ca vô loài” đến người “kỹ sư tâm hồn”

Ngô Thị Liễu
(Người là Hồ Chí Minh -
Phong Vũ sưu tầm, biên soạn, Nxb. Hội Nhà văn, 1995) 224
33. Cây đờn của Bác

Văn Hoàng kể, Vân Long ghi
(Tạp chí Văn nghệ Quân đội số tháng 2-1970) 229
34. Nghệ sĩ Tiên Hối: Tôi hoá thân vào nhân vật Bác Hồ

Minh Hằng
(Báo Văn Nghệ Trẻ số 21 ngày 22-5-2005) 240
35. “Lời Bác dặn trước lúc đi xa”
 (Phỏng vấn nhạc sĩ Trần Hoàn)

Đỗ Bạch Mai thực hiện
(Báo Văn nghệ Trẻ số 36 ngày 5-9-1999) 246
36. Kỷ niệm khó quên về một bài ca nhỏ

Phạm Tuyên 253
37. Đường Chín - Khe Sanh trong kỷ niệm riêng tôi

Huy Thục
(Tạp chí Âm nhạc số 4-5-6 năm 1997) 259
38. Bác Hồ với thiếu nhi, chủ đề tôi có cảm xúc mãnh liệt

Phong Nhã
(Tạp chí Âm nhạc số 3-1996) 265
39. Tôi viết bài hát “Làng Chăm ơn Bác”

Amur Nhân
(Tạp chí Âm nhạc số 4-1999) 272
40. Những kỷ niệm vô giá

Linh Nhâm kể, Khắc Tuế biên soạn
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 274
41. Vượt cả ước mơ

Nay Hovìn kể, Thanh Giang ghi
(Trích “Bác Hồ với văn nghệ sĩ” -
Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995) 279
42. Những ca khúc viết về Bác Hồ với Tây Nguyên

Linh Nga Niêk Dăm 287

43. Con vẫn hát để Bác nghe
Lường Thị Doan kể, Xuân Lộc ghi
(Tạp chí Văn nghệ Quân đội số tháng 1-1970) 293
44. Bác vẫn nghe điệu hò ví dặm
Lê Vinh
(Tạp chí Sân khấu số tháng 2-2007) 297
45. Nhớ Bác Hồ
Trần Hồng
(Tạp chí Sân khấu số 232 tháng 8-2000) 303
46. Những ngày được trực tiếp phục vụ Bác Hồ
Trần Ngà kể, Khắc Tuế biên soạn
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 308
47. Ai bảo cáo với Bác đây
Khắc Tuế
(Những chuyện kể về Bác Hồ
với hoạt động văn hoá nghệ thuật -
Khắc Tuế sưu tầm, biên soạn, Nxb. Lao động, 2009) 312
48. Trong tù tôi vẽ Bác
Tam Bạch
(Trích Mỹ thuật với Bác Hồ - Nxb. Mỹ thuật, 2002) 316
49. Một nhân cách lớn
 (Phòng văn hoá sĩ Ngô Tôn Đệ)
Hoàng Anh thực hiện
(Tạp chí Mỹ thuật số 200 tháng 8-2009) 319
50. Nét bút Chu Minh trên bình sứ của Bác Hồ
Trần Hữu Chất
(Tạp chí Mỹ thuật số 196 tháng 4-2009) 323
51. Sáng tác về Bác Hồ, lãnh tụ cách mạng Việt Nam
Nguyễn Văn Ty
(Tạp chí Mỹ thuật số 196 tháng 4-2009) 326
52. Một quê hương và một tấm lòng
Hà Thanh
(Báo Văn Nghệ Trẻ số 17 tháng 6-1998) 333

53. Mơ thành hiện thực	<i>Cần Thu Công</i> (Trích Mỹ thuật với Bác Hồ - Nxb. Mỹ thuật, 2002)	335
54. Bác Hồ và sự nghiệp mỹ thuật	<i>Chu Quang Trừ</i> (Trích Mỹ thuật với Bác Hồ - Nxb. Mỹ thuật, 2002)	338
55. Những ngày được sống bên Bác	<i>Vũ Năng An</i> (Trích Muôn vãn tình thân yêu - Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1975)	344
56. Nguyễn Hồng Nghi và những tấm ảnh đầu tiên được chụp Bác Hồ	<i>Dương Tuấn Hoa</i> (<i>Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam</i> số 9-10 năm 1997)	351
57. Nhớ lại ngày Bác đến thăm triển lãm ảnh nghệ thuật lần thứ IV	<i>Nguyễn Đức Vân</i> (Trích " Bác Hồ với văn nghệ sĩ " - Lữ Huy Nguyên, Nxb. Văn học, 1995)	355
58. Bác Hồ giao cho tôi làm bức trướng	<i>Huỳnh Văn Thuận</i> (<i>Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam</i> số 6-2001)	358
58. Hình tượng Bác Hồ trên tem Việt Nam	<i>Thọ Từ</i> (<i>Tạp chí Mỹ thuật</i> số 128, tháng 5-2005)	360
CHÚ THÍCH VỀ TÁC GIẢ		367
MỤC LỤC		377

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 2

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRUNG TRUNG ĐỈNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
NGUYỄN ÁNH NGÂN
NGUYỄN MINH PHƯỚC

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
QUANG HOÀI

In 8.000 cuốn, khổ 16x24cm, tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 368-2010/CXB/19-30/HNV.
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 12 năm 2010.